TRƯỞNG LÃO TĂNG KỆ (Theragāthā)

Kinh Tiểu Bộ - Tập 1 (VNC PHVN, 2021)

TRƯỞNG LÃO TẨNG KỆ (Theragãthã)

Dịch giả Hòa thượng THÍCH MINH CHÂU

TRÍCH LỜI GIỚI THIỆU TRƯỞNG LÃO TĂNG KỆ CỦA HÒA THƯỢNG THÍCH MINH CHÂU

Quyển Trưởng lão Tăng kệ (Theragãthã) gồm tất cả là 1.288 bài kệ của 264 vị Trưởng lão, chia thành 21 chương. Từ chương 1 kệ đến chương 14 kệ (chương 1-14), đến chương 16 kệ, chương 20 kệ? chương 30 kệ5 chương 40 kệ5 chương 50 kệ9 chương 60 kệ và cuối cùng là chương 71 kệ. Các vị Trưởng lão, con sô đên 264, gôm phân lớn là những vị đại đệ tử của đức Phật, như Ngài Mahãkassapa (Đại Ca-diếp), Sãriputta (Xá-lợi-phất), Mahãmoggallãna (Đại Mục-kiền-liên), Ãnanda (A-nan), Anuruddha (A-na-luật-đà)? Rãhula (La-hầu-la), v.v... phần lớn là những vị đại đệ tử của đức Phật mà chúng ta rất quen thuộc và đóng những vai trò trọng yếu trong thời đức Phật tại thế. Nhung cũng có những vị Trưởng lão ở vào thời kỳ sau hơn, như Ngài Tekicchakãri dưới thời đại phụ vương củaAsoka và Vĩtasoka, Ekavihãrika được xem là các anh em của Vua Asoka (A-dục). Như vậy, các bài kệ có thể được kết tập vào thời kỳ kết tập thứ I, và một số được kết tập vào thời kỳ kết tập thứ III tại Patna. Vê nội dung và câu văn các bài kệ, chúng ta thây rõ tánh chât nguyên thủy của chúng, vì những vấn đề được diễn tả rất quen thuộc trong Kinh tạng Pãli như vô thường, khổ, vô ngã, bốn sự thật? lý duyên khởi5 con đường Thánh tám ngành, giới định tuệ, v.v... Câu văn trong các bài kệ rất giản dị, trong sáng, khiến chúng ta nghĩ đến các bài kệ trong Suttanỉpãta (Kinh tập) và Dhammapada (Pháp cứ).

(Lời Giới thiệu Trưởng lão Tăng kệ91982)

DẪN LUẬN TRƯỞNG LÃO TĂNG KỆ THERAGÃTHẢ về từ ngữ và bản dịch Trưởng lão kệ P. Theragãthã, S Sthaviragãthã^ H.là bản văn thứ 8 của Kinh Tiểu bộ Khuddaka Nikãya,thuộc Kinh tạng Pãli, còn được gọi là "Thượng Tọa ke” ,phiên âmtheo Hán Việt ià %Thế-la-giad” .Tuyển tập gồm 1.288 bài kệ ngắn của 264 vị Trưởng lão Tăng, được Hòa thượng Thích Minh Châu dịch là Trưởng lão Tăng kệ" nhăm phân biệt với các bài thi kệ tu tập và chứng đăc của các Trưởng lão Ni trong quyển Trưởng lão Ni kệ Therĩgãthã,. Khái niệm "thi ke" hay "bài ke” ,kệ tập trong văn học Pãli là "gdthã thường được dịch theo Hán Việt là "tụng thi” hay "ke tụng"hoặc "ke ng6n" .Theo cấu trúc thi ca trong văn học Pali, mỗi bài kệ thương có 4 hoặc 6 câu pãda. được trình bày bằng 2-3 hàng. Mỗi câu có số âm tiết khác biệt, thông thường là 8 âm tiết, tối đa là 13 âm tiết. Ví du, bài kệ đầu của Trưởng lão Tăng kệ có 4 câu; trong đó câu 15 3 và4 có 11 âm tiết; câu 2 có 8 âm tiết. "Channã me kutikã sukhă nivãtã, vassa deva yathãsukham; Cittaip me susamãhitam vimuttam, ãtãpĩ viharãmi vassa dev"ti. Kệ 2 có 4 câu, mỗi câu có 8 âm tiết. “Upasanto uparato, mantabhãnĩ anuddhato; Dhunãti pãpake dhamme,

dumapattamva mãluto^ti. Kệ 3 có 4 câu, mỗi câu có 11 âm tiết. "Pannam imam passa tathãgatãnaĩp, aggi yathã pajjalito nisĩthe; Ãlokadã cakkhudadã bhavanti, ye ãgatãnarn vinayanti kankha^nti. Kệ 4 có 6 câu, mỗi câu 8 âm tiết. “Sambhireva samãsetha, panditehatthadassibhi; Atthaip mahantain gambhĩram, duddasaip nipunam anum; Dhĩrã samadhigacchanti, appamattã vicakkhanã^ti. Bản dịch tiêng Anh sớm nhât của quyên này là Psalms of the Early Buddhist. IL Psalms of the Brethren Thanh vịnh của Phật giảo nguyên thủy.

Thánh vịnh của các thầy Tăng), do c. A. F. Rhys Davids dịch (London: PTS, 1913). Quyển thứ hai có tựa đề là Elders' Verses I: Theragãthã (Thỉ kệ của các Trưởng lão Tăng), còn được gọi là "Thi kệ của Tăng sĩ Phật giáo Nguyên thủy" (Poems of Early Buddhist Monks), do K. R. Norman dịch (London: PTS, 1969). Quyển "Poems of the Elders" (Thi ca của các Trưởng lãò) do Thanissaro Bhikkhu (Geoffrey DeGraff) dịch năm 2015. Quyển "Verses of the Senior Monks" (Thi kệ của cảc Tôn giả Tăng) do Bhikkhu Sụjato và Jessica Walton dịch (SuttaCentral, 2019). Quyển Verses of the Elder Bhỉkkhus" (Thi kệ của các Tỳ-kheo Trưởng lão) do Anagarika Mahendra dịch (Roslindale, MA: Dhamma Publishers, 2020). về bản dịch tiếng Việt, ngoài bản dịch đầu tiên của Hòa thượng Thích Minh Châu năm 1982 có tựa đề Trưởng lão Tăng kệ. được sử dụng chính trong Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Ncưn, còn có bản dịch Việt Trưởng lão kệ của Tỳ-khưu Indacanda phổ biến vào năm 2011.1 Bản dịch của Hòa thượng Thích Minh Châu trung thành với thể thi kệ đặc thù trong nguyên tác, đang khi bản dịch của Tỳ-khưu Indacanda là văn xuôi, tuy có phần mất đi tính thi ca của nguyên tác nhưng bù lại? mạch văn dê hiêu hơn thê thơ. Trong kho tàng văn học kinh điển Phật giáo Bắc truyền còn lưu giữ một phần những thi kệ của các bậc Trưởng lão? có tựa đề là Phật ngũ bách đệ tử tự thuyết bổn khởi kinh1 thuộc bộ Bản duyên. Mặc dù tựa đề kinh ghi là tự thuật về nguồn cội, nhân duyên của 500 vị đệ tử, nhimg thực tế chỉ đề cập 29 vị với trật tự sô lượng kệ tụng bị đảo lộn. Đây là phân còn lại của tác phâm Trưởng lão Tăng kệ theo kinh điên Băc truyên với những nội dung rât đặc thù và quý báu. về tác giả và niên đại Vê tác giả, phân lớn các bậc Trưởng lão Tăng trong quyên Trưởng lão Tăng kệ là các bậc Thánh Tăng trong thời đức Phật, đó là các đệ tử Thánh thuộc thế hệ thứ nhất của đức Phật gồm mười đệ tử lớn như: Ma-ha-ca-diếp (P. Mahãkassapa, s. Mahãkãáyapa,):ĐầU"đà số một; Xá-lợi-phất (P. Sãriputta, s. ốãriputra,):Trí huệ số một; Mục-kiền-liên (P. Moggallãna, s. Maudgalyãyana,)Thần thông số một; A-na-luật (P=S Anuruddha,):Thiên nhãn số một; Tu-bồ-đề (P=s. Subhũti,):Giải không số một; Phú-lâu-na (P. Pũrana, s. Puma,B): Thuyết pháp số một; Ca-chiên- diên (P. Kaccãna, Kaccãyana, s. Kãtyãyana,)Luận nghĩa số một; Ưu- bà-li (P=S Upãli,):Tri luật số một; La-hầu-la (P=s. Rãhula,): Mật hạnh số một; A-nan (P=s. Ãnanda,):Đa văn số một. Trong Trưởng lão Tăng kệ, có một số bài kệ thông dụng do đức Phật thuyết giảng được các vị Tôn giả học thuộc lòng và lặp lại. Do vậy5 một số Tôn giả12

1 Xem chi tiết tại: https://theravada.vn/tang-kinh-tieu-bo-truong-lao-ke/ (truy cập ngày 01/5/2021). 2(r.04. 0199. 0190a03).

nói giông nhau các bài kệ của đức Phật. Cũng có các Trưởng lão Tăng trùng tên nhưng là các vị khác nhau nên nói các thi kệ khác nhau. Trong đó? cũng có các bài kệ được xem là lời của Thiên chủ Sakka, lời của các vị thiên nhân, lời của Ác ma, lời của các Bà-la-môn, của các cư sĩ với vai trò làm cha, làm mẹ của các thiện nam, lời của những kỹ nữ muốn quyến rũ các vị Tôn giả, lời tán thán của tên tướng cướp đối với công hạnh của vị Trưởng lão, và cũng có những bài kệ do các nhà kết tập thêm vào. Do vì quá trình khẩu truyền kéo dài mấy trăm năm? các Tôn giả sống trong giai đoạn Biên tập kinh điển lần thứ III3 cũng được giới thiệu bổ sung trong Trưởng lão Tăng kệ. Các Tôn giả tiêu biêu của giai đoạn này như Tekicchakãri, Vĩtasoka,4 Ekavihãriya.5 Theo Hòa thượng Thích Minh Châu, sự có mặt của các Trưởng lão trong thời Đại đế Asoka cho phép chúng ta suy luận rằng Trưởng lão Tăng kệ được biên tập hoàn chỉnh trong giai đoạn này.6 Nói cách khác, việc biên tập và bổ sung các bài kệ trong Trưởng lão Tăng kệ kéo dài suốt 300 nam kể từ khi đức Phật nhập Vô dư y Niết-bàn. Các thi kệ được bổ sung càng về sau càng dễ nhận diện, qua văn phạm và các khái niệm mới xuất hiện tiêu biểu trong từng giai đoạn lịch sử với bối cảnh văn hóa, tôn giáo khác nhau. CÓ nhiêu bài kệ trong Trưởng lão Tăng kệ xuất hiện trong các bài kinh khác trong Kinh điển Pãli. Chẳng hạn, 22 bài kệ (1196-217) của Tôn giả Mahãmoggallãna được tìm thấy trong Kinh Trung bộ (số 50); 13 bài kệ (776- 88) của Tôn giả Ratthapãla được tìm thấy trong Kinh Trung bộ (số 82); 5 bài kệ (886-70) của Tôn giả Angulimãla trong Kinh Trung bộ (số 86); hoặc 5 bài kệ (640-44) của Tôn giả Sona Koḷivisa trong Đại phẩm (Mahãvaggà) của Luật tạng Pãli. Điều này khẳng định, Trưởng lão Tăng kệ được biên tập sau một thời gian dài do các thành viên Tăng đoàn thuộc lòng, truyền tụng và phổ biến. về nộỉ dung Cũng giông mô tip Kinh Pháp củ, Kinh Phật thuyêt như vậy và Kinh tập, nội dung của Trưởng lão Tăng kệ giới thiệu các nguyên lý triết học căn bản nhất của đức Phật dưới dạng thi kệ Pãli bao gồm thuyết tương quan, tính vô thường về thời gian, tính vô ngã về không gian, bốn chân lý Thánh, đề cao ba giá trị cốt lõi của đạo Phật là trí tuệ, đạo đức và thiền định. Qua đó, chúng ta có thể phác

3 Biên tập kinh điển lần thứ 3 diễn ra tại Pãtaliputta (hay Pãtaliputra, nay là Patna), thủ phủ Ấn Đô trong triều đại của Đại đế Asoka (304-232 TTL)* người trị VI Ấn Đọ vào nhưng năm 268-232 TTL. Lấn biên tập này dưới sự chủ tọa của Tôn giả Mục-ki^i4iên-đế-tu (Moggaliputtatissa, 327-247 TTL), ngoài việc them vào quyển "Luận sjr" (Kaĩhãvatthu,,Points of Controversy), mở đầu cho Luận tạng chính thức được ra đời, còri nhắm mục đích phất triển Tăng đoan bằng cách tịnh hóa Tăng chúng. 4 Theo Chủ giải của Ngài Buddhaghosa, Tôn giả Vĩtasoka là em trai Vua Asoka (A-dục). Xem íiVĩtasokattheragãthã>' (Kệ ngồn Trưởng lão Vìtasoka). 5 Ngài là con trai nhỏ nhất của Vua Asoka. Xem thêm ^Ekavihãrỉyattheragãthẩ' (Kệ ngôn Trưởng lão Ekavỉhãrỉyă). 6 Xem 4<Lơi giới thieu" Trưởng lão Tăng kệ, Thích Minh Châu dịch (TP. HCM: Nxb. TP. HCM, 1982).

họa bức tranh về thế giới quan, nhân sinh quan, xã hội quan, đạo đức quan, tu đạo quan và giải thoát quan của đạo Phật cũng như của Phật giáo Thượng Tọa bộ. Có thê n6i, Trưởng lão Tăng kệ chứa đựng các học thuyêt gân với lời dạy cua đức Phật nhất. Thông qua các vần thơ trác tuyệt thuộc hàng bậc nhất nhì ttong thi ca Ấn Độ cổ đại5 với cách diễn tả súc tích, phép dùng ẩn dụ, lối nói ví von, Trưởng lão Tăng kệ trình bày sự trải nghiệm đời sổng xuất gia, độc cư thiền tịnh nơi núi rừng hoang vắng của các đệ tử Thánh, các vị hoan hỷ phấn khởi khi được tiếp cận giáo pháp của đức Thế Tôn, nhận diện bản chất của mọi sự vật hiện tượng, thoát khỏi mọi đắm nhiễm, không chấp trước, thong dong, tự tại trong cõi đời bấp bênh vô thường. Các kinh nghiệm bừng sáng sự tỏ ngộ, giác ngộ và tu chứng của các bậc Thánh Tăng trong Trưởng lão Tăng kệ là những bài học quý giá đối với người xuất gia trong thời hiện đại. Trưởng lão Tăng kệ phản ánh khá sinh động và thú vị về động cơ xuất gia cùng với bối cảnh gia dinh, đẳng cấp xã hội của các Thánh Tăng, tập hợp mọi thành phần trong xã hội từ thời đức Phật cho đến 300 năm sau. Trong đó, có giới thượng lưu như các hoàng tử, côngẹ tử, nhà chính trị, thương gia, nhà trí thức, nhà tôn giáo, nhà giáo dục. Tầnệ cap thấp trong xã hội như con trai người đánh xe, con trai người thợ làm đô gôm? con trai người nài voi, con trai người đổ rác, quét đường, con người đánh cá, con người thợ cạo tóc, con trai người nô lệ, con trai người đàn bà nghèo khổ... Có người bản thân là kẻ cướp, người ăn xin, v.v... Trưởng lão Tăng kệ. còn là những lời trần tình của cha mẹ khi người con đi xuất gia, của những phận đời đau khổ và những con người sống kiếp bèo dạt mây trôi trước khi nhìn thấy được ánh sáng chân lý của đức Phật, được các Trưởng lão khắc họa lại, làm tái hiện bức tranh lịch sử sống động về cuộc sống của con người trong xã hội Ấn Độ cổ đại. Điêm độc đáo của Trưởng lão Tăng kệ là cho dù vị ây xuât thân từ giai câp nào, màu da, giới tính, tuổi tác? vị trí xã hội ra sao, nhưng một khi xuất gia, trở thành thành viên của Tăng đoàn, thực tập các giá trị trí tuệ, đạo đức và thiền định, vị ấy đều có khả năng giác ngộ, trở thành bậc Thánh, chấm dứt các nỗi khổ niềm dau, chứng ngộ Niết-bàn, an vui và hạnh phúc trong sự giải thoát. về số lượng các bài kệ dài và kệ ngắn Trưởng lão Tăng kệ là tuyển tập gồm 1.288 bài kệ ngôn (gãthã) của 264 vị Trưởng lão phần lớn sống vào thời đức Phật, nói lên sự giác ngộ của mình, được phân bô trong 21 chương (nipãtă). Do quá trình truyền khâu mấy trăm năm nên mỗi truyên bản có con sô khác nhau. Àn bản Pãli Ấn Độ (kết quả của Đại hội kết tap kinh điển lần thứ 6 của Phật giáo Thượng Tọa bộ) là 1.288 bài ke, trong khi ẩn bản Pãli-Sinhala là 1.291, bản Pãli-PTS và bản CBETA là 1.279.7

7 (N.28. 0015. 0077a05-0236al3).

về mặc định ký hiệu viết tắt trong bài Dan luận này là Thag. theo sau là số chương, tiếp theo là số thứ tự của bài kệ. Ví dụ: Thag. II: 121-40, được hiểu là chương II, kệ 121-40 trong Trưởng lão Tănệ kệ. Trong bản kinh, Ban Biên tập có chú số Ả-rập và dấu § từ §1 đến §264 đe đánh số thứ tự của các vị Trưởng lão đã có những bài thi kệ trong Trưởng lão Tăng kệ này. Các bài kệ dài trong tuyên tap được chia làm 21 chương (nipãta). Tên

gọi của các chương tương ứng với sô lượng của các bài thi ke, nhưng cũng có các chương chỉ lấy số lượng tương đối. Ví dụ: Chương I, mỗi vị Trưởng lão chỉ có 1 kệ ngôn. Chương III, mỗi vị Trưởng lão có 3 kệ ngôn. Chương V, mỗi vị có 5 kệ ngôn. Công thức này áp dụng từ chương I đến chương XIV, số kệ tương ứng với số chương. Không có nhóm 15 bài ke, nên chương XV, mỗi vị Trưởng lão có 16 kệ ngôn. Chương XVI, mỗi vị Trưởng lão có hơn 20 kệ ngôn. Chương XVII, mỗi vị Trưởng lão có hơn 30 kệ ngôn. Chương XVIII, chỉ có một vị Trưởng lão với 40 kệ ngôn. Chương XIX, chỉ có một vị với 55 kệ ngôn. Chương XX, chỉ có một vị với 69 kệ ngôn. Chương XXI Đại tập cũng chỉ có một vị với 71 kệ ngôn. Chương I Một kệ (Ekakanipãta,)gồm 12 phẩm, mỗi phẩm có 10 kệ ngôn của 10 Trưởng lão, tổng cộng 120 bài kệ (Thag. I: 1-120) của 120 vị Trưởng lão. Phẩm thứ nhất (Paịhamavagga.)c6 10 kệ ngôn (Thag. I: 1-10) của 10 Tôn giả Subhũti, Mahakotthita, Kankhãrevata, Punna, Dabba, Sĩtavaniya, Bhalliya, Vĩra, PiỊindavaccha và Punnamãsa. Phẩm thứ hai (Dutiyavagga,)c6 10 kệ ngôn (Thag. I: 11-20) của 10 Tôn giả CũỊagavaccha, Mahãgavaccha, Vanavaccha, Sĩvaka, Kundadhãna, Belatthasĩsa, Dãsaka, Siồgãlapitu, Kula và Ajita. Phẩm thứ ba (Tatiyavagga,)có 10kệngôn(77zag. 1:21-30) của 10 Tôn giả Nigrodha, Cittaka, Gosãla, Sugandha, Nandiya, Abhaya, Lomasakaồgiya, Jambugmika, Hărita và Uttiya. Phẩm thứ tư (Catutthavagga,)có 10 kệ ngôn (Thag. I: 31-40) của 10 Tôn giả Gahvaratĩriya, Suppiya, Sopãka, Posiya, Sãmannakãni, Trưởng lão con của Kumã, Trưởng lão bạn con của Kumã9 Gavampati, Tissa và Vaddhamãna. Phẩm thứ năm (Pancamavagga,)c6 10 kệ ngôn (Thag, I: 41-50) của 10 Tôn giả Sirivaddha, Khadiravaniya, Sumahgala, Sãnu, Ramanĩyavihãn, Samiddhi, Ujjaya, Sanjaya, Rămaneyyaka và Vimala. Phẩm thứ sáu (Chatthavagga,)có 10 kệ ngôn (Thag. I: 51-60) của 10 Tôn giả Godhika, Subãhu, Valliya, Uttiya, Afijanavaniya, Kutivihãrĩ, Kutivihãrĩ thứ hai, Ramanĩyakutika, Kosalavihăiĩ và Sĩvali. Phẩm thứ bảy (Sattamavagga,)có 10 kệ ngôn (Thag. I: 61-70) của 10 Tôn giả Vàppa, Vajjiputta, Pakkha, Vimalakondanna, Ukkhepakatavaccha, Meghiya, Ekadhammasavanĩya, Ekudãniya, Channa và Punùa.

Phẩm thứ tám (Atthamavagga,)c6 10 kệ ngôn (Thag. I: 71-80) của 10 Tôn giả Vacchapãla, Ãtuma, Mãnava, Suyãmana, Susãrada, Piyafijaha, Hatthrohaputta, Mendasira, Rakkhita và Ugga. Phẩm thứ chín (Navamavagga,)có 10 kệ ngôn (Thag. I: 81-90) của 10 Tôn giả Samitigutta, Kassapa, Sĩha, Níta, Sunga, Nãgita, Pavittha, Ajjuna, Devasabha (thứ nhât) và Sãmidatta. Phẩm thứ mười (Dasamavagga,)có 10 kệ ngôn (Thag. 1:91-100) của 10 Tôn giả Paripunnaka, Vijay a, Eraka, Mettaji, Cakkhupãla, Khandasumana, Tissa, Abhaya, Uttiya và Devasabha (thứ hai). Phẩm mười một (Ekãdasamavagga,)c6 10 ke ngôn (Thag. 1:101- 10) của 10 Tôn giả Belatthãnika, Setuccha, Bandhura, Khitaka, Malitavambha, Suhemanta, Dhammasava, cha của Dhammasava, Saỏgharakkhita và Ưsabha. Phẩm mười hai (Dvãdasamavagga,)c6 10 ke ngôn (Thag. I: 111- 20) của 10 Tôn giả Jenta, Vacchagotta, Vanavaccha, Adhimutta, Mahãnãma, Pârãpariya, Yasa, Kimbila, Vajjiputta và Isidatta. Chương II - Hai kệ (Dukanipãta,)có 5 phẩm, gồm 98 kệ ngôn của 49 vị Tôn giả (Thag. II: 121-218), các phẩm 1-4, mỗi phẩm có 10 kệ ngôn, riêng

phẩm 5 có 9 kệ ngôn. Phẩm thứ nhất (Pathamavagga,)gồm 20 kệ ngôn (Thag. II: 121- 40) của 10 Tôn giả Uttara, Pindola Bharadvaja, Valliya, Gaốgãtĩriya, Ajina, Melajina, Rãdha, Surãdha, Gotama và Vasabha. Phẩm thứ hai (Dutiyavagga,)gồm 20 kệ ngôn (Thag. II: 141-60) của 10 Tôn giả Mahãcunda, Jotidasa, Herannakani, Somamitta, Sabbamitta, Mahãkãịa, Tissa, Kimbila, Nanda và Sirima. Phẩm thứ ba (Tatiyavagga.)gồm 20 kệ ngôn (Thag. II: 161-80) của 10 Tôn giả Uttara, Bhaddaji, Sobhita, Vàlliya, Vĩtasoka, Punnamãsa, Nandaka, Bharata, Bhãradvậja và Kanhadinna. Phẩm thứ tư (Catutthavagga,)gồm 20 kệ ngôn (Thag. II: 181-200) của 10 Tôn giả Migasira, Sĩvaka, upavãna, Isidinna, Sambula Kaccãna, Nitaka, Sonapotiriya, Nisabha, Ưsabha và Kappatakura. Phẩm thứ năm (Pancamavagga.)gồm 18 kệ ngôn (Thag. II: 201-18) của 9 Tôn giả Kumãra Kassapa, Dhammapãla, Brahmăli, Mogharậja5 Visãkha, CũỊaka, Anũpama, Vajjita và Sandhita. Chương III Ba kệ (Tỉkanipãta.)gồm 48 kệ ngôn (Thag. III: 219-66) của 16 vị Tôn giả Anganika Bharadvaja, Paccaya, Bãkula, Dhaniya, Trưởng lão con của Mãtanga, Khujja Sobhita, Vãrana, Passika, Yasoja, Sãtimattiya, upãli, Uttarapãla, Abhibhũta, Gotama, Hãrita và Vimala.

DẪN LUẬN TRƯỞNG LÃO TĂNG KỆ 835

Chương IV - Bốn kệ (Catukkanipãta,)gồm 48 kệ ngôn (Thag. IV: 267-314) của 12 vị Tôn giả Nãgasamãla, Bhagu, Sabhiya, Nandaka, Jambuka, Senaka, Sambhũta, Rãhula, Candana, Dhammika, Sappaka và Mudita. Chương V - Năm kệ (Pancakanipãta.)gồm 60 kệ ngôn (Thag. V: 315-74) của 12 vị Tôn giả Rajadatta, Subhũta, Girimãnanda, Sumana, Vaddha, Nadĩkassapa, Gayãkassapa, Vakkali, Vijitasena, Yasadatta, Sonakutikanna và Kosỉya. Chương VI - Sáu kệ {Chakkanipãta,)gồm 84 kệ ngôn (Thag. VI: 375-458) của 14 vị Tôn giả Ưruvelakassapa, Tekicchakãri, Mahãnãga, Kulla, Mãluỏkyaputta, Sappadãsa, Kãtiyãna, Migajala, Jenta, Sumana, Nhãtakamuni, Brahmadatta, Sirimanda và Sabbakãmi. Chương VII - Bảy kệ (Sattakanipãta.)gồm 35 kệ ngôn (Thag. VII: 459-93) của 5 vị Tôn giả Sundara Samudda, Lakundaka Bhaddiya, Bhadda, Sopãka và Sarabhaỏga. Chương VIII - Tám kệ (Atthakanipãta,)gồm 24 kệ ngôn (Thag. VIII: 494-517) của 3 vị Tôn giả Mahãkaccãyana, Sirimitta và Mahăpanthaka. Chương IX - Chín kệ (Navakanipãta.)gồm 9 kệ ngôn (Thag. IX: 518-26) của Tôn giả Bhũtã. Chương X Mười kệ (Dasakanipãta.)gồm 70 kệ ngôn (Thag. X: 527-96) của 7 vị Tôn giả: KãỊudãyĩ, Ekavihãriya, Mahãkappina, CũỊapanthaka, Kappa, upasena và Gotama khác. Chương XI - Mười một kệ (Ekãdasampãta,)gồm 11 kệ ngôn (Thag. XI: 597-607) của Tôn giả Samkicca. ~ Chương XII Mười haỉ kệ ỤDvãdasakanipãta.)gồm 24 kệ ngôn (Thag. XII: 608-31) của Tôn giả Sĩlava và Tôn giả Sunĩta. Chương XIII Mười ba kệ (Terasanipãta.)gồm 13 kệ ngôn (Thag. XIII: 632-44) của Tôn gia Sonakolivisa. '

Chương XIV - Mườĩ bốn kệ (Cuddasakanỉpãta.)gồm 28 kệ ngôn (Thag. XIV: 645-72) của Tôn giả Khadiravaniya Revata và Tôn giả Godatta. Chương XV - Mười sáu kệ (SoỊasakanipãta,)gồm 32 kệ ngôn (Thag. XV: 673-704) của Tôn giả Annakondanna và Tôn giả Udãyĩ. Chương XVI - Hai minri kệ (Vìsatinipãta.)gồm 244 kệ ngôn (Thag. XVI: 705-948) của 10 Tôn giả: Adhimutta, Pãrãpariya, Telakãni, Ratthapãla,

Mãluốkyaputta, Sela, Bhaddiya, Angulimăla, Anuruddha và Pãrãpariya.

836 KINH TIỀƯ Bộ

Chirơng XVII - Ba mư(ri kệ (Tiĩnsanipãta.)gồm 105 kệ ngôn (Thag. XVII: 949-1053) của 3 Tôn giả Phussa, Sãriputta và Ảnanda. Chương XVIII - Bốn mươi kệ (Cattãlĩsanipãta,)gồm 40 kệ ngôn (Thag. XVIII: 1054-93) của Tôn giả Mahãkassapa. Chương XIX Năm mươi kệ (Pannãsanipãta,)gồm 55 kệ ngôn (Thag. XIX: 1094-148) của Ton giả Tãlapuịa. Chương XX - Sáu mươi kệ (Satthỉnipãta,)gồm 69 kệ ngôn (Thag. XX: 1149-217) của Tôn giả Mahãmoggallãna. Chương XXI - Đại tập (Mahãnỉpãta,)gồm 71 kệ ngôn (Thag. XXI: 1218-88) của Tôn gia Vangĩsa. Nói tóm lại, Trưởng lão Tăng kệ là kho tàng thi ca Pãli đặc sắc của Phật giáo Thượng Tọa bộ, phản ánh trung thực và sinh động đời sống xuất gia với lý tưởng cao quý của Tăng đoàn thời Phật, thê hiện cách tiêp cận thực tại, sự giác ngộ chân lý9 phụng sự nhân sinh, làm tốt đạo đẹp đời, giải phóng con người khỏi khổ đau và trải nghiệm sự an lạc, hạnh phúc của Niết-bàn ngay trong kiếp sống này, bây giờ và tại đây.

TP. Hồ Chí Mỉnhf rằm tháng 4 năm Tân Sửu - 2021 TT.TS. Thích Nhật Từ (Đồng Tổng Biên tập Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam)

CHƯƠNG I MỘT KỆ (EKAKANIPATA)

L PHẨM THỨ NHẤT (PATHAMAVAGGA)

§1. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO SUBHÕTI (Subhũtittheragãthầ) (Thag. 1; ThagA. I. 20) Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sãvatthi, trong gia đình vị cố vân Sumana, em trai ông Anãthapindika (Cập Cô Độc), được đặt tên là Subhũti. Trong ngày ông cấp Cô Độc dâng cúng Kỳ Viên cho đức Phật, ngài có chứng kiến. Sau khi nghe pháp, ngài khởi lòng tin và xuất gia. Thọ Đại giới xong, ngài thâm hiểu hai loại giới luật. Được Thế Tôn cho một đề mục để thiền quán, ngài đi vào rừng để hành thiền. Sau khi triển khai thiền quán, ngài chứng quả A-la-hán. Rôi ngài băt đâu thuyêt pháp, không phân biệt giới hạn, trở thành vị Tỷ-kheo đệ nhât vê hạnh từ vô lượng. Khi ngài đi khât thực, ngài vân hành thiên và khi xuât thiên ngài mới nhận đô ăn, nhờ vậy đem lại công đức lớn cho thí chủ và ngài trở thành vị xứng đáng được bố thí đệ nhất. Do vậy, Thế Tôn có nói: "Này các Tỷ-kheo? Subhũti được xem là vị Tỷ-kheo Đệ nhất về hạnh từ vô lượng, xứng đáng được cúng duờng." Bậc Đại đệ tử này, trong khi đi khất thực đến Vương Xá, Vua Bimbisãra (Bình-sa) nghe ngài đến, liền đến kính chào và xin dựng một chỗ ở cho ngài; nhưng rồi vua quên, ngài không nhận được chỗ ở nên hành thiền ngoài trời. Vì thái độ nghiêm túc của ngài nên trời không mưa; và do vậy, nạn hạn hán đe dọa dân chúng. Quần chúng tụ họp than phiền ồn ào trước hoàng cung. Vua tìm hiêu nguyên nhân vì sao trời không mưa và nghĩ răng có lẽ vì ngài Subhũti hành thiên ngoài trời. Vua cho làm cái am that băng lá cho ngài. Và khi ngài vào ngôi thiên trong am thât ây5 trời băt đâu mưa từng hột một chớ không mưa ào ào. Ngài muốn quần chúng khỏi sợ hạn hán, tuyên bố rằng không có sự sợ hãi gì đe dọa ngài dù từ phía ngoài hay từ phía trong với những bài kệ như sau: 1. Am thất ta khéo lợp, An lạc ngăn chặn gi6, Thân mưa, hãy mưa đi, Mưa như ý ngươi muôn!

Tâm ta khéo định tĩnh, Giải thoát, sống tinh cần, Thân mưa, hãy mưa đi! Thân mưa, hãy mưa đi!

§2. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO MAHAKOTTHIKA (MahãkoỊthikattheragãthă)1 (Thag. 1; ThagA. I. 31) Trong thời đức Phật hiện tại, ngài được sanh ở Sãvatthi, trong một gia đình Bà-la-môn rất giàu có và được đặt tên là Kotthita (Câu-hy-la). Khi đến tuổi trưởng thành, ngài học ba tập Veda và thành tựu các đức tánh của vị Bà-la-môn. Ngài nghe bậc Đạo sư thuyết pháp, khởi lòng tin và xuất gia. Thực tập thiền quán từ khi mới xuất gia, ngài chứng quả A-la-hán với trí tuệ hiểu rõ về nghĩa và về pháp. Ngài thường hỏi bậc Đạo sư và các vị Đại Trưởng lão về hai vấn đề ấy và trở thành rất lão luyện thuần thục. Rồi bậc Đạo sư, sau khi xác chứng các quả vị ngài (như được ghi trong Đại kinh Phương quảng)1 2 đã ấn chứng cho ngài là bậc Thiền quán đệ nhất. Sau một thời gian, ý thức được sự an lạc giải thoát, ngài nói lên bài kệ này: 2. Tịch tịnh và chỉ tức, Tụng đọc lời trí tuệ, Tâm tư không tháo động, Ác pháp được vứt bỏ, Giống như những lá cây, Bị gió thổi phiêu bạt.

§3. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO KANKHÃREVATA (KankhãrevatattheragãthS) (Thag. 2; ThagA. I. 34) Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh vào một gia đình giàu có ở Sãvatthi. Khi ngài đứng vào vòng ngoài của những người đứng nghe bậc Đạo sư thuyết pháp, ngài khởi lòng tin và xuất gia. Ngài chứng quả A-la-hán nhờ hành thiền. Ngài trở thành lão luyện trong thiền định và bậc Đạo sư tuyên bố ngài là bậc Hanh thiền đệ nhất. Sự nghiệp đã thành tựu, ngài nghĩ đến sự nghi ngờ lấn chiếm tâm tư và nay nghi ngờ đã được đoạn tận nên ngài tán thán sức mạnh và trí tuệ của bậc Đạo sư; nhờ vậy, nay tâm tư ngài được định tĩnh và kiên trì. Ngài nói: 3. Hãy thấy trí tuệ này? Của những bậc Như Lai, Như lửa cháy nửa đêm, Cho ánh sáng, cho mắt, Họ nhiếp phục nghi ngờ, Cho những ai đi đến.

§4. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO PUNNA (Punnattheragãthă)3 (Thag. 2; ThagA. I. 38) Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh vào một gia tộc Bà-la-môn, trong

1 Bản PTS và CST viết Mahãkotthika. Bản Tích Lan viết Mahãkotthita. 2 Xem M. 43, Mahãvedallasutta (Đại kinh Phương quảng). 3 Gọi đủ tên của ngài ỉà Punna Mantãniputta.

làng Bà-la-môn Donavatthu, không xa Kapilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ). Ngài là con trai của người chị của Trưởng lão Kondanna và được đặt tên là Punna. Sau khi làm tròn bổn phận của một người Sa-di5 ngài tinh tấn nỗ lực cho đến khi chứng được quả cao nhất. Ngài đi với người cậu đến sống gần bậc Đạo su, từ bỏ miền phụ cận Kapilavatthu, chuyên tâm tu hành, không bao lâu ngài chứng quả A-la-hán. Ngài Punna có đến năm trăm đô chúng cùng ở trong gia tộc ngài và tât cả đều xuất gia. Vì ngài giỏi về mười căn bản của thuyết giảng,4 ngài dạy cho các đệ tử của ngài lão luyện về mười căn bản này cho đến khi các vị này chứng quả A-la-hán. Các đệ tử yêu cầu ngài đưa họ đến yết kiến bậc Đạo sư, nhưng ngài nghĩ không nên đi với sô đô chúng như vậy, liên bảo họ đi

trước còn ngài đi sau. Các vị ây là đông hương với đức Phật, đã đi bộ sáu mươi do-tuân đên Vương Xá, đến tại tinh xá Trúc Lâm và đảnh lễ bậc Đạo sư. Đức Phật hỏi ai đồng hương với Ngài có thể giảng được về đời sống giản dị, và các vị này giới thiệu Ngài Punna. Khi bậc Đạo sư đi từ Vương Xá đến Sãvatthi, ngài Punna cũng đi đên Sãvatthi, tại đây ngài được dạy Chánh pháp. Rôi ngài đi vào rừng Andha để suy tư về Chánh pháp. Tôn giả Săriputta cũng đi theo vào rừng và đàm luận Chánh pháp với Punna. Bậc Đạo sư tuyên bố Punna là bậc Thuyết pháp đệ nhất. Một hôm, suy tư trên sự chứng đạt giải thoát, ngài suy tư như sau: uĐối với ta và nhiều vị khác đã thoát khỏi đau khổ, thật là sự giúp đỡ lớn nếu thân cận với bạn lnh." Với sự hoan hỷ phấn khởi, ngài nói lên bài kệ này: 4. Hãy thân cận người hiền, Bậc hiền minh thấy nghĩa, Nghĩa lớn và thâm sâu, Khó thấy, vi, tế nhi, Bậc trí chứng đạt duqc, Không phóng dật, chú tâm.

§5. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO DABBA (Dabbattheragãthă) (Thag. 2; ThagA. I. 42) Ngài sanh trong gia đình của dân chúng MallãởAnupiya. Khi mới bảy tuổi, ngài được thấy bậc Đạo sư, khi Thế Tôn viếng thăm xứ sở và nhà của ngài. Ngài bị ảnh hưởng đến nỗi xin phép bà ngoại cho được xuất gia với bậc Đạo su, vì mẹ đã mất khi sanh ngài. Bà ngoại đưa ngài đên yết kiên đức Phật và đức Phật giao cho một Tỷ-kheo làm lễ xuất gia cho ngài. Với nghiệp nhân quá khứ đã chín muồi nên ngài chứng được bốn quả liên tiếp ngay trong khi ngài được cạo tóc. Khi bậc Đạo sư từ giã xứ Mallã để đi về Vương Xá, Dabba thiền quán một minh, muốn dùng thân để phục vụ Tăng đoàn và nhận công việc phân phối chỗ ngủ, tổ chức các buổi ăn. Bậc Đạo sư chấp nhận công việc làm này, xác chứng sự thành công và khả năng thần thông của ngài với ngón tay chói sáng của mình

4 Mười căn bản thuyết giảng: Biết đủ, sống giản dị, viễn ly, độc cư, tinh tấn, giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến. ~ "

soi sáng cho các đông Phạm hạnh vê chô ngủ. Các sự việc này được nói đên trong Luật tạng. Khi bị các Tỷ-kheo theo phe với Mettiya và Bhummajaka vu khống, làm hại, ngài được Giáo hội che chở và biện minh; Tôn giả Dabba ý thức được lòng từ của mình đối vối các vị khác, liền nói lên bài kệ như sau: 5. Ai thật khó nhiếp phục? Nay đã được nhiếp phục, Dabba tự biết đủ, Nghi ngờ được vượt qua, Thắng frận, không sợ hãi, Dabba trú tịch tịnh.5

§6. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO SĨTAVANIYA (Sĩtavaniyattheragãthă) (Thag. 2; ThagA. I. 46) Đây là bài kệ của Trưởng lão Sambhũta. Ngài được sanh ở Rặjagaha (Vương Xá), con trai một Bà-la-môn có danh tiếng và được đặt tên là Sambhũta. Cùng với ba người bạn Bhumija, Jeyasena và Abhirãdhana nghe Thế Tôn thuyết pháp và ngài xuất gia. Khi đang tu tập thiền quán thân bất tịnh, ngài luôn luôn ở tại Sĩtavana (rừng Mát) và được gọi là Sĩtavaniya (vị ở rừng Mát). Khi thấy các Tỷ-kheo đang đi đến yết kiến đức Phật, ngài nói: "Thua các Hiền giả, các Hiền giả hãy thay mặt tôi đảnh lễ bậc Đạo sư và thưa với bậc Đạo sư như sau: Có Tỷ-kheo đi đên, Rừng Sĩtavana, Sống một mình, độc cu, Biết đủ9 tâm nhập định, Thắng trận không kinh hoàng, Kiên trì hộ thân niem.”

§7. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO BHALLIYA (Bhalliyattheragãthẩ) (Thag. 2; ThagA. I. 49) Với người anh là Tapussa, trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở thành Pokkharavatĩ, con của một người đánh xe cho đoàn lữ hành. Khi đi ngang qua một khu rừng có bóng mát, đoàn lữ hành gặp một đoạn đường bùn lầy ngăn lại9 một vị thần cây là người bà con hiện ra và nói: "The Tôn vừa mới thành đạo và đang ngồi thiền bảy ngày dưới gốc cây. Hãy cúng dường đồ ăn. Như vậy, các người được hạnh phúc và lợi ích." Cả đoàn lữ hành hoan hỷ, không chờ nấu cơm, liền đem bánh gạo và mật đến cúng dường Thế Tôn. Lúc bấy giờ, sau khi đức Thế Tôn chuyển pháp luân ở Benares (Ba-la-nại), Ngài trú ở thành Vương Xá. Ở đây, Tapussa và Bhalliya hầu hạ Ngài và nghe pháp. Tapussa trở thành một cư si, còn Bhalliya thời xuất gia và thành tựu được Sáu thắng trí. Một ngày kia, Ác ma hiện ra dưới hình thức cực kỳ kinh hoàng,

5 Chỉ cho Parinibbãna. Có hai Parỉnibbãna: Tịch tịnh về kiết sử là Niết-bàn có dư y và tịch tịnh về uẩn là Niết-bàn không dư y.

nhưng Bhalliya đã vượt qua mọi sợ hãi nên nói lên bài kệ như sau khiến Ác ma phải thất vọng: 7. Ai đuổi đi thần chết, Với đạo binh của nó, Những dòng nước lớn mạnh, Trói cây lau yếu ớt, Thắng trận, không sợ hãi, Nhiếp phục, trú tịch tịnh.

§8. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO VĨRA (Vĩrattheragãthẩ) (Thag. 2; ThagA. I. 52) Trong thời đức Phật hiện tại, ngài được sanh ở Sãvatthi (Xá-vệ), trong gia đình vị đại thân của Vua Pasenadi (Ba-tư-nặc) và được gọi là Vĩra. Ngài rất giỏi vê thê thao, võ nghệ và trở thành một chiên sĩ. Sau khi lập gia đình với sự băng lòng của mẹ cha, ngài có một đứa con trai. Thấy sự khổ lụy khi tiếp tục tái sanh, ngài xuất gia và nhiệt tâm tinh cần, ngài chứng được Sáu thắng trí. Khi đã thành vị A-la-hán và sống thọ hưởng an lạc giải thoát, vợ cũ của ngài muốn cám dỗ ngài trở về với gia đình bằng nhiều hình thức. Nhưng Tôn giả nói rằng: "Người đàn bà này muốn cám dỗ ta không khác gì người muốn xô ngã núi Sineru với cánh một con ru6i.” Và ngài thuyêt lên bài kệ này đê nói răng sự cám dô của người vợ cũ thật là vô ích: 8. Ai thật khó nhiếp phục, Nay đã được nhiếp phục, Vĩra tự thỏa mãn, Nghi ngờ được vượt qua, Thắng trận, không kinh hoàng, Vĩra trú tịch tịnh. Người đàn bà nghe ngài nói rất lấy làm xúc động và nghĩ rằng: "Chồng ta đã thành đạt thù thắng như vậy. Vậy đời sống gia đình có gì là tốt đẹp cho ta.” Rồi nàng đi đến tinh xá các Tỷ-kheo-ni xin được xuất gia và chứng được Ba minh.

§9. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO PILINDAVACCHA (Pilindavacchattheragãthẩỷ (Thag. 2; ThagA. I. 53) Ngài sanh ở Sãvatthi, trước khi Thế Tôn thành đạo, là con của một Bà-la- môn và được đặt tên là Pilinda, Vaccha là tên của dòng họ. Ngài trở thành một ẩn sĩ và được một bùa phép tên là Tiểu Gandhãra (có thể đi trên hư không và có tha tâm thông), nhờ vậy ngài được nổi danh. Khi đức Phật thành dạo, bùa phép này không còn hiệu lực. Ngài nghe được bùa phép Đại Gandhãra làm bùa phép Tiểu Gandhãra mất hiệu lực, ngài kết luận Sa-môn Gotama biết được bùa phép Đại Gandhãra và ngài đến hầu hạ đức Phật để học cho được bùa phép ấy. Đức Phật dạy: "Phải xuất gia”. Ngài tưởng rằng xuất gia là điều kiện để chửng được bùa phép nên vâng lời theo. Đức Phật

dạy ngài Chánh pháp và phương pháp thiền quán, chẳng bao lâu ngài chứng quả A-la-hán. Nhờ sự hướng dẫn của Pilinda trong một đời trước, nhiều người được sanh làm chư thiên nên các

6 Xem M. II. 97, Angulimãlasutta (Kinh Angulỉmãlà), số 86.

vị này hầu hạ ngài sớm chiều để tỏ lòng biết ơn; do vậy, ngài được xem là vị Tỷ-kheo được chư thiên ái kính và được đức Phật ấn chứng cho phẩm vị ấy. Một hôm, Tôn giả Pilinda ngôi giữa hội chúng Tỷ-kheo? suy tư đên sự thành tựu của mình, tuyên bô cho hội chúng biêt bùa phép ây đã đưa ngài đên gặp Thê Tôn và nói lên bài kệ này: 9. Lời khuyên đến tốt lành, Lời không tốt không đến, Lời khuyên đến với ta, Không thuộc về tà ác, Giữa các pháp phân biệt, Ta đến pháp tối thượng.

§10. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO PUNNAMASA (Punnamãsattheragãthă) (Thag. 3; ThagA. I. 56) Trong thời đức Phật hiện tại, ngài được sanh làm con của Samiddhi, một Bà-la-môn ở Sãvatthi. Khi sanh được đứa con trai, ngài xuất gia, thọ giới dưới sự hướng dẫn của đức Phật; lấy bốn sự thật làm đề mục để thiền quán và ngài chứng được quả A-la-hán. Vợ cũ của ngài tìm cách cám dỗ ngài, trang điểm rất đẹp đến thăm ngài và đem theo đứa con trai nhưng ngài hoàn toàn giải thoát không còn vướng bận gì và nói lên bài kệ này: 10. Ta sống không mong chờ, Đời này hay đời sau, Vị đã đạt trí tuệ, An tịnh, tự chế ngự, Không dính nhiêm các pháp, Biêt sanh diệt ở đời. Vợ của ngài nghĩ rằng: Trưởng lão này không để ý gì đến ta và con ta nữa, ta không thể cám dỗ ngài99 nên nàng bỏ đi.

n. PHẢMTHỨHAI (DUTIYAVAGGA)

§11. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO CŨLAGAVACCHA (Culagavacchattheragathaf (Thag. 3; ThagA. I. 57) Ngài sanh làm vị Bà-la-môn ở Kosambĩ, nghe bậc Đạo sư thuyết pháp, ngài xuất gia. Lúc bấy giờ, các Tỷ-kheo ở Kosambĩ tranh cãi nhau, CũỊagavaccha không theo phe phái nào, trung thành với lời dạy của bậc Đạo sư, phát triển trí tuệ và chứng quả A-la-hán. Thấy sự tranh cãi của các Tỷ-kheo là nguyên nhân của sự thối thất nên ngài hoan hỷ với thái độ không phe phái của mình và nói lên bài kệ: 11. Tỷ-kheo nhiều hân hoan, Trong pháp Phật tuyên bố, Đạt được đạo tịch tịnh, Hành dừng lại5 an lạc.

§12. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO MAHÃGAVACCHA (Mahãgavacchattheragãthăỷ (Thag. 3; ThagA. I. 59) Ngài sanh ra trong thời đức Phật hiện tại, làm con của Samiddhi, một Bà-la- môn ở làng Nâlaka tại Magadha. Ngài xuất gia vì Sãriputta đã xuất gia và ngài biết Sãriputta rất sáng suốt. Sau khi chứng quả A-la-hán và thọ hưởng an lạc giải thoát, ngài nói lên bài kệ để khích lệ các đồng Phạm hạnh tinh cần tu tập: 12. Trí tuệ lực, giới hạnh, Định, thiền lạc, chánh niệm, Chỉ ăn những món ăn? Đem lại quả tốt đẹp, Ở đây tham viễn ly, Chờ đợi giờ mạng chung.

§13. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO VANAVACCHA (Vanavacchattheragãthẩ) (Thag. 3; ThagA. I. 60) Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Kapilavatthu. Ngài sanh ra trong

rừng, trong khi mẹ ngài đi vào rừng viếng cảnh và sanh ngài tại đấy. Ngài trở thành một trong những đứa trẻ chơi cát với đức Phật trong tương lai. Vì ngài thích rừng núi nên ngài được biết với tên là Vànavaccha. về sau khi ngài xuất78

7 Bản PTS viết CũIagavaccha. Bản CST viết CũIavaccha. Tham chiếu: Dh. V. 368, 381; Pháp củ kinh t4Sa-m0n phm" (r04. 0210.34 0571c29); Xuất diệu kỉnh "Sa-mon phẩm^ (T.04. 0212.33. 0764C15); Pháp tập yếu tụng kinh 6iBật-sồ phẩm,, (T.oi 0213.32. 0796b 16). 8 Bản PTS viết Mahãgavaccha. Bản CST viết Mahãvaccha.

gia, ngài sống trong rừng tinh tấn tu hành và chứng quả A-la-hán. Để tán thán hạnh ở rừng, ngài nói lên bài kệ này đáp lời vị đồng Phạm hạnh đã hỏi ngài: "Ngài thích thú gì ở rừng núi?^, Ngài đáp: 13. Thích thú thay! Các khu rừng, ngọn núi? Đẹp sắc, mây xanh biếc, Nước trong mát lạnh chảy, Kẻ chăn bò Inda5910 Che kín cả khu rừng, Những ngọn núi đá ây, Làm tâm ta hân hoan.

§14. KỆ NGÔN CỦA TÔN GIẢ SIVAKA, VỊ SA-DI PHỤC vụ CHO TRƯỞNG LÃO VANAVACCHA (Sivakasãmanttheragãthẩ) (Thag. 3; ThagA. I. 63) Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh làm con người chị của Vanavaccha. Khi mẹ ngài được tin Vanavaccha xuất gia thọ Đại giới đã sống trong rừng. Mẹ ngài nói với ngài: "Này Sivaka, con hãy xuất gia dưới sự chỉ dẫn của Vanavaccha và phục vụ cho ngài vì nay ngài đã già!" Ngài nghe theo lời mẹ, xuất gia sống ở trong rừng phục vụ săn sóc Vanavaccha. Một hôm, khi đi đến gần làng, ngài bị đau nặng; thuốc không chữa được nên ngài không về, Trưởng lão Vanavaccha đi tìm và thây ngài bị đau. Sau khi cho ngài uông thuôc và săn sóc ngài, khi bình minh mới bắt đầu, vị Trưởng lão nói với ngài: "Này Sivaka, từ khi ta xuất gia, ta không sông ở trong làng. Vậy chúng ta hãy đi vào rừng." Sivaka trả lời: "Dầu thân con ở trong làng nhưng tâm con bao giờ cũng hướng về rừng núi. Nay con tuy năm ở đây nhưng con săn sàng đi vào rừng." Vị Trưởng lão câm tay dắt ngài đi vào rừng, khích lệ ngài. Nhờ sự khích lệ này, ngài tự mình sách tân và chứng quả A-la-hán. Rồi ngài nói lên bài kệ của mình hợp chung lời vị Trưởng lão5 nói lên sự ưa thích sống viễn ly và quả chứng nhờ sự vâng lời thầy của mình chứng đắc chánh trí: 14. Thầy ta nói với ta: "Hãy đi, Sívaka!" Thân ta sống ở làng, Nhưng tâm hướng về rừng, Dầu con nằm, ta đi, Người biết không trói buộc.

§15. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO KUNDADHÃNA (Kundadhãnattheragãthẩ)ÌQ (Thag. 3; ThagA. 65) Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sãvatthi, con của một Bà-la-môn và được gọi là Dhãna. Thuộc lòng ba tập Vệ-đà, sau khi đã lớn tuổi, ngài nghe

9 Che kín với đàn bò Inda, đây chỉ cho các con côn trùng màu đở óng bay đầy núi sau những cơn mua, 10 Tham,chiếu: s. L 5, Katichindasutta (Kinh Bao nhiêu cải cắt đoạn); Dh. V. 370; Pháp củ kinh "Sa- môn phẩm,^ (7Í04. 0210.34. 0571c29).

đức Phật thuyết pháp và xuất gia. Vua Pasenadi nước Kosala để ý đến ngài, cúng dường ngài các đô dùng cần thiêt nên ngài khỏi phải đi khất thực. Khi nàng Subhaddă mời bậc Đạo sư và chúng Tỷ-kheo dùng cơm, lúc ấy Kundadhãna mới chứng tỏ quả chứng và sức mạnh của mình như đã được ghi chép trong Chủ giải Anguttara Nikãya. Ngài nói lên bài kệ này cho các vị Tỷ-kheo: 15. Năm pháp11 ta cắt đứt, Năm pháp11 12 ta từ bỏ, Và năm pháp thượng nhân,1314 Ta cố gắng tu tập, Tỷ-kheo vượt năm ái, 14 Được gọi "Vượt bộc hru.”

§16. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO BELATTHASISA (Belaṭihasĩsattheragãthă) (Thag. 3; ThagA. I. 71) Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sãvatthi, trong một gia đình Bà-la-môn. Trước khi đức Phật thành đạo, ngài đã xuất gia theo giáo đoàn của Kassapa ở Uruvelã và thờ lửa. Khi Kassapa được đức Phật giáo hóa, ngài là một trong một ngàn người đệ tử của Kassapa chứng được quả A-la-hán khi nghe đức Phật giảng Kinh Thuyết về lửa cháy}5 Sau ngài trở thành vị giáo thọ của Tôn giả Ãnanda. Một hôm, nghĩ đến sự an lạc thuần tịnh của quả chứng và sự tu hành ban sơ của mình, ngài nói lên bài kệ diễn tả sự hân hoan của ngài: 16. Như vật hiền giống tốt9 Với sừng kéo cái cày, Đi đứng không mệt nhọc. Cũng vậy ta ngày đêm? Đi đứng không mệt nhọc, Được lạc không thế vật.

§17. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO DÃSAKA (Dãsakattheragữthấ)16 (Thag. 4; ThagA. 72) Do nghiệp của mình, ngài sanh vào thời đức Phật hiện tại, con của một người nô lệ của ông Anãthapindika và được giao việc gác cửa vào tinh xá Jetavana. Được nghe đức tánh và nguyện vọng của ngài, ông Anãthapindika giải thoát cho ngài khỏi vòng nô lệ, ngài nói ngài sẽ sung sướng nếu được xuất gia, do vậy? ngài được xuất gia ngay. Nhưng khi được xuất gia, ngài trở thành biêng nhác thụ động, tiêu cực, không chịu cô găng đê thoát khỏi sanh tử và ngủ quá nhiều sau các bữa ăn. Khi đến thời thuyết pháp, ngài lựa một chỗ ngoài

11 Năm hạ phần kiết sử.

12 Năm thượng phần kiết sử.

13 Năm căn, năm lực.

14 Tham, sân, si, mạn, kiến.

15 Xem s. IV. 168, Ẫdỉttapariyãyasutta (Kỉnh Thuyết về lửa chảy).

16 Tham chiếu: Dh. V. 325; Phập Igdq phẩm” (7.04. 0210.31. 0570bl0);

Xuất diệu kỉnh :'Song ?"(7.04. 0212.30. 0747c06); Pháp tập yếu tụng kinh

"Tương ưng phẩm” (T.04. 0213.29. 0792c29).

vòng Tăng chúng, tìm một góc và ngồi ngáy. Thế Tôn nghĩ đến việc làm trước của ngài nên nói lên bài kệ này để khích lệ ngài: 17. Ai hôn trầm, ăn nhiều, Nằm ngủ lăn qua lại, Như heo lớn ăn no, Kẻ ngu tiếp thai sanh. Khi nghe vậy, Dãsaka trở nên dao động hốt hoảng, phát triển thiền quán và chứng quả A-la-hán. Rồi ngài suy nghĩ: í4Bài kệ của Thế Tôn đã khích lệ ta nhiều,, và ngài nói lại bài kệ này. Như vậy, dầu cho bài kệ chống đối ăn nhiều, bài kệ trở thành lời tuyên bố về chánh trí của ngài.

§18. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO SINGÃLAPITU ỤSingãlapituttheragãthă)1718 (Thag. 4; ThagA. I. 74) Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong gia đình giàu có ở Sãvatthi, ngài lập gia đình, đặt tên con là Singãlaka và tự mình được gọi là Siỏgãlapitu (cha của Siốgãla). về sau, ngài từ bỏ gia đình và xuất gia. Thế Tôn biết được căn cơ xu hướng của ngài, dạy ngài đề mục thiền quán là bộ xương người. Dùng đề mục này để thiền quán, ngài sống giữa dòng họ Thích-ca ở Sumsumãragiri, tại khu rừng Bhesakală. Trong rừng ấy, một thần rừng biết được ngài sẽ chứng được Thánh quả nên nói lên bài kệ này: 18. Hãy nhìn trong khu rừng, Rừng Bhesakalã! Một Tỷ-kheo đang sống, Thừa tự lời Phật dạy, Ngang thân địa đại này, Tỏa khắp tưởng bộ xương. Ta nghĩ Tỷ-kheo ấy, Mau đoạn tận dục tham. Nghe bài kệ này, vị Trưởng lão nghĩ răng: thân rừng này muôn ta cô găng tu tap" nên ngài phát triên thiên quán và chứng quảA-la-hán. Vê sau, ngài nhớ lại bài kệ của thần rừng và nói lên lại bài kệ ấy như là lời tuyên bố về chánh trí của mình.

§19. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO KULA (KulattheragãthẫÝ^ (Thag. 4; ThagA. I. 76) Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình Bà-la-môn. Xuất gia và vì tâm tư chưa được thăng bằng, ngài không chú tâm được trên một đề mục nhất định. Một ngày kia, khi đi khất thực, ngài thấy người dẫn nước bằng cách đào các kênh dẫn nước; trong thành phố, ngài thấy người làm cung tên uốn nắn cung tên bằng cách nheo một con mắt như thế nào; và khi trở về với bình

17 Bản PTS viết Singãlapitã. Bản Tích Lan viết Sigãlapitu. Bản CST và Thái Lan viết Singãlapitu. 18 Bản Thái Lan, Campuchia viết KuỊa. Bản Tích Lan viết Kunặala. Tham chiếu: Thag.f V. 866; M. II. 97, Angidimalasutta (Kinh Anguỉimãỉà),số 86; Dh. V, 80, 145; Pháp củ to/í^Minh triết phẩm" (r.04. 0210.14.05624)3/ỡngphầin"(T.04.0212.14. 0687b07); Xuất diệukinh^l^y Pn" (f.04.0212.18.0706c07); Pháp tạpyếu tụng kinh t4Thủy dụ phẩm,, (T.04. 0213.17. 0785c02).

bát đầy đồ ăn? ngài thấy những người làm xe sửa soạn trục xe, bánh xe và vành xe như thê nào. Bước vào tinh xá? dùng cơm xong, khi đang nghỉ trưa, ngài nghĩ đên ba phương pháp nhiêp phục này, lây chúng làm khích lệ và dùng chúng đê tự mình tu tập, không bao lâu, ngài chứng quả A-la-hán. Liên hệ những bài học này với sự tu tập tâm của mình, ngài nói lên lòd chánh trí với bài kệ như sau: 19. Người trị thủy dẫn nước, Kẻ làm ten nắn tên, Người thợ mộc uốn gỗ, Bậc tự điều điều thân.19

§20. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO AJITA (Ajitattheragatha) (Thag. 4; ThagA. I. 78) Trong thời đức Phật hiện tại, ngài được sanh ở Sãvatthi, con của một Bà- la-môn làm nghê đánh giá hàng hóa cho vua xứ Kosala. Ngài trở thành một ân sĩ tu theo Bãvarĩ, một vị Bà-la-môn có học thức ở vườn Kapittha trên bờ sông Godhãvari. Bãvarĩ bảo ngài cùng với Tissa và Metteyya đi đến bậc Đạo sư. Ạjita được đức Phật cảm hóa và xuất gia. Lựa một đề mục để thiền quán, ngài phát triên thiên quán và chứng quả A-la-hán. Ngài nói lên sự thăng frận của mình với bài kệ này: 20. Ta không có sợ chết, Không ưa thích

sanh mạng, Ta sẽ bỏ thân này, Tỉnh giác và chánh niệm.

19 Xem Thag. V. 877; Dh. V. 80.

m. PHẨMTHỨBA (TATHAVAGGA)

§21. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO NIGRODHA (NỈgrodhattheragãthă) (Thag. 4; ThagA. I. 79) Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình Bà-la-môn có danh tiếng ở Sãvatthi. Khi tinh xá Jetavana được dâng cúng đức Phật, trông thấy tướng tốt uy nghiêm của đức Phật, ngài được cảm hóa và xuất gia. Khi phát triên thiên quán, ngài đạt được Sáu thăng trí. Suy tư đên sự an lạc quả chứng, sự lợi ích của giáo pháp giúp thoát khỏi tái sanh, ngài nói lên bài kệ này đê tuyên bô chánh trí của mình: 21. Đối với ta, sợ hãi, Không làm ta sợ hãi, Thâm hiểu đạo bất tử, Bậc Đạo sư chúng ta, Không tìm được chân đứng, Ở đâu sự sợ hãi, Chỗ ấy vị Tỷ-kheo, Dần bước trên đường ấy.

§22. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO CITTAKA (Cừtakattheragãthă) (Thag. 4; ThagA. L 81) Ngài sanh ở Rãjagaha, con của một gia đình Bà-la-môn giàu có. Khi bậc Đạo sư ở Trúc Lâm, Cittaka đên nghe đức Phật thuyêt pháp, khởi lòng tin và xuât gia. Lựa chọn giới luật làm đề tài tu tập, ngài vào một khu rừng và tu tập thiền định; với thiền quán khai triển, ngài chứng quả A-la-hán. Rồi ngài đi đến đảnh lễ đức Phật, được các vị đồng Phạm hạnh hỏi ngài có tinh tấn tu hành khi ở trong rừng không, ngài trả lời có và với bài kệ này, ngài nói lên chánh trí của mình: 22. Chim công màu xanh biếc, Cổ đẹp có màu tươi, Đang gọi nhau trong rừng, Rừng Kãrambhiya, Với gió mát tiếng trong, Chúng gọi và thức dậy, Vị hành thiền đang ngủ.

§23. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO GOSÃLA (Gosãlattheragãthổ) (Thag. 5; ThagA. I. 82) Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình ở Magadha giàu có và quen biết với Sona Kutikanna. Khi được biết Sona Kutikanna xuất gia, ngài bị dao động và suy nghĩ:46Vị ây có tài sản lớn mà còn xuât gia, sao ta lại

không làm theo?” Rồi ngài xuất gia, dùng giới luật làm đề mục thiền quán và tìm một chỗ thích hợp, ngài chọn một cao nguyên không xa làng sanh quán. Mẹ ngài ngày nào cũng bố thí cúng dường. Một hôm, bà mẹ cúng cho ngài cháo, Cơm nâu với mật và đường, ngài nhận đô cúng dường, ngôi ăn dưới bóng một ngọn đồi có tre mọc dày. Với tay và bát rửa sạch, được ăn một bữa ăn thích hợp, ngài phát tâm thiên quán và chú tâm vào vân đê sanh diệt của các pháp, đạt được thiên định cao nhât, chứng quả A-la-hán. Với hiêu biêt vê nghĩa, vê pháp, ngài muốn đi lên ngọn đồi để hưởng an lạc thiền vị? ngài nói lên kinh nghiệm của ngài với bài kệ: 23. Ta ăn tại khóm trúc, Với cháo, cơm và mật, Ta chấp nhận toàn diện, Lời dạy bậc Đáng Kính, Tánh sanh diệt các uẩn, Ta sẽ lên ngọn núi, Tăng trưởng hạnh viễn ly.

§24. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO SUGANDHA (sũgandhattheragãthấ) (Thag. 5; ThagA. I. 84)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình giàu có ở Sãvatthi. Vì lời phát nguyện trong quá khứ, khi ngài sanh ra hương thơm tỏa khắp nhà5 do vậy được đặt tên là Sugandha (Hương Thơm). Khi đến tuôi trưởng thành, ngài được khuyên khích xuất gia khi nghe Trưởng lão Mahăsela thuyết pháp, sau bảy ngày, ngài chứng quả A-la-hán. Nói lên chánh trí của mình, ngài thuyết bài kệ này: 24. Xuất gia mùa mưa qua, Thây pháp tánh các pháp, Ba minh chứng đạt được, Làm xong lời Phật dạy.

§25. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO NANDIYA (Nandiyattheragãthổ) (Thag. 5; ThagA. I. 86) Ngài được sanh ở Kapilavatthu, trong vương tộc Thích-ca, cha mẹ ngài nói: "Con ta sanh ra đem lại hoan hỷ trong nhà" yà đặt tên ngài là Nandiya. Lớn lên, ngài xuất gia khi Anuruddha và các bạn đều xuất gia. Nhờ chú tâm học tập và lời phát nguyện trong quá khứ, ngài chứng quả A-la-hán. Rồi ngài sống với Trưởng lão Anuruddha và các bạn tại Rừng Trúc phía Đông. Tại đấy, Ác ma muốn làm ngài sợ hãi? hiện ra trong hình thù rất dễ sợ nhimg ngài đuổi Ác ma đi với những lời như sau: "Này Ác ma, ngươi làm được gì với những người đã vượt qua cảnh giới của ngươi. Do vậy? ngươi chỉ gặp thất bại và bất hạnh.” Với ai tâm thường hằng, Hướng mạnh về Chánh pháp, Pháp phát sanh hào quang, Pháp đạt đến Thánh quả, Vị Tỷ-kheo như vậy, Nếu nhà ngươi muốn chống, Hỡi này, kẻ quỷ đen, Ngươi đi đến đau khổ!

§26. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO ABHAYA (Abhayattheragãthă) (Thag. 5; ThagA. I. 87) Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh làm con Vua Bimbisãra (Bình-sa). Giáo chủ Nãtaputta dạy ngài một mưu chước để đánh bại Sa-môn Gotama trong cuộc tranh luận, nhimg trong câu trả lời của Sa-môn Gotama, ngài thấy Sự that bại của giáo chủ phái Ni-kiên-tử và sự sáng suôt của Sa-môn Gotama. Do vậy, sau khi vua băng hà, Abhaya xuất gia. Nhờ nghe đức Phật giảng Kỉnh Vỉ dụ cái lỗ trong cây gổ,20 ngài chứng quả Dự lun. Rồi với sự cố gắng tinh cần, ngài chứng quả A-la-hán. Do vậy, phấn khởi trước thành quả đạt được, ngài nói lên chánh trí của mình: 26. Nghe được lời khéo giảng, Bậc Bà Con Mặt Trời, Ta đâm thủng tinh vi, Như tên chẻ ngọn tóc.

§27. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO LOMASAKANGIYA (Lomasakangiyattheragãthă) (Thag. 5; ThagA. I. 89) Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Kapilavatthu, trong một gia đình họ Thích-ca. Ngài rât yêu đuôi và thân ngài có lông mịn nên được gọi là Lomasakaồgiya. Khi Anuruddha và một số hoàng tử trẻ Sakya xuất gia, ngài không theo. Rồi Candana, một người bạn cũ thời trước hỏi về "Nhứt dạ Hiền giả Bhaddekaratta99, ngài trả lời không được và đến hỏi đức Phật. Đức Phật khuyên ngài xuất gia và ngài về xin phép cha mẹ. Khi mẹ sợ ngài yếu đuối, ngài trả lời với bài kệ như sau: 27. Cỏ dabba, kusa, Các loài cỏ đâm ngực, Loài cỏ tên mufija, Cỏ tên babbaja, Từ nơi ngực của ta, Ta sẽ đẩy chúng lui, Ta sẽ làm tăng trưởng, Hạnh cô độc viễn ly. Nghe xong, bà mẹ bằng lòng để ngài được phép xuất gia với bậc Đạo sư. Sau thời gian học tập, ngài muôn đi vào rừng đê thiên quán, các Tỷ-kheo ngăn lại, nói ngài yêu đuôi làm sao sông trong rừng núi được. Ngài lặp lại bài kệ này và đi vào rừng tu thiền, chứng Sáu thắng trí. Khi ngài chứng quảA-la-hán, ngài tuyên bố chánh trí của mình với bài kệ nói trên.

§28. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO CON TRAI CỦA JAMBUGAMIKA ụambugãmikaputtattheragãthă) (Thag. 5; ThagA. I. 91) Ngài sanh ở Campă, con của một cư sĩ tên Jambugamika và được gọi theo tên cha. Khi học tập hạnh Sa-di, ngài ở Sãketa tại rừng Afijana. Người cha sợ ngài không bền chí xuất gia nên gửi bài kệ để tìm hiểu ngài:

20 Tãlacchỉggalũpamasutta, xem s. V. 455, 456; M. III. 169.

28. Con có được thỏa mãn, Với y phục đang mặc? Con có được hoan hỷ, Với trang sức điểm tô? Và mùi hương thơm này, Do giới con tỏa ra, Chớ không do người khác, Tạo mùi thơm như vậy. Khi ngài đọc bài kệ này, nghĩ rằng phụ thân nghi ngờ ngài còn đang bị thế tục chi phối và ngài cũng chưa thoát khỏi địa vị phàm phu. Do vậy, ngài cảm thây xúc động, liên phát tâm tinh tân tu hành và không bao lâu chứng được Sáu thắng trí. Với bài kệ của người cha làm đề mục thiền quán, cuối cùng ngài chứng quả A-la-hán. Và vừa để nói lên chánh trí vừa tán thán người cha, ngài nói lên bài kệ này.

§29. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO HÃRITA (Hãritattheragãthổ) (Thag. 5; ThagA. L 93) Ngài sanh ra trong thời đức Phật hiện tại, ở Sãvatthi, con của một Bà-la- môn giàu có. Cha mẹ cưới cho ngài một người vợ trẻ đẹp, hoàn toàn xứng đôi vừa lứa và ngài sông sung sướng bên người vợ. Một hôm, ngài đang ngăm nhìn sắc đẹp của vợ mình, do nghiệp nhân đời trước, ngài được nhắc lại là sắc đẹp ấy cũng vô thường. Vài ngày sau, vợ ngài bị con rắn đen cắn và chết. Bị đau khổ bởi cái chết này, ngài đi yết kiến đức Phật, được nghe pháp và xuất gia. Nhimg khi ngài tu về giới, ngài không giữ được tâm cho chánh trực. Khi đi khất thực, ngài thây một người làm tên dùng dụng cụ làm cho cây tên được ngay thăng, ngài suy nghĩ: "Những người này còn làm cho một cây tên được ngay thẳng." Ngài quay về ngồi nghỉ trưa, phát triển thiền quán. Và ngài thấy đức Phật hiện ra trước mặt ngài, ngồi trên hư không dạy ngài với bài kệ này: 29. Thày hãy làm tự ngã, Được thấm nhuần hướng thượng, Như người thợ cung tên, Làm cây tên ngay thẳng, Hãy làm tâm ngay thẳng, Hỡi này Hãrita, Hãy chặt đứt vô minh! Nghe Thế Tôn dạy, ngài phát triển thiền quán và không bao lâu trở thành vị A-la-hán. Ngài liền nói lên bài kệ này như lời tuyên bố chánh trí của mình.

§30. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO UTTIYA (Uttiyattheragãthă) (Thag. 5; ThagA. L 94) Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sãvatthi, con trai của một Bà-la- môn. Rồi ngài xuất gia để tìm đời sống bất tử, trở thành một du sĩ ngoại đạo. Một ngày kia trong khi bộ hành, ngài gặp Thế Tôn đang thuyết pháp và ngài xin xuất gia. Vì giới hạnh ngài không thanh tịnh nên ngài không đạt được Thánh quả. Thấy các Tỷ-kheo khác nói lên chánh trí của mình, ngài xin Thế Ton một bài học tóm tắt. Đức Phật trả lời rằng, ngài phải làm cho thanh tịnh nếp sống căn

0 , M M 9 A 1 r T T • bản và đức Phật dạy ngài vê nêp sông căn bản một cách tóm tăt. Uttiya học tập bài học này, phát triên thiên quán nhưng rôi bị bệnh. Trong sự cô găng tôi hậu, ngài chứng được quả A-la-hán. Vì ngài chứng được Thánh quả trước

những trở ngại lớn như vậy nên ngài nói lên chánh trí liên hệ đến cơn bệnh của ngài: 30. Trong khi ta lâm bệnh, Niệm khởi lên nơi ta, Trong khi ta lâm bệnh, Không phải thời phóng dật.

IV PHẨM THỨ Tư (CATUTTHAVĂGGA)

§31. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO GAHVARATĨRIYA (Gahvaratũiyattheragãthẩ) (Thag. 6; ThagA. I. 96) Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sãvatthi, trong một gia đình Bà- la-môn và được gọi là Aggidatta. Khi lớn lên, ngài thây đức Phật hiện hóa thân thông song hành, khởi lên lòng tin và xuất gia. Nhận lấy một đề mục để hành trì, ngài đi vào rừng Gahvaratĩra và được biêt với tên là Gahvaratĩriya, phát triển thiền quán, không bao lâu ngài chứng quả A-la-hán. Rồi ngài đi đến đảnh lễ đức Phật ở Sãvatthi, các bà con nghe tin ngài đến liền cúng dường ngài rất nhiều. Khi ngài muốn trở lui lại khu rừng, các bà con ngăn lại nói rằng rừng núi nhiều muỗi và ruồi lằng rất khó sống. Ngài trả lời đời sống rừng núi thích hợp với ngài và nói lên chánh trí của mình với bài kệ: 31. Trong núi rừng rộng lớn, Bị muỗi lằng đốt cắn? Như voi đầu chiến ựận, Tại đấy sống chánh niệm.21

§32. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO SUPPIYA (Suppiyattheragãthẩ) (Thag. 6; ThagA. L 97) Trong thời đức Phật hiện tại, do nghiệp quá khứ, ngài được sanh trong gia đình người giữ nghĩa địa ở Sãvatthi. Được bạn Sopãka thuyết pháp cảín hóa, ngài xuất gia và chứng được quả vị cao nhất; và trong bài kệ, ngài nói lên chánh trí của mình khi đang phấn đấu để chứng quả A-la-hán: 32. Bị già, được không già, Bị nung nâu, được tịnh, Mong rằng ta sẽ được, Tịch tịnh thật tối thượng, An ổn thật vô thượng, Thoát khỏi các khổ ách!

§33. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO SOPÃKA (Sopãkattheragãthầ) (Thag. 6; ThagA. L 99) Ngài sanh trong thời đức Phật hiện tại, ở Sãvatthi, từ một người đàn bà rất nghèo khổ. Khi đau đẻ, bà bất tỉnh và người ta tưởng bà đã chết nên đem đi thiêu. Một phi nhân làm mưa gió không cho lửa đốt cháy và những người thiêu bỏ đi. Đứa con được ra đời mạnh còn người mẹ bị chết. Vị phi nhân hóa

21 Xem Thag. V. 244, 684.

làm người, bế đứa con và bỏ trong nhà người giữ nghĩa địa. Người ấy nuôi đứa con trong một thời gian với đồ ăn thích hợp. Sau đó, người giữ nghĩa địa nhận làm con nuôi và Sopãka lớn lên với Suppiya, con trai nhỏ của cha nuôi. Vì ngài sanh ở nghĩa địa nên được đặt tên là Sopãka. Khi ngài lên bảy tuổi, Thế Tôn với thiên nhãn thanh tịnh, vào buổi sáng quán chiếu những ai có thiện căn tốt lành, thấy Sopãka và đi đến nghĩa địa. Do nhân duyên đời trước, Sopãka đi đến Thế Tôn với tâm hoan hỷ và đảnh lễ Ngài. Thế Tôn thuyết pháp và Sopãka xin xuất gia. Sau khi được phép người cha nuôi, Sopãka xuất gia, được dạy đề mục tình thương huynh đệ tu hành, sống ở nghĩa địa và chứng được cảnh giới thiên tương đương. Rôi lây cảnh giới thiên làm đê mục căn bản, ngài

triển khai thiền quán và chứng được quả A-la-hán. Sau khi chứng quả, ngài làm bài kệ, trong ấy ngài nêu lên cho các Tỷ-kheo rõ đề mục tình thương anh em, không phân biệt người thân kẻ sơ. Với tất cả, tình thương phải là một, bao trùm mọi cảnh giới, mọi chúng sanh, mọi thời gian: 33. Như người mẹ tốt lành, Thương người con độc nhất, Cũng vậy đối chúng sanh, Đủ mọi loài, mọi chỗ, Hãy có lòng tốt đẹp, Thương mến và từ ái!

§34. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO POSIYA (Posiyattheragãthẩị (Thag. 6; ThagA. I. 101) Trong thời đức Phật hiện tại, ngài được sanh làm con của một triệu phú ở Sãvatthi, là em trai của Trưởng lão Sangamaji. Lớn lên lập gia dinh, khi sanh đứa con trai đầu lòng, do nghiệp duyên đời trước, ngài cảm thấy lo lắng trước vân đê sông chêt nên đi xuât gia, sông một mình trong rừng và tu tập đê mục bốn sự thật. Sau một thời gian, ngài chứng quả A-la-hán. Rồi ngài đi đến Sãvatthi để đảnh lễ Thế Tôn và về thăm lại nhà cũ. Người vợ cũ cúng dường và muốn cám dỗ ngài trở lại đời sống cũ. Ngài biết được dụng ý của người vợ nên cáo lui và về lại trong rừng. Các bạn đồng tu hỏi vì sao ngài về sớm như vậy5 ngài kể lại câu chuyện đã xảy ra và nói lên bài kệ: 34. Không gần là tốt đẹp, Người trí thường biết vậy, Từ làng đi đến rừng, Từ rừng ta vào nhà, Từ đấy đứng dậy di, Không đoái hoài, Posiya.

§35. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO SÃMANNAKÃNI (Sãmannakãnỉttheragãthẩ) (Thag. 6; ThagA. I. 103) Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh làm con của một du sĩ và xuất gia theo đức Phật. Khi thấy đức Phật hóa hiện thần thông song hành và nhờ thiền định, ngài chứng quả A-la-hán. Lúc bấy giờ, một du sĩ tên Kãtiyãna, ngài quen khi còn là cư sĩ, du sĩ này

mất hết sự ủng hộ của giới cư sĩ từ khi đức Phật được mọi người quy ngưỡng và trở thành khốn cùng. Kãtiyãna đến ngài và mong cầu ngài ủng hộ để được hạnh phúc đời này đời sau. Ngài đáp: “Hạnh phúc không phải của thế gian, chỉ những người trải nghiệm quá trình tu chứng mới tự mình hưởng được sự an lạc thuần nhất này.,, Và ngài nói lên bài kệ để chứng minh sự thành tựu của ngài: 35. Kẻ tìm lạc được lạc, Neu sở hành đúng đắn, Lại thêm được kính trọng, Danh vọng được tăng trưởng. Ai tu tập chánh trực, Con đường Thánh tám ngành, Đây là đường lộ trình, Đạt đến cảnh bất tử.

§36. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO CON CỦA KUMÃ (Kumãputtattheragãthẫ) (Thag. 6; ThagA. I. 105) Trong thời đức Phật hiện tại, ngài được sanh ở xứAvanti, thành Velukandda và được đặt tên làNanda. Do vì mẹ tên Kumã nên ngài được gọi là con của Kumã. Khi nghe Tôn giả Sãriputta thuyết pháp, ngài xuất gia và tu tập trên sườn đồi. Nhưng chỉ sau khi nghe đức Phật thuyết pháp và điều chỉnh lại phương pháp tu tập5 ngài mới chứng quả A-la-hán. Khi đã trở thành A-la-hán, ngài thấy các Tỷ-kheo khác quá lo cho thân thể nên ngài dùng bài kệ để hướng dẫn họ theo Chánh pháp: 36. Lành thay điều được nghe! Lành thay hạnh phúc sống! Lành thay thường an trú, Đời sống kẻ không nhà! Tìm hỏi nghĩa Chánh pháp, Làm các hạnh cung kính, Đấy là hạnh Sa-môn, Của bậc Vô sở hữu.

§37. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO BẠN CON CỦA KUMÃ (Kumãputtasahãyakattheragãthă) (Thag. 6; ThagA. L 107) Ngài được sanh trong thời đức Phật hiện tại, tại thành Velukandda, trong một gia đình giàu có, tên là Sudanta. Có người nói ngài tên là Vasulokĩ. Ngài trở thành bạn thân với con của Kumã. Khi con của Kumã xuất gia, ngài nghĩ đạo của con Kumã không thê là đạo tâm thường nên đên nghe bậc Đạo sư thuyêt pháp. Nghe xong, ngài hết sức xúc động và xuất gia. Ngài cùng an trú với con của Kumã trên sườn đôi đê tu hành. Trong lúc ấy, nhiều Tỷ-kheo bộ hành từ nhiều địa phương cũng đến an trú tại chỗ hai vị này và tạo nên cảnh ồn ào. Tâm thiền định bị chi phối, Sudanta lấy sự kiện này làm đề mục để tinh tấn tu hành và nói lên bài kệ này: 37. Bộ hành nhiều xứ sở5 Với hạnh không suy tưởng, Thiêu đốt phần thiền định, Đi khắp xứ làm gì? Do vậy ngăn vọng động, Không vọng hướng, hãy thiền.

§38. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO GAVAMPATI (Gavampatittheragãthă) (Thag. 6; ThagA, L 109) Ngài được sanh trong thời đức Phật hiện tại, ngài là một trong bốn người bạn của Yasa (Da-xá). Khi họ nghe Yasa xuất gia5 tất cả đều xuất gia và chứng quả A-la-hán. Rồi ngài sống ở rừng Anjana tại Sãketa và hưởng an lạc giải thoát. Lúc bấy giờ, Thế Tôn đến với một số đông Tỷ-kheo tại Anjana. Chỗ ngủ không đầy đủ và một số Tỷ-kheo ngủ chung quanh tinh xá trên bãi cát sông Sarabhũ. Nửa đêm, nước sông dâng lên và các Tỷ-kheo trẻ la lớn. Thế Tôn nghe vậy, bảo Gavampati can thiệp, ngăn sông không cho dâng cao khiến các Tỷ-kheo yên tâm. Vị Trưởng lão với Thần túc thông của mình làm theo lời Phật dạy, dừng dòng sông lại từ xa, khiến dòng sông dựng đứng lại như ngọn núi; do vậy, ngài được mọi người biết là có thần thông. Một ngày kia, Thế Tôn đang thuyết pháp giữa một số đông người, thấy Gavampati vì lòng từ bi nghĩ đến đời, đức Phật tán thán công hạnh của Gavampati với bài kệ: 38. Ai với Thần túc thông, Dựng đứng Sarabhũ, Chính Gavampati, Không ỷ lại, không động, Vượt qua mọi trói buộc, Chư thiên đều đảnh lễ, Bậc Đại SĩMâu-ni, Đã vượt qua sanh hữu.

§39. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO TISSA (Tissattheragãthẩ) (Thag, 6; ThagA. I. 111) Trong thời đức Phật hiện tại, ngài được sanh ở Kapilavatthu, con người dì của đức Phật và được đặt tên là Tissa. Ngài xuất gia theo đức Phật, sống tại một lâm trại, thường tự phụ với địa vị của mình, tánh hay nóng nảy bất thường, vì vậy ngài không hăng hái làm tròn bổn phận của mình. Rồi bậc Đạo sư với thiên nhãn thấy ngài đang ngủ há miệng liền hiện đến trước ngài, đánh thức ngài dậy với bài kệ: 39. Như bị kiêm chém xuông, Như bị lửa cháy dâu, Vị Tỷ-kheo xuất gia, Chánh niệm đoạn tham dục.22

§40. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO VADDHAMANA (Vaddhamãnattheragãthẩ) (Thag. 7; ThagA. I. 113) Ngài sanh ở Vesãli, trong gia đình một vị vua xứ Licchavi, ngài trở thành một thiếu niên có tín tâm và phục vụ Tăng chúng, về sau, khi đã xuất gia, ngài trở nên biếng nhác và được Như Lai khích lệ với bài kệ: 40. Như bị kiếm chém xuống, Như bị lửa cháy đầu, Vị Tỷ-kheo xuất gia, Chánh niệm đoạn tham hữu.23

22 Xem Thag. V. 1171. 23 Xem Thag. V. 1172.

VPHẢMTHỨNĂM (PANCAMAVAGGA)

§41. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO SIRIVADDHA (Sirivaddhattheragatha) (Thag. 7; ThagA. I. 114) Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Rậjagaha (Vương Xá), trong nhà một Bà-la-môn giàu có. Khi Vua Bimbisãra gặp bậc Đạo su, do nghiệp duyên đời trước, ngài xuất gia đi đến một ngọn núi gần Vebhãra và Pandava, trú tại chỗ ấy chuyên hành tri, tu tập. Một hôm, một cơn giông tô lớn nôi lên, sét đánh vào hang nhtmg nhờ gió lớn thổi các đám mây làm nhẹ bớt sức nóng đang đè nặng trên ngài; nhờ vậy? với một nhiệt độ thích hợp, ngài có thê thiên định, thiên quán và cuôi cùng chứng quả A-la-hán. Với bài kệ nói lên chánh trí của mình, ngài thốt lên những lời như sau: 41. Giữa đồi Vèbhãra, Giữa đồi Pandava, Sét đánh vào cửa hang, Đứa con bậc Vô Tỷ, Như vậy vân ngôi thiên.

§42. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO KHADIRAVANIYA (Khadiravaniyattheragãthẩ) (Thag. 7; ThagA. I. 115) Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở nước Magadha (Ma-kiệt-đà)9 tại làng Nãlaka, con của nữ Bà-la-môn Rũpasãrĩ. Khi lớn lên, mẹ ngài muốn ngài lập gia đình nhưng khi nghe Sãriputta xuất gia, ngài bắt chước Sãriputta đên các Tỷ-kheo xin được thọ giới, tự xưng là em trai của Sãriputta. Khi đã chứng quả A-la-hán tại rừng cây xương rồng, ngài đi đến Sãvatthi (Xá-vệ) để đảnh lễ Thế Tôn và ở lại một vài ngày tại tinh xá Jetavana (Kỳ Viên). Rồi Thế Tôn ngồi giữa đại chúng Tỷ-kheo, ấn chứng ngài là vị Tỷ-kheo ở rừng đệ nhất. Một thời khác, ngài đi đến làng sanh quán, đem ba người cháu trai là con trai của ba người chị Cãlã, upacãlã, Sĩsupacãlã, cũng tên là Cãlă, upacãlã và Sĩsupacãlã, cho họ xuất gia. Một hôm, ngài bị ốm và Sãriputta đi đến thăm, Revata24 muốn dạy cho ba người cháu chớ có phóng dật nên khi thấy Sãriputta từ xa đến, bèn nói lên bài kệ:

24 Tên gọi đầy đủ của Tôn giả ìà Khadiravaniya Revata. Trong các kinh thường chỉ gọi Revata.

42. Hỡi này cháu Cãlã, Này Upacãlă, Sĩsupacãlã, Hãy sông trú chánh niệm! Vị đang đến các con5 Như vị bắn chẻ tóc.

§43. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO SUMANGALA (Sumangalattheragãthẩ) (Thag. 7; ThagA. I. 118) Ngài sanh ở tại một làng nhỏ gân Sãvatthi, trong một gia đình nghèo khó. Lớn lên ngài tự nuôi sông giữa đông ruộng với cái liêm, cái cuôc và cái cày. Một hôm, Vua Pasenadi cúng dường đức Phật với chư Tăng và ngài đỉ đến, đem theo sữa và bơ cùng với các người làm công khác. Khi thấy các Tăng, Ni được cung kính cúng dường, ngài nghĩ các Tăng, Ni này sông trong các nhà cửa được che kín và mặc các y phục tôt đẹp, và ngài xin xuất gia đê hưởng những tiện nghi này. Một Trưởng lão Tăng vì lòng từ chấp nhận ngài được xuất gia, cho ngài một đề mục tu hành và bảo ngài đi vào rừng để tu tập. Nhưng trong hạnh độc cu, ngài cảm thây buôn bã chán nản và đi vê lại làng của mình. Khi vê, ngài thây các dân quê cày bừa với áo quân nhớp nhúa, đây bụi bặm và bị nóng bức. Thấy vậy, ngài trở lại tu tập5 đi đến dưới gốc cây tu tập thiền định,

sống cô độc, phát triên thiên quán. Cuôi cùng, ngài chứng được quả A-la-hán. Đê nói lên sự giải thoát khỏi nỗi khổ cuộc đời, ngài thốt lên bài kệ này: 43. Khéo thoát! Ôi5 khéo thoát! Thật sự ta khéo thoát, Thoát ba sự cong queo, Ta thoát cong với liềm, Ta thoát cột với cày9 Ta thoát cực với cuốc, Nếu có đây, có đây, Thật đủ chán, đủ chán, Hỡi Sumangala! Hỡi Sumaồgala! Hãy thiền, hãy thiền định! Hỡi Sumaồgala! Hãy sống không phóng dật!

§44. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO SÃNU (Sãnuttheragãthẩ) (Thag. 7; ThagA. L I2l) Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sãvatthi (Xá-ve), trong gia đình một cư sĩ, sau khi người cha đã từ bỏ gia đình, bà mẹ đặt tên ngài là Sãnu. Khi ngài lên bảy tuổi được đưa đến ở với các Tỷ-kheo5 bà nghĩ rằng như vậy con mình được sống hạnh phúc. Rồi Sãnu trở thành một vị học hành giỏi, một vị pháp sư, thiền sư với lòng từ bi được chư thiên và loài người ái kính. Trong đời r r r trước, mẹ ngài là một nữ dạ-xoa. Sau một thời gian, ngài mât sự sáng suôt? sông sầu khổ và muốn đi lang thang đây đó. Bà mẹ dạ-xoa của ngài thấy vậy liền báo động với bà mẹ hiện tại, bảo bà khích lệ con bà phải tinh tấn và đọc lại lời nói của các yakkha (dạ-xoa):

TRƯỞNG LÃO TĂNG KỆ 859

5

Chớ có làm điêu ác, Công khai hay bí mật, Nếu người làm điều ác, Sẽ làm hay . đang-làm, 5

Người không thoát khô đau, Dâu có đứng lên chạy. Nói như vậy xong, người mẹ dạ-xoa biến mất nhưng người mẹ hiện tại nghe vậy rất lấy làm sầu khổ. Rồi Sa-di Sãnu cầm y và bát đến thăm bà mẹ rất sớm. Thấy mẹ sầu muộn, ngài hỏi và được bà mẹ trả lời lý do, ngài nói bài kệ: 44. Thưa mẹ5 người ta khóc, Khóc vì người đã chết, Hay có khóc người sống, Khi sống không được thấy, Thưa mẹ5 con đang sông, Và mẹ đang thấy con, Vậy vì sao, thưa mẹ, Mẹ lại khóc cho con? Bà mẹ trả lời từ những lời trong kinh: "Dây là sự chêt5 này các Tỷ-kheo trong giới luật của bậc Thánh, tức là sự từ bỏ học giới và hoàn tục" và nói bài kệ như sau: Người ta khóc cho con, Là khóc cho con chết, Hay khóc cho con sống, Nhưng không được thấy mặt. Ai đã bỏ dục vọng, Lại trò lui đời này, Này con, người ta khóc, Là khóc cho người ấy, Vì người ây được xem, Còn sống cũng như chết. Này con, được kéo ra, Khỏi hầm than lửa rực, Con còn muốn rơi vào, Đống than hồng ấy chăng? Khi nghe vậy9 Sa-di Sãnu lây làm xâu hô, sâu muộn và tinh tân phát triên thiên quán, không bao lâu ngài chứng quả A-la-hán. Suy nghĩ răng ngài chiên thắng là nhờ những bài kệ này nên lấy những bài kệ ấy thành những bài kệ của ngài.

§45. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO RAMANĨYAVIHÃRT (Ramanĩyavihãrittheragãthẩ) (Thag. 7; ThagA. I. 123) Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Rặjagaha (Vương Xá), con một gia đình có tên tuổi, và sống đời sống tuổi trẻ trác táng. Một hôm, ngài thấy các quân lính nhà vua bắt một người thông dâm, ngài sanh tâm dao động, nghe lời Phật dạy và xuât gia. Là Tỷ-kheo, ngài vân còn những ái dục vê thân, ngài săp đặt phòng ngài thật đầy đủ bàn ghế, đầy đủ đồ ăn, đồ uống, đồ nằm và sống như vậy. Do vậy, ngài được gọi tên là Ramanĩyavihãn (người sông trong dục lạc). Đời sông cũ làm ngài khó

sông đời sông Tỷ-kheo, ngài cảm thây không xứng đáng để nhận đồ cúng dường nên bỏ đi bộ hành lang thang đó đây. Trên đường đi, khi ngồi nghỉ dưới gốc cây, ngài thấy các xe bò đi ngang qua, một con bò vì mệt mỏi nên vấp ngã, người đánh xe cởi dây cho con bò5 cho nó rơm, nước và làm cho nó đỡ mệt xong lại cột con bò vào xe và bắt nó kéo xe đi. Ngài suy nghĩ: "Con bò này đã vấp ngã nhưng đã đứng dậy và kéo tiếp gánh nặng của

mình. Vậy ta phải tinh tấn sau khi rơi vào rừng nhục dục9 cần phải đứng dậy và làm tròn bổn phận của người tu hành.,, Rồi ngài trở về kể lại câu chuyện cho Trưởng lão upãli và được upãli chấp nhận cho sám hối các lỗi lầm rồi giúp ngài trở lại nêp sông chơn chánh. Không bao lâu, ngài chứng quả A-la-hán. Vê sau hưởng thọ an lạc giải thoát, ngài nói lên sự sai lầm của ngài và sự trở lui lại nếp sống chơn chánh trong bài kệ này: 45. Như con thú hiền thiện, Giống tốt, huấn luyện khéo, e ĩ

Sau khi đã vâp ngã, Lại đứng lên, an trú, Ta đầy đủ chánh kiến, Đệ tử bậc Chánh Giác.

§46. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO SAMIDDHI (Samiddhittheragãthă) (Thag. 7; ThagA. L 125) Ngài sanh ra trong thời đức Phật hiện tại, ở Rậjagaha (Vương Xá), con một gia đình quý tộc. Từ khi sanh ngài, tài sản của gia đình được tăng trưởng, ngài lại đẹp trai, có giới hạnh nên được đặt tên là Samiddhi (Thịnh Vượng). Ngài chứng kiến sức mạnh của bậc Đạo sư khi gặp Vua Bimbisãra (Binh-sa), khởi lên lòng tin xuất gia, tinh tân tu thiên. Khi đức Phật sông ở vườn Tapodã, Samiddhi đang cảm thấy an lạc được sống hạnh Tỷ-kheo, thời Ác ma hiện ra quây phá, phát ra tiêng động như quả đât nô tung. Ngài thưa với đức Phật và đức Phật khuyên nên bình tĩnh, kiên trì tu tập, đừng nghĩ đến vấn đề ấy nữa. Ngài vâng theo và không bao lâu chứng quả A-la-hán. Ac ma không biêt sự kiện ấy lại tạo nên một tiếng động kinh khủng nhưng ngài không sợ hãi và nói lên chánh trí của mình với bài kệ như sau: 46. Ta với lòng tín ngưỡng, Bỏ gia đình xuất gia, Niệm tuệ, ta tăng trưởng, Tâm tư ta thiền định, Dâu ngươi tạo săc gì9 Không làm ta sợ hãi.

§47. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO UJJAYA (Ujjayattheragatha) (Thag. 8; ThagA. I. 127) Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Rậịagaha (Vương Xá), con của một Bà-la-mon theo truyền thống. Khi lớn lên, Ngài rất giỏi về ba tập Vệ-đà nhimg vẫn thấy không có cốt tủy. Với nghiệp lành chín muồi, ngài đi đến Rừng Trúc nghe Thê Tôn giảng pháp và xuất gia, thiên tư vê giới hạnh trong rừng, không bao lâu ngài chứng quả A-la-hán. Rồi ngài đi đến Thế Tôn, đảnh lễ Ngài, ngồi xuống một bên, tán thán Thế Tôn, ngài nói lên bài kệ đề cập đến chánh trí của mình: 47. Đảnh lễ Phật, Anh Hùng? Ngài giải thoát mọi chỗ, Trong nêp sông của Ngài, Gôm cả phân giáo điên, Con sống không lậu hoặc, Không còn bị trói buộc.

§48. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO SANJAYA (Sanjayattheragatha) (Thag. 8; ThagA. L 128) Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Rậjagaha (Vương Xá), con của một Bà-la-môn giàu có. Khi lớn lên5 ngài theo gương Brahmãyu, Pokkharasãti và các vị

Bà-la-môn danh tiêng khác, các vị này khởi lòng tin bậc Đạo sư và chứng được Sơ quả. Vê sau, ngài xuất gia và chứng được Sáu thăng trí. Nói lên chánh trí của mình, ngài dùng bài kệ này: 48. Từ khi ta xuất gia, Bỏ nhà sống không nhà, Ta không có tư duy, Những tư tưởng phàm phu, Những tư niệm phi Thánh, Liên hệ đến sân hận.

§49. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO RÃMANEYYAKA (Rãmaneyyakattheragãthẩ) (Thag. 8; ThagA. I. 129) Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sãvatthi (Xá-vệ)5 con một gia đình giàu có. Tâm ngài rất xúc động khi chứng kiến lễ Jetavana (Kỳ Viên) được dâng cúng đức Phật và ngài xuất gia. sống trong rừng, ngài thiền quán về giới hạnh, vì quả chứng và hạnh dễ thương của ngài nên được gọi là Rãmaneyyaka (hạnh khả ái, dễ thương). Một hôm? Ác ma muốn phá hoại ngài đã phát ra một tiếng động rất lớn9 ngài dùng bài kệ nói lên sự không dao động của mình: 49. Dâu tiêng người hò hét, Tiêng náo động chim muông, Tâm ta không dao động, Ta ưa thích độc cư. ỉ Bài kệ này trở thành lời tuyên bô chánh trí của ngài.

§50. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO VIMALA (Vìmalattheragãthẫ) (Thag. 8; ThagA. I. 130) Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Rajagaha (Vương Xá), trong một gia đình giàu có. Do hạnh nguyện đời trước, ngài có một thân thể thật trong sạch như giọt sương trên lá sen, vì vậy được đặt tên là Vimala. Khi lớn lên, gặp được đức Phật ở Rặjagaha? ngài phát khởi tín tâm và xuất gia. Ngài nhận một đề mục thiền định và đến ở tu trong một hang núi ở Kosala. Một hôm trời chuyên giông, mưa rơi xuông làm nhẹ bớt sức nóng, ngài có thể định tâm chứng được quả A-la-hán. Sung sướng với quả chứng của mình, ngài thốt lên bài kệ này: 50. Bất, nước mưa ướt thấm, Gió thổi mát không gian, Trên trời, chớp vạch đường5 Tư tưởng ta lắng dịu, Tâm ta thật định tĩnh. Bài kệ này trở thành lời tuyên bố chánh trí của ngài.

VI.PHẨMTHỨSÁU (CHATTHAK4GGA)

§51. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO GODHIKA (Godhỉkattheragãthầ) (Thag. 8; ThagA. I. 132) Trong thời đức Phật hiện tại9 bốn vị này sanh ở Pãvã, con của bốn vị vua xứ Mallã và giữa bốn người này có một tình bạn chân thành. Bốn vị này có một sứ mệnh cùng đi đến vua xứ Kapilavatthu. Lúc bấy giờ, Thế Tôn cũng đến đó và trú tại vườn cây bàng; tại dấy, Thế Tôn đã cảm hóa bốn vị này với thần thông song hành. Các vị này xuất gia và không bao lâu chứng quả A-la-hán với sự hiêu biêt vê nghĩa và vê pháp. Sau khi được vua chúa kính trọng cúng dường, bôn vị này sông ở trong rừng. Khi bôn vị này đên Vương Xá, Vua Bimbisãra (Bình-sa) mời bốn vị an cư mùa mưa và bảo làm mỗi người một cái nhà nhưng vô ý lại không lợp mái. Các vị này sông trong nhà ây nhưng không có chô che mưa. Và dầu là mùa mưa nhưng trời lại không mưa, Vua Bimbisãra nhận thấy hiện tượng này? nhớ lại sự thiếu sót của mình liền cho lợp mái, lại tổ chức một ngày khánh thành cúng dường cho Tăng chúng. Các vị Trưởng lão nhận lời đi vào ngôi nhà và triển khai lòng từ. Từ phía Bắc và phía Đông, một cơn giông tô nôi lên và các vị Trưởng lão xuất định, mưa to bắt đâu rơi xuông. Rôi Godhika do mưa to gió lớn, nói lên bài kệ: 51. Trời mưa như hát hay, Ta ở trong am thất, Được che kín khỏi gió, Ta

sống thật an lạc, Tâm ta khéo định tĩnh, Hãy mưa, nêu trời muôn.

§52. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO SUBÃHU
(Subãhuttheragãthấ) (Thag, 8; ThagA. L 135)
Subãhu nói lên bài kệ:
52. Trời mưa như hát hay, Ta ở trong am thất,
Được che kín khỏi gió, Ta sống thật an lạc,
Tâm khéo định trên thân, Hãy mưa, nêu trời muôn.
§53. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO VALLIYA (yalliyattheragãthẩ) (Thag. 8; ThagA. I. 135)
Valliya nói lên bài kệ:

TRƯỞNG LÃO TÀNG KỆ 863

53. Trời mưa như hát hay, Ta ở trong am thất, Được che kín khỏi gió, Ta sống thật an lạc, Không phóng dật, ta sống, Hãy mưa, nếu trời muốn.

§54. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO UTTIYA
(Uttìyattheragãthẩ) (Thag. 9; ThagA. I. 135)
Uttiya nói lên bài kệ:
54. Trời mưa như hát hay, Ta ở trong am thất,
Được che kín khỏi gi6, Ta sống thật an lạc,
Trong ấy sống một mình, Hãy mưa, nếu trời muốn.
§55. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO ANJANAVANIYA (Anjanavaniyattheragatha) (Thag. 9; ThagA. L 136) Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Vèsãli, trong hoàng gia của vị vua trị vì nước Vạjjĩ. Khi ngài lớn lên, ba tai họa lớn đe dọa dân chúng Vajja: Nạn hạn hán, nạn bệnh tật và nạn phi nhân. Sự kiện này được ghi chép trong Chú giải Kình Ratana.25 Khi Thế Tôn làm cho dân chúng Vèsãli bớt sợ hãi, một số đông đến nghe Ngài giảng. Con của vua cũng được nghe, khởi tín tâm và xuất gia. Khi làm xong các học tập sơ khởi, ngài sống trong rừng Anjana ở Sãketa. Khi trời mưa sắp đến, ngài tìm được một giường nằm người ta quăng bỏ, đặt nó trên bốn tảng đá9 phía trên và phía chung quanh lợp cỏ. Ngài làm một cái cửa và như vậy làm được một chỗ ở cho mùa mưa. Sau một tháng tu tap, ngài chứng quả A-la-hán. Sung sướng với thành quả giải thoát của mình, ngài phấn khơi nói len bài kệ: 55. Làm am thất, giường nằm, Sâu trong rừng Anja, Ba minh được chứng đạt, Làm xong lời Phật dạy.

§56. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO KUTIVIHÃRĨ (Kutivihãrittheragãthẩ) (Thag. 9; ThagA. I. 137) Đời sông của ngài giông như đời sông của Tôn giả Anjanavaniya chỉ có khác như sau: Trong khi phát triển thiền quán, ngài đang đi qua cánh đồng và trú mưa trong một chòi nhỏ bỏ không của người giữ đồng ruộng. Tại dấy, ngài chứng quả A-la-hán. Người giữ đồng ruộng đến và hỏi: “Ai ở trong chòi lá này?" Ngài trả lời: "Một Tỷ-kheo ở trong chòi lá,9 và nói lên bài kệ: 56. Ai ở trong chòi lá? Một Tỷ-kheo ly tham, Tâm được khéo định tĩnh, Đang ở trong chòi lá, Hiền giả hãy biết vậy! Không phải là vô ích, Chòi lá ông dựng lên.

25 SnA. I. 278, Ratanasuttavannanã (Chủ giải Kỉnh Châu bảù).

Rồi người giữ ruộng nói: "That may mắn cho tôi. Thật khéo may mắn cho tôi. Tôn giả đã đến chòi lá của tôi và ngồi tại dấy." Thế Tôn với thiên nhĩ thanh tịnh nghe câu chuyện biết được tâm hoan hỷ của người giữ ruộng, Ngài nói lên bài kệ với người giữ ruộng: Chính ở trong chòi lá? Một Tỷ-kheo ly tham, Tâm được khéo định tĩnh, Đang ở trong chòi lá, Việc làm này hưởng quả, Ông sẽ thành Thiên chủ, Sáu lần đến bảy lần, Ông ngự trị thiên giới, Rồi mọi ái nhiếp phục, Ông sẽ thành Độc Giác. Bắt đầu từ đấy<vị Tỷ-kheo được gọi là Kutivihãrĩ.

§57. KỆ NGÔN THỨ HAI CỦA TRƯỞNG LÃO KUTIVIHÃRĨ (Putiyakutivihãrittheragãthẩ) (Thag. 9; ThagA. I. 139) Câu chuyện về ngài giống như câu chuyện vị Trưởng lão ở rừng Afijana chỉ có sự sai khác này: Khi ngài xuất gia với trường hợp tương tự, ngài tu học trong một căn chòi nhỏ, ngài nghĩ: uChòi cũ này cũng đã bị hư hại, ta phải làm một chòi khác.” Rồi ngài hướng tâm ngài về hành động mới. Một thiên nhân tâm cầu giải thoát, muốn làm ngài dao động, nói lên bài kệ này với lời lẽ giản dị nhưng ý nghĩa sâu rộng: 57. Đây ngôi chòi cũ kỹ, Ngài muốn ngôi chòi mới, Hãy bỏ muốn ngôi chòi, Chòi mới đem khổ mới, Này Tỷ-kheo nên biết! Khi nghe vậy, vị Trưởng lão cảm thây lo lăng và với sự cô găng phát triên thiền quán, ngài chứng được quả A-la-hán. Rồi ngài nói lại bài kệ mà nhờ đó ngài chứng quả và cũng đã dùng bài kệ nói lên chánh trí của mình. Vì ngài chứng quả khi ở trong chòi lá nên ngài được gọi là Kutivihãrĩ (vị ở chòi lá).

§58. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO RAMANIYAKUTIKA (Ramanĩyakutikattheragãthẩ) {Thag. 9; ThagA. I. 141) Câu chuyện của ngài giống như câu chuyện của Trưởng lão ở trong rừng Afijana chỉ có sự sai khác này: Ngài ở trong một chòi lá gần một ngôi làng nhỏ trong xứ Vạjjĩ. Thật sự là một am thất nhỏ xinh đẹp với sàn nhà và vách tường khéo làm, xung quanh có vườn, ao hồ và có rải cát mịn đẹp. Với giới hạnh của vị Trưởng lão làm tăng thêm sự hấp dẫn của ngôi nhà nhỏ. Ngài chứng quả A-la-hán và tiếp tục trú tại đấy. Mỗi khi có người đến viếng tinh xá, họ có thấy ngôi chòi xinh xắn. Một ngày kia, một vài người đàn bà béo mập đi ngang qua, thấy ngôi chòi xinh đẹp liền nghĩ người ở chòi lá này có thể là một thanh niên mà họ có thê cám dô. Họ đên gân ngài và nói: "Cái chòi của ngài thật là xinh dẹp, chúng ta cũng thật xinh đẹp trong tuổi trẻ của chúng ta.”

TRƯỞNG LÃO TĂNG KỆ 865

Và họ bắt đầu khoe khoang áo xiêm đẹp của mình. Nhimg vị Trưởng lão nói

tóc thứ hai được cắt dứt, ngài chứng Nhị quả; như vậy cho đến nắm tóc thứ tư và ngài chứng quả A-la-hán. Có chỗ nói9 cùng ngày? ngài đi đến ở một chòi lá và suy tư đến sự đau khổ phải nhẫn chịu khi thọ sanh. Ngài phát triển thiền quán và chứng quả A-la-hán. Rồi sung sướng được giải thoát, ngài nói lên bài kệ: ĩ

60 Nay những mục đích ây, Với ta đã thành tựu, Vì những mục đích ây, Ta bước vào ngôi chòi, Minh giải thoát ta đạt, Mạn, tùy miên từ bỏ.

vn. PHẨM THỨ BẢY (SATTAMAK4GGA)

§61. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO VAPPA (Vappattheragãthã) (Thag. 9; ThagA. I. 150) Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Kapilavatthu, con của Bà-la-môn Vãsettha. Khi nghe tu sĩ Asita đoán tướng Thái tử Siddhattha sẽ thành đạo, Vappa cùng bốn người Bà-la-môn với Kondanna (Kiều-trần-như) là người dẫn đầu, trở thành những người tu sĩ. Khi Thái tử tu khổ hạnh trong sáu năm, Vappa với bôn người bạn cùng đông tu khô hạnh. Vê sau, khi Thái tử thôi tu khô hạnh, năm vị này chán nản đi vê Isipatana. Sau khi đức Phật thành đạo và chuyển pháp luân ở Isipatana, Vappa với bốn người bạn được cảm hóa và đến ngày thứ năm cả năm vị đều chứng quả A-la-hán. Suy tư về hùng lực của bậc Đạo sư, sự mù quáng của thế giới và như thế nào Thánh quả đem lại chánh trí, n^inoilenbaH^:

61. Vị Đã Thấy thấy được? Người thấy, người không thấy. Vị không thấy, không thấy, Người không thấy, người thấy.

§62. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO VAJJIPUTTA (Vajjiputtattheragatha) (Thag. 10; ThagA. L 152) Trong thời đức Phật hiện tại, ngài được sanh trong một gia đình vị đại thần và được gọi tên là con của Vajji. Ngài thấy uy nghi đức độ của bậc Đạo sư khi đến Vesãli nên khởi lòng tin và xuất gia. Sau thời kỳ làm Sa-di, ngài ở trong một khu rừng gần Vesãli. Một ngày, ở Vesãli có tổ chức lễ hội? có hát, có nhạc, có múa và mọi người hoan hỷ tham gia ngày lễ, tiếng ồn làm vị Tỷ-kheo dao động. Ngài bỏ chỗ tịnh cư của mình, dừng nghỉ tu tập thiền quán và nêu rõ sự yểm ly của mình trong câu kệ: ,

Một mình chúng tôi sông, Trong rừng núi hoang vu, Như khúc gỗ bị quăng, Bỏ rơi trong rừng núi, Như vậy ngày tháng qua, Ngày này tiêp ngày khác, Còn có ai bất hạnh, Hơn bất hạnh chúng tôi. Một thiên nhân trong rừng nghe vậy, thương xót vị Tỷ-kheo nên đến trách: "Này Tỷ-kheo5 dầu ông có khinh thường đời sống trong rừng núi nhưng những vị sáng suốt muốn sống thanh tịnh đều nói nhiều đến núi rừng."

Thiên nhân ây nói lên bài kệ tán thán đời sông ở rừng núi: 62. Một mình chúng tôi sống, Trong rừng núi hoang vu, Như khúc gỗ bị quăng, Bỏ rơi trong rừng núi, Nhưng nhiều người thương mến, Đời sống ấy của ta, Như kẻ đọa địa ngIic, Ưa đón cảnh thiên giới. Rồi vị Tỷ-kheo như con ngựa hay được thúc dẩy, ngài triển khai thiền quán và chứng quả A-la-hán. Rồi ngài nghĩ: "Bài kệ của thiên nhân đã thúc đẩy ta.” Và ngài đọc lại bài kệ ấy.

§63. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO PAKKHA (Pakkhattheragãthẩ) (Thag. 10; ThagA. I. 154) Trong thời đức Phật hiện tại, ngài được sanh trong dòng họ vua chúa Thích-ca, thành Devadaha và được gọi là thanh niên Sammoda. Nhưng khi còn nhỏ, ngài bị bệnh tê thấp, có khi bước đi như người bị què5 vì vậy được tên là Pakkha (vị què quặt) và giữ lại tên ấy. Sau khi ngài lành bệnh, ngài có mặt khi đức Phật về thăm gia đình, ngài khởi

lòng tin, xuất gia và sống ở trong rừng. Một hôm vào làng khất thực, ngài ngồi dưới một gốc cây, một con diều hâu ngoạm được miếng thịt bay bổng trên trời cao, các con diều hâu khác bay theo giành cướp lấy miếng thịt; thấy vậy, vị Tỷ-kheo suy nghĩ: “Các dục ở đời cũng vậy? đầy những đau kh6." Ngài triển khai thiền quán và chứng quả A-la-hán? ngài nói lên bài kệ tuyên bố chánh trí của mình: 63 Chúng rơi theo, sà xuống, Cái đang bị rơi xuống, Với lòng tham thúc dẩy, Chúng lại đến, đến nữa. Bổn phận ta làm xong, Ta vui thích sung sướng, Với an lạc đón mừng? Ta đón mừng an lạc.

§64. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO VIMALA KONDANNA (Vimalakondannattheragatha) (Thag. 10; ThagA. I. 155) Trong thời đức Phật hiện tại, ngài được sanh là con của Ambapãlĩ, và thân phụ ngài là Vua Bimbisãra. Ambapãlĩ đặt tên con là Vimala, và sau ngài được biết với tên là Vimala Kondanna. Ngài chịu ảnh hưởng bởi uy nghi đức độ của bậc Đạo sư5 xuất gia và chứng quả A-la-hán, ngài tuyên bố chánh trí của mình trong bài kệ này: 64. Dưới cờ trắng26 ta sanh, Từ nàng tên một cây, Với cờ đánh đổ cờ, Lá cờ lớn hủy diệt.

26 Bài kệ này dùng đến bốn danh từ ketu là cây cờ. Cờ đầu chỉ cho vương vị của Bimbisãra. Cờ thứ hai chỉ cho ngọn cờ Chánh pháp. Cờ thứ ba chỉ cho cờ kiêu mạn. Cờ thứ tư chỉ cho các ác pháp. Bài kệ có nghĩa như sau: (1) Với ta, con của một vị vua(2) với sự giúp đỡ của Chánh pháp (3) đánh đổ các ác pháp, (4) với mạn cùng với các pháp liên hệ đến chấp ngã. Cây ở đây chỉ cho cây xoaii Ambapãli được tìm thay dưới một cây xoài khi còn nhỏ.

TRƯỞNG LÃO TĂNG KỆ 869

§65. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO UKKHEPAKATA VACCHA (ưkkhepakatavacchattheragãthã) (Thag. 10; ThagA. L 157) Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sãvatthi (Xá-yệ)? con của một Bà-la-môn thuộc dòng họ Vaccha. Ngài nghe Thế Tôn thuyết pháp, phát tâm xuất gia và trú tại một ngôi làng ở Kosala. Nhờ các Tỷ-kheo đến thăm, ngài thâm hiểu Chánh pháp nhung ngài không phân biệt được Kinh tạng, Luật tạng và Luận tạng. Tuy vậy, ngài học hỏi được từ Tôn giả Sãriputta, do đó? trong khi các vị Tỷ-kheo giỏi vê Luật tạng hay một bộ phận của Ba tạng, ngài học thuộc lòng cả Ba tạng trước khi Ba tạng được kết tập. Sau khi thuộc lòng cả Ba tạng, ngài chứng quả A-la-hán, trở thành vị giảng dạy giáo lý. Một hôm5 ngài nói với chính mình như với một người khác trong bài kệ sau đây: 65. Tài sản được chât chứa, Trải nhiêu tháng nhiêu năm, Do Vaccha tác thành, Nay Vàccha quăng bỏ. Ngài thuyêt giảng như vậy, Cho các hàng cư sĩ, Khéo ngồi chỗ trịnh trọng, Tâm hân hoan rộng lớn.

§66. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO MEGHIYA (Meghiyattheragãthẩ) (Thag. 10; ThagA. I. 159) Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Kapilavatthu trong gia đình một hoàng tộc Thích-ca, được đặt tên là Meghiya (Như Mây). Lớn lên, ngài xuất gia, hàu hạ Thế Tôn khi Thế Tôn trú ở Cãlikã, trên bờ sông Kimikãlã. Khi thấy một rừng xoài xinh đẹp, ngài muốn sống tại dấy, nhrnig hai lần Thế Tôn không chấp nhận; cuối cùng, trước lời yêu cầu khẩn khoản, Thế Tôn cho phép. Nhưng ở dây, vì tâm tư bất thiện không chê nệự được? vì bị ruồi muỗi cắn nên tâm ngài không được định tĩnh và ngài lại về hiu hạ

Thế Tôn. Thế Tôn dạy: -Này Meghiya, khi tâm chưa chín muồi để giải thoát, có năm pháp đưa đến tâm trạng ấy. Và bậc Đạo sư giáo giới cho ngài. Nhờ đấy, Meghiya chứng quả A-la-hán và nói lên chánh trí của mình trong bài kệ này: 66. Bậc Đại Hùng giảng dạy, Vượt qua tất cả pháp9 Ta nghe pháp Ngài dạy, sống hoan hỷ cạnh Ngài, Ba minh đã chứng đạt, Lời Phật dạy làm xong.

§67. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO EKADHAMMASAVANĨYA (Ekadhammasavanĩyattheragãthă) (Thag. 10; ThagA. I. 161) Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Setavyã trong gia đình của một vị đại thần. Khi Thế Ton đến Setavyã và ở tại rìmg Simsapã, ngài đến nghe Thế Tôn giảng, đảnh lễ rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn hiểu được tâm tư ngài, dạy pháp cho ngài với câu kệ: "Các hành là vô thường.,,

TRƯỞNG LÃO TẢNG KỆ 871

Ta dấn thân trên đường, Đường đưa đến bất tử. Ngài thật bậc Thiện Xảo, Con đường diệt khổ ách.

§70. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO PUNNA (Punnattheragatha) (Thag. 11; ThagA. L 167) Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở nước Sunãparanta, tại hải cảng Suppãraka trong nhà một thị dân tên Punna (Phú-lâu-na). Phnh

872 KINH TIỀƯ Bộ

vm. PHẨM THỨTÁM (ATTHAMAV4GGA)

§71. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO VACCHAPÃLA (yacchapãlattheragãthă) Ợhag. 11; ThagA. I. 169) Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Rậjagaha, con của một gia đình Bà-la-môn giàu có và được đặt tên là Vacchapãla. Ngài chứng kiến cuộc gặp gỡ giữa Vua Bimbisãra với đức Phật và sự hàng phục của Uruvelã Kassapa trước Thế Tôn nên khởi lòng tin và xin xuất gia. Chỉ trong một tuần, ngài triển khai thiên quán và chứng được Sáu thăng trí. Chứng quả A-la-hán, ngài vui vẻ tán thán quả chứng này và quả chứng Niết-bàn trong bài kệ như sau: 71. Nếu thấy được sự thật, Thật vi diệu, vi tế, Với trí tuệ thiện xảo, Với tâm tư khiêm tốn, Sống rập theo giới luật, Do chính đức Phật dạy, Với người ấy, Niết-bàn, Chứng được không khó khăn.28 Bài kệ này là lời tuyên bố chánh trí của ngài.

§72. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO ÃTUMA (Ẅtumattheragãthă) (Thag. 11; ThagA. I. 171) Trong thời đức Phật hiện tại, ngài được sanh ở Sãvatthi, con của một vị đại thần và được đặt tên là Ãtuma. Khi lớn lên5 người mẹ tìm cho ngài một cô vợ và hỏi ý kiên bà con nhung ngài không chịu vì chán ngây nêp sông gia đình. Mặc dầu đã xuất gia và sống với các Tỷ-kheo, người mẹ vẫn tìm cách cám dỗ ngài hoàn tục. Ngài nói lên chí nguyện của mình với bài kệ như sau: 72. Như cây măng lớn mạnh, Khó vượt khỏi cây cành, Cũng vậy đối với ta, vấn đề đem vợ về, Hãy vui lòng chấp thuận, Nay ta đã xuất gia. Khi đang đứng nói chuyện với mẹ? ngài triên khai thiên quán từ bỏ các câu uế và trở thành vị A-la-hán.

28 Xem Thag. V. 210.

TRƯỞNG LÃO TĂNG KỆ 873

§73. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO MÃNAVA (Mãnavattheragãthẩ) (Thag. 11; ThagA. I. 173) Trong thời đức Phật hiện tại, ngài được sanh ở Sãvatthi, trong nhà một Bà- la-môn danh tiêng. Suốt bảy năm, ngài được nuôi dưỡng trong nhà không ra ngoài và năm lên bảy, được đưa ra ngoài, lân đâu tiên ngài thây một người gi một người bệnh, một người chết. Khi được nghe nói về những sự kiện này, ngài khởi lên sợ hãi. Rôi ngài đi đên tinh xá nghe thuyêt pháp và được cha mẹ cho phép, ngài xuât gia, phát triên thiên quán và chứng quả A-la-hán. Khi đến tinh xá, các Tỷ-kheo hỏi vì sao ngài xin xuất gia sớm và trẻ như vậy? ngài tuyên bố chánh trí của mình và nói lên bài kệ này: 73. Ta thây một người già, Một người khô? bệnh hoạn, Ta thấy một người chết, Với tuổi thọ kiệt quệ9 Do vậy ta thoát ra, Sông đời sông xuât gia, Từ bỏ mọi dục vọng, Hấp dẫn và thích ý.

§74. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO SUYÃMANA (Suyãmanattheragãthă) (Thag. 11; ThagA. LI74) Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Vèsãli, con của một Bà-la-môn. Ngài lớn lên thiện xảo ba tập Vệ-đà? không ưa thích đời sống gia đình, chỉ vui thích thiền định. Ngài gặp Thế Tôn ở Vèsãli, khởi lòng tin, xuất gia và chứng quả A-la-hán khi đầu được cạo tóc. Rồi ngài nói lên sự từ bỏ các triền cái và chánh trí của mình với bài kệ như sau: 74. Với dục tham, sân hận, Với thụy miên hôn trầm, Với trạo hối, nghi ngờ, Vị Tỷ-kheo hoàn toàn, Không còn năm triền cái, Năm triền cái đoạn tận.

§75. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO SUSÃRADA (Susãradattheragãthẩ) (Thag. 11; ThagA. I. 176) Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh tại sanh quán của Tôn giả Sãriputta và được gọi là Susãrada (vì ngài lớn lên chậm chạp). Ngài được Tôn giả Sãriputta giáo hóa và không bao lâu trong địa vị Tỷ-kheo, ngài chửng quả A-la-hán và nói lên chánh trí của mình với bài kệ như sau: 75. Lành thay là tri kiên, Của bậc có luyện tập, Nghi hoặc được căt dứt, Trí giác được tăng trưởng! Cho đến kẻ ngu si, Được đổi thành người trí, Do vậy thật tốt đẹp? Sống giao thiệp người lành!

874 KINH TIỂU Bộ

§76. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO PIYANJAHA (PiyanjahattheragStha) (Thag. 11; ThagA. I.

TRƯỞNG LÃO TĂNG KỆ 875

78. Ta luân hồi nhiều đời, Chạy dài tìm không được,3031 Với ta trong khổ sanh, Khổ uẩn hay biến dạng. Và bài kệ này nói lên chánh trí của ngài.

§79. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO RAKKHITA (Rakkhitattheragãthẩ) (Thag. 12; ThagA. L 183) Trong thời đức Phật hiện tại, ngài được sanh ở thành Devadaha, trong một gia đình quý phái thuộc dòng họ Thích-ca và có tên là Rakkhita. Ngài là một trong năm trăm hoàng tử dòng họ Thích-ca được xuất gia để làm hộ chúng cho Thế Tôn theo quyết định của các vua chúa dòng họ Thích-ca và Koliyã. Đức Phật đã cảm hóa các hoàng tử tuổi trẻ này với Chuyện chim chúa Kunãla^x một bài học về sự nguy hiểm của dục vọng. Liên hệ bài học này với đề mục thiền quán, ngài triển khai thiền quán và chứng

quả A-la-hán. Sau đó suy nghĩ đến sự xuất ly của mình khỏi các phiên não, ngài nói lên chánh trí của mình với bài kệ như sau: 79. Mọi tham ta đã đoạn, Mọi sân được nhổ lên, Mọi si được từ bỏ, Ta mát lạnh, tịch tịnh.

§80. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO UGGA (Uggattheragãthã) (Thag. 12; ThagA. L 184) Trong thời đức Phật hiện tại, ngài được sanh ở Kosala, tại thành phố Ugga, con của một gia đình vị đại thần và được đặt tên là Ugga. Đến tuổi trưởng thành, khi đức Thế Tôn đến thành này, ngài đến nghe đức Thế Tôn thuyết pháp, khởi lòng tin, xuất gia và cuối cùng chứng quả A-la-hán. Rồi ngài tuyên bố đã chặt đứt vòng tái sanh luân hồi và nói lên chánh trí của mình với bài kệ như sau: 80. Mọi nghiệp ta đã làm, Dầu hay là nhiều, Tất cả được đoạn trừ, Nay không còn tái sanh.

30 Phương pháp để không tái sanh nữa. 31 Xem J. V. 412, Kunalajataka (Chuyện chim chủa Kunãla), số §536.

IX. PHẢM THỨ CHÍN (NAK4MAK4GGA)

§81. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO SAMITIGUTTA (Samitiguttattheragãthấ) (Thag. 12; ThagA. I. 185) Trong thời đức Phật hiện tại, ngài được sanh ở Sãvatthi và có tên là Samitigutta (Hộ Chúng). Nghe bậc Đạo sư thuyết pháp, ngài xuất gia và chứng được giới thanh tịnh. Do kết quả nghiệp đời trước nên ngài bị bệnh hủi9 tay chân của ngài rơi xuống từng phần một, ngài sống trong một bệnh xá. Một hôm, Tôn giả SãrÌỊỊutta đến thăm hỏi các bệnh nhân. Thấy Samiti^utta, Tôn giả nói một đề mục thiền quán rằng: "Này Hiền giả, nếu nói về vấn đề năm thủ uẩn thời toàn bộ khổ uẩn là một vấn đề

Sãriputta thuyêt pháp, ngài xuất gia, an trú trên thiên quán và không bao lâu chứng quả A-la-hán. Do vậy, khi dạy cho các Tỷ-kheo, ngài nói lên chánh trí của mình với bài kệ: 85. Thiện xảo tướng của tâm9 Biết vị ngọt viễn ly, Hành thiền, niệm, thận ựọng, Chứng lạc không thế tục.

§86. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO NÃGITA (Nẳgitattheragãthă) (Thag. 13; ThagA. I. 193) Trong thời đức Phật hiện tại, ngài được sanh ở Kapilavatthu, trong gia đình hoàng tộc Thích-ca, tên là Nãgita. Khi đến chỗ của ngài, đức Thế Tôn đã thuyết Kinh Mật hoàn^ ngài khởi lòng tin, xuất gia và không bao lâu chứng quảA-la- hán. Rồi hân hoan với sự thật được đức Phật khai thị và kết quả của việc tu tập giữ giới, ngài nói lên bài kệ này: 86. Ngoài đây có ngoại đạo, Họ dạy những con đường, Không như con đường này, Đưa đen quảNiết-bàn. Thật khác, đức Thế Ton, Giáo giới hàng Tăng chúng, Đạo sư chỉ Niết-bàn, Như thấy trên bàn tay.

§87. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO PAVITTHA (PaviỊỊhattheragãthẩ) (Thag. 13; ThagA. I. 194) Trong thời đức Phật hiện tại? ngài được sanh ở quốc độ Magadha, trong một gia đình Bà-la-môn, tánh thiêii về đời sống ẩn sĩ nên ngài trở thành một du sĩ. Sau thời gian tu luyện kết thúc, ngài đi chỗ này chỗ khác và nghe Upatissa và Kolita (Sãriputta và Moggallãna) xuất gia theo đức Phật, ngài nghĩ rằng: uGiáo hội này chắc chắn là tốt đẹp

nên những bậc hiền triết vĩ đại như vậy mới gia nhập V*O" Và ngài đên nghe đức Phật thuyêt pháp, khởi lòng tin, xuât gia và không bao lâu chứng quả A-la-hán. Ngài nói lên chánh trí của mình với bài kệ này: 87. Thấy như thật các uẩn, Mọi sanh hữu phá hủy, Đoạn sanh tử luân hồi5 Nay không còn tái sanh.

§88. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO AJJUNA (Ajjunattheragatha) (Thag. 13; ThagA. I. 195) Trong thời đức Phật hiện tại, ngài được sanh ở Sãvatthi, trong gia đình một đại thần và được đặt tên laAjjuna. Khi lớn lên, ngài thường tiếp xúc với các đạo sĩ phái Ni-kiền-tử nên xuất gia trong giáo phái này khi còn rất trẻ. Ngài nghĩ rằng sẽ tìm được đạo giải thoát, nhung thật sự không tìm được gì trong Giáo hội

33 Xem M. I. 108, Madhupindikasutta (Kinh Mật hoàn), số 18.

ấy. Ngài gặp được bậc Đạo sư, khởi lòng tin, xuất gia và không bao lâu chứng quả A-la-hán. Hân hoan trong quả chứng của mình, ngài nói lên bài kệ này: 88. Ta có thể tự mình, Kéo nước từ đất liền, Như nước lớn cuốn trôi, Ta thể nhập sự thật.

§89. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO DEVASABHA (THỨ NHẤT) (PaḶhamadevasabhattheragãthẩ) (Thag. 13; ThagA. I. 197) Trong thời đức Phật hiện tại, ngài là con của một hoàng tộc, lên ngôi vua khi còn trẻ. Nhưng khi tỉnh ngộ, ngài đi nghe bậc Đạo sư thuyết pháp, từ bỏ ngôi vua, xuất gia và không bao lâu chứng quả A-la-hán. Ngài hân hoan khi nghĩ đến những uế nhiễm ngài đã từ bỏ và nói lên bài kệ này: 89. Vượt khỏi các bùn nho, Từ vực thẳm trở về, Thoát bộc lưu trói buộc, Mọi kiêu mạn tiêu trừ.

§90. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO SÃMIDATTA (Samidattattheragãthă) (Thag. 13; ThagA. L 199) Trong thời đức Phật hiện tại, ngài được sanh ở Rãjagaha (Vương Xá), con của một Bà-la-môn và được đặt tên là Sãmidatta. Khi đến tuổi trưởng thành, ngài nghe uy lực của đức Phật và đi đến tinh xá với những cư sĩ để nghe bậc Thế Tôn thuyêt pháp, khởi lòng tin và xuât gia. Nhưng vì thiêu kinh nghiệm, trong một thời gian, ngài không nhiệt tâm tu tập. Cuối cùng, lại được nghe đức Phật thuyết pháp, ngài trở nên phấn khởi, nhiệt tâm và chứng quả A-la-hán. về sau, các Tỷ-kheo hỏi ngài: 46Làm sao Hiền giả chứng được pháp thượng nhân?,, Ngài nói lên hiệu năng của giáo pháp, sự tu chứng pháp và tùy pháp. Ngài tuyên bố chánh trí của mình trong bải kệ như sau: 90. Năm uẩn được rõ biết, Tồn tại sẽ cắt đứt, Vòng sanh tử đoạn tận, Nay không còn tái sanh.

X.PHẢM THỨ MƯỜI (DASAMAVĂGGA)

§91. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO PARIPUNNAKA (Paripunnakattheragatha) (Thag, 13; ThagA. I. 200) Trong thời đức Phật hiện tại, ngài được sanh ở Kapilavatthu, trong gia đình thuộc dòng họ Thích-ca. Vì khả năng và tài sản của ngài viên mẫn, ngài có đủ điêu kiện đê luôn luôn thưởng thức các vị ngon nên ngài được biêt với tên là Paripunnaka (Viên Mãn). Nhưng khi ngài được nghe bậc Đạo sư dùng các đồ ăn khất thực, ngài nghĩ: "Thế Tôn được nuôi dưỡng rất được nuông chiều nhưng nay Ngài lại dùng các đô ăn

như vậy đê hưởng Niêt-bàn an lạc. Vậy sao ta lại ham muốn đồ ăn ngon?" Bị dao động, ngài từ bỏ gia đình xuất gia, nhận lây đê mục tu tập vê thân từ nơi bậc Đạo sư, cuôi cùng ngài chứng quảA-la-hán. Rồi ngài nói lên bài kệ này: 91. Dầu có hưởng món ăn, Như cam lồ trăm vị, Nhưng không thê sánh băng, Món ta ăn hôm nay, Đây là pháp vi diệu, Được Phật Gotama, Bậc Tri Kiên Vô Lượng, Đã thuyết giảng cho ta.

§92. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO VUAYA (Vijayattheragãthẩ) (Thag. 14; ThagA. I. 202) Trong thời đức Phật hiện tại, ngài được sanh ở Sãvatthi, trong một gia đình Bà-la-môn và được đặt tên là Vijaya. Khi học giáo lý Bà-la-môn, ngài xuất gia sống cuộc đời của một vị ẩn si, thường trú trong rừng thực hành thiền định. Khi nghe sứ mạng của đức Phật, ngài hoan hỷ đến kính chào và nghe pháp. Rồi ngài xuất gia trong giới luật của đức Phật và không bao lâu chứng quảA-la-hán. Ngài nói lên chánh trí của mình trong bài kệ sau đây: 92. Với ai lậu hoặc đoạn9 Không y tựa đồ ăn, Hành xứ không, vô tướng, Giải thoát cũng như vậy? Như chim trên hư không, Dấu chân thật khó tìm.

§93. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO ERAKA (Erakattheragãthẩ) (Thag. 14; ThagA. I. 203) Trong thời đức Phật hiện tại, ngài được sanh ở Sãvatthi, con của một người

CÓ địa vị và được đặt tên là Eraka. Ngài khôi ngô tuấn tú, làm mọi công việc đều thông suốt thành tựu. Cha mẹ cưới cho ngài một người vợ trẻ đẹp có giới hạnh. Nhimg vì là đời sông cuôi cùng nên ngài cảm thây bât an và tìm đên gặp bậc Đạo sư. Khi nghe bậc Đạo sư thuyết pháp, ngài xin xuất gia. Bậc Đạo sư cho ngài một đề mục để thực tập, nhưng trong một thời gian, ngài bị các tư tưởng bất thiện ám ảnh. Đức Thế Tôn biết được tâm tư của ngài nên động viên với bài kệ. Nghe đức Thế Tôn dạy, ngài suy nghĩ: "Ta đã thực tập đúng đắn chưa? Ta thật ngốc nghếch khi cứ để khởi lên những tư tưởng bất thiện trong khi đang theo tu tập với một bậc Đạo sư như vay." Và trong lúc tâm rất hối hận về sở hành của mình, ngài chú tâm tinh tấn phát triển thiền quán và không bao lâu chứng quả A-la-hán. Ngài nói lên chánh trí của mình với bài kệ sau đây: 93. Hỡi này Eraka, Khổ thay là các dục! Hỡi này Eraka, Không lạc là các dục! Ai tham dục các dục, Là tham dục đau khổ, Ai không tham các dục? Là không tham dục khổ5 Hỡi này Eraka, Hãy biết là như vậy!

§94. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO METTAJI (Mettajittheragatha) (Thag. 14; ThagA. I. 205) Trong thời đức Phật hiện tại9 ngài được sanh ở nước Magadha (Ma-kiệt-đà), con của một vị Bà-la-môn và được đặt tên là Mettaji. Lớn lên, ngài thấy sự đau khổ của dục và sống ở trong rừng làm một vị ẩn sĩ. Khi nghe đức Phật ra đời và do thiện duyên đời trước thúc đây ngài đên gặp đức Phật và hỏi vê sự tiên bộ và thối lui trong tu hành. Câu trả lời của đức Phật khiến ngài phát khởi lòng tin, xuất gia và không bao lâu chứng quảA-la-hán. Với bài kệ này, ngài tán thán bậc Đạo sư: 94. Đảnh lễ đức Thế Tôn, Thích tử, bậc Điềm Lành, Quả chứng này đạt được, Là quả vị thượng thủ, Pháp Ngài khéo thuyêt giảng, Là Chánh pháp tôi thượng.

§95. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO CAKKHUPÃLA (Cakkhupãlattheragãthẩ) (Thag. 14; ThagA. L 206) Trong thời đức Phật hiện tại, ngài đươc sanh ở Sãvatthi, con của người

điền chủ tên Mahãsuvanna và được đặt tên là Pãla. Ngài cũng còn được gọi là Pãla Anh vì em của ngài được gọi là Pãla Em. Cả hai anh em được cha mẹ giao phó cho những công việc trong gia đình. Khi bậc Đạo sư đến tinh xá Kỳ Viên, Pãla Anh giao gia sản cho người em và xuất gia. Sau năm năm làm Sa- di, ngài đi với sáu mươi Tỷ-kheo đê học hỏi Chánh pháp. Các vị này lựa một khu rừng gân một ngôi làng biên địa, tại chô ây, dân làng là các Phật tử cư sĩ và ngài sống trong một chòi lá, tu hạnh viễn ly của một vị độc cư.

882 KINH TIÊU Bộ

Ngài bị đau mắt, thầy thuốc cho thuốc chữa nhưng ngài không nghe theo nên bệnh nặng thêm. Ngài nghĩ: "Thà làm cho chấm dứt các kiết sử của ta còn tốt hơn là chấm dứt bệnh đau mắt." Như vậy, ngài bỏ qua bệnh đau mắt, chỉ lo phát triển thiền quán cho đến khi ngài chứng quả A-la-hán thời cũng mù luôn mắt. Ngài được gọi là vị A-la-hán khô. Các cư sĩ hỏi các Tỷ-kheo về ngài và nghe nói ngài mù nên họ hết lòng săn sóc cho ngài. Rồi các Tỷ-kheo khác cũng chứng quả A-la-hán và đề nghị đi đến Sãvatthi (Xá-vệ) để yết kiến bậc Đạo sư. Nhưng ngài nói: "Tôi yếu và mù, con đường đi không phải là không nguy hiểm. Tôi sẽ làm trở ngại cho các vi• nên các vị• hãy J đi trước,7 thay J mặt • tôi đảnh lễ bậc • Đạo • sư và các đại •• đệ tử khác. Hãy nói với Pãla Em vê tình trạng của tôi và gửi cho tôi một người giúp Các Tỷ-kheo nhận lời và ra đi sau khi từ biệt các vị hộ chủ và sắp đặt cho ngài một chỗ ở. Các Tỷ-kheo làm theo lời dặn của ngài và Pãla Em bảo người cháu tên là Pãlika đi đến giúp đỡ ngài. Các Tỷ-kheo làm lễ xuất gia cho Pãlika vì con đường đi không an toàn cho một người cư sĩ. Pãlika đi đến ngài và cả hai người đều lên đường đi đến Sãvatthi. Giữa đường, Pãlika nghe một nữ nhân hát và đến tình tứ với người ấy. Ngài biết được nên đuổi Pãlika di, một mình đi đến Sãvatthi. Hạnh đức của ngài đã làm cho chỗ ngồi của Sakka (Đế-thích) nóng lên và Sakka hóa hiện thành một người dẫn đường cho ngài đi đên tinh xá Kỳ Viên ngay vào buôi chiêu ây. Trong khi ngài ở Kỳ Viên, Pãla Em lo phụng dưỡng ngài, ngài nói lên bài kệ như sau khi đuổi Pãlika đi: 95. Dầu ta có bị mù, Dâu măt ta hư hoại, Dầu con đường ta đi, Dầu gai góc khó khăn, Ta sẽ tự mình đi, Dấn thân trên đường ấy. Nhưng ta không cùng đi5 Kẻ ác hạnh như vậy.

§96. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO KHANDASUMANA (Khandasumanattheragãthấ) (Thag. 14; ThagA. I. 209) Trong thời đức Phật hiện tại, ngài tái sanh

TRƯỞNG LÃO TĂNG KỆ 883

§97. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO TISSA (Tissattheragãthă) (Thag. 14; ThagA. L 211) Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh tại thành phố Roruva trong một gia đình vua chúa. Khi phụ vương mất, ngài tiếp nối sự nghiệp của vua cha. Là một đồng minh với Vua Bimbisãra, ngài gửi vua các tặng vật châu báu, ngọc ngà và y áo. Vua gửi ngài những tấm tranh về đời sống của đức Phật và một chiếc đĩa bằng vàng khắc giáo lý Duyên khởi. Khi ngài thấy vật này, vì lời phát nguyện trước các đức Phật quá khứ, vì nhân duyên đời sống cuối cùng, ngài suy tư định lý ấy, quán sát qua lại nhiều lần, học thuộc lòng nhiều lần cho đến khi ngài cảm thây dao động và đi đên kêt luận: "Nay ta đã

được thây hình dung của Thế Tôn cùng với giáo lý của Ngài. Các dục đầy những đau khổ, vậy ta sống đời sống gia đình làm gi?" Rồi ngài thoái vị, xuất gia cầm bát bằng đất; Hoàng tử Pukkusãti và quần chúng buồn khóc đi theo. Ngài từ bỏ hoàng cung đi đến Rajagaha (Vương Xá). Tại đấy, ngài ở hang Sappasondika và yết kiến Thế Tôn. Nhờ Thế Tôn thuyết pháp, ngài chứng quả A-la-hán. Nói đến kinh nghiệm bản thân, ngài nói lên bài kệ: 97. Từ bỏ trăm bình bát, Bằng đồng, vàng quý giá, Ta cầm lấy bình bát, Làm bằng đất sét thường. Đây là lần thứ hai, Ta làm lễ Quán đảnh.34

§98. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO ABHAYA (Ạbhayattheragãthẩ) (Thag. 14; ThagA. I. 213) Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sãvatthi trong một gia đình Bà- la-môn, được đặt tên là Abhaya. Sau khi nghe đức Phật thuyết pháp, ngài xuất gia. Một hôm, ngài đi khất thực ở trong làng thấy một nữ nhân ăn mặc rất đẹp, tâm tư ngài bị dao động. Khi trở về tinh xá, ngài suy nghĩ: “Thấy một sắc pháp, tâm ta sanh cấu uế, ta đã phạm lỗi lầm." Từ bỏ tâm tư ấy, ngài phát triển thiền quán và chứng quả A-la-hán. Rồi ngài nói lên sự sai lầm và sự thức tỉnh của ngài ngang qua bài kệ: 98. Thấy sắc, mất chánh niệm, Tác ý tưởng luyến ái? Tâm cảm thọ say mê5 Đắm trước tưởng an trú, Các lậu hoặc tăng trưởng, Đưa đến gốc sanh hữu.

§99. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO UTTIYA (uẫiyattheragãthầ) (Thag. 14; ThagA. I. 215)

Ngài tái sanh ở Kapilavatthu trong thời đức Phật hiện tại, trong một gia đình

34 Xem Thag, V. 862.

khởi lòng tin và xuất gia. Trong thời gian tu học, một lần, khi ngài đi vào làng khất thực, nghe một nữ nhân ca hát, thiên định của ngài bị thôi that và lòng dục khởi lên. Chê ngự tự thân với năng lực quán chiêu, ngài bước vào tinh xá rât dao động, rôi ngài tọa thiên suôt buôi trưa, triên khai tuệ quán và chứng quả A-la-hán. Ngài nói lên sự giải thoát vượt khỏi đau khổ sanh tử nhờ nhàm chán các dục trong bài kệ sau đây: 99. Nghe tiếng, mất chánh niệm, Tác ý tưởng luyến ái, Tâm cảm thọ say mê9 Đắm trước tưởng an trú, Các lậu hoặc tăng trưởng, Đưa đến nhiễm luân hồi.

§100. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO DEVASABHA (THỨ HAI) (Dutìyadevasabhattheragãthấ) (Thag. 14; ThagA. I. 216) Trong thời đức Phật hiện tại, ngài tái sanh trong một gia đình hoàng tộc Thích-ca và được đặt tên là Devasabha. Khi lớn lên, ngài khởi lòng tin khi Thế Tôn giải quyết sự tranh chấp giữa dòng họ Thích-ca và dòng họ Koliyã, ngài xin quy y Ba ngôi báu. Khi đức Phật ở vườn cây bàng, ngài đi đến gặp Thế Tôn? lần này ngài xuất gia, tinh tấn tu tập và chứng quả A-la-hán. An trú trên lạc giải thoát, ngài nói lên sự hoan hỷ của mình với bài kệ như sau: 100. Thành tựu chánh tinh tấn, Sở hành trên niệm xứ, Tràn đầy hoa giải thoát, Vô lậu, sẽ nhập diệt.

XL PHẨM MƯCH MỘT (EKẢDASAMAK4GGÃ)

§101. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO BELATTHANIKA (Belatthãnỉkattheragãthẩ) (Thag. 15; ThagA. I. 217) Tái sanh trong thời đức Phật hiện tại, ở Sãvatthi, trong một gia đình Bà-la- môn, ngài được đặt tên là Belatthãnika. Sau khi nghe đức Phật thuyết giảng, ngài xuất gia, tu tập chỉ và quán trong một khu rừng ở Kosala. Nhưng ngài rât biêng nhác và hay nói lời thô ngữ, do vậy tâm tư ngài không chơn chánh đê tu tập. Thế Tôn biết được thiền quán chín muồi của ngài, khích lệ ngài với bài kệ như sau: 101. Từ bỏ đời cư sĩ, Trách nhiệm chưa làm xong, Dùng miệng như cái cày, Bụng ăn no, biếng nhác, Như con heo to lớn, Đồ ăn thật đầy đủ? Kẻ nhác lại liên tục, Đi đên chô thai tạng. Như thấy đức Bổn sư trước mặt, ngài xúc động mãnh liệt khi nghe bài kệ này và triển khai thiền quán, không bao lâu chứng quả A-la-hán. Ngài dùng bài kệ này nói lên chánh trí của mình.

§102. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO SETUCCHA (Setucchattheragãthẩ) (Thag. 15; ThagA. I. 219) Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh làm con của một vị vua địa phương. Không thể giữ nước nhà độc lập, ngài bị mất ngôi vua. Lang thang trong nước với tâm tư sầu khổ, ngài thấy và nghe Thế Tôn thuyết pháp, xuất gia và chứng quả A-la-hán. Ngài quán chiếu, chỉ bày tác hại của nhiễm ô và nói lên chánh trí của mình trong bài kệ: 102. Bị kiêu mạn lừa đảo, Tâm uế nhiễm trong hành, Lợi, bất lợi dao động, Họ không chứng thiền định.

§103. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO BANDHURA (Bandhurattheragãthẩ) (Thag. 15; ThagA. I. 220) Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở thành Silãvatĩ, con của một người đại thần, được đặt tên là Bandhura. Một hôm, đi đến Sãvatthi có công việc, ngài đi với một sô cư sĩ đên ngôi tinh xá; nghe Thê Tôn thuyêt giảng, ngài khởi

lòng tin, xuất gia và chứng quả A-la-hán. Để đền ơn vị vua của mình đã giúp đỡ cho ngài thành c6ng, ngài đi đến Silãvatĩ để thuyết pháp, giảng cho vị vua về bốn sự thật. Vị vua trở thành một Phật tử, xây dựng một ngôi tinh xá lớn đặt tên là Sudassana cúng dường cho ngài. Ngài cúng dường tất cả cho Giáo hội, đi khất thực như lúc trước và ngài muốn đi đến Sãvatthi. Các Tỷ-kheo nói với ngài: "Hãy ở lại đây với chúng tôi, nếu Hiền giả thiếu thốn điều gì, chúng tôi sẽ tìm kiếm cho Hiền giả!" Ngài trả lời: uTôi không có cần điều gì khác, tôi sống với những gì tôi có được. Tôi tự bằng lòng với vị của Chánh phap." Và ngài nói lên bài kệ: 103. Ta không có cần thiết, Việc này hay vật này, Ta sống trong hạnh phúc, Thọ hưởng được pháp vị. Sau khi uống vị ngọt, Tối thượng và đệ nhất, Ta sẽ không thân thiết, Với thuốc độc, nọc độc.

§104. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO KHITAKA (Khitakattheragãthẩ) (Thag. 15; ThagA. I. 222) Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sãvatthi (Xá-vệ) trong gia đình Bà-la-môn. Khi lớn lên, nghe danh tiếng của ngài Mahãmoggallãna (Đại Mục- kiền-liên) về thần thông lực, ngài nghĩ: uTa rồi cũng sẽ như vay." Thúc đẩy bởi thiện duyên đời trước, ngài xuất gia, tinh tấn tu tập chỉ và quán, không bao lâu chứng được Sáu thăng trí. Rôi dùng Sáu thăng trí ây, ngài băt đâu thi ơn cho chúng sanh với Thần túc thông và Tha tâm thông. Khi các Tỷ-kheo hỏi ngài: “Hiền giả Khitaka, có phải Hiền giả dùng thần

thong?99 Ngài trả lời với bài kệ: 104. Thân ta thật nhẹ nhàng, Cảm xúc hỷ lạc lớn, Như bông thổi trước gi6, Thân ta nhẹ trôi bay.

§105. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO MALITAVAMBHA (Malitavambhattheragãthẩ) (Thag. 15; ThagA. I. 224) Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình Bà-la-môn ở thành phố Kurukaccha. Ngài được Trưởng lão Pacchãbhũ cảm hóa và xuất gia, tu tập thiền quán, ngài trú tại chỗ đồ ăn khất thực Idió kiếm; chỗ nào ba đồ vật dụng cần thiết khó kiếm còn đồ ăn khất thực dễ kiếm thời ngài bỏ đi. Tiếp tục như vậy? nhờ thiện duyên đời trước, ngài trở thành bậc Đại nhân, phát triển thiền quán và chứng được quả A-la-hán. Suy nghĩ trên quả chứng của minh, ngài nói lên bài kệ: 105. Ta không muốn an trú, Khi ta không vừa , Chỗ nào có lạc thú? Ta lien rời bo di. Tại chỗ nào mục đích, Không phải không liên he, Chỗ ấy người có mắt, Có thể an trú được.

TRƯỞNG LÃO TĂNG KỆ 887

§106. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO SUHEMANTA (Suhemantattheragãthẩ) (Thag. 15; ThagA, I. 225) Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở nơi biên địa, con của một Bà-la-môn giàu có? ngài đến nghe đức Phật thuyết pháp tại Lộc Uyển, ở thành phố Sankassa. Ngài xuất gia và trở thành người tụng đọc Ba tạng, cuối cùng chứng được Sáu thắng trí. Ngài suy nghĩ: “Ta đã được những gì một người đệ tử có thể chứng. Vậy ta hãy phục vụ cho Giáo hOi." Rôi ngài thuyêt giảng cho các Tỷ-kheo và giải quyết các vấn đề khó khăn của các vị ấy. Một hôm, ngài nói với đại chúng và các người có trí như sau: 106. Tại chô nào mục đích, Trăm tánh, tướng ân chứa, Kẻ ngu thấy một phần, Người trí thấy trăm phần. Như vậy, vị Trưởng lão nói lên trước các Tỷ-kheo về trí tuệ phân tích biện tài của mình.

§107. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO DHAMMASAVA (phammasavattheragãthẩ) (Thag. 15; ThagA. I. 227) Sanh tại xứ Magadha (Ma-kiệt-đà) trong một gia đình Bà-la-môn, bị thúc đây bởi điêu kiện chín muôi, ngài chọn đời sông xuât gia, bỏ đời sông thê tục. Tìm gặp bậc Đạo sư ở Nam sơn, ngài nghe bậc Đạo sư thuyêt pháp rôi xin xuât gia, sau một thời gian chứng quả A-la-hán. Hoan hỷ với quả chứng của mình, ngài nói lên bài kệ: 107. Cân nhắc, suy tư xong, Ta xuất gia, không nhà, Ba minh ta đạt được, Lời Phật dạy làm xong.

§108. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO PHỤ THÂN CỦA DHAMMASAVA (phammasavapituttheragãthẩ) (Thag 15; ThagA. I. 229) Ngài theo gương người con, nói rằng: “Con ta từ bỏ đời sống thế tục khi còn trẻ như vậy, sao ta không noi theo gương?" Rồi ngài tìm gặp Thế Tôn xin xuất gia, không bao lâu chứng quả A-la-hán và nói lên bài kệ: 108. Với tuôi trăm hai mươi, Ta xuât gia, không nhà, Ba minh ta đạt được, Lời Phật dạy làm xong.

§109. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO SANGHARAKKHITA (Sangharakkhitattheragãthẩ) (Thag. 16; ThagA. L 229) Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình giàu có ở Sãvatthi. Ngài khởi lòng tin, xuất gia, nhận lấy một đề mục để thiền quán và cùng với một Tỷ-kheo sống trong rừng. Không xa chỗ ngài ở, có con nai mẹ nuôi con nai con trong một đám cây rậm rạp. Vì thương con, con nai mẹ không đi xa được nên phải đói

khát do không đủ c6, nước gần đó. Thấy vậy, ngài nói: "Thật vậy, thế

giới này bị ái triền trói buộc, sống trong đau khổ không thể chặt đứt đượcỊ,5 Với cảm thọ ấy như một động lực, ngài phát triển thiền quán, chứng quả A-la-hán. Khi thây một vị đông Phạm hạnh nuôi dưỡng nhiêu tư tưởng sai lâm, ngài giáo giới cho vị ấy ngang qua câu chuyện con nai mẹ và nói bài kệ này: 109. Dầu có sống cô độc, Với lòng thương từ mẫn? Của bậc đã lo nghĩ, Đên hạnh phúc tôi thượng, Vị này vẫn không nghĩ, Đến lời dạy Bổn sư. Như vậy vị ây sông, Với căn còn mộc mạc, Chẳng khác con nai cái, Non yếu trong khu rừng. Khi nghe những lời này? vị Tỷ-kheo kia bị dao động mạnh, phát triển thiền quán và chứng quả A-la-hán.

§110. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO USABHA (Usabhattheragãthẩ) (Thag. 16; ThagA. I. 231) Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình giàu có ở Kosala, ngài khởi lên lòng tin khi bậc Đạo sư nhận lãnh tinh xá Jetavana (Kỳ Viên). Sau khi hành trì hạnh Sa-di, ngài sống trong rừng dưới chân núi. Vào mùa mua, các đám mây mưa xuống cây cỏ trong rừng, các bụi cây, nhóm cây đều đầy những hoa lá. Rồi ngài từ hang đi ra thấy cây cối xanh tươi nên nghĩ rằng: uCác cây và các cây lau này không có ý thức; tuy vậy, khi mùa mưa tiếp sức chúng được lớn mạnh. Sao ta lại không làm lớn mạnh các đức tánh tốt đẹp khi ta đã có thời tiết thuận lọi?" Rồi ngài nói lên bài kệ tuyên bố chánh trí của mình và với tinh tấn nghị lực, ngài chứng quả A-la-hán: 110. Những cây được vươn cao, Nhờ mây mưa tưới mát, Với mưa mới thâm nhuân, Được xanh tươi lớn mạnh. Đối với Usabha, Ưa thích sống viễn ly, Ý thức được rừng núi, Vị ấy khiến sanh khởi, Rất nhiều điều tốt đẹp.

lòng tin khi bậc Đạo sư hội kiến với Vua Bimbisãra (Bình-sa). Sau ngài xuất gia và chứng quả A-la-hán. Khi đã chứng quả A-la-hán5 ngài sống trong rừng chuyên tu hạnh viễn ly, do vậy được gọi là Vanavaccha. Một hôm, ngài muốn giúp ích cho bà con đã đi đến Rặjagaha và sống trong một chỗ ở nhỏ và nói với họ về đời sống giải thoát của mình. Họ nài nỉ ngài: "Thua Trưởng lão, xin ngài hãy trú ở nơi gần tinh xá, chúng tôi mong ngài nhận l&i!" Ngài đã nói cho họ nghe bài kệ hàm chứa lòng yêu mến của ngài đối với núi rừng và đời sông độc cư: 113. Dưới vách dá, tảng đá, Có nước suối trong chảy, Có khỉ và có nai, Lai vãng sông gân bên, Cỏ cây bao trùm nước, Núi rừng ấy ta ưa.35 Bài kệ này trở thành lời nói chánh trí của ngài.

§114. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO ADHIMUTTA (Adhimuttattheragãthẩ) (Thag. 16; ThagA. I. 238) Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình Bà-la-môn giàu có ở Sãvatthi và có tên là Adhimutta. Ngài cảm thấy bất mãn khi nhận ra giáo lý Bà-la-môn không có gì là căn bản. Chứng kiến uy nghi đức độ của đức Phật khi tinh xá Kỳ Viên được dâng cúng, ngài xuất gia và không bao lâu chứng quả A-la-hán. Ngài giáo giới cho các Tỷ-kheo cùng sống với ngài, các vị này rất lực lưỡng, với bài kệ sau đây: 114. Trong nếp sống tâm tư, Hướng về hạnh từ bỏ, Với thân thể thô lỗ5 Nặng nề như thế này, Nếu ham muốn thân thể, Được thọ hưởng các lạc, Từ đâu thành tựu được,

Hạnh của bậc Sa-môn?

§115. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO MAHÃNÃMA (Mahãnãmattheragãthẩ) (Thag. 16; ThagA. I. 239) Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sãvatthi trong gia đình một Bà-la-môn, được đặt tên là Mahãnãma. Ngài được nghe Thế Tôn thuyết pháp, khởi lòng tin và xuất gia. Nhận lây một đê mục đê thiên quán, ngài sông trên một ngọn đồi tên là Nesãdaka. Không thể chặn đứng được các dục tưởng khởi lên, ngài tuyên bố: "Đời này của ta có ý nghĩa gì với tâm tư uế nhiễm như vay." Tự nhàm chán với chính mình, ngài leo lên một đỉnh núi và như muốn lao mình xuông, ngài nói với chính mình như nói với một người khác: "Ta sẽ giêt n6!" với bài kệ như sau: 115. Hãy xem, sao đời nay, Lại chấm dứt ở đây, Với hòn núi nhiêu ngọn, Và nhiêu cây côi này?

35 Xem Thag. V. 601, 1073.

Núi Nesãdaka, Một ngọn núi có danh, Rậm rạp với cỏ cây9 Che kín trùm tất cả. Tự mình trách móc như vậy, vị Trưởng lão phát triển thiền quán và chứng quả A-la-hán. Bài kệ trên trở thành lời tuyên bố chánh trí của ngài.

§116. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO PÃRÃPARIYA (Pãrãpariyattheragũthẩ) (Thag. 17; ThagA. I. 241) Trong thời đức Phật hiện tại, ngài được sanh trong một gia đình Bà-la-môn ở Rajagaha (Vương Xá) và rât giỏi trong ba tập Vệ-đà. Vì ngài thuộc dòng họ Pãrãpara nên còn được gọi là Pãrãpariya và dạy các bùa chú. Ngài thấy trí tuệ và uy nghi của đức Bổn sư trong buổi thuyết pháp ở Rậjagaha nên xin xuất gia và chăng bao lâu chứng quả A-la-hán. Quán chiêu đời sông tu hành của mình, ngài nói lên sự phấn khởi, hân hoan bằng bài kệ: 116. Từ bỏ sáu xúc xứ, Căn môn khéo chế ngự, Gốc tà ác nhổ sạch, Ta đạt lậu hoặc tận. Bài kệ này trở thành lời tuyên bố chánh trí của ngài.

§117. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO YASA (Ỵasattheragãthảị (Thag. 17; ThagA. L 243) Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình nhân sĩ rất giàu có ở Benares (Ba-la-nại). Ngài được nuôi dưỡng rất tinh tế và có ba lâu đài hợp với ba mùa. Một đêm? do nhân duyên quá khứ thúc đẩy, ngài thấy cảnh bất tịnh của những người hầu cận ngài. Quá xúc động trước cảnh tượng ấy, ngài đi đôi dép vàng từ bỏ thành, nhà và được chư thiên mở cửa thành cho. Ngài đi đến Isipatana (chư tiên đọa xứ), vừa đi vừa than: "Oi, sầu khổ thay! Oi, nguy hiểm thay!" Lúc ấy, Thế Tôn đang đi ngoài trời ở Isipatana, thấy Yasa như vậy liền gọi: "Hãy đến dây, này Yasa! Ở dây, không có sầu khổ, không có nguy hiểm!,, Nghe vậy, ngài rất hoan hỷ, cởi dép để một bên5 ngồi xuống bên cạnh Thế Tôn. Bậc Đạo sư thứ lớp thuyết giảng cho Yasa về bốn sự thật. Khi giảng xong, ngài trở thành một Phật tử. Và khi đức Phật thuyết giảng cho phụ thân Yasa lúc ông đến tìm ngài, ngài chứng quả A-la-hán. Rồi đức Phật đưa bàn tay mặt ra đón Yasa và nói: "Hãy đến, này TV-kheo!", khi nói vậy, tóc của Yasa được cắt ngăn lại băng hai ngón tay và có được đây đủ tám vật cân dùng. Suy tư đên quả chứng và nêp sông của minh, ngài cảm thấy hân hoan khi nghe hai chữ: "Hãy đến đây, này Ty-kheo!^ và nói lên bài kệ: 117. Khéo thoa xức, khéo mặc, Dùng mọi loại thời trang, Ta chứng được Ba minh, Lời Phật dạy làm xong.

§118. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO KIMBILA (Kimbilattheragãthă)36 (Thag. 17; ThagA. L 244) Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Kapilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ), trong một gia đình vương tộc Thích-ca và được đặt tên là Kimbila, ngài hưởng được tài sản rất nhiều. Bậc Đạo sư thấy thiền quán của ngài chín muồi khi ỞAnupiya, để khích lệ, Thế Tôn làm hiện lên một nữ nhân trẻ tuổi rất đẹp và làm cho ngài thấy nữ nhân ấy từ tuổi trẻ bước qua tuổi già. Kimbila thấy vậy? chấn động và nói lên bài kệ: 118. Như bị lời trù ỵếm, Tuổi già đến áp đảo? Dung sắc bị đổi khác, Nhimg cũng dung săc trước, Vị ấy như thế nào, Không có gì thay đổi, Nhưng ta chớ tự ngã, Có gì đã đổi khác. Nghĩ đến lẽ vô thường, ngài cảm thấy dao động_ mạnh và đi đến bậc Đạo sư nghe pháp, rồi xin xuất gia và sau một thời gian chứng quảA-la-hán. Ngài nhấn mạnh răng trước đây ngài đã xem mọi sự vật là thường hăng như thê nào băng cách đọc lại bài kệ trên như nói lên chánh trí của mình.

§119. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO VAJJIPUTTA {yajjiputtattheragatha) (Thag. 17; ThagA. I. 246) Trong thời đức Phật hiện tại, ngài được sanh làm con của một vị vua xứ Licchavi ở Vesãli, và được gọi là con của Vajji vì phụ thân thuộc về dòng họ này. Khi còn trẻ, thiên về huấn luyện voi, nhimg do nhân duyên tầm cầu con đường giải thoát chín muồi thúc đẩy, ngài đi đến tinh xá đúng lúc bậc Đạo sư thuyết giảng. Sau khi nghe pháp, ngài xuất gia và không bao lâu chứng được Sáu thăng trí. , L - __ Sau khi bậc Đạo sư vừa nhập Niêt-bàn, ngài cùng với các bậc Trưởng lão đông tâm duy trì Chánh pháp không cho suy suyên và cùng đi hành đạo hêt chô này đên chô kia. Một h6m, ngài thây Tôn giả Ananda đang thuyêt pháp cho một số đông người, để khích lệ Tôn giả Ãnanda chứng quả cao hơn, ngài nói lên bài kệ này: 119. Hây đi đến khu rừng, Rậm rạp những rễ cây, Hãy để cho Niết-bàn, Chìm sâu vào tâm người. Hỡi này Gotama!37 Hãy tu tập thiền định. Việc làm lăng xăng này, Có nghĩa gì cho ông.

36 Bản PTS và Tích Lan viết Kimbilattheragãthã. Bản CST viết Kỉmỉlattheragãthã. 37 Chỉ cho Ãnanda, dòng dõi Gotama.

§120. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO ISIDATTA (Isidattattheragãthổ) (Thag. 17; ThagA, L 248)) tại Vèlugãma, Trong thời đức Phật hiện tại, ngài được sanh trong xứAvanti,3839 làm con của một người trưởng đoàn lữ hành. Ngài trở thành bạn của Citta,39 một gia chủ ở Macchikãsanda bằng cách giao thiệp thư từ, dầu cho hai người chưa gặp nhau. Citta viết cho ngài về sự tuyệt diệu của đức Phật, gửi cho ngài tư liệu về tổ chức Giáo hội, ngài chấn động mạnh và xin xuất gia với dưới sự hướng dẫn của Mahãkaccãna (Đại Ca-chiên-diên). Không lâu sau, ngài chứng được Sáu thắng trí và quyết định đi về đảnh lễ đức Phật. Từ biệt Trưởng lão, ngài đi vê vùng trung tâm40 (thung lũng sông Hăng) yêt kiên đức Bôn sư. Bậc Đạo sư hỏi về sự tiến bộ trên con đường tu hành, ngài trả lời: “Từ khi con tu tập trong Pháp và Luật của Ngài, mọi sâu khô đêu châm dứt và con sông không có sợ hi."Rồi ngài nói lên chánh trí của mình với bài kệ như sau: 120. Năm uẩn được rõ biết, Đứng với rễ chặt dứt, Khổ diệt đã đạt được, Lậu hoặc diệt, ta

chứng.

38 Avanti thuộc hướng Bắc dãy núi Vindhya, phía Đông Bắc Bombay và có kinh đô là Ujenĩ. 39 Citta ở gần Sãvatthi, là một cư sĩ ủng hộ đức Phật rất mạnh mẽ. Đây là bằng chứng đạo Phật được truyền bá nhờ thư từ. 40 Majjhimadesa. Xem Rhys Davids, “The Middle Country”, JRAS., 1904, p. 83ff.

CHƯƠNG II HAI KỆ (DUKANIPATA)

I. PHẨM THỨ NHẤT (B4THAMAK4GGA)

§121. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO UTTARA (Uttarattheragãthẩ) (Thag, 18; ThagA. IL 1) Trong thời đức Phật hiện tại, ngài được sanh ở Rajagaha (Vương Xá), con của một Bà-la-môn có danh tiếng và được đặt tên là Uttara. Ngài thông suốt giáo điên Vệ-đà và có danh tiêng vê gia tộc, dung săc, thông minh, đức hạnh. Vassakãra, một vị đại thần nổi danh ở Magadha (Ma-kiệt-đà)? thấy những thành tích của ngài, muốn gả con gái cho, nhimg ngài đã thiên về hạnh giải thoát nên đã từ chối và đến nghe ngài Sãriputta (Xá-lợi-phất) thuyết giảng. Với lòng tin, ngài xuất gia và làm tròn bổn phận của người Sa-di, hầu cận Tôn giả Sãriputta. Một hôm, Tôn giả Sãriputta bị bệnh, Uttara đang trên đường đi tìm một y sĩ chữa bệnh. Ngài đặt bình bát trên bờ hồ để xuống hồ nước súc miệng. Một người ăn trộm bị lính đuổi chạy ra khỏi cửa thành, khi chạy ngang liền quăng bỏ các châu báu đánh cắp vào trong bình bát của người Sa-di và bỏ chạy. Khi các người lính đên? thây đô châu báu trong bình bát liên băt ngài đưa đên Bà-la-môn Vassakãra đê trừng phạt. Đức Phật quán chiếu thấy thiền quán của ngài đã chín muồi nên đi đến, đặt nhẹ tay lên đầu ngài và nói: í4Đây là kết quả nghiệp duyên đời trước, ông cần phải chấp nhận nhờ sức mạnh quán chiếu,” rồi Thế Tôn thuyết pháp cho ngài. Uttara vì được đức Phật đặt nhẹ tay lên đầu nên tâm tư vô cùng phấn khởi. Nhờ thiền quán chín muồi, nhờ uy nghi đức độ của bậc Đạo su, ngài cảm thọ hỷ lạc, đoạn tận các uê nhiêm, chứng được Sáu thăng trí. Vươn mình lên khỏi cột trụ, ngài đứng trên hư không hiển thị thần thông vì lòng từ mẫn đối với kẻ khác. Trước sự ngạc nhiên của tất cả mọi người, các vết thương của ngài được lành hẳn. Khi được các Tỷ-kheo khác hỏi: "Tpua Hiền giả, làm sao khi Hiền giả đau khổ như vậy, Hiền giả có thể phát triển thiền quán?" Ngài trả lời: "Khi tôi

thấy rõ được sự đau khổ của tái sanh và tánh duyên sanh của sự vật? thời sự nguy hiểm của đau khổ ít hơn, hiện tại không ngăn tôi phát triển thiền quán và chứng được đạo quả.” 121. Không có gì có mặt, Lại thường còn mãi mãi, Không có các hành gi, Lại thường hăng thường trú. Các uẩn được khởi lên9 Đến đời khác diệt vong. 122. Biết được nguy hiêm này, Ta không muốn sanh hữu, Từ bỏ tất cả dục, Ta chứng lậu hoặc tận.

§122. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO PINDOLA BHÃRADVÃJA (Pindolabhãradvặịattheragãthẩỳ (Thag. 18; ThagA. II. 4) Trong thời đức Phật hiện tại, ngài được sanh làm con vị giáo sĩ của Vua Udena xứ Kosambĩ và được đặt tên là Bhãradvậja. Sau khi học ba tập Vệ-đà, ngài dạy lại các bài chú, bài tụng rất thành công

cho các thanh niên Bà-la-môn, nhirng ngài chán ngây với công việc đang làm. Từ giã họ, ngài đi đên Rậjagaha (Vương Xá)? thấy chúng Tỷ-kheo được trọng vọng cúng dường, ngài xuất gia. Với phương pháp đức Phật dạy, ngài tiết độ trong ăn uống và chứng được Sáu thắng trí. Ngài tuyên bố trước đức Bổn sư rằng ngài sẵn sàng trả lời tất cả những câu hỏi của Tỷ-kheo nào nghi ngờ đến con đường và đạo quả. Như vậy? ngài đã rống tiếng rống sư tử và đức Phật ấn chứng cho ngài như sau: "Trong các đệ tử của Ta rầấg tieng rống sư tử, Pindola Bhãradvậja là đệ nhất." Rồi một người bạn cũ, một Bà-la-môn có tánh keo kiết, đến thăm ngài. Ngài khuyên bạn nên cúng dường chứng Tăng. Vì người bạn cũng cho rằng ngài ích r 2 . . kỷ và nghĩ đến tư lợi, nên ngài dùng bài kệ để giáo giới bạn: 123. Nói vê về đời sông sống này, Không phải không có luật, Nhimg các món đồ ăn, Không có gì gần tâm. Do có các món ăn, Thân thể được tồn tại, Thấy vậy ta bộ hành? Tìm kiêm các món ăn. 124. Bậc trí kinh nghiệm răng: Thật sự là đám bùn, Đảnh lễ và cúng dường, Xuất phát tự gia đình, Như mũi tên tế nhị, Rất khó nhổ ra được, Cũng vậy với kẻ ngu, Cung kính khó từ bỏ.12

§123. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO VALLIYA (yallỉyattheragãthẩ) (Thag. 18; ThagA. II. 6) Trong thời đức Phật hiện tại, ngài được sanh ở Sãvatthi (Xá-vệ)5 con của

1 Xem Thag. V. 494, 1051, Mahãkaccãyanattheragãthã (Kệ ngôn của Trưởng lão Mahãkaccãyanã). 2 Xem Tteg. V. 495.

quảA-la-hán5 vì nghiệp duyên quá khứ, ngài không được cung kính và biết đến. Một số Sa-di không biết, khinh thường, ngài làm họ dao động với bài kệ: 129. Nếu chứng được Ba minh, Đoạn tử, không lậu hoặc, Vị ấy vẫn có thể, Không được người biết đến, Và kẻ ngu không biết, Có thể sanh khinh thường. 130. Khi người ấy nhận được, Đồ ăn uống cúng dường, Dầu cho có ác pháp, vẫn được họ kính trọng.

§126. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO MELAJINA (MeỊíựinattheragãthẩ) (Thag. 19; ThagA. II. 11) Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Benares (Ba-la-nại), trong gia đình hoàng tộc và được đặt tên là Melajina. Ngài học giỏi và hạnh đức có tiếng khắp trong nước. Khi Thế Tôn ở Ba-la-nại, tại Isipatana (chư tiên đọa xứ)9 Melajina đến nghe thuyết pháp, khởi lòng tin, xuất gia và chứng quả A-la-hán. Khi các Tỷ-kheo hỏi làm sao ngài chứng được pháp thượng nhân, ngài rống lên tiêng rông sư tử: . o

131. Khi ta nghe Chánh pháp, Bậc Đạo sư thuyêt giảng, Ta thắng tri nghi hoặc, Bậc Toàn Trí, Toàn Thắng. 132. Đối vị Trưởng Lữ Đoàn, Với vị Đại Anh Hùng, Trong các bậc Đánh Xe, Bậc Tối Thắng Vô Thượng, Đối con đường5 lộ trình, Ta không có nghi hoặc.

§127. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO RÃDHA (Rãdhattheragãthẩý (Thag. 19; ThagA. II. 12) Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Rajagaha (Vương Xá), là người Bà-la-môn. Khi đã lớn tuôi, ngài không thê làm được những công việc của mình. Không còn ai quan tâm nên ngài đi đên đức Thê Tôn và bày tỏ ước muôn của mình. Bậc Đạo sư quán chiêu thây những nhân duyên căn bản nơi ngài đã chín muồi nên bảo Sãriputta thu nhận cho phép xuất gia và không bao lâu ngài chứng quả A-la-hán. Sau d6, ngài sống bên cạnh bậc Đạo sư và nhờ được chỉ dạy của bậc Thầy, ngài trở thành một vị nổi bật trong

Tăng chúng về khả năng thuyết giảng giáo pháp bất kỳ lúc nào. Một hôm, quán chiếu thấy rõ các dục vọng sẽ sinh khởi như thế nào nếu không khéo trau dồi chế ngự tự thân, ngài nói lên bài kệ giáo giới như vầy:*

4 Tham chieu: Dh. V. 13, 14; Tăng.(T.02. 0125.18.7. 0591Ò04); Pháp củ kinh "Sopg yếu phanf, (T.04. 0210.9.,0562all); Pháp củ thỉ dụ JSong yếu phẩm^, (T.04. 0211.9. 0582b26); Xuất diệu kinh :1 2m”(T.04. 0212.32. 0758c 12); Pháp tập yếu tụng kỉnh UHỘ tâm phẩm,,(r.04. 0213.31. 0795b06).

TRƯỞNG LÃO TÀNG KỆ 899

133. Như mái nhà vụng lợp, Mưa dễ thấm ướt vào, Cũng vậy tâm vụng tu, Tham ái được xâm nhập. 134. Như mái nhà khéo lợp, Mưa không thể thấm vào? Cũng vậy tâm khéo tu, Tham ái không xâm nhập.5

§128. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO SURÃDHA (Surãdhattheragãthấ) (Thag. 19; ThagA. II. 13) Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh làm em trai của Rãdha. Noi theo gương của người anh, ngài xuất gia và chứng quả A-la-hán. Đê nêu rõ việc tu tập theo sự hướng dẫn của giới luật, ngài nói lên chánh trí của mình như sau: 135. Sanh của ta đã tận, Chiên Thăng dạy làm xong, Lưới danh được đoạn diệt, Gốc sanh hữu nhổ lên. 136. Mục đích hạnh xuất gia, Bỏ nhà, sông không nhà, Đỉch ấy đã đạt được, Mọi kiết sử diệt xong.6

§129. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO GOTAMA (Gotamattheragãthẩ) (Thag. 19; ThagA. II. 15) Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Rãjagaha (Vương Xá), trong một gia đình Bà-la-môn và được đặt tên là Gotama. Khi còn trẻ, ngài giao du với bạn bè không tot, bao nhiêu tài sản đem cho kỹ nữ. Hôi hận nêp sông bât chính của mình, ngài mơ thấy hình ảnh bậc Đạo sư đang ngồi với tâm tư hiểu biết tâm trạng của ngài. Bậc Đạo sư biêt được tiên bộ của ngài, sự thành tựu các nhân duyên thiết yếu nên thuyết pháp cho ngài. Ngài khởi lòng tin, xuất gia, chứng quả A-la-hán khi con dao đụng đến tóc ngài. Khi ngài đang thọ hưởng lạc thiền định và quả giải thoát, một cư sĩ hỏi về tài sản của ngài. Ngài thú nhận trước đây đã có một cuộc sống nhiễm ô; và với sự trong sạch, không có dục vọng trong hiện tại, ngài nói lên chánh trí của mình: 137. Bậc ẩn sĩ nằm ngủ, Sống an lạc hạnh phúc, Họ không bị nữ nhân, Trói buộc và chi phối. ĩ

Nữ nhân phải luôn luôn, Phòng hộ và chê ngự, Sự thật về nữ nhân, Thật khó được chấp nhận! 138. Hỡi này các dục vọng! Ta quyêt giêt các ngươi, Nay chúng ta đối ngươi, Không còn gì nợ nần. Chúng ta nay đi đến, Cảnh giới gọi Niết-bàn, Đi đến tại chỗ ấy, Không còn có sầu muộn.

5 Kệ 133-14, xem V. 13-4. 6 Xem Thag. V. 380, 605, 657, 793, 1195.

900 KINH TIÊU Bộ

§130. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO VASABHA (Vasabhattheragãthẩ) (Thag. 19; ThagA, II. 17) Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Vesãli, con của vị vua địa phương Licchavi. Được cảm hóa bởi uy nghi đức độ của đức Phật khi Ngài đến thăm Vesãli, ngài xuất gia và không bao lâu chứng quả A-la-hán. Biêt ơn những ai ủng hộ mình, ngài

không có từ chôi những vật dụng được cúng dường và hưởng thọ các vật cúng dường ấy. Người thường cho rằng ngài thích thọ hưởng nhưng ngài không để ý những lời phê bình. Gần ngài có một vị Tỷ-kheo giả dối, lừa gạt quần chúng bằng cách giả dối sống thiểu dục tri túc, do vậy được quần chúng tôn trọng. Rồi Thiên chủ Sakka (Đế-thích) thấy được sự giả dối này, đi đến Trưởng lão Vasabha hỏi: "Thua Tôn giả, kẻ giả dối kia sao lại làm vay?95 Ngài trả lời với bài kệ chỉ trích kẻ ác bất thiện kia: 139. Trước nó giết tự ngã, Sau nó giết người khác, Họ khéo giết tự ngã, Như chim mồi mồi chim. 140. Không phải Bà-la-môn, Với dung sắc bên ngoài, Bà-la-môn chính thống, Phải dung sắc bên trong. Với ai làm ác nghiệp, Người ấy là hắc nhân, Là chồng của Sujã.7

7 Sujapati. Chồng của Sujã, một tên khác chỉ cho Sakka.

n. PHẨM THỨ HAI (DUTIY4K4GGA)

§131. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO MAHÃCUNDA (Mahãcundattheragũthẩỷ (Thag. 20; ThagA. II. 18) Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở nước Magadha (Ma-kiệt-đà), làng Nãlaka, con của nữ Bà-la-môn Rũpasãrĩ và là em trai của Sãriputta. Ngài theo gương anh, xuất gia và sau một thời gian tinh cần tu hành, chứng được quả A-la-hán. Phấn khởi với quả chứng của mình và đời sống viễn ly, ngài nói lên bài kệ: 141. Khéo nghe, nghe tăng trưởng, Nghe tăng trưởng, phát tuệ? Nhờ tuệ biết ý nghĩa, Nghĩa được biết, lạc đến. 142. Hãy trú chô xa văng, Hãy sống thoát kiết sử, Tại dấy, hỷ chưa đạt, Hãy sống giữa chúng Tăng, Tự ngã được chế ngự, An trú trong chánh niệm.

§132. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO JOTIDASA ựotìdãsattheragãthẩ) (Thag. 20; ThagA. II. 21) Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh làm con của một Bà-la-môn giàu có ở xứ Pădiyattha, được đặt tên là Jotidasa. Khi đên tuôi trưởng thành, một hôm ngài thấy Tôn giả Mahãkassapa (Đại Ca-diếp) đi khất thực, ngài đón Tôn giả tại nhà và nghe Tôn giả thuyết pháp. Trên một ngọn đồi gần làng, ngài dựng lên một tinh xá lớn cho Tôn giả, cúng dường Tôn giả bốn vật dụng cần thiết. Xúc động với lời dạy của Tôn giả, ngài xuất gia và không bao lâu chứng được Sáu thắng trí. Sau mười năm, ngài học Ba tạng, đặc biệt là Luật tạng, phục vụ Tăng chúng và đi đến Sãvatthi cùng với một số đông Tỷ-kheo để yết kiến đức Phật. Trên đường di, ngài đến vườn của một ẩn sĩ, thấy một Bà-la-môn hành trì khổ hạnh năm pháp, ngài hỏi: "Này Bà-la-môn, sao ông không đốt với một thứ lửa khác?" Vị Bà-la-môn tức giận trả lời: “Này kẻ trọc đầu kia, ngọn lửa khác là gi?” Trưởng lão trả lời: Sân, tật đố, ác hạnh, Mạn kiêu và tranh chấp, Tham ái và vô minh, Lòng ưa muốn tái sanh, Những pháp này đốt cháy, Thiêu đốt cả thân ông.

8 Xem s. I. 154, Andhakavindasutta (Kỉnh Andhakavindà)', Mỉln. 402.

Rôi ngài thuyêt pháp cho người ây và tât cả những người tin vào Phạm thiên xin ngài được xuất gia. Khi từ giã Sãvatthi, ngài đến thăm gia đình cũ và giáo giới cho bà con như sau: 143. Những ai dùng dây thừng, Hành cướp giật nhiều cách, Những người tâm hung bạo, Làm não hại người khác, Như vậy họ gieo hại, Vì nghiệp không tiêu mất. 144.

Người nào làm nghiệp gi, Nghiệp thiện hay nghiệp ác, Họ thừa tự nghiệp ây, Loại nghiệp họ đang làm.

§133. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO HERANNAKANI (Herannakãnittheragãthầỷ (Thag. 20; ThagA. II. 23) Trong thời đức Phật hiện tại9 ngài sanh làm con trai của một điền chủ ở Kosala và cầm đầu bọn cướp. Khi phụ thân ngài mất, ngài thừa tự chức vụ ấy. Được cảm hóa khi chứng kiến lễ đức Phật tiếp nhận Jetavana (Kỳ Viên), cho người em trai thê chức vụ, ngài xuất gia và không bao lâu chứng quả A-la-hán. Rồi ngài tìm cách khuyên em từ bỏ nghề cũ9 và thấy người em thích thú con đường của mình, ngài khích lệ em với bài kệ như sau: 145. Đêm ngày chạy trôi qua, Mạng sống bị tổn giảm, Tuổi thọ người hủy diệt, Như nước dòng suối nhỏ. 146. Kẻ ngu làm ác hạnh, Không hiểu việc mình làm, về sau bị khổ đau, Khi ác nghiệp chín muồi. Nghe lời khuyên của ngài, người em xin phép vua nghỉ việc, xuất gia và không bao lâu được giải thoát.

§134. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO SOMAMITTA (Somamittattheragãthă)9 10 (Thag. 20; ThagA. II. 24) Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Benares trong một gia đình Bà-la-môn, được đặt tên là Somamitta. Ngài trở thành một vị thông hiểu ba tập Vệ-đà và được Trưởng lão Vimala cảm hóa, ngài xuất gia sông gân vị Trưởng lão, làm trọn bôn phận của mình. Nhưng vị Trưởng lão trở thành biêng nhác và ham ngủ, Somamitta suy nghĩ: “Ai có giới đức có thể sống gần một người biếng nhác?59 Rồi ngài đi đến Tôn giả Mahãkassapa (Đại Ca-diếp) nghe thuyết giảng, phát triển thiền quán, không bao lâu chứng quả A-la-hán. Rồi ngài chỉ trích Vimala với những câu kệ như sau:

9 XemQ/z. V. 136; Pháp củ kinh :Ngu ampharn^ (r.04. 0210.13. Q563bl8); Pháp củ thỉ dụ kỉnh^^ỷm phẩm,, (T.04. 0211.13. 0586al8); Xuất diệu kinh 4tHanh phẩm^, (T.04. 0212.10. 0668a04); Pháp tập yếu tụng kinh “Nghiệp ph/m” (T.04. 0213.9. 0781C10). 10 Xem Thag. V. 264; s. II. 157, Sagãthãsutta (Kinh Có)It. 69; Tạp.(r.02. 0099.446. 0115al2); Tạp.(T.62. 0099.448. 0115b24y

TRƯỞNG LÃO TÀNG KỆ 903

147. Như leo trên ván nhỏ, Giữa biển lớn bị chìm, Cũng vậy đến kẻ nhác, Người hạnh tốt cũng chìm, Do vậy hãy bỏ đi, Kẻ làm biếng, làm nhác. 148. Hãỵ sống gần bậc Thánh, Bậc viễn ly, tinh cần, Thiền định thường tinh tấn, Bậc Hiền trí sáng suốt. Nghe vậy, Trưởng lão Vimala rất xúc động, phát triển thiền quán, tự mình tinh tấn để được giải thoát, không bao lâu chứng đạt được mục đích.

§135. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO SABBAMITTA (Sabbamỉttattheragãthă) (Thag. 20; ThagA. II. 26) Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình Bà-la-môn ở Sãvatthi và được đặt tên là Sabbamitta. Chứng kiến lễ dâng cúng tinh xá Kỳ Viên, ngài thây được uy nghi đức độ của đức Phật nên khởi lòng tin và xuất gia. Ngài được dạy một đề mục để thiền quán và vào trú tại một khu rừng. Sau mùa mưa, ngài đi đến Sãvatthi để đảnh lễ đức Phật. Trên đường di, ngài thấy một con nai con bị sa vào bẫy của người thợ săn. Con nai mẹ tuy không bị lưới chụp nhưng vì thương nai con nên không đi xa cũng không dám đến gàn cái bẫy, còn nai con lăn lộn qua lại, kêu lên những tiếng thảm thiết. Vị Trưởng lão suy nghĩ: uÔi9 tình thương đã đem lại sự đau

khổ cho các loài hữu tinh!" Đi xa hơn nữa9 ngài thấy nhiều tên cướp đang lấy rơm cột vào một người chúng bắt được để đem thiêu sống. Nghe tiếng khóc la của người sắp bị thiêu, vị Trưởng lão cảm thấy sầu khổ đối với hai sự việc ấy, liền nói lên bài kệ cho các tên cướp nghe: 149. Người trói buộc vào người, Người bám víu vào người, Người bị người làm hại, Và người làm hại người. 150. Lợi ích gì ngươi ấy? Hay con cháu người sanh? Hãy bỏ người ấy di, Người làm hại nhiều người! Nói như vậy xong, ngài thành tựu thiền quán, chứng quảA-la-hán. Còn các tên cướp nghe lời giáo giới của ngài, cảm thây xúc động, từ bỏ thê tục và thực hành Chánh pháp.

§136. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO MAHÃKÃLA (MahãkãỊattheragãthẩ) (Thag. 21; ThagA. II. 27) Trong thời đức Phật hiện tại9 ngài sanh ở thành Setavyã, trong gia đình một người lái buôn và được đặt tên là MahãkãỊa. Khi đên tuôi trưởng thành, vân còn sống với gia đình, ngài đem theo năm trăm xe hàng hóa đến buôn bán ở Sãvatthi. Có một buổi chiều, khi đang nghỉ ngoi, ngài thấy các cư sĩ đem hương hoa đi đến tinh xá Jetavana (Kỳ Viên) và ngài đi theo. Tại dấy, ngài nghe đức Phật thuyết pháp, khởi lòng tin và xuất gia. Ngài quyết định lựa chọn nghĩa địa làm đề mục thiền quán và trú tại nghĩa địa.

Một hôm, một người đàn bà tên KãỊĩ làm nghề thiêu đốt thân thể, muốn cho vị Trưởng lão thêm đề mục thiền quán nên chặt hai chân và hai tay của một thân mới thiêu, đập bể sọ đầu có hình dạng như cái bát đựng sữa, sắp đặt tất cả gần chỗ bậc Trưởng lão để ngài nhìn rõ và ngồi xuống một bên. Vị Trưởng lão thấy vậy5 liền tự sách tấn mình với những bài kệ như sau: 151. NữKãỊĩđẫyđà, Dung sắc như quạ đen, Bẻ gãy một bắp vế, Lại bẻ bắp vế nữa, Bẻ gãy một cánh tay, Lại bẻ cánh tay nữa, Lại bẻ gãy cái đầu, Như bát đựng sữa đông. Này KãỊĩ ngồi xuống, Với lòng tin sẵn sàng! 152. Ai không rõ biết vậy, Lại tác thành sanh y, Kẻ ngu bước đi đến, Chịu khổ đau liên tục. Do vậy ai hiểu biết, Không tạo nên sanh y, Ta sẽ không năm xu6ng, Với đầu bị bẻ nát.

§137. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO TISSA (Tissattheragãthă) (Thag. 21; ThagA. II. 29) Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Rajagaha (Vương Xá)5 trong một gia đình Bà-la-môn và được đặt tên là Tissa. Ngài trở thành một vị tinh thông ba tập Vệ-đà? giảng bùa chú cho hơn năm trăm Bà-la-môn trẻ và danh tiếng đồn vang. Khi Thế Tôn đến RặỊagaha (Vương Xá), Tissa thấy uy nghi, đức độ của đức Phật, khởi lòng tin và xuất gia. về sau, ngài phát triển thiền quán, chứng quả A-la-hán và nhờ vậy? ngài nổi tiếng hơn nữa. Có một sô Tỷ-kheo tâm còn phàm phu thây ngài được trọng vọng nên không thể chịu nổi. Ngài biết như vậy, đã nói lên sự nguy hiểm của danh vọng và sự thoát ly của ngài đối với danh vọng ngang qua những vàn kệ này: 153. Vị trọc đầu đắp y, Được nhiều kẻ thù oán, Khi nhận đồ ăn uống, Vải mặc và chỗ nằm. 154. Biết nguy hiểm như vậy, Biết có sợ hãi lơn? Trong cung kính cúng dường, Vị Tỷ-kheo xuất gia, Nhận ít, không tham đắm, Luôn luôn giữ chánh niệm.

§138. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO KIMBILA (Kỉmbilattheragãthẩ)ỴỴ (Thag. 21; ThagA. II. 30) Việc ngài gặp đức Phật, chấn động và xuất gia đã được nói trong chương I với

câu kệ: CÍNhư bị lời trù yếm? tuổi già đến áp d0,..Ở dây, vị Trưởng lão sống thân thiết với các vị đồng Phạm hạnh như Tôn giả Anuruddha, Tôn giả Bhaddiya, những Tôn giả trong vương tộc Thích-ca.

11 Bản PTS và Tích Lan viết Kỉmbilattheragãthã. Bản CST viết Kỉmilattheragãthã.

155. Trong vườn Trúc phía Đông, Các Thích tử thân hữu, Từ bỏ những tài sản, Không phải là ít ỏi, Vui thích với những gì, Nhận được từ bình bát. 156. Siêng, tinh cần, tinh tấn, Thường kiên trì, hăng hái, Ưa thích lạc pháp vị? Từ bỏ lạc thế gian.

§139. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO NANDA (Nandattheragãthẩ) (Thag. 21; ThagA. II. 32) Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Kapilavatthu, con của Vua Suddhodana (Tịnh Phạn) và bà Mahãpạjãpatĩ, vì đem lại hoan hỷ cho dòng tộc nên được gọi tên là Nanda. Khi ngài đến tuổi trưởng thành, cũng lúc ây, bậc Đạo sư chuyển bánh xe pháp đi đến Kapilavatthu với lòng từ mẫn độ chúng sanh. Nhân dịp trời mưa rào, Thế Tôn kể chuyện tiền thân Vessantara. Trong ngày thứ hai, với câu kệ: 64Hãỵ đứng day!" Thế Tôn giúp cho phụ thân chứng quả Dự lim. Với câu kệ: uHãy sống theo Phạm hạnh!” Thế Tôn giúp bà Mahãpạiãpatĩ cũng chứng quả Dự lưu, rồi Thế Tôn giúp phụ thân chứng thêm quả Nhất lai. Ngày thứ ba, khi đi khất thực tại phòng đăng quang, lúc mọi người đang chúc mừng Hoàng tử Nanda trong ngày lễ đám cưới, bậc Đạo sư đưa bình bát, bảo đi theo bậc Đạo sư đến tinh xá và đức Phật độ cho Nanda xuất gia, dầu ngài không bằng lòng. Từ lúc ây5 biêt được Nanda không ưa thích đời sông xuât gia, bậc Đạo sư tiêp tục giáo hóa cho đến khi Nanda nhờ thiền định5 phát triển thiền quán và đạt được quả vị A-la-hán. về sau, hưởng thọ lạc giải thoát, ngài nói: "Oi, tuyệt diệu thay, pháp môn Phật dạy! Nhờ vậy ta thoát khỏi sa lây vào đâm tái sanh, đứng được trên bãi cát Niết-bàn." Phấn khởi với suy nghĩ này, ngài nói lên những bài kệ: 157. Không như lý tác ý? Ta chuyên trang sức ngoài, ĩ

Ta thô tháo, dao động, Say đăm trong tham dục. 158. Với phương tiện thiện xảo, Ta, Bà Con Mặt Trời, Được hướng về chánh lý, Làm ta thoát sanh hữu. Thế Tôn biết được quả chứng tự tu, tự luyện của ngài, tuyên bố ngài là bậc Tự chế ngự đệ nhất trong các đệ tử của Thế Tôn.

§140. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO SIRIMA (Sirìmattheragãthă) (Thag. 21; ThagA. II. 34) Trong thời đức Phật hiện tại5 ngài sanh ở Sãvatthi (Xá-vệ), trong nhà một thị dân và được đặt tên là Sirima, vì gia đình ngài luôn được may mắn và thành công. Em trai của ngài, khi sanh ra, tài sản trong gia đình tăng thịnh nên được đặt tên là Sirivaddha (tăng trưởng sự may mắn). Cả hai anh em thấy được uy nghi, đức độ của đức Phật trong dịp lễ dâng cúng Kỳ Viên lên đức Phật, đã khởi

lòng tin và xuât gia. Sirivaddha dâu chưa chứng pháp thượng nhân nhưng được hàng cư sĩ và hàng xuất gia tôn kính hoan nghênh, trong khi Sirima do duyên đời trước nên ít được cung kính, tuy vậy, vẫn luôn nỗ lực tu tập về chỉ và quán nên không lâu sau

chứng được Sáu thắng trí. Các Tỷ-kheo bình thường và các Sa-di không biết ngài chứng được Thánh quả, tiếp tục khinh thường ngài và cung kính em của ngài. Rồi ngài đã đọc lên bài kệ nói lên sự sai lầm của họ: 159. Người khác tán thán nó, Kẻ tự ngã chưa định, Người khác khen sai lâm, Kẻ tự ngã chưa định. 160. Người khác chỉ trích nó5 Kẻ tự ngã đã định, Người khác chê sai lầm, Kẻ tự ngã khéo định. Rồi iởĩếR(9ếồ(9ri5ởĩếR(atr Q®bmúàƯ8ồy1ốởụ/đ9QóPó8yẻ1Q8Qú/ởđQQètQQƯộìMởẬKởQ

TRƯỞNG LÃO TÀNG KỆ > 907

ni.PHẢMTHỨBA (TATIIAVAGGA)

§141. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO UTTARA (Uttarattheragãthẫ) (Thag. 22; ThagA. II. 37) Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sãketa, trong một gia đình Bà- la-môn và được đặt tên là Uttara. Bị cảm hóa bởi thần thông song hành tại cây Gandamba ở Sãvatthi, ngài được khích lệ xuất gia khi bậc Đạo sư ở Sãketa thuyết pháp tại Kãlakãrãma. Đi với bậc Đạo sư đến Rajagaha (Vương Xá), ngài phát triển thiền quán, chứng được Sáu thắng trí. Trở về Sãvatthi để hầu cận đức Phật, các Tỷ-kheo hỏi ngài: "Thua Hiền giả, Hiền giả đã thành tựu những gì trong sự nghiệp giải thoát?" Ngài nói lên chánh trí của mình với bài kệ như sau: 161. Ta liễu tri các uẩn, Ta khéo nhổ tham ái, Ta tu tập giác chi, Ta đạt lậu hoặc diệt. 162 Do liễu tri các uẩn, Thoát ly kẻ gài lưới,1213 14 Tu tập giác chi xong, Ta sẽ nhập Niếtbàn, Các lậu hoặc tận diệt.

§142. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO BHADDAJI (Bhaddajittheragãthẩ)u (Thag. 22; ThagA. II. 38) Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Bhaddiya (tại Avanti, phía Đông Magadha), con của một đại thần giàu có đến tám trăm triệu đồng tiền vàng, ngài được đặt tên là Bhaddiya và được nuôi lớn trong sự nuông chiều sang trọng, giống như Bồ-tát trong đời sống cuối cùng của Ngài. Chú giải kể câu chuyện ngài chứng quả A-la-hán khi nghe đức Phật thuyết pháp lần đầu tiên5 chính đức Phật đích thân đến tìm ngài. Ngài đi theo bậc Đạo sư và Tăng đoàn; sau một tuần đến tại Kotigãma và đi đến bờ sông Hằng, ngài nhập thiền định. Ngài chỉ xuất định khi đức Phật đến gần và không vâng lời các vị Trưởng lão đi trước. Để xác minh quả chứng vô thượng của ngài, đức Phật mời ngài lên chiếc phà của Ngài và yêu cầu ngài hiện thần thông. Bhaddiya làm nổi lên cung điện bị chìm khi ngài trú tại dấy, trong thời ngài là Vua Panãda. Câu chuyện này được kể trong Chuyện Đại vương Mahãpanãda}4 Ngài diễn tả lâu đài bằng

12 Chỉ cho tham ái. 13 Xem J. II. 334, Mahãpanãdạiãtaka (Chuyên Đại vương Mahãpanãdà), số §264. 14 Như trên.

vàng? ngài đã sống trong ấy một thời gian. Rồi ngài nói về ngài khi tự ngã được đoạn diệt như là một người khác: 163. Panãda là tên, Của vị hoàng đế ấy, Với trụ lễ bằng vàng, Ngang có mười sáu nhà, Tính về lượng bề cao, Cao hơn một ngàn lần. 164. Có đến ngàn tam cấp, Với trăm nóc hình tròn, Trang hoàng với cờ xí, Với ngọc báu chói sáng. Ở đấy, càn-thát-bà, Các tiên nữ hát múa, Con số lên sáu ngàn, Với tổng số bảy đoàn.

§143. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO SOBHITA (Sũbhitattheragãthẩ) (Thag. 22; ThagA. II. 41) Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sãvatthi, trong một gia đình Bà- la-môn và được đặt tên là Sobhita. Sau khi được nghe bậc Đạo sư thuyết pháp, ngài xuất gia và chứng được Sáu thắng trí. Ngài thực hành nhớ đến các đời sống quá khứ, thành tựu Túc mạng thông, được đức Phật ấn chứng là vị Nhớ đến đời sông quá khứ đệ nhất. Hoan hỷ phân khởi trong quả chứng của mình, ngài nói lên những bài kệ: 165. Tỷ-kheo giữ chánh niệm, Với trí tuệ tinh cần, Một đêm ta nhớ đến, Có đến năm trăm kiếp. 166. Ta tu bốn niệm xứ, Bảy giác chi, tám Thánh, Một đêm5 ta nhớ đến, Có đến năm trăm kiếp.

§144. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO VALLIYA (Vàỉỉiyattheragãthẩ) (Thag. 22; ThagA. II. 43) Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Vesãli, trong một gia đình Bà- la-môn và được đặt tên là Kanhamitta. Khi đến tuổi trưởng thành, ngài thấy uy nghi đức độ của đức Phật khi đến Vèsãli, khởi lòng tin và xuất gia dưới sự hướng dẫn của Tôn giả Mahãkassapa (Đại Ca-diếp). Với trí tuệ chậm chạp và mới bắt đầu tinh tấn, ngài phải dựa vào trí tuệ của các đồng Phạm hạnh đến nỗi ngài được gọi là Vàlliya (loài cây leo), vì loài cây này không thể tự lớn được nếu không dựa vào một vật gì. Một hôm, trong khi đi nghe Trưởng lão Vènudatta giảng, ngài trở nên sáng suốt, trí tuệ chín muồi, ngài đã hỏi vị thầy rất giỏi của mình rằng: 167. Những bổn phận cần làm, Với tinh cần tinh tấn, Những bổn phận cần làm, Với người muốn giác ngộ, Con sẽ làm tất cả? Con không có thối thất, Hãy xem sự tinh tấn, Sự nỗ lực của con.

TRƯỞNG LÃO TẢNG KỆ 909

168. Ngài hãy nói cho con, Con đường nhập bất tử, Với yên lặng thiền tư, Con đạt Thánh yên lặng, Như dòng sông Hằng Hà, Nhập sâu vào biển cả.

§145. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO VĨTASOKA (yĩtasokattheragãthă) (Thag. 22; ThagA. II. 45) Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh vào năm thứ 218, là em trai Vua Dhammãsoka (Chánh Pháp A-dục), được đặt tên là Vĩtasoka. Đen tuổi trưởng thành, ngài thành tựu những đức tánh thích hợp với tuổi trẻ hoàng tộc. Rồi ngài trở thành đệ tử của Trưởng lão Giridatta, thông hiểu về Kinh tạng và Luận tạng A-tỳ-đàm. Một hôm, khi đang cắt tóc, ngài lấy gương soi, thấy một vài sợi tóc bạc. Bị dao động mạnh, ngài phát triển thiền quán, với sự nỗ lực cố gắng thiền định khi đang ngồi, ngài chứng quả Dự lưu. Ngài xuất gia dưới sự hướng dẫn của Trưởng lão Giridatta và không bao lâu chứng quả A-la-hán. Ngài tuyên bố chánh trí của mình với bài kệ: 169. Hãy cạo tóc cho ta, Người cạo tóc đã đến, Ta cầm lấy cái gương, Quan sát thân thể ta. 170. Thân được thấy trống rỗng, Chìm tối trong đêm đen, Mọi vải quấn chặt đứt, Nay không còn tái sanh.

§146. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO PUNNAMASA (Punnamãsattheragãthã) (Thag. 23; ThagA. II. 46) Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sãvatthi, trong gia đình một vị điền chủ. Khi sanh đứa con đầu tiên, ngài xuất gia, sống gần một làng, ngài tinh tấn tu hành cho đến khi chứng được Sáu thắng trí. Ngài đi đến Sãvatthi đảnh lễ bậc Đạo sư và ở tại nghĩa địa. Rồi đứa con ngài chết, vợ cũ của ngài không muốn tài sản bị vua tịch

thu vì không có thừa tự nên đi đến ngài với một số đông tùy tùng và yêu cầu ngài từ bỏ đời sống xuất gia. Muốn nói lên sự giải thoát thế tục và quả chứng của mình, ngài đứng trên hư không nói lên những bài kệ: 171. Từ bỏ năm triền cái, Đạt an ổn khỏi ách? Nắm giữ gương Chánh pháp, Biết và thấy tự ngã. 172. Ta quán sát than này, Từ trong cho đến ngoài, Thân được thấy trống không, Trong thân cả ngoài thân.

§147. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO NANDAKA (Nandakattheragãthẩ) (Thag. 23; ThagA. II. 48) Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Campã, trong một gia đình thị dân và được đặt tên là Nandaka. Ngài là em trai của Bharata [sẽ được nói đến sau]. Cả hai được nghe Sona KoḶivisa thuyết pháp liền xuất gia, nghĩ rằng:

"Sona được nuôi dưỡng tê nhị còn xuất gia được huông là chúng ta?" Bharata chứng ngay Sáu thắng trí, còn Nandaka vì còn nhiều tư tưởng không trong sạch, không thể làm chủ trong sự quán chiếu, chỉ có thể kiên nhẫn hành trì. Rồi Bharata muốn giúp đỡ ngài, bảo ngài làm thị giả và cả hai cùng ra đi. Ngồi bên vệ đường, Bharata thuyết pháp cho ngài về thiền quán. Có một đoàn lữ hành đi ngang qua, một con bò đực kéo xe qua đám bùn không nổi nên ngã quỵ xuống. Ngài dạy cởi con bò khỏi chiêc xe cho nó ăn cỏ, uống nước. Con bò khỏi sự mệt nhọc lại được cột vào xe, với sức mạnh được bồi dưỡng, con bò kéo xe qua được đám bùn. Bharata nói: -Này em Nandaka, em có thấy hiện tượng ấy không? Thưa anh, em có thấy. -Vậy hãy tìm hiểu ý nghĩa! Và Nandaka nói: -Như con bò được bồi dưỡng lấy lại sức mạnh, ta cần phải tự lực lôi mình ra khỏi đám bùn lầy của tái sanh! Dùng sự kiện này là một đề mục thiền quán, ngài đã chứng được quả A-la- hán. Rồi ngài tuyên bố chánh trí của mình cho người anh nghe với những bài kệ: 173. Như con vật hiền thiện, Thuộc giống tốt, khéo luyện, Sau khi ngã quỵ xuống, Lại gượng lên đứng dậy, Lấy được thêm sức mạnh, Không bỏ kéo gánh nặng. 174. Cũng vậy hãy nhận con, Đệ tử bậc Chánh Giác, Con đầy đủ chánh kiến, Khéo tu luyện thuần thục, Con thật con chánh thống, Của đức Phật Chánh Giác.

§148. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO BHARATA (Bharatattheragãthẩ) (Thag. 23; ThagA. IL 49) Khi em trai Nandaka nói lên chánh trí của minh, Bharata khởi lên ý kiến rằng, hai anh em cùng đi đến yết kiến đức Phật, trình lên đức Phật biết quá trình đời sông Phạm hạnh

gia đình Bà-la-môn và được đặt tên theo dòng họ là Bhãradvặja. Ngài lập gia đình, có một người con trai tên là Kanhadinna. Đến tuổi đi học, ngài gửi người con đi Takkasilã, nhưng giữa đường người con được gặp một vị Trưởng lão, đệ tử bậc Đạo su, nghe vị ấy thuyết pháp, xuất gia và sau một thời gian chứng quả A-la-hán. Bhãradvaja được nghe bậc Đạo sư thuyết pháp ở tinh xá Trúc Lâm, xuất gia và cũng chứng quả A-la-hán. Kanhadinna về yết kiến bậc Đạo sư ở Rajagaha (Vương Xá) và sung sướng thấy phụ thân mình ngồi cạnh đức Bổn sư. Được biết phụ thân đã chứng quả A-la-hán, muốn phụ thân rống tiếng rống sư tử nên hỏi đã chứng được mục đích Phạm hạnh chưa, ngài trả lời với những câu kệ như sau: 177. Như những con sư tử, Trong hang động núi non,

Rống tiếng rống sư tử. Cũng vậy với trí tuệ? Bậc anh hùng thắng trận, Thăng ma và ma quân. 178. Ta hầu bậc Đạo sư, Đảnh lễ Pháp và Tăng, Ta hân hoan vui vẻ, Thấy con chứng Vô lậu.

§150. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO KANHADINNA (Kanhadinnattheragãthă) (Thag. 23; ThagA. II. 52) Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Vương Xá, trong gia đình một Bà-la-môn và được đặt tên là Kanhadinna. Khi đến tuổi trưởng thành với thiện duyên thuần thục, nệài đến Tôn giả Sãriputta nghe pháp, khởi lòng tin rồi xuất gia. Sau khi phát triên thiền quán, ngài chứng quả A-la-hán và tuyên bố chánh trí của mình: 179. Hầu hạ bậc Chân nhân, Luôn luôn nghe Chánh pháp. Nghe xong ta sẽ bước, Trên con đường bất tử. 180. Trong ta, tham hữu đoạn, Tham hữu không có mặt5 Quá khứ và vị lai, Không có ở trong ta, Hiện tại cũng không c6, Tồn tại ở trong ta.

IV PHẨM THỨ TU (CATUTTHAK4GGA)

§151. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO MIGASIRA (Migasừattheragãthẩ) (Thag. 24; ThagA. II. 53) Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình Bà-la-môn ở Kosala và được đặt tên theo ngôi sao ngày sinh là Migasira. Ngài được truyền dạy theo truyên thông văn hóa Bà-la-môn, thực hành bùa chú sọ người. Khi đọc lên bùa chú và lấy móng tay gõ trên sọ người, ngài tuyên bố: "Người này sẽ được tái sanh trong thê giới này."và ngay cả đôi với những người đã chết được ba năm. Không thích thú đời sống thế tục, ngài trở thành du sĩ với thuật đoán sọ người chết và được nhiều người cung kính cúng dường. Đi đến Sãvatthi, đứng trước bậc Đạo su, ngài tuyên bố sức mạnh của mình: -Thưa Tôn giả Gotama, ta có thể nói chỗ tái sanh của những người đã chết. Đức Phật hỏi: Ông làm như thế nào? Ngài cho đem lại một sọ người, đọc lên bùa chú với móng tay gõ trên sọ người và tuyên bố đọa xứ... là chỗ tái sanh. Đức Phật cho đem lại sọ người của một Tỷ-kheo đã chứng Niết-bàn và nói: Hãy nói chỗ tái sanh của người này! Migasira đọc bùa chú, lấy móng tay gõ trên sọ người nhimg không thấy đầu đuôi như thế nào. Rồi Thế Tôn hỏi: Này du si, có phải ông làm không được? Ngài trả lời: -Tôi cần phải xác chứng cho chắc chắn! Nhtmg dù cho ngài xoay sở như thế nào, làm sao biết được sanh thú của vị A-la-hán, ngài xâu hô, toát mô hôi, im lặng. Này du sĩ, có phải ông mệt mỏi? Vâng, tôi mệt mỏi? tôi không biết sanh tử của vị này, Ngài có biết chăng? Ta biết được và Ta biết nhiều hơn thế nữa! Vị này đã nhập Niết-bàn! Vị du sĩ nói:

-Vậy xin hãy nói lên cho tôi bí quyết ấy!

-Vậy ông phải xuất gia.

Rôi Migasira xuât gia và được dạy cho đê mục tu định. An trú vững vàng trên thiền và thắng trí, ngài thực hành thiền quán, không bao lâu chứng quả

A-la-hán.

Rồi ngài nói lên chánh trí của mình như'sau:

181. Từ khi ta xuất gia, '

Trong pháp bậc Chánh Giác,
Giải thoát, ta tiến lên, 'Ta vượt qua dục giới.
182. Nhờ Phạm chí15 quán sát? '
Tâm ta được giải thoát,
Ta giải thoát bất động, JMọi kiết sử đoạn diệt.
§152. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO SIVAKA (Sivakattheragãthẩ) (Thag. 24; ThagA. II. 55) Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình Bà-la-môn ở Rajagaha (Vương Xá), được đặt tên Sĩvaka. Khi đã nhận được một sự giáo dục toàn diện, ngài theo xu hướng sở thích của mình, từ bỏ thế tục làm du sĩ. Đến nghe bậc Đạo sư thuyết pháp, ngài khởi lòng tin, xuất gia và cuối cùng chứng quả A-la-hán. Ngài nói lên chánh trí của mình: 183. Vô thường, những ngôi nhà,16 Đây đó lại dựng lên, Tìm kiếm người làm nhà, Tái sanh là đau khổ. 184. Hỡi kẻ làm nhà kia! Ngươi đã bị thấy rồi. Từ nay ngươi không thể, Lại dựng nhà lên nữa, Mọi tường vách đô vỡ? Nóc nhà bị tan hoang, Tâm bị đẩy khỏi dòng, Ở đây bị thổi nát.

§153. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO UPAVẢNA (Upavãụattheragãthẩ) (Thag. 24; ThagA, II. 56) Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình Bà-la-môn ở Sãvatthi và được đặt tên là upavana. Thấy uy nghi đức Phật khi Kỳ Viên được dâng cúng, ngài xuất gia, phát triển thiền quán và chứng được Sáu thắng trí. Rồi Ưpavãna trở thành vị thị giả của đức Phật. Bấy giờ, đức Thế Tôn bị đau nhức mỏi. Một đệ tử cư sĩ của ngài tên là Devahita, sống ở Sãvatthi, thường cúng dường bốn vật dụng cần thiết cho ngài. Khi ấy, thấy Tôn giả upavãna đắp y ôm bát đến, ông biết ngài đang cần dùng vật dùng gì đó nên hỏi: "Thua Tôn giả, ngài cần gi?” Ngài trả lời với bài kệ như sau:

15 Chỉ cho đức Phật. 16 Chỉ cho các đời sống.

185. Bậc ứng Cúng, Thiện Thệ, Ẩn Sĩ bị phong thấp, Nếu ông có nước nóng, Hãy cúng dường Ần Sĩ. 186. Cúng dường người đáng cúng, Cung kính người đáng kính, Tôn trọng người đáng trọng, Ta mong muốn vị ấy, Được vật cúng mang đến. Rồi vị Bà-la-môn dâng cúng nước nóng và thuốc trị bệnh. Nhờ vậy, bệnh của Thế Tôn thuyên giảm và The Tôn tỏ lời cảm ơn.

§154. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO ISIDINNA (Isidinnattheragãthẩ) (Thag. 24; ThagA. II. 58) Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở xứ Sunãparanta trong gia đình một vị có chức sắc và được đặt tên là Isidinna. Khi lớn lên, ngài chứng kiến Thế Tôn hiện thần thông song hành khi ngôi nhà bằng trầm hương được dâng cúng, với tâm hân hoan đối với bậc Đạo sư, ngài nghe pháp, trở thành bậc Dự lưu. Dầu còn sống đời sống thế gian, một thiên nhân khích lệ ngài như sau: 187. Ta thây người cư sĩ, Trì pháp với lời nói: uCác dục là vô thường", Họ ưa thích ái luyến, Châu báu và vòng nhẫn, Họ đón chờ vợ con. 188. Thật sự họ không biết, Pháp như thật là gì? Dầu họ có tuyên bố: "Các dục là vô thường", Họ không có sức mạnh, Để cắt đứt tham ái. Do vậy họ luyến tiếc, Vợ con và tài sản. Khi người cư sĩ nghe vậy, ngài cảm thấy xúc động, xuất gia và không bao lâu chứng quả A-la-hán. Nói lên chánh trí của mình, ngài lặp lại những bài kệ trên.

§155. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO SAMBULA KACCÃNA (Sambuỉakaccãnattheragãthă) (Thag. 24; ThagA. II. 59) Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong nước Magadha (Ma-kiệt-đà), con của một thị dân thuộc dòng họ Kaccãna, tên là Sambula. Ngài được biết với tên Sambula Kaccãna. Sau khi nghe bậc Đạo sư thuyết pháp, ngài xuất gia rồi đi đến miền phụ cận Hy-mã-lạp sơn tu học thiền quán trong hang tên SBherXa^Chiep Dam).

Một hôm, một cơn giông tô trái mùa nôi lên, mây ùn ùn nôi lên, trên hư không, sấm sét vang động, chớp sáng chói lòa, trời bắt đầu mưa đổ ào ào xuống. Các loài vật như gấu, dã can, trâu, voi đều la hét, run sợ. Nhimg vị Trưởng lão phát triên thiên quán, không kê gì đên mạng sông của minh, không đê ý đên tiếng động vang; nhưng cơn giông làm cho dịu khí trời, tâm được tịnh chỉ, ngài triển khai thiền quán và chứng được quả A-la-hán với Sáu thắng trí. Nghĩ đến

thành quả đạt được, ngài cảm thấy phấn khởi, nói lên chánh trí của mình với những bài kệ: 189. Mưa ào ào đô xuông? Mưa ầm ầm vang động, r M 9 A 1

Ta sông chỉ một mình, Trong hang động kinh hoàng. Dầu ta sống một mình, Trong hang động kinh hoàng, Ta không hoảng, sợ hãi, Không lông tóc dựng ngược. 190. Pháp nhĩ ta là vậy, Nên dầu sống một minh, Trong hang động kinh hoàng, Ta không hoảng, sợ hãi, Không lông tóc dựng ngược.

§156. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO KHITAKA (Khitakattheragãthấ) (Thag. 25; ThagA. II. 60) Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong nước Kosala, con của một vị Bà-la-môn và được đặt tên là Khitaka. Ngài nghe bậc Đạo sư thuyết pháp, xuất gia, sống trong rừng và không bao lâu chứng quả A-la-hán. Hưởng được lạc giải thoát Niêt-bàn, cảm thây phân khởi, tinh cân, ngài đi đên các Tỷ-kheo sông trong rừng đê khích lệ? làm các vị ây phân khởi. Ngài nói những bài kệ này, trước hết vì hạnh phúc cho các vị ấy, sau nói lên chánh trí của mình: 191. Tâm ai như tảng đá, Đứng vững, không dao động, Hỡi những vật khả ái, Tâm không có tham ái, Đối vật làm dao động, Tâm không có dao động, Tâm ai tu tập vậy, Từ đâu, khổ sẽ đến? 192. Tâm ta như tảng dá, Đứng vững, không dao động, Đối những vật khả ái, Tâm không có tham ái, Đối vật làm dao động, Tâm không có dao động, Tâm ta tu tập vậy9 Từ đâu, kho đến ta?

§157. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO SONA POTIRIYA (SonapoỊiríyattheragãthă) (Thag. 25; ThagA, II. 62) Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Kapilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ), con của điền chủ Potiriya và được đặt tên là Sona. Khi đến tuổi trưởng thành, ngài trở thành tướng chỉ huy quân lực của Bhaddiya, một vị vua thuộc dòng họ Sakka. Lúc bấy giờ, Bhaddiya đã xuất gia và ngài suy nghĩ: "Ngay cả một vị vua cũng từ bỏ cuộc đời, vậy ta còn làm gì với đời sông thê tục này?" Rôi ngài cũng xuất gia nhưng thường biếng nhác, không tu thiền định. Thế Tôn ở tại vườn xoài Anupiya phóng hào quang đến, khích lệ ngài tu tập chánh niệm với những bài kệ như sau: 193. Ông chớ có ngủ nữa, Với đêm sao vòng hoa, Đêm này, người có trí, Thức dậy, không có ngủ.

Nghe lời này, ngài cảm thây chân động, thây rõ những khuyêt điêm của mình, ngài ngồi ngoài trời tu tập thiền quán và nói lên bài kệ: 194. Khi con voi tấn công, Rơi từ lưng voi xuống, Trên chiến trường ta chết5 Tốt hơn sống bại trận. Nói vậy, ngài triển khai thiền quán và không bao lâu chứng quả A-la-hán. Rồi ngài lặp lại bài kệ của bậc Đạo sư và với bài kệ của ngài, nói lên chánh trí của mình.

§158. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO NISABHA (Nisabhattheragãthẩ) (Thag. 25; ThagA. II. 63) Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong xứ các dân tộc Koliyã, trong một gia đình quý tộc và được đặt tên là Nisabha. Khi đến tuổi trưởng thành, ngài chứng kiến trí tuệ và uy lực của đức Phật trong trận chiến giữa dân tộc Sãkiya và dân tộc Koliyã, khởi lòng tin, ngài xuất gia và chứng quả A-la-hán. Thây một vị Tỷ-kheo đông Phạm hạnh lãng phí thời gian nên ngài nói những bài kệ này để khuyên răn vị ấy và chứng minh việc ngài thực hành những điều mình nói: 195. Sau khi đã từ bỏ, Năm loại dục trưởng dưỡng, Những vật thật Idiả ái5 Khiến tâm ý thích thú, Với lòng tin, xuất gia, Chấm dứt sự khổ đau. 196. Ta không hoan hỷ chết, Ta không hoan hỷ sống, Ta chờ đợi thời dến, Tỉnh giác và chánh niệm.17

§159. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO USABHA (Usabhattheragãthấ) (Thag. 25; ThagA. II. 65) Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Kapilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ), trong gia đình vương tộc Sakka và được đặt tên là Usabha. Khi đức Phật về thăm bà con, ngài thấy sức mạnh và trí tuệ của đức Phật, khởi lòng tin và xuất gia trong Tăng đoàn. Thế nhưng, ngài không làm các bổn phận của người tu hành, cả ngày giao du với nhiều người và ban đêm lo ngủ. Một hôm, với tâm tư hôn trầm và phóng dật, ngài nằm ngủ và mộng thấy mình cạo đầu9 đắp y cà-sa, ngồi trên lưng voi đi vào thành để khất thực. Tại dấy, thây quân chúng tụ tập đông đảo9 ngài cảm thây xâu hô và xuông voi không ngồi nữa. Ngài thức dậy và suy nghĩ: “Vi sao đây là cơn mộng đo hôn trầm và phóng dật, ta lại thây chính mình với tâm ưu não trong giâc ngủ?" Ngài an trú thiên quán và không bao lâu chứng quả A-la-hán. Như vậy? lây cơn mộng làm đê mục khích lệ, ngài dùng những bài kệ đê nói lên chánh trí của mình:

17 Xem Thag. V. 607, 655, 686.

TRƯỞNG LÃO TÀNG KỆ 917

r 197. Vai đắp phủ tấm y, Giông như màu bông xoài, Ngồi trên lưng con voi, Ta vào làng khất thực. 198. Từ limg voi leo xuống, Ta cảm thấy xấu hổ9 Trước ta rất ngạo mạn, Nay ta thật lắng dịu, Ta đã chứng đạt được, Các lậu hoặc đoạn diệt.

§160. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO KAPPATAKURA (KappaḶakurattheragãthă) (Thag. 25; ThagA. IL 66) Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh tại Sãvatthi, trong tình cảnh nghèo nàn, ngài chỉ biết tự nuôi sống bằng cách mặc đồ rách rưới, bát ăn xin cầm tay đi xin gạo cơm. Vì vậy, ngài có tên là Kappatakura (rách và gạo). Khi lớn lên, ngài nuôi sống bằng cách bán cỏ. Một hôm5 đang cắt cỏ trong rừng, gặp một vị Trưởng lão, ngài đảnh lễ và ngồi xuống nghe pháp. Ngài khởi lòng tin và từ bỏ nếp sống cũ5 xuất gia, cất đồ rách rưới vào một chỗ. Khi cảm giác nhàm chán đời sống mới khởi lên trong tâm, ngài đi đến nhìn mớ đồ rách rưới ấy và cảm thấy bất an. Cứ như vậy, bảy lần ngài rời

khỏi chúng Tăng. Các Tỷ-kheo thưa lên sự việc này. Một hôm? khi ngài là một Tỷ-kheo đang ngồi giữa chúng Tăng tại giảng đường, bậc Đạo sư giáo giới ngài với những bài kệ như sau: 199. Đây là đồ rách rưới, Của Kappatakura, r Y áo đang phủ đắp, Thật là quá nặng nề, Trong bình bát bất tử, Được đựng đây Chánh pháp, Nhưng ông không thực hành, Con đường hành thiền định. 200. Hỡi này Kappata! Chớ lắc qua lắc lại, Chớ khiến Ta phải đánh, Các tiếng vào tai ông. Hỡi này Kappata! Chớ làm kẻ si mê, Ngồi lắc qua lắc lại, Giữa Tăng chúng hội họp. Bị đức Phật quở trách nặng nê? ngài chân động, phát triên thiên quán và không bao lâu chứng quả A-la-hán. Rồi ngài lặp lại các bài kệ đã khích lệ ngài tu hành và những bài kệ này trở thành những lời tuyên bố chánh trí của mình.

918 KINH TIỂU BỘ

V PHẨM THỨ NĂM (R4NCAMAK4GGA)

§161. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO KUMÃRA KASSAPA (Kumãrakassapattheragãthă) (Thag. 26; ThagA. II. 68) Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Rajagaha (Vương Xá). Mẹ ngài là con của một vị chức sắc. Khi còn là thiếu nữ, mẹ ngài muốn xuất gia nhưng không được cha mẹ bằng lòng. Đến khi lập gia đình được chồng bằng lòng cho xuất gia nhimg bà không biết là mình đang có thai. Khi các Tỷ-kheo-ni thấy hiện trạng này, liền đến hỏi ý kiến Devadatta (Đề-bà-đạt-đa), vị này cho rằng mẹ ngài là Tỷ-kheo-ni bất chánh. Các Tỷ-kheo-ni tới hỏi ý kiến bậc Đạo sư, bậc Đạo sư giao việc này cho Tôn giả upãli giải quyết, upãli cho mời một số vị cư SĨ ở Sãvatthi, gôm có nữ cư sĩ Visãkhã, và giữa hội nghị với sự có mặt của vua, Tôn giả upãli tuyên bố vị Tỷ-kheo-ni đã có thai trước khi xuất gia và bậc Đạo sư đã chấp nhận sự kiện này. Mẹ ngài nuôi dưỡng đứa con tại ngôi tinh xá, đứa con như bức tượng bằng vàng. Vua nuôi dưỡng đứa tré và ngài được đưa đến cho bậc Đạo sư xuất gia. Vì ngài xuất gia khi còn thiếu niên nên ngài được gọi là Kumãra Kassapa, dầu cho khi ngài đã lớn. Trong khi tu tập thiền quán, học lời Phật dạy, ngài ở tại rừng Andha. Rồi một thiên nhân đã chứng quả Bất lai, được làm Đại Phạm thiên ở Tịnh Cư thiên, muốn chỉ cho Kumãra Kassapa phương pháp chứng được đạo quả. Vị thiên nhân đến tại rừng Andha và hỏi ngài mười lăm câu hỏi mà chỉ có bậc Đạo sư mới có thê trả lời. Ngài hỏi đức Phật các câu hỏi ây và học thuộc lòng các câu đức Phật trả lời, phát triển thiền quán, chứng quả A-la-hán. Được bậc Đạo sư ân chứng cho là vị Thuyêt pháp lanh lợi đệ nhât, ngài nhớ lại quá trình tu hành của mình và dưới hình thức tán thán Ba ngôi báu, ngài nói lên chánh trí của mình: 201. ội, Phật-đà! Ôi, Pháp! Ôi, Đạo sư thành tựu! Ở đây vị đệ tử, Chứng đạt Chánh pháp này. 202. Trải qua vô lượng kiếp, Ta tác thành có thân, Thân này thân cuôi cùng? Thân này hành trì xong, Trên con đường sống chết, Nay không còn tái sanh.

TRƯỞNG LÃO TÀNG KỆ 919

§162. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO DHAMMAPÃLA (Dhammapãlattheragãthẩ) (Thag. 26; ThagA. II. 70) Trong thời đức Phật hiện tại, khi bậc Đạo sư nhập diệt, ngài sanh ở Avanti, con của một Bà-la-môn và được đặt tên là Dhammapãla. Khi ngài đi từ Takkasilã vê, học hành đã xong, ngài thây một vị Trưởng lão ngôi một mình trong thảo

am. Được vị ấy thuyết pháp, ngài khởi lòng tin, xuất gia và chứng được Sáu thắng trí. Khi ngài suy tư hoan hỷ trong vị ngọt giải thoát, hai Sa-di leo cây hái trái, bị cây gãy ngã xuống. Thấy vậy, ngài lấy tay ôm đỡ hai người Sadi, với thần thông đặt hai vị ây xuông đất không có bị thương. Và ngài dạy hai vị ây với những bài kệ: 203. Ai Tỷ-kheo trẻ tuổi, Chú tâm hành lời Phật, Tỉnh thức giữa người ngủ, Vị ấy, đời không uổng. 204. Do vậy bậc Hiền trí, Nhớ đến lời Phật dạy, Chuyên tu tín và giới, Hoan hỷ thấy Chánh pháp.

§163. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO BRAHMÃLI (Brahmãlỉttheragãthẩ) (Thag. 26; ThagA. II. 71) Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở nước Kosala, con của một Bà-la-môn và được đặt tên là Brahmâli. Khi đến tuổi trưởng thành, được thúc đẩy bởi những điều kiện chín muồi do giao hảo với bạn lành, ngài xuất gia, tu tập thiền định trong một khu rừng. Nhờ trí tuệ chín muồi, ngài phát triển thiền quán, ỉ

chứng được Sáu thăng trí, Sông trong vị an lạc giải thoát, vị Trưởng lão rât thuân thục pháp tinh tân. Một hôm sống ở trong rừng, ngài nói lên những bài kệ này thay mặt cho các Tỷ-kheo ở trong rừng, những bài kệ tán thán hạnh tinh tấn: 205. Với những ai, các căn, Đã đi đến tịnh chỉ, Như được khéo điều phục, Bởi đánh xe điều ngự. Kiêu mạn được đoạn tận, Không còn có lậu hoặc, Chư thiên rất ái mộ, Những vị có hạnh ấy. 206. Với chính ta, các căn, Đã đi đến tịnh chỉ, Như được khéo điêu phục, Bởi đánh xe điêu ngự. Kiêu mạn được đoạn tận, Không còn có lậu hoặc, Chư thiên ái mộ ta, Ta thành tựu hạnh ấy.

§164. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO MOGHARAJA (Mogharặịattheragãthă) (Thag. 27; ThagA. II. 73) Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình Bà-la-môn, tên là Mogharaja. Ngài tu học dưới sự lãnh đạo của Bà-la-môn Bãvan. Cảm thấy

lo âu sợ hãi, ngài trở thành một vị tu khổ hạnh. Ngài là một trong mười sáu vị trong ây có Ajita và những vị khác đã được Bãvarĩ đưa đên yêt kiên bậc Đạo sư. Sau khi Mogharặja hỏi và được trả lời, ngài chứng quả A-la-hán. Sau đó5 ngài được biết đến vì ngài mặc y thô sơ do các nhà lữ hành, các thợ may, thợ nhuộm quăng bỏ hai bên đường. Do vậy, bậc Đạo sư ấn chứng cho ngài là người đệ tử Đệ nhất mặc y thô sơ. Như vậy, ngài thực hiện được chí nguyện từ trước của mình. Một lần khác, do thiếu sự săn sóc chu đáo và do nghiệp đời trước, các mụt ghẻ lở xuất hiện và sanh ra nhiều trên thân của ngài. Nghĩ rằng chỗ trú ẩn của mình đã bị ô nhiễm, ngài trải chỗ nằm trên một thửa ruộng ở Magadha, và dầu lúc ấy thuộc mùa đông nhưng ngài vẫn ở tại đấy. Một hôm, ngài hầu cận và đảnh lễ bậc Đạo su, bậc Đạo sư hỏi ngài với những bài kệ như sau: 207. Hỡi Mogharặja! Sống với da thô độc, Sống với tâm hiền thiện, Luôn luôn hành thiền định, Trong những đêm đông giá. Ông là một Tỷ-kheo, Vậy ông sống thế nào, Ông sẽ làm những gì? Được hỏi vậy, ngài trả lời và giải thích cho bậc Đạo sư: 208. Con có được nghe rằng: Ở nước Magadha, Đất nước giàu thịnh vượng, Toàn dân sống đầy đủ. Những am lợp bằng rơm, Còn tôt đẹp hơn nhiêu, Hơn đời sống an lạc, Của mọi người dân khác.

§165. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO VISĀKHA, CON CỦA PANCĀLĨ (yìsākhapancālaputtattheragāthẩ) (Thag. 27; ThagA. II. 75) Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở xứ Magadha (Ma-kiệt-đà)5 con của một vị vua địa phương và được đặt tên là Visākha. Vì ngài là con trai của một công chúa con vua nên về sau ngài được biết là con trai của Pancālĩ. Sau khi phụ vương mất, ngài nối ngôi vua, nhưng khi bậc Đạo sư đến vùng lân cận, ngài đến nghe đức Phật thuyết pháp, khởi lòng tin rồi xuất gia. Theo bậc Đạo sư đên Sāvatthi (Xá-vệ), ngài phát triên thiên quán và chứng được Sáu thắng trí. Với lòng từ mân nghĩ đên bà con, ngài viêng thăm quê hương cũ, dân chúng đến nghe ngài thuyết giảng rất đông. Một hôm, có người hỏi: "C6 bao nhiêu đức tánh cần thiết để một người trở thành một vị thuyết pháp?59 Ngài trả lời đại cương những đức tánh trong những bài kệ sau đây: 209. Chớ có tự kiêu mạn? Chớ có khinh khi người, Không khinh, không hại người, Đã đến bờ bên kia. Và chớ có khen minh, Trước mặt các hội chúng, Không dao động, khiêm tốn, Khéo nói5 khéo chế ngự.

TRƯỞNG LÃO TÀNG KỆ 921

210. Với người thấy ý nghĩa, Te nhị và kín đáo,
Thiện xao vê trí tuệ, Nếp sống khéo hộ trì,
Thực hiện giới chư Phật, Niết-bàn đối vị ấy,
Không gì khó chứng đạt.18

§166. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO CŨLAKA (CũỊakattheragāthă) (Thag. 27; ThagA. II. 77) Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Rậjagaha, con của một vị Bà-la- môn và được đặt tên là CũỊaka. Khi thây bậc Đạo sư nhiêp phục voi Dhanapāla, ngài phát khởi lòng tin và xuất gia. Trong khi tu tập, ngài trú ở hang cây Indasāla. Một hôm, ngồi trước cửa hang nhìn xuống các thửa ruộng ở Magadha (Ma-kiệt- dà), một cơn giông tô với những lớp mây trùng điệp ùn ùn kéo đên, sâm sét vang dậy, trời mưa ào ào đổ xuống, các đàn chim công nghe tiếng sấm sét, sung sướng kêu lên tiếng kê-ka và múa hát xung quanh. Làn gió giông tố đem lại cảm giác mát mẻ, dễ chịu, nhiệt độ trong hang điều hòa làm ngài định tâm dễ dàng. Ngài bắt đầu thực tập pháp môn của mình và thấy đúng thời, ngài nói lên lời tán thán sự tu hành với những bài kệ sau: 211. Những chim công kêu hót, Mào đẹp9 lông đuôi xinh, Với cổ màu xanh tươi, Mỏ đẹp, tiếng hót hay. Đất này khéo lát cỏ? Nước mát khéo thấm nhuần, Với khoảng trời khéo che, Mây mưa khéo bao phủ. 212. Thân người khéo khỏe mạnh, Tâm ý tốt, thiền tu, Lành thay khéo khởi tâm5 Trong lời khéo Phật dạy! Hãy cảm xúc con đường, Đưa đến cõi bất tử, Đường ấy đường vô thượng, Đường trong trăng lành mạnh, Đường tế nhị nhỏ nhiệm, Con đường thật khéo thấy! Ngài tự giáo giới cho mình, chứng được thiên định và phát triên thiên quán, chứng quả A-la-hán. Ôn lại những việc đã làm với tâm hoan hỷ? ngài nói lên những bài kệ này như là lời tuyên bô chánh trí của mình.

§167. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO ANỦPAMA (Anũpamattheragāthẩ) (Thag. 27; ThagA, II. 78) Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình giàu có ở Kosala, và vì ngài đẹp trai nên được đặt tên là Anũpama (không thể so sánh được). Khi đên tuôi trưởng thành, ngài cảm nhận sự vận hành thúc đây của các nhân duyên nên xuât gia và sông trong một ngôi rừng đê tu tập thiên quán. Tuy nhiên, tâm ngài cứ chạy

theo ngoại cảnh xung quanh, không an trú trên đề mục thiền định, ngài đã tự ưách mình như sau:

18 Xem Thag. V. 71.

213. Tâm đi đến hỷ mạn, Như bị đâm giáo nhọn, Nêu người sông tâm ây, Như sông với giáo, gậy. 214. Này tâm, ta gọi ngươi, Kẻ bẻ gãy hạnh phúc! Này tâm, ta gọi ngươi, Kẻ phả hoại đời ta! Bậc Đạo sư của ngươi, Khó được, nay đã được, Chớ có dắt dẫn ta, Đến chỗ làm hại ta! Như vậy, ngài giáo giới cho chính tâm mình và phát triển thiền quán, chứng quả A-la-hán.

§168. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO VAJJITA (yajjitattheragãthẩ) (Thag. 27; ThagA. II. 80) Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình giàu có ở Kosala, sau khi từ Phạm thiên giới hạ sanh. Mỗi khi bà mẹ bế ngài lên, ngài luôn khóc. Bởi vì không chịu cho nữ nhân xúc chạm nên ngài được gọi là Vajjita (vị từ bỏ). Đến tuổi trưởng thành, ngài chứng kiến đức Thế Tôn thị hiện thần thông song hành nên khởi lòng tin, xuất gia và chứng được Sáu thắng trí. Nhớ lại đời sống quá khứ, ngài vô cùng xúc động nói: 215. Trong thời luân hồi dài, Ta trôi lăn nhiều cõi9 Ta không thấy Thánh dế, Ta phàm phu mù lòa. 216. Với hạnh không phóng dật, Ta phá vỡ luân hôi, Mọi sanh thú chặt dứt, Nay không còn tái sanh. Và bài kệ trở thành lời tuyên bố chánh trí của ngài.

§169. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO SANDHITA (Sandhitattheragãthẩ) (Thag. 28; ThagA. II. 82) Trong thời đức Phật hiện tại, ngài được sanh trong một gia đình giàu có ở Kosala, tên là Sandhita. Khi đên tuôi trưởng thành, một hôm nghe được bài giảng về vô thường, ngài hoảng hốt, lo sợ và xin xuất gia. Với trí tuệ chín muồi, ngài an trú thiên quán và chứng được Sáu thăng trí. Nhớ đên đời sông trước của minh, sau khi đức Phật Sikhĩ (Thi-khí) nhập diệt, ngài đảnh lễ tại cây Bồ-đề và nhận thức được ý nghĩa vô thường, ngài tuyên bố thành tựu mục đích giải thoát nhờ nhân duyên ây với những vân kệ như sau: 217. Dưới gốc cây Bồ-đề, Với ánh sáng lá xanh, Khi cây đang vươn lên, Trong sức sống lớn mạnh, Một tưởng về Phật hành, Chánh niệm ta đạt được. 218. Đã qua ba mốt kiếp, Tưởng ây ta không chứng, Nay chính nhờ tưởng ấy, Ta đạt lậu hoặc diệt.

CHƯƠNG III BAKỆ (TIKANIPATA)

§170. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO ANGANIKA BHÃRADVÃJA (Anganikabhãradvãjattheragãthẩ) (Thag. 29; ThagA. II. 83) Trong thời đức Phật hiện tại, ngài được sanh ra ở gần Hy-mã-lạp sơn, tại thành phố Ukkatthã, trong gia đình một Bà-la-môn phú cường và được đặt tên là Anganika Bhãradvặja. Khi được học xong giáo điển Vệ-đà và các môn nghệ thuật, ngài hướng về đời sống thoát tục. Trong khi bộ hành chỗ này chỗ khác, ngài gặp bậc Đạo sư, lúc bấy giờ đức Đạo sư đang du hành ở vùng quê. Với tâm tín thành, ngài nghe bậc Đạo sư thuyết giảng và từ bỏ tà hạnh, ngài xuất gia, tu tập thiền quán, sau một thời gian chứng được Sáu thắng trí. Sau khi an trú tận hưởng vị ngọt giải thoát, với lòng thương đối với bà con, ngài về thăm và dạy họ quy y và giữ giới luật. Rồi ngài từ giã các bà con, đên sông trong một khu rừng gân làng

Kundiya của bộ tộc Kuru. Khi có việc đi đến Uggãrãma, một số Bà-la-môn quen biết đến hỏi ngài: "Thưa Tôn giả Bhãradvặịa, do thấy gì mà ngài từ bỏ hội chúng Bà-la-môn và chấp nhận hội chúng nay?99 Ngài nêu rõ, ngoài hội chúng của đức Phật, không có hội chúng nào khác có giới hạnh và thanh tịnh. Ngài nói: 219. Trong rừng ta thờ lửa, Truyền thống không chơn chánh, Không biết đường thanh tịnh, Theo khổ hạnh bất tử. 220. Với lạc, ta được lạc, Hãy xem pháp, tùy pháp, Ba minh chứng đạt được, Lời Phật dạy làm xong. 221. Trước bà con Phạm chí, Nay ta chính Phạm chí, Ba minh ta quán đảnh, An ổn ta đạt được, Thông hiểu đúng Chánh pháp, Thuần thục lời Phật dạy. Sau khi nghe ngài nói, các Bà-la-môn bày tỏ sự thiện cảm và nhiệt thành đối với giáo pháp.

§171. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO PACCAYA (Paccayattheragãthẩ) (Thag. 29; ThagA. II. 85) Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở thành Rohĩ, trong một gia đình

hoàng tộc và được đặt tên là Paccaya. Thọ hưởng gia tài khi phụ thân mạng chung, ngài tuyên bố tổ chức một đàn lễ bố thí rất lớn và một số đông người tụ họp. Trong cuộc tụ họp này, bậc Đạo sư ngồi trên ngai vàng trong một ngôi nhà được trang hoàng đầy châu báu. Đức Phật thuyết pháp cho mọi người đang cung kính chiêm ngưỡng Ngài. Phân lớn dân chúng đêu hiêu lời của đức Đạo sư dạy nhirng ngài Paccaya hiểu sâu sắc hơn. Thúc đẩy bởi nghiệp duyên đời trước, ngài từ bỏ tài sản và xuất gia. Như đã phát nguyện dưới thời đức Phật Kassapa, nay ngài phát nguyện: “Khi đã vào am tranh tu hành, nếu chưa giải thoát thời không ra khỏi am nSy." Và cuối cùng, thiền quán được phát triển, trí tuệ được thuần thục, ngài chứng quả A-la-hán. Hoan hỷ với thành quả của mình, ngài đã nói lên quả chứng ngang qua những bài kệ như sau: 222. Năm ngày ta xuất gia, Hữu học ý chưa dạt, Ta trú hạnh viễn ly, Tâm phát nguyện như sau: 223. "Ta sẽ không ăn uống, Không ra ngoài tinh xá, Ta sẽ không năm xuông, Không nằm một bên hông, Nếu mũi tên tham ái, Chưa rút nhổ lên đượcy 224. Hạnh ta sông như vậy, Hãy nhìn ta tinh cần, Ba minh ta đạt được, Lời Phật dạy làm xong.1

§172. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO BÃKULA (Bãkulattheragãthấ)1 2 (Thag. 29; ThagA. II. 88) Ngài sanh ở Kosambĩ, trong một gia đình có chức sắc, trước khi bậc Đạo sư ra đời. Ngài được mang ra sông Yamunã linh thiêng tắm để có sức khỏe và khi đó một con cá đã nuốt chửng ngài từ tay người vú nuôi. Con cá bị người câu cá bắt được và đem bán cho vợ của một vị chức sắc khác ở Ba-la-nại. Khi con cá bị mổ ra, đứa trẻ nhờ phước nghiệp đời trước nên còn sống5 không bị thương tích. Vợ vị chức sắc thương ngài như con đẻ. Khi nghe câu chuyện và biết được cha mẹ của ngài, nhà vua quyết định cho ngài thuộc quyền sở hữu của cả hai gia đình; do vậy, ngài được gọi tên là Bãkula (hai gia đình). Ngài sống một cuộc đời giàu sang, đến năm tám mươi tuổi, khi nghe đức Đạo sư thuyết pháp, Ngài đi xuất gia. Trong bảy ngày dầu, ngài chưa giác ngộ, nhưng đến ngày thứ tám, ngài chứng được quả A-la-hán, thông hiểu nghĩa, thông hiểu pháp. Một hôm, khi ân chứng quả vị tu hành cho các vị đệ tử5 bậc Đạo sư ân chứng cho ngài là vị Sức khỏe đệ nhất, về sau, khi sắp sửa mạng chung, ngài nói lên chánh trí của mình giữa hội chúng Tỷ-kheo như sau:

1 Xem Thag. V. 314. 2 Xem Thag. V. 261,320; s. 1.23, Ujjhanasarinisutta (Kỉnh UjjhanasanriT)', J. II. 334, Mahãpanãdạiãtaka (Chuyện Đại vương Mahãpanãda), sô §264; J. III. 69, 196, 251; Netti. 128, Sãsanapatthãna (Sự hình thành giảo pháp).

225. Với ai, những công việc, Cần phải làm từ trước, về sau vị ấy mói, Có ý định muốn làm. Vị ấy tự phá hoại, Căn cứ địa an lạc, về sau chịu khổ đau, Trong nung nấu hối tiếc. 226. Hãy nói điều có lam, Không nói điều không làm, Bậc Hiền trí rõ biết, Người chỉ nói không làm. 227. Niết-bàn thật an lạc, Bậc Chánh Giác thuyết giảng, Không sầu muộn ly tham, Thật sự là an ổn? Tại đấy, sự đau khổ, Được đoạn diệt hoàn toàn.

§173. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO DHANIYA (Dhaniyattheragãthă) (Thag. 29; ThagA. II. 90) Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Rậjagaha (Vương Xá), trong một gia đình thợ làm đồ gốm5 được đặt tên là Dhaniya và tiếp tục làm nghề của ông cha. Chính trong nhà của ngài, bậc Đạo sư giảng cho Pukkusãti Kinh Giới phân biệt.3 Dhaniya nghe tin Pukkusãti (đã thành bậc A-la-hán) mạng chung đêm ấy, ngài nghĩ: "L&i Phật dạy thật là có sức mạnh vĩ dại, chỉ có một đêm đã đủ giải thoát một người khỏi sự đau khổ tái sanh.” Rồi ngài xuất gia. Tuy vậy? ngài vẫn tiếp tục nghề làm ngói lợp nhà. Bị đức Phật quở vì đã làm nơi ở bằng gạch, ngài quyết định sống giữa các Tỷ-kheo và tại đấy chứng quả A-la-hán. về sau, nhân dịp giáo giới các Tỷ-kheo tu tập khổ hạnh và xem hạnh mình cao hơn các người khác, ngài tuyên bố chánh trí như sau: 228. Nếu muốn, mong đợi lạc, Trong đời sống Sa-môn9 Chớ khinh y chúng Tăng, Chớ khinh Tăng ẩm thực. 229. Nêu muôn, mong đợi lạc? Trong đời sốĩìg Sa-môn? r Hãy sử dụng trú xứ, Như răn và như chuột. 230. Nếu muốn, mong đợi lạc, Trong đời sống Sa-môn9 Hãy biết tự bằng lòng, Với bất cứ việc gì? Và hãy cương quyết tu, Tu tập hạnh nhất pháp.4

§174. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO CON CỦA MẢTANGA (Mãtangaputtattheragãthã)5 (Thag. 30; ThagA. II. 91) Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Kosala, con của một điền chủ tên là Mãtaồga và được gọi là "con của Mtahga". Ngài lớn lên với thói quen biếng nhác và khi bị quân chúng la rây, ngài làm quen với các Tỷ-kheo, và nhận thây các Tỷ-kheo sông thật hạnh phúc. Khi nghe bậc Đạo sư thuyêt pháp, ngài khởi

3 Xem M. III. 237, Dhãtuvibhangasutta (Kinh Giới phân biệt), số 140.

4 Chỉ cho không phóng dật. 5 Xem D. III. 180, Singãỉasutta (Kỉnh Thi-ca-la-việt), số 31.

lòng tin và xin xuất gia. Thấy các Tỷ-kheo sử dụng thần thông, ngài cũng muốn chứng đạt thần thông. Nỗ lực thực hành các thiền quán, ngài chứng được Sáu thắng trí. Từ dấy, ngài chỉ trích tánh biếng nhác và tán thán sự tinh cần của mình với những vần kệ như sau: 231. Ôi5 quá lạnh, quá nóng! Ôi, đã quá trễ rồi! Đây là lời kêu than, Như vậy bỏ việc làm, Thời sát-na quý báu, Lặng lẽ vượt trôi qua. 232. Ai nghĩ đến lạnh nóng, Không hơn loài cỏ rác, Làm bôn phận con người, Không hại đến an lạc. 233. Cỏ dabba, kusa, Loại cỏ gai đâm ngực, Ta dùng ngực đẩy chúng, Sống tăng trưởng viễn ly.6

§175. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO KHUJJA SOBHITA (Khuịjasobhìtattheragãthẩ) (Thag. 30; ThagA. II. 92) Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Pãtaliputta, trong một gia đình Bà-la-môn và được gọi là Sobhita. Vì hơi còm, ngài được gọi là Khqjja Sobhita (Còm Limg). Khi đến tuổi trưởng thành, đức Bổn sư vừa diệt độ? ngài được Tôn giả Ãnanda độ cho xuất gia và chứng được Sáu thắng trí. Trong kỳ kết tập thứ nhất, ngài được bảo đi mời Tôn giả Ãnanda đến dự đại hội. Lúc ấy, các thiên nhân cử một thiên nhân đứng ở cửa hang để chặn đứng các hành vi thù nghịch của Ác ma và khuyên Sobhita tuyên bố sự có mặt của mình cho thiên nhân ấy với những bài kệ như sau: 234. Giữa các vị Sa-môn, Sống Pãtaliputta, Những vị luận thuyết giỏi5 Những vị có nghe nhiều, Có một vị tuổi lớn, Đứng ở tại cửa vào, Tên là Sobhita, Có tật, bị còm lưng. Rồi vị thiên nhân tuyên bố cho chúng Tỷ-kheo biết sự có mặt của Khujja Sobhita: 235. Giữa các vị Sa-môn? Sống Pãtaliputta, Những vị luận thuyết giỏi, Những vị có nghe nhiều, Có một vị tuổi lớn, Đứng ở tại cửa vào, Vị ấy đã đến đây, Theo ngọn gió đưa đến. Rồi chúng Tăng cho phép, vị Trưởng lão đến trước chúng Tăng và nói lên chánh trí của mình: 236. Vị ấy khéo chiến đấu, Vị ấy khéo tế tự, Trên chiến trường, chiến dấu, Vị ấy đã chiến thắng, Với Phạm hạnh tích lũy? Vị ấy đạt an lạc.

6 Xem Thag. V. 27.

§176. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO VÃRANA (yãranattheragãthă) (Thag. 30; ThagA. II. 94) Trong thời đức Phật hiện tại5 ngài sanh ở Kosala, trong một gia đình Bà- la-môn, được đặt tên là Vãrana. Khi đến tuổi trưởng thành, ngài nghe một vị Trưởng lão thuyết pháp trong một khu rừng và với lòng tin, xuất gia. Một ngày kia, khi đi đến hầu hạ đức Phật, ngài chứng kiến một cuộc ẩu đả trong gia đình và có nhiều người bị giết. Hốt hoảng, bị dao động, ngài đi gấp đến Thế Tôn và tường thuật sự việc. Thế Tôn thấy sự tiến bộ trong tâm tư của ngài nên nói lên bài kẹ khích lẹ: 237. Ai ở đời, giữa người, Làm hại chúng sanh khác? Vị ấy tự hại mình, Đời này và đời sau. 238. Ai với tâm từ bi, Thương tưởng mọi hữu tình, Một người làm như vậy? Gặt phước đức thật nhiều. 239. Hãy học tập khéo nói, Hãy hầu hạ Sa-môn9 Sống một mình kín đáo, Với tâm tư tịnh chỉ.

§177. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO PASSIKA (Passikattheragãthă)1 (Thag. 30; ThagA, II. 95) Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình Bà-la-môn ở Kosala. Thấy Thế Tôn thị hiện thần thông song hành, ngài khởi lòng tin và xuất gia. Ngài bị bệnh trong khi tu tập đời sống của một ẩn sĩ, bà con săn sóc và chữa cho ngài lành bệnh. Khi được lành bệnh? ngài phấn khởi nên tu học siêng năng hơn và chứng được Sáu thắng trí. Ngài bay trên hư không đến thăm bà con và quy y, thọ giới cho họ. Một số bà con nhờ ngài quy y và thọ giới, khi mạng chung được sanh lên các cõi trời. Khi Passika hầu cận bậc Đạo sư5 Ngài hỏi về sức khỏe bà con, Passika trả lời như sau: 240. Dầu chỉ một mình con, Có lòng tin sáng suốt, Giữa các người bà con, Những người không lòng tin, Thông hiểu được Chánh pháp, Đầy đủ những giới dức, Vì lợi ích hạnh phúc, Cho các người bà con. 241. Những bà con vì con, Vì thương họ trách móc? Do bà con ái mộ, Làm tốt đối Tỷ-kheo. 242. Khi họ bị mạng chung, Họ được lạc chư thiên, Các anh và mẹ con, Hoan hỷ điều họ muốn.

§178. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO YASOJA (Yasojattheragatha) (Thag. 30; ThagA. II. 97) Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một làng đánh cá, tại cửa*

7 Bản Tích Lan, Thái Lan và PTS viết Passikattheragãthã. Bản CST viết Vassikattheragãthã.

thành ở Sãvatthi, con vị chủ hộ năm trăm gia đình đánh cá và được gọi là Yasoja. Đen tuổi trưởng thành, một hôm, khi đang đánh cá với những người con của những người đánh cá trên sông Aciravatĩ, ngài quăng lưới bắt được con cá lớn có màu săc vàng và mọi người dâng con cá lên Vua Pasenadi. Vua nói: “Chi có đức Phật mới biết nguyên nhân về màu sắc của con cá9,? và cho người đem cá lên trình đức Phật. Đức Phật dạy rằng tiền thân của con cá là một ác Tỷ-kheo trong thời đức Phật Ca-diếp, sống theo tà hạnh, không theo lời Phật dạy; sau khi chết, đọa địa ngục, chịu khổ nơi địa ngục trong khoảng thời gian giữa hai vị Phật; rôi từ đó chêt di, tái sanh làm con cá nơi sông Aciravatĩ này. Các chị của nó vẫn sống trong địa ngục, chỉ có anh nó là một vị Trưởng lão đã viên tịch Niết-bàn va Thế Tôn thuyết về Kỉnh Hành Chảnh pháp9 Nghe như vậy xong, Yasoja chấn động và xin xuất gia, các bạn cũng xin xuât gia theo. Họ đi đên tinh xá Jetavana (Kỳ Viên) đê yêt kiên đức Phật, nhưng khi đến? họ làm ồn ào nên bị Thế Tôn đuổi đi.89 Bị đuổi và sống trên sông Vaggumudã, như một con ngựa thuân thục, Yasoja quyêt tâm tu tri, không bao lâu chứng được Sáu thắng trí. Rồi Thế Tôn cho gọi Yasoja và vì ngài tu khổ hạnh đặc biệt nên ốm yếu, xấu xí. Thế Tôn tán thán hạnh tu khắc khổ của ngài với những bài kệ như sau: 243. Một người den, gây mòn, Yêu ôm đây đường gân, Tiết độ trong ăn uống, Tâm tư không ưu não.1011 Yasoja được tán thán như vậy, Ngài đề cao hạnh độc cư và dạy như sau 244. Trong rừng núi rộng lớn, Bị muỗi ruồi đốt cắn, Như con voi lâm trận, Ta chánh niệm chịu đựng.11 245. Sống một như Phạm thiên, Sống hai như chư thiên, Sông ba như làng mạc, Nhiều hơn như ở chợ.

§179. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO SÃTIMATTIYA (SãỊimattìyattheragãthẩ) (Thag. 31; ThagA. II. 99) Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở nước Magadha (Ma-kiệt-đà)? làm con của một Bà-la-môn. Ngài hội đủ nhân duyên, đã xuât gia sông với các Tỷ- kheo ở rừng và trải qua học tập, tu hành, chứng được Sáu thắng trí. Rồi ngài giảng dạy các Tỷ-kheo, thuyêt pháp cho nhiêu tín đô vê sự quay vê nương tựa Tam bảo và các học giới. Có một gia đình, ngài đặc biệt giáo hóa và nuôi dưỡng lòng tin cho họ. Trong gia đình này9 người mà chào đón ngài nhất là cô con gái xinh đẹp, cô thường cung kính cúng dường phẩm thực cho ngài.

8 Xem Sn. 49, Kapilasutta hay còn gọi Dhammacarỉyasutta (Kinh Hành Chảnh phảp).

9 Xem Ud. 24, Yasojasutta (Kỉnh Yasoja), số §3.

10 Xem Thag. V. 683.

11 Xem rteg.v.31,684.

Một hôm, Mãra muốn phá ngài và làm ngài mất uy tín, giả dạng ngài và đi đến nắm tay cô con gái nhưng cô con gái biết là không phải nắm tay của loài người liên bỏ tay ra.

Nhưng người nhà thây được và không còn tin tưởng ở ngài. Ngài không biết gì, cảm thấy có sự đổi khác trong thái độ của gia đình ấy. Biết rằng Mãra đã ám hại, ngài nguyện sẽ làm tỏ rõ sự tình, người gia chủ nghe ngài giải thích liền xin lỗi ngài và tự mình xin phục vụ cho ngài. Ngài nói lên sự việc trong những bài kệ sau đây: 246. Lòng tin trước ông có, Nay không còn nơi ông, Cua ong van cua ong5 Ta không có ác hạnh. 247. Vô thường và dao động, Là lòng tin của ông, Sự thấy là như vậy, Là sự thấy của ta, Có khi ông thương mến, Rồi ông lại không ưa, Vì sao bậc ẩn sĩ, Chịu héo mòn ở đây? 248. Cơm nâu cho ân si, ít ít từng gia đình, Ta sẽ đi khất thực, Ống chân ta còn mạnh.

§180. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO UPÃLI (Upãlittheragãthă) (Thag. 31; ThagA. II. 101) Trong thời đức Phật hiện tại, ngài được sanh trong gia đình một người cạo t6c, tên là Upãli. Đến tuổi trưởng thành, ngài xuất gia theo gương của Anuruddha và năm vị con cháu hoàng tộc khi đức Phật ở tại rừng Anupiya. Khi ngài nhận một đê mục đê thiên quán, ngài thỉnh câu đức Phật đừng đưa ngài đi ra ngoài khu rừng. Đức Phật dạy: "Nếu sống trong rừng, ông chỉ phát triển được một vấn đề; nhimg nếu sống với Ta, ông sẽ trở thành thuần thục cả về kinh học và thiên quan." Ngài vâng theo lời bậc Đạo sư khuyên, tu thiên quán và sau một thời gian chứng quả A-la-hán. Tuy vậy, bậc Đạo sư dạy cho ngài cả Luật tạng, về sau, upãli được Thế Tôn khen vì Ưpãli đã phán quyêt trong ba trường hợp vê Ajjuka, vê Tỷ-kheo Bharukaccha và Kumãra Kassapa, ngài được xem là vị hiểu biết Luật tạng. Trong một ngày trai giới, khi đang đọc Giới bổn (Pãtimokkha), ngài giáo giới các Tỷ-kheo như sau: 249. Vì lòng tin ra di, Mới xuất gia, tân học, Hãy sống với bạn lành, Mạng thanh tịnh, không nhác. 250. Vì lòng tin ra di, Mới xuất gia, tân học, f

Tỷ-kheo trú giữa chúng, Sáng suôt học Luật tạng. 251. Vì lòng tin ra đi, Mới xuất gia, tân học, Khéo biết việc nên làm, Và việc không nên làm, Hãy để vị ấy sống, Không đề cao, tôn xung.

§181. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO UTTARAPÃLA (Uttarapãlattheragãthă) (Thag. 31; ThagA. II. 103) Sanh trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sãvatthi, trong một gia đình Ba-la-môn và được đặt tên là Uttarapãla. Ngài chứng kiến đức Thế Tôn thị hiện thần thông song hành, khởi lòng tin, xuất gia và chăm lo tu học. Một hôm, do nhớ nghĩ chuyện này chuyện khác, dục vọng tấn công và sau một cuộc chiến đấu tư tưởng mãnh liệt? ngài chặn đứng các phiền não, triển khai thiền quán và chứng được quả A-la-hán. Quán chiếu về chiến thắng của mình, ngài rống lên tiếng rống sư tử: 252. Ta thật là hiền thiện, Suy tư mục đích tốt, Bỏ năm dục trưởng dưỡng, Là thê giới si mê. 253. Sanh trong giới vức ma, Bị tên mạnh xung kích, Nhưng ta giải thoát được, Cạm bẫy của Ma vương. 254. Mọi dục ta đoạn tận, Mọi sanh hữu hủy hoại, Đường sanh tử chấm dứt, Nay không còn tái sanh.

§182. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO ABHIBHŨTA (Abhibhũtattheragãthẩ) 12 (Thag. 31; ThagA. II. 104) Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình Bà-la-môn ở Vetthipura và được đặt tên là Abhibhũta. Khi phụ thân mất, ngài thừa hưởng tài sản

đât đai. Lúc bây giờ, đức Phật đên tại thành phô trong dịp du hành, Abhibhũta đến nghe Thế Tôn thuyết pháp và buổi sớm mai mời Thế Tôn đến nhà. Thế Tôn cảm ơn và dạy cho ngài Chánh pháp với nhiều chi tiết, ngài khởi lòng tin, từ bỏ gia sản, xuất gia và chứng quả A-la-hán. Trong khi thọ hưởng vị ngọt giải thoát, các bà con, thân tín, quen biết đến than van với ngài vì ngài đã từ bỏ họ, không để lại một đứa con nối dõi. Và ngài thuyết pháp cho họ5 nói lên lý do xuất gia của ngài: 255. Hãy nghe các bà con, Những ai đã đến đây? Ta thuyết pháp cho nghe, Tái sanh là đau khổ. 256. Hãy tinh cần ra đi, Chú tâm lời Phật dạy, Đánh bại quân lực ma, Như voi, nhà cỏ lau. 257. Ai trong Pháp, Luật này, Sẽ sống không phóng dật, Từ bỏ dòng tái sanh, Sẽ chấm dứt khổ đau.

§183. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO GOTAMA (Gotamattheragãthẩ) (Thag. 32; ThagA. II. 106) Trong thời đức Phật hiện lại, ngài sanh trong dòng họ Thích-ca và chỉ được 12 Xem D. II. 72, Mahãparỉnỉbbãnasutta (Kinh Đại Bắt-nỉết-bàn), số 16; s. I. 155, Arunavatĩsutta (Kinh Arunavatĩ).

biêt tên là Gotama. Khi đức Phật vê thăm viêng bà con, ngài khởi lòng tin, xuất gia, tu học thiền quán và chứng được Sáu thắng trí. Một ngày nọ9 ngài đang an trú trong lạc giải thoát, những người bà con hỏi ngài vì sao lại từ bỏ bà con đi xuất gia. Ngài liên giải thích cả hai trạng thái vê khô đau trong vòng luân hôi và hạnh phúc Niêt-bàn mà ngài đã chứng được. Ngài nói: 258. Ta tái sanh địa ngục, Liên tục đến ngạ quỷ, Ta sông trải nhiêu ngày, Trong đau khổ bàng sanh. 259. Và sống vui làm người, Thỉnh thoảng sanh cõi trời, Trú giới sắc, vô sắc, Phi tưởng phi phi tưởng. 260. Ta khéo biết sanh hữu, Không cốt tủy duyên thành, Dao động thường biên chuyên, Tác thành tự ngã ta, Ta đạt được tịnh tịch, Chánh niệm tâm an trú.

§184. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO HÃRITA (Hãritattheragãthẩ)13 (Thag, 32; ThagA. II. 108) Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sãvatthi, trong một gia đình Bà- la-môn. Vì tự kiêu được sanh trong giai cấp cao, ngài quen gọi các người khác là hạ sanh. Khi khởi lòng tin, xuất gia nhưng vì thói quen, ngài vẫn giữ tật xấu ây. Một ngày kia, sau khi nghe bậc Đạo sư thuyêt giảng, ngài quán chiêu tâm tư và thây lo ngại vì lòng tự kiêu của mình. Đoạn tận kiêu mạn ây, ngài phát triển thiền quán và chứng quả A-la-hán. Sau đó, an trú trong lạc giải thoát, ngài chứng minh chánh trí của mình trong những bài kệ giảng dạy các Tỷ-kheo: 261. Với ai, những công việc, Cân phải làm từ trước, về sau vị ấy mới, Có ý định muốn làm, Vị ấy tự phá hoại, Căn cứ địa an lạc, về sau chịu khổ đau, Trong nung nấu hối tiếc. 262. Hãy nói điều có làm, Không nói điều không làm, Bậc Hiền trí rõ biết, Người chỉ nói không làm. 263. Niết-bàn khéo an lạc, Bậc Chánh Giác thuyết giảng, Không sầu muộn, ly tham, Thật sự là an ổn, Tại đấy, nỗi đau khổ, Được đoạn diệt hoàn toàn.14

§185. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO VIMALA (Vìmalattheragãthẩ)15 (Thag. 32; ThagA. II. 109) Trong thời đức Phật hiện tại, ngài được sanh ở Ba-la-nại, trong một gia đình

13 Xem s. I. 23, Ujjhanasannisutta (Kinh Ujjhanasanni); Thag. V. 225, 320; J. I. 319; III. 69, 196, 251. 14 Kệ 261-63, xem Thag. V. 225-27. 15 Tham chiếu: s. II. 157, Sagãthãsutta

(Kỉnh Có kệ); It. 69; Thag. V. 147; Tạp.(T.02. 0099.446. 0115al2); Tạp.(r.02. 0099.448. 0115b24).

Bà-la-môn. Ngài xuất gia dưới sự hướng dẫn của Trưởng lão Amitta, và nhờ sự thúc đẩy của Trưởng lão, ngài phát triển thiền quán và chứng quảA-la-hán. Rồi ngài giảng dạy cho một Tỷ-kheo là bạn của ngài như sau: 264. Hãy tránh xa bạn ác9 Giao thiệp bậc Thượng nhân, Vâng theo lời khuyến giáo, Hướng đến lạc bất động. 265. Như leo trên ván nhỏ, Giữa biển lớn bị chìm, Cũng vậy đến kẻ nhác, Người hạnh tốt cũng chìm, Do vậy hãy bỏ n6, Kẻ làm biếng làm nhác. 266. Hãy sống gần bậc Thánh, Bậc viễn ly tinh cần, Thiền định thường tinh tấn, Bậc Hiền trí sáng suốt.16

16 Kệ 265-6, xem Thag. V. 147-8.

CHƯƠNG IV BỐN KỆ (CATUKANIPATA)

§186. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO NÃGASAMÃLA (Nãgasamãlattheragãthẩ) (Thag. 33; ThagA. II. 110) Sanh trong thời đức Phật hiện tại, trong một gia đình dòng họ Thích-ca, ngài quán sát tánh vô thường của sự vật và triên khai thiên quán, chứng quả A-la-hán. Ngài chứng minh chánh trí dựa trên kinh nghiệm riêng của mình trong những bài kệ này: 267. Trang điêm, mặc áo dẹp, Đeo vòng hoa thơm nức, Mùi thơm gỗ chiên-đàn? Giữa đám đông, đường lớn, Một vũ nữ đang múa, Múa lượn theo nhạc khí. 268. Ta vào thành khất thực, Đi ngang ta thấy nàng, Trang điểm, mặc áo đẹp, Gieo bẫy mồi thần chết. 269. Rồi ta tự tác ý, Như lý khởi tư duy, Các hiểm nguy hiển lộ, Nhàm chán, ta an trú. 270. Và tâm ta giải thoát, Thây pháp nhĩ là vậy, Ba minh chứng đạt được, Lời Phật dạy làm xong.1

§187. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO BHAGU (Bhaguttheragãthẩ) (Thag. 33; ThagA. II. 112) Sanh trong thời đức Phật hiện tại, trong một gia đình dòng họ Sakya (Thích- ca), ngài xuất gia cùng với Anuruddha, Kimbila và sống gần làng Bãlakalona. Một ngày kia, để đối trị bệnh buồn ngủ? ngài bước ra khỏi cốc và bị té khi bước lên đường kinh hành. Xem đấy như sự khích lệ cho mình, ngài tự chế ngự và phát triển thiền quán, ngài chứng quả A-la-hán. Từ dấy, ngài sống thọ hưởng an lạc giải thoát Niết-bàn. Thế Tôn đến, tán thán hạnh độc cư của ngài và hỏi: "Này Tỷ-kheo? sao cho đến nay ông vẫn còn tinh tấn?" Ngài trả lời với những bài kệ như sau: 271. Bị buồn ngủ chi phối, Con ra khỏi tinh xá, Lại lên đường kinh hành, Tại đây té xuông đất.

1 Kệ 269-70, xem Thag. V. 273-74,318-19, 409-10, 464-65.

272. Xoa bóp cả chân tay, Lại lên đường kinh hành, Qua lại đường kinh hành, Nội tâm con định tĩnh. 273. Rồi con tự tác ý, Như lý khởi tư duy, Các hiêm nguy hiên lộ, Nhàm chán, con an trú. 274. Và tâm con giải thoát, Thây pháp nhĩ la vay, Ba minh chứng đạt được, Lời Phật dạy làm xong.2

§188. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO SABHIYA (Sabhiyattheragãthẩ)3 (Thag. 33; ThagA. II. 113) Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong gia đình con gái một hoàng tộc, và cô gái này được cha mẹ giao cho một vị du sĩ hướng dẫn để cô có thể học giáo lý và nếp sống tu hành. Khi lớn lên, Sabhiya cũng trở thành một du si, học hỏi nhiều kinh kệ tụng, là một nhà lý luận sắc bén không ai sánh nổi. Dựng am bên cửa thành dạy học cho các con cháu hoàng tộc5 ngài nghĩ ra hai mươi câu hỏi để cật vấn các vị tu sĩ và Bà-la-môn. Trong Kinh Sabhiycâ có ghi, một Bà-la-môn từ cối Tịnh Cư thiên đã nghĩ ra các câu hỏi ấy. Thế Tôn khi đi đến Vương Xá, tại tinh xá Trúc Lâm đã trả lời các câu hỏi và Sabhiya khởi lòng tin, xuất gia và chứng quả A-la-hán. Khi khuyên dạy các Tỷ-kheo theo phe Devadatta, ngài nói lên những bài kệ như sau: 275. Người khác không rõ biết, Ta ở đây một thời, Tại đây bậc có trí, Biết vậy sống tịnh chỉ.5 276. Khi họ không rõ biết, Họ làm như bất tử, Khi họ rõ biết pháp, Giữa bệnh, họ không bệnh. 277. Ai sở hành phóng đãng, Câm giới bị uê nhiêm, Phạm hạnh đáng nghi ngờ, Không chứng được quả lớn. 278. Sống giữa đồng Phạm hạnh, Không được trọng, tôn kính, Vị ấy xa Diệu pháp, Như trời xa đất liền.6

2 Kệ 273-4, xem Thag. V. 269-70, 318-19,409-10, 464-65. 3 Tham chiếu: M. III. 152, Upakkilesasutta (Kinh Tùy phiền ndo), số 128; s I. 49, Tayanasutta (Kỉnh Tãỵanà)\ Dh. V. 6; 312; J. III. 488; Vin. I. 337; Pháp củ kỉnh t4Song yếu phẩm,, (7.04. 0210.9. 0562all); Phấp cú kinh^ ngục phẩm^^ (r.04. 0210.30. 0570a05); Pháp củ kinh t4Sa-môn phẩm,, (04., 0210.34. 0571c29)ọJlmớ/ dieukinh uSa-môn phẩm" (T.04. 0212.12. Xuấtdỉệukịnh uVăn phn” (r.04. 0212.23. 0720c06); Xuất diệu “ pl(Ĩ.04. 0212.33. 0764cl5); Pháp tậpyếu tụng kinh (T.04. 0213.11. 0782c02); Pháp tập yếu tụng ^Ấ^Oángia ẩm(04. 0213.14. 0784al4); Pháp tập yêu tụng kỉnh 44Đa VpliẩIp" (T.04. 0213.22. 0788a04); Pháp tập yểu tụng kỉnh 44Bật-sô phẩm,, (T.04. 0213.32. 0796bl6). 4 Xem Sn. 91, Sabhiyasutta (Kinh Sabhiyd). 5 Xem Thag. V. 498; Dh. V. 6. 6Xem Thag.N. 1081.

TRƯỞNG LÃO TÀNG KỆ 935

§189. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO NANDAKA (Nandakattheragãthẩ) (Thag. 33; ThagA. II. 116) Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sãvatthi, trong một gia đình quý tộc và được gọi là Nandaka. Khi nghe Thế Tôn thuyết pháp, ngài xuất gia và phát triên thiên quán, chứng quảA-la-hán. Sau đó, khi đang an trú trong lạc giải thoát, ngài được bậc Đạo sư dạy đến thuyết pháp cho các Tỷ-kheo-ni và giúp cho năm trăm vị chứng quả A-la-hán. Đức Phật ân chứng cho ngài là vị Khuyên giáo Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni đệ nhất. Một ngày kia, khi đi khất thực ở Sãvatthi, một nữ nhân trước kia lập gia đình với ngài, trông thấy ngài và cười lớn tiếng với tâm bất chánh. Vị Trưởng lão thấy hành động của cô, liền dạy cho cô về thân thể bất tịnh với những bài kệ sau: 279. Gớm thay vật hôi thối! Đây săc mùi hôi tanh, Vật sở hữu của ma, ứ chảy nhiều dòng nước, Thân này có chín dòng, Luôn luôn được tuôn chảy. 280. Chớ khinh miệt cố nhân, Chớ xúc phạm Như Lai, Họ không tham thiên giới, Còn nói gì cõi người. 281. Kẻ ngu thiếu trí tuệ, Tà ý, si bao phủ, Kẻ ấy đầy tham đắm, Bị ma quăng dây trói. 282. Những ai đã thoát ly, Tham, sân và vô minh, Đây họ không tham đăm, Dây cắt không trói buộc.

§190. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO JAMBUKA (Jambukattheragatha) (Thag. 34; ThagA. II. 118) Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình rất nghèo.7*Như trong đời trước, ngài dùng phân làm đồ ăn và rời bỏ gia đình làm vị tu khổ hạnh. Thực hành nhiều khổ hạnh, ăn từng hạt đậu một được chấm trên đầu ngọn rơm. Ngài đã năm mươi lăm tuổi, khi đức Phật thấy ngài căn cơ thuần thục như ngọn đèn đặt trong cài ghè, đi đến ngài, thuyết pháp và hóa độ cho ngài. Rồi Thế Ton gọi: "Hãy dến, này Ty-kheo!^ và cho ngài xuất gia. Rồi Jambuka phát triển thiền quán và Thế Tôn ấn chứng ngài chứng quả A-la-hán. Đây chỉ là sơ lược trong đoạn Chú giải các câu kệ của Dhammapada. câu chuyện được giải thích rộng rãi từ nơi câu: "Ăn từng hạt đậu một với ngọn rơm chấm đậu../9 Khi đến giờ mạng chung, ngài nói lên răng dâu một lân sông theo tà hạnh nhưng nêu dựa vào đức Phật tối thượng, ngài cũng có thể chứng quả như các đệ tử khác. Ngài nói lên nhưng bài kẹ:

7 Trong DPPN., có viết: "He was bom in Rậiagaha of rich parents but from infancy he would eat nothing but excrement.” (Ngài sanh ra Ở Rajagaha, cha mẹ giàu có nhưng từ nhỏ ngài không ăn gì ngoài phân.)

283. Trải năm mươi lăm năm, Thân đầy những bụi bặm, Ăn cơm tháng một lần, Tóc râu ta nhổ sạch. 284. Ta đứng chỉ một chân, Ta không dùng giường nằm, Ta ăn phân phơi khô, Ta không nhận lời mời. 285. Sở hành ta như vậy, Dần ta đến ác thú, Bị nước lớn cuốn trôi, Cho đến khi quy Phật. 286. Hãy nhìn, Phật ta quy, Hãy nhìn, Pháp pháp nhĩ, Ba minh ta đạt được, Lời Phật dạy làm xong.

§191. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO SENAKA (Senakattheragãthă) (Thag. 34; ThagA. II. 121) Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình con trai người chị của Trưởng lão Kassapa ở Uruvelã và được đặt tên là Senaka. Khi học về văn hóa Vệ-đà của Bà-la-môn, ngài ở với gia đình. Trong thời ấy, dân chúng tổ chức hàng năm vào tháng Phagguna (tháng Ba) một lễ Quán đảnh tại một bến nước, lễ ấy được gọi là Gayã Melã (Ngày trai giới Gayã). Thế Tôn vì lòng thương tưởng đến những người có thể giáo hóa nên ở lại gân bờ sông. Và khi quân chúng tụ họp lại, Senaka cũng đên nghe bậc Đạo sư thuyết giảng, được cảm hóa xuất gia và không bao lâu chứng quả A-la-hán. Sau đó suy tưởng đến sự thắng trận của mình, ngài cảm thấy hân hoan và ứng khẩu nói lên những bài kệ này: 287. Thật tốt lành cho ta, Khi ở thành Gayã, Trong tháng lễ mùa xuân, Tháng tên Phagguna, Ta thấy bậc Chánh Giác? Thuyết Chánh pháp tối thượng. 288. Bậc Có Hào Quang Lớn, Là Đạo sư hội chúng, Đạt quả vị tôi thăng, Bậc Lãnh Đạo Nhiếp Chúng, Chiến thắng giới trời, ngư Bậc Thấy Khó Cân Lường. 289. Đại Long Tượng, Đại Hùng, Đại Quang Minh, Vô Lậu? Mọi lậu hoặc đoạn tận, Đạo sư không sợ hãi. 290. Lâu nay ta uế nhiễm, Bị tà kiến trói buộc, Nay chính Thế Tôn ấy, Giải thoát Senaka, Thoát khỏi mọi buộc ràng, Được tự tại, giải thoát.

§192. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO SAMBHŨTA (Sambhũtattheragãthấ) (Thag. 34; ThagA. II. 123) Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình lương thiện và sau khi bậc Đạo sư tịch diệt, ngài được Tôn giả Ãnanda giáo hóa, xuất gia và chứng

quả A-la-hán. Ngài sống trong an lạc giải thoát cho đến một trăm năm,

TRƯỞNG LÃO TĂNG KỆ 937

sau khi đức Phật nhập diệt, các Tỷ-kheo Vajji đề xướng mười tà pháp bị Trưởng lão Niyasa và các Tỷ-kheo Kăkandaka chống lại; và một kỳ kết tập được tổ chức với bảy trăm vị A-la-hán. Ngài Sambhũta bị xúc cảm bởi hành động xuyên tạc Pháp và Luật, nói lên những bài kệ này và tuyên bố chánh trí của mình: 291. Ai khi phải từ từ, Lại lội qua gấp gáp, Ai khi phải lội gấp, Lại từ từ lội qua, Kẻ ngu thiếu chánh lý, Đi đến cảnh khổ đau. 292. Lợi ích bị tổn giảm, Như trăng vào thời den, ĩ <

Gặp phải sự ô nhục, Chông đôi các bạn bè. 293. Ai khi phải từ từ, Lội qua rất từ từ, Ai khi phải lội gấp, Lội qua thật gấp gáp, • ỉ

Người trí có chánh lý, Đi đên cảnh an lạc. 294. Lợi ích được viên mãn, Như trăng vào thời sáng, Được danh tiếng vinh dự, Không chống đối bạn bè.

§193. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO RÃHULA (Rãhulattheragãthẩỷ (Thag, 35; ThagA. II. 124) Ngài là con của Thái tử Siddhattha và Công chúa Yasodharã và được nuôi dưỡng với các hoàng tử khác. Trường hợp ngài xuất gia đã được ghi trong tập Khandhaka. Nhờ những lời dạy trong nhiều bài kinh,9 trí tuệ thuần thục và ngài phát triển thiền quán, chứng quảA-la-hán. Quán chiếu về chiến thắng của mình, ngài nói lên chánh trí: 295. Nhờ ta được đầy đủ, Hai đức tánh tốt đẹp, Được bạn có trí gọi5 uRãhula may mắn” Ta là con đức Phật, Ta lại được Pháp nhãn. 296. Các lậu hoặc ta đoạn, Không còn có tái sanh, Ta là bậc La-hán, Đáng được sự cúng dường, Ba minh ta đạt được, Thây được giới bât tử. 297. Bị dục làm mù quáng, Bị lưới tà bao trùm, Khát ái làm màn che, Bao trùm che phủ kín, Do phóng dật trói buộc, Như cá mắc mắt lưới. 298. Ta vượt qua dục ây, Căt đứt ma trói buộc, Nhổ lên gốc khát ái, Ta mát lạnh, tịch tịnh.

8 Tham chiếu: Ud. 75, Dutiyasattasutta (Kỉnh thứ hai về chúng sanh); Pháp cú kinh "Ai dục phẩm,, (.04. 0210.32. 0570c 1§); "Ặi ph"(04. 0212.3.
0632021); Pháp tập yếu tụng kỉnh “Tham phẩm^, (r.04. O213.37o778bl6). 9
Xem M, I. 421, Mahãrãhulovãdasutta (Đại kinh Giảo giới La-hầu-lă), số 62; M. III. 277, CũỊarãhulovãdasutta (Tiêu kinh Giáo giới La-hầu-lă), sô 147; s. III. Ì35, Rãhulasutta (Kinh Rãhulă).

938 KINH TIỂU Bộ

§194. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO CANDANA (Candanattheragãthă) (Thag. 35; ThagA. II. 126) Trong thời đức Phật hiện tại, ngài tái sanh trong một gia đình giàu có và được đặt tên là Candana. Ngài sống đời sống gia đình cho đến khi ngài được nghe bậc Đạo sư thuyết pháp và chứng quả Dự lưu. Khi ngài sanh được một người con, ngài xuất gia, chọn lựa một đề mục thiền quán và sống ở trong rừng. Đi đến Sãvatthi để yết kiến bậc Đạo su, ngài ở trong một bãi tha ma. Vợ ngài nghe tin ngài đến liền trang điểm, đem con theo và nghĩ rằng với nhan sắc, nàng có thể khiến ngài từ bỏ xuất gia. Ngài thấy nàng từ xa đi đến, nghĩ cách để thoát khỏi bị nàng cám dỗ nên phát triển thiền quán và chứng được Sáu thắng trí. Ngài thuyêt giảng cho nàng, khiên nàng quy y và thọ các

giới. Rôi ngài trở lui về chỗ cũ của ngài. Khi các Tỷ-kheo bạn hỏi ngài: “Các căn của bạn chói sáng, bạn đã chứng sự thực gi?” Ngài nói lên quả chứng của mình và với những bài kệ này chứng minh chánh trí của mình: 299. Với vàng che phủ kín, Chúng nữ tỳ vây quanh, Mang theo đứa con thơ, Người vợ đến với ta. 300. Thấy mẹ của con ta, Từ xa đang đi đến, Khéo trang điểm đẹp đẽ, Như ma gieo bẫy mồi. 301. Rồi ta tự tác V, Như lý khởi tư duy, Các hiêm nguy hiên lộ, Nhàm chán, ta an trú. 302. Và tâm ta giải thoát, Thay pháp nhĩ là vậy? Ba minh chứng đạt được, Lời Phật dạy làm xong.

§195. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO DHAMMIKA (phammikattheragãthẩ)1011 (Thag. 35; ThagA. IL 127) Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình Bà-la-môn ở Kosala, tên là Dhammika. Khi Jetavana (Kỳ Viên) được dâng cung? ngài khởi lòng tin và xuất gia. sống tại một tinh xá ở lànạ, ngài cảm thấy bất mãn và khó chịu đôi với các công việc của các Tỷ-kheo đên tinh xá. Do vậy, các Tỷ-kheo đều bỏ đi và ngài làm chủ một mình một ngôi tinh xá. Một cư sĩ thưa sự việc lên bậc Đạo sư, bậc Đạo sư cho gọi ngài lên để giải thích.11 Theo lời các Tỷ-kheo yêu cầu5 ngài nói lên những bài kệ12 như sau: 303. Pháp che chở hộ trì, Người hành trì Chánh pháp, Pháp đem lại an lạc, Cho người khéo hành pháp, Đây là những lợi ích, Khi pháp khéo hành trì, Người hành trì Chánh pháp, Không đi xuống ác thú.

10 XemJ. IV. 52; 494; Netti. 5, 33, 40; 128; Pe. 23. 11 Ba bài kệ đầu. 12 Bài kệ này có nhiều sai khác về thể văn, so sánh với các bài kệ khác, nên có chỗ không rõ nghĩa và có thể được thêm vào về sau.

TRƯỞNG LÃO TĂNG KỆ 939

304. Cả hai pháp, phi pháp, Kết quả không giống nhau, Phi pháp dẫn địa ngục, Pháp đưa đến cối lành. 305. Do vậy đối Chánh pháp, Khởi ý muốn hành trì, Tâm tư sanh hoan hỷ, Khéo thiện lai như vậy. Vững trú trên Chánh pháp, Đệ tử bậc Thiện Thệ* Sáng suốt tiến bước lên, Quy y bậc Tối Thượng. 306. Phá vỡ cồi ung nhọt? Nhổ lên lưới ái triền, Luân hồi được đoạn tận, Không còn có sanh y, Như trăng vào ngày rằm, Trong đêm thanh trong sáng Khi Thế Tôn dạy ba bài kệ trên, Dhammika ngaỵ trên chỗ ngồi, tập trung tâm ý, phát triển thiền quán và chứng quả A-la-hán. Để trình lên bậc Đạo sư quả chứng và chánh trí của mình, ngài đã đọc lại bài kệ cuối cùng.

§196. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO SAPPAKA (Sappakattheragãthă) (Thag. 35; ThagA. II. 130) Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sãvatthi tronẹ một gia đình Bà-la-môn; ngài nghe Thế Tôn thuyết pháp, khởi lòng tin và xuất gia. Lựa chọn một đề mục để thiền quán, ngài đi đên tinh xá Lonagiri trên bờ sông Ajakaranl; và tại dấy, sau một thời gian chứng quả A-la-hán. Đi đến Sãvatthi để yết kiến bậc Đạo su, ngài ở lại một thời gian và được bà con đón tiếp. Sau khi khuyên các bà con quy y và giữ giới, ngài muốn trở về chỗ cũ. Các bà con yêu cầu ngài ở lại để được bà con cúng dường nhưng ngài nói cho họ rõ vì sao ngài đến đây và sự ưa thích đời sống độc cư. Ngài nói lên bài kệ tán thán trú xứ của ngài: 307. Khi ta thây con cò, Trương đôi cánh trắng tinh, Sợ hãi đám mây đen, Tìm cho kín ẩn nấp. Khi ấy, chính con sông, Ajakaram, Đem hoan hỷ cho ta. 308. Khi ta thấy con cò, Trương đôi cánh trăng sạch, Sợ hãi đám mây đen, Tìm

hang để ẩn nấp, Nhưng tìm không có thấy, Khi ây, chính con sông, Ajakarani, Đem hoan hỷ cho ta. 309. Ai lại không thích thú, Khi thấy ở tại đây, Trên cả hai dãy bờ, Có hàng cây Jambu,13 Làm chói sáng bờ sông, Sau limg cái hang lớn. 310. Hãy nghe những con nhái, Khéo thoát những đàn răn, Kêu lên niêm hoan hỷ, Với tiếng kêu nhẹ nhàng. Nay không phải là thời, Buông thả với suối rừng,

13 Cây Jambu luôn luôn xanh, cành nhiều quả, cành lá sum suê.

Thật an ổn con sông, Ajakaram, Thoải mái và yên lành, Thật an vui thích thú! Rồi các bà con thuận để ngài đi vì ngài thích sống nhàn tịnh, đây trở thành lời tuyên bố chánh trí của ngài.

§197. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO MUDITA (Mudừattheragãthẩ) (Thag. 36; ThagA. IL 132) Trong thời đức Phật * hiện tại, : ngài sanh trong 2 • một gia đình thường dân ở ... Kosala và được đặt tên là Mudita. Khi đên tuôi trưởng thành, dòng họ ngài vì một vài nguyên nhân đó bị cho là chống đối nhà vua, Mudita vì quá sợ nhà vua đã bỏ chạy vào rừng và sống gần trú xứ của một Trưởng lão đã chứng quả A-la- hán. Thấy ngài quá sợ hãi, Trưởng lão bảo ngài chớ có sợ và trấn an ngài. Ngài hỏi: “Thua Trưởng lão, mất bao lâu con mới thoát khỏi nguy hiểm này?55 Vị A-la-hán trả lời: ucần khoảng bảy hoặc tám thAng." Ngài nói: "Con không thể chờ quá lâu, con sẽ xuất gia, xin Trưởng lão hãy nhận con!" Ngài năn nỉ được bảo hộ và vị Trưởng lão cho phép ngài xuât gia. Ngài khởi lòng tin đôivới giáo pháp, không còn sợ hãi nữa và tu tập thiền quán. Chưa chứng được quả A-la- hán, ngài nguyện không rời khỏi tinh xá cho đến khi chứng quả và cuối cùng ngài đã thành công. Sau đó? ngài sông trong an lạc giải thoát, các Tỷ-kheo đông Phạm hạnh hỏi ngài làm sao ngài thành đạt được chí nguyện, ngài nói lên kinh nghiệm của mình trong những bài kệ như sau: 311. Để cứu mạng sống ta, Ta xuất gia tu hành, Ta được thọ Đại giới, Nhờ vậy được lòng tin, Ta kiên trì tinh tấn, Hăng hái ta tiến bước. 312. Dầu thân này hủy hoại, Từng miếng thịt tiêu mòn? Đầu khớp xương hai gối, Ống chân làm ta ngã. 313. Ta sẽ không ăn uống, Không ra ngoài tinh xá, Ta sẽ không năm xu6ng, Không nằm một bên hông? Nếu mũi tên tham ái, Chưa được rút nhô lên. 314. Hạnh ta sống như vậy5 Hãy nhìn ta tinh cần, Ba minh ta đạt được, Lời Phật dạy làm xong.14

Xem Thag. V. 224.

CHƯƠNG V NĂM KỆ (PANCAKANIPATA)

§198. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO RAJADATTA (Rậịadattattheragãthấ) (Thag. 37; ThagA. II. 134) Trong thời đức Phật hiện tại, ngài được sanh trong một gia đình của những người lữ hành, cha mẹ gọi ngài là Rặjadatta (vua ban cho), vì rằng sanh được ngài là nhờ cha mẹ cầu nguyện Vessavana, một vị thiên thần hư không. Đến tuổi trưởng thành, một lần, ngài dẫn năm trăm cỗ xe hàng hóa đến Rãjagaha (Vương Xá) và tại dây, ngài phung phí tât cả tiên của minh, tiêu một ngàn đông tiên một ngày cho một kỹ nữ xinh dẹp, đên nôi ngài không còn một xu dính túi và không đủ ăn, phải đi lang thang trong đói khổ. Rồi ngài đi cùng với các cư sĩ đến tinh xá Trúc Lâm (VeỊuvana),

khi ấy, bậc Đạo sư đang thuyết pháp với một thính chúng rất lớn. Rậịadatta ngồi phía ngoài hội chúng nghe pháp, khởi lòng tin và xuất gia. Ngài thực hành hạnh Đầu-đà và trú ở một nghĩa địa. Lúc bấy giờ, có một ông chủ đoàn lữ hành khác cũng tiêu một ngàn đồng tiền cho người kỹ nữ. Trên tay ông chủ đeo một chiếc nhẫn có giá trị và cô kỹ nữ rất thèm muốn lấy chiếc nhẫn. Cô cho người đánh cắp nhưng người hầu của ông chủ đoàn lữ hành báo tin cho quan quân biết, đến lục soát nhà cô, giết cô và quăng xác vào nghĩa địa. Trưởng lão Rậjadatta đang đi tìm một đối tượng để quán tưởng, thấy thi hài của cô kỹ nữ, ngài tập trung tư tưởng, nhưng các phần thi thể của cô chưa bị chó hay chó rừng ăn làm cho ngài dao động, mất tập trung. Ngài cảm thấy rất phiền não nên đi ra ngoài trong chốc lát rồi trở lại tu tập và tự nhăc nhở chính mình. Ngài đê khởi đôi tượng thiên quán, tập trung tâm ý quán tưởng và thành tựu quả vị A-la-hán. Quán chiêu sự thành tựu của tự thân với niêm phân khởi hoan hỷ? ngài nói: 315. Một Tỷ-kheo đi đến, Tại một bãi tha ma, Thấy thân một đàn bà, Bị quăng tại chô ây, Vât bỏ trong nghĩa địa, Làm mồi cho giòi ăn. 316. Có kẻ sanh nhàm chán, Thấy thân chết khốn nạn, Trong ta, dục tham hiện, Như mù, ta bị trói.

317. Mau hơn cơm sôi trào, Chỗ ấy, ta đi thoát, Chánh niệm, ta tỉnh giác, Ta đen ngôi một bên. 318. Rồi ta tự ý tác, Như lý khởi tư duy, Các hiểm nguy hiển 10, Nhàm chán, ta an trú. ' 319. Và tâm ta giải thoát, Thây pháp nhĩ là vậy5 Ba minh chứng đạt được, Lời Phật dạy làm xong.1

§199. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO SUBHŨTA (Subhũtattheragãthẩý (Thag. 37; ThagA. II. 136) Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình thường dân ở Magadha, tên là Subhũta. Ngài không thể sống trong gia đình nên bỏ nhà làm du sĩ. Không thấy chút gì là chân lý thuần thiện trong giáo phái của minh, lại thấy Upatissa, Kolita,3 Sela sống hạnh phúc an lạc sau khi xuất gia, ngài khởi lòng tin giáo lý đức Phật và xin xuất gia. Sau khi được vị giáo thọ và vị thầy truyền giới hoan hỷ cho phép, ngài vào nhập thất với một đề mục thiền quán. Nhờ phát triên thiên quán, ngài chứng quả A-la-hán. Rôi ngài tuyên bô chánh trí của mình băng cách quán chiêu sự đau khô khi tu hành và sự hoan hỷ khi ngài được tu thiền, ngài nói lên bài kệ: 320. Đặt mình vào tại chỗ, Không được cho thích dáng, Một người muốn làm việc, Nhưng không được thành tựu. Như vậy công việc ây, Được xem bị thất bại. 321. Nếu từ bỏ phần thắng, Gốc khổ được rút lên, Nó giống kẻ đánh bạc, Vận rủi quăng con bài, Nếu nó quăng tất cả, NÓ chăng khác người mù, Không nhìn thấy con đường, Bằng phẳng, không bằng phẳng. 322. Hãy nói điều có lam, Không nói điều không làm5 Bậc Hiền trí rõ biết, Người chỉ nói không làm.4 323. Như bông hoa tươi đẹp, Có sắc nhưng không hương, Cũng vậy lời khéo nói, Không làm, không kết quả. 324. Như bông hoa tươi đẹp9 Có sắc lại có hương, Cũng vậy lời khéo nói912345 Có làm, có kết quả.5

1 Kệ 318-19, xem Thag. V. 269-70, 273-74,409-10, 464-65. 2 Tham chiếu: Thag. V. 225, 261; s. I. 23, Ujjhanasannisutta (Kinh Ujjhanasanni)\ Dh. v. ,51, 52; J. III. 69, Succỉỳqiãtaka (Chuyện dê cho), sô §320; J. III. 196, Hirijataka (Chuyện hô thẹn), sô §363.III. 251, Asankajataka(Chuyện thiên nưÂsankà), số §380;

Phépcukinh"Hoahirơngphầm^, 0.04. 0210.12. (r.04. 0212.19. 0708*28); tập yếu tụng kỉnh "Hoa dq phẩm” (04. 0213.18. 0786a02). 3 Upatissa ỉà Sãriputta, Kolita là Moggallãna. 4 Xem Thag. V. 226. 5 Kệ 323-24, xem Dh. v.51-2.

TRƯỞNG LÃO TÀNG KỆ 943

§200. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO GIRIMÃNANDA (Girìmãnandattheragãthă) (Thag. 38; ThagA. II. 138) Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Rajagaha (Vương Xá), con trai của vị cố vấn nghi lễ cho Vua Bimbisãra (Bình-sa) và được đặt tên là Girimânanda. Ngài thấy năng lực và uy nghi của đức Phật khi chứng minh pháp hội ở Rậjagaha và xin xuất gia vào Tăng đoàn. Trong thời gian học tập, ngài sống một thời gian tại một ngôi làng, rồi sau đó trở về thành đảnh lễ đức Phật. Vua Bimbisãra nghe tin ngài tới, đến yết kiến và thỉnh ngài: "Thua Trưởng lão, xin hãy ở lại? ta xin lo liệu tât cả!" Nhimg vì vua nhiêu việc nên quên đi lời hứa và ngài phải sông giữa trời. Thần mưa đã không mưa vì sợ làm ngài ướt. Vua Bimbisãra thấy trời hạn hán nên xây dựng một am thất cho ngài. Ngài vào trú trong am thất ấy, tinh tấn hết mình, kết hợp năng lượng và sự định tĩnh, triển khai thiền quán và chứng được quả vị A-la-hán. Rồi hoan hỷ với sự kiện này, ngài nói lên lời chánh trí của mình trong khi trời băt đâu đô mưa: 325. Trời mưa như bài ca, Khéo hát với nhạc điệu, Ta ngồi trong am thất, An lạc, được che chở. Tại đấy ta an trú, Thoải mái và an tịnh, Thần mưa, nếu ngươi muốn, Hãy mưa, hãy mưa đi! 326. Trời mưa như bài ca, Khéo hát với nhạc điệu, Ta ngôi trong am that, An lạc, được che chở. Tại đấy ta an trú, Tâm tư thật tịnh chí, Thần mưa, nếu ngươi muốn, Hãy mưa, hãy mưa đi! 327. Trời mưa như bài ca, Khéo hát với nhạc điệu, Ta ngôi trong am that, An lạc, được che chở. Tại đấy ta an trú, Tâm tư ly tham ái, Thần mưa, nếu ngươi muốn, Hãy mua, hãy mưa đi! 328. Trời mưa như bài ca, Khéo hát với nhạc điệu, Ta ngồi trong am thất, An lạc, được che chở. Tại đấy ta an trú, Tâm tư ly sân hận? Thân mưa, nêu ngươi muôn, Hãy mưa, hãy mưa đi! 329. Trời mưa như bài ca, Khéo hát với nhạc điệu, Ta ngồi trong am thất, An lạc, được che chở. Tại đấy ta an trú, Tâm tư ly si mê? Thân mưa, nêu ngươi muôn, Hãy mưa, hãy mưa đi!

§201. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO SUMANA (Sumanattheragãthă) (Thag. 38; ThagA. II. 140) Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình thường dân ở Kosala, tên là Sumana và lớn lên trong hoàn cảnh may mắn. Anh của mẹ ngài

944 KINH TIỂU Bộ

trở thành vị A-la-hán, sống trong rừng và khi Sumana đến tuổi trưởng thành, người cậu cho ngài xuất gia, trao cho ngài đề mục thiền thh hợp với tính cách. Ngài nỗ lực, chứng được bốn tầng thiền và năm thắng trí. Rồi vị Trưởng lão chỉ cho ngài phương pháp thiền quán. Ngài nhanh chóng phát triển tuệ quán và chứng quả A-la-hán. Khi đi đến người cậu, được hỏi về sự thành tựu của minh, ngài nói lên chánh trí như sau: 330. Điều Giáo thọ sư muốn, Tôi biết trong Chánh pháp, Với tôi mong bất tử, Điều phải làm9 làm xong. 331. Ph tôi đạt, tự chứng, Không phải chỉ nghe suông, Trí tôi được thanh tịnh, Không còn có nghi ngờ, Mong tôi đứng gần Ngài, Nói lên điều xác chứng. 332. Tôi biết các đời trước, Thiên nhãn tôi thanh tịnh, Mục đích tôi đạt được, Lời Phật dạy làm

xong. 333. Học tap, không phóng dật, Khéo nghe lời Ngài dạy, Mọi lậu hoặc tôi đoạn, Nay không còn tái sanh. 334. Ngài giảng tôi Thánh giới, Từ mẫn Ngài hộ trì, Ngài dạy không vô ích, Tôi đệ tử học Ngài.

§202. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO VADDHA (Vaddhattheragatha) (Thag. 38; ThagA. II. 141) Sanh trong thời đức Phật hiện tại, tại thành Bharukaccha, trong một dòng họ thường dân, ngài được đặt tên là Vaddha. Khi lớn lên, mẹ ngài cảm thấy âu lo về vấn đề tái sanh và sự chết nên giao con lại cho bà con rồi đi xuất gia với các Tỷ-kheo-ni. về sau, bà trở thành một vị A-ha-hán. Con bà cũng xuất gia dưới sự hướng dẫn của Trưởng lão Veludatta, học lời dạy của đức Phật5 trở thành một Pháp sư giỏi có tiếng. Một hôm, suy nghĩ đến trách nhiệm của minh, ngài nghĩ: “Nay ta sẽ đến thăm mẹ ta một mình và không đắp y ngoài." Rồi ngài đi đến trú xứ các Tỷ-kheo-ni. Vị Trưởng lão Ni thấy ngài vậy, quở trách ngài sao đi đến trú xứ Tỷ-kheo-ni một mình và không đắp y ngoài. Ngài nhận thấy mình có lỗi, trở về tinh xá, ngồi trong phòng thiền định và chứng quả A-la-hán. Ngài nói lên chánh trí của mình nhờ lời quở trách của mẹ: 335. Lành thay bà mẹ ta, Quở trách, khích lệ ta, Nghe lời dạy của bà, Được dạy bởi bà mẹ, Ta tinh cần, tinh tân, Chứng Bồ-đề Vô thượng. 336. Ta xứng được cúng dường, Đạt Ba minh, bất tử. Ta chứng quả La-hán, Xứng đáng được cúng dường. Ba minh đã chứng đạt? Thấy được quả bất tư^ Chiến thắng quân Ma vương, Ta sống không lậu hoặc.

TRƯỞNG LÃO TÀNG KỆ 945

337. Các lậu hoặc nội, ngoại, Trước đã có trong ta, Tất cả bị nhổ sạch, Không còn khởi lên nữa.67 338. Bà mẹ tâm nhu thuận, Nói lên ý nghĩa này, Trong con và trong ta, cỏ rừng không còn nữa. 339. Khổ đã được chấm dứt, Thân này thân cuối cùng, Đường sanh tử đứt đoạn, Nay không còn tái sanh.

§203. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO NADĨKASSAPA (Nađĩkassapattheragãthă) (Thag. 39; ThagA. II. 143) Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình Bà-la-môn ở Magadha (Ma-kiệt-đà), là anh của Kassapa. Ngài thiên hăn vê đời sông xuât gia, không ưa thích đời sống gia đình và ngài trở thành một ẩn sĩ. Với ba trăm đồ chúng, ngài sông đời sông ân sĩ trên bờ sông Nerafijara (Ni-liên-thiên), do vậy ngài được biết và được gọi là Kassapa ở bên sông (Nadĩkassapa). Ngài được Thế Tôn giáo hóa cùng với hai anh em, như đã được ghi trong Luật tạng. Sau khi Thế Tôn thuyết Kinh Lửa cháy^ ngài chứng quả A-la-hán. Sau đó, quán chiếu trên thiền chứng, ngài nói lên chánh trí của mình bằng cách nhổ lên các sai lầm: 340. Thật lợi ích cho ta, Đức Phật đến tại đây? Đến con sông tên gọi, Sông NerafỊjarã? Ta nghe pháp Ngài giảng, Đoạn tận các tà kiến. 341. Ta hành lễ tế tự, Đọc cao lời tế lễ, Ta đốt lên lửa thiêng, Đổ cúng dường vào lửa, Nghĩ rằng ta thanh tịnh, Ta thật mù, phàm phu. 342. Lang thang rừng tà kiên, Bị giới câm mờ măt, Không tịnh, nghĩ thanh tịnh, Mù lòa, ta không thấy. 343. Ta đoạn tận tà kiến, Mọi sanh hữu phá tan, Ta đốt lên ngọn lửa5 Xứng đáng được cúng dường, Ta cúi mình đảnh lễ, Bậc Như Lai Điều Ngự. 344. Mọi si mê, ta đoạn, Hữu ái được phá hủy5 Đường sanh tử đoạn tận, Nay không còn tái sanh.

§204. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO GAYÃKASSAPA (Gayãkassapattheragãthẩ) (Thag. 39; ThagA. II. 145) Trong thời đức Phật hiện tại? ngài được sanh trong một gia đình Bà-la-môn. Câu chuyện của ngài ^iống như câu chuyện của Nadĩkassapa, chỉ khác là ngài có hai trăm đệ tử và sống ở Gayã. Ngài nói lên chánh trí bằng cách tán thán tẩy sạch các điều ác như sau:

6 Xem Thag. V. 439. 7 Xem s. IV. 168, Ẫdittapariyãyasutta (Kinh Thuyết về lửa chảy).

345. Buôi sáng, trưa, buôi chiêu, Ba lần trong một ngày, Ta xuống dòng Gay Sông Gayãphaggu. 346. Các điều ác ta làm, Trong các đời sống trước, Nay đây ta rửa sạch, Xưa ta tin là vậy. 347. Nghe lời nói khéo giảng, Con đường đủ pháp nghĩa, Với ý nghĩa chơn thật, Ta như lý quán sát. 348. Ta tắm sạch mọi ác, Ta không uê, trong sạch, Ta trong sạch thuần tịnh? Thừa tự bậc trong sạch, Ta chính là con trai, Con chính tông đức Phật. 349. Lặn vào dòng tám chánh, Ta gột sạch mọi ác, Ba minh ta đạt được, Lời Phật dạy làm xong.

§205. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO VAKKALI (Vakkatìttheragãthãẩ (Thag, 39; ThagA. II. 147) Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sãvatthi, trong một dòng họ Bà- la-môn và được gọi tên Vàkkali. Khi đến tuổi trưởng thành, ngài học xong ba tập Vệ-đà, trở thành thuần thục trong những thành tích của Bà-la-môn. Khi thấy bậc Đạo sư, ngài nhìn mãi không chán thân tướng tuyệt hảo của đức Phật và đi theo bậc Đạo sư. Khi trở về nhà, ngài nghĩ rằng nếu ở lại nhà, sẽ không có dịp được luôn thấy đức Phật, do vậy, ngài xuất gia. Chỉ trừ khi ăn uống và tắm rửa, ngài để toàn thì giờ chiêm ngưỡng đức Phật. Bậc Đạo sư chờ đợi nhân duyên giác ngộ của ngài chín muồi nên trong một thời gian dài không nói gì. Một hôm5 đức Phật hỏi: "Này Vakkali, thân bất tịiù mà ông thấy này, đối với ông như thế nào? Người nào thấy pháp, tức người ấy thấy Ta. Vì rằng thấy pháp tức là thấy Ta và thấy Ta tức là thấy ph"Nghe lời dạy của đức Phật5 ngài không chiêm ngưỡng thân đức Phật nữa, nhưng vẫn chưa bỏ đi xa được. Bậc Đạo sư nghĩ: "Tỷ-kheo này, nếu không được chấn động mạnh sẽ không thức tinh", nên vào cuối mùa an cư, đức Phật nói: "Này Vakkali, hãy đi di!" Nghe bậc Đạo sư nói vậy, ngài tự nghĩ ngài phải di, nhưng tự nhủ đời ngài còn có ý nghĩa gì nếu không được gặp bậc Đạo sư, nên ngài có ý định leo lên núi Linh Thứu đê gieo mình xuông vực tự tử. Đức Phật biêt được Vàkkali có ý định như vậy và nghĩ: "Tỷ-kheo này bất an khi rời xa Ta, sẽ làm mất đi những nhân duyên thành tựu quả vị cao nhất" và rồi Ngài phóng quang hiện ra và đọc lên bài kệ: Tỷ-kheo nhiều hân hoan, Tịnh tín giáo pháp Phật, Chứng cảnh giới tịch tịnh, Các hạnh an tịnh lạc. Đức Phật đưa tay và nói: "Hãy đến, này Ty-kheo!^ Vakkali rất lấy làm sung sướng và suy nghĩ: "Minh được thấy bậc Đạo sư với mười lực, mình được Ngài

8 Xem Thĩg. V. 157, Mahãpạiãpatigotamĩtherĩgãthã (Kệ ngôn của Trưởng lão Ni Mahãpạiãpatĩ Gotamĩ).

gọi đến bên cạnh và thấy được điều gì Ngài đang lam?9 Đứng giữa hư không trên đỉnh đồi, ngài suy tư về bài kệ của bậc Đạo sư và chú tâm thiền định, chứng quả vị A-la-hán với pháp tín thọ và nghĩa tín thọ. (Đây là những điều được ghi lại trong Chủ giải Kỉnh Tăng chi bộ (Anguttara Nikãya A tthakathã) và Chủ giải Kinh Pháp củ {Dhammapada Atthakathã)). Theo những tài liệu khác, Vakkali chưa chứng quả A-la-hán sau khi nghe lời dạy của bậc Đạo su, ngài ở trên núi Linh Thứu, phát triển thiền quán. Thế Tôn cho ngài một đề mục tu tập, nhưng vì quá đói và bị tê liệt nên ngài không chứng quả được. Biết vậy, Thê Tôn nói với ngài như sau: 350. Bị bệnh gió chi phôi, Ong sông trong rừng sâu, Chỗ khất thực hạn chế, Thân gầy mòn ốm yếu, Tỷ-kheo sẽ làm gì? Với thân thể như vậy? Vị Trưởng lão trả lời đồng thời nói lên tâm thường an trú hỷ lạc của mình nhờ lạc siêu thế: 351. Thân con được tràn ngập, Với hỷ lạc tỏa rộng, Dầu có bị gầy ốm, Con sẽ sông trong rừng. 352. Tu tập bốn niệm xứ, Năm căn và năm lực, Tu tập các giác chi, Con sẽ sống trong rừng. 353. Con thây bạn đông tu, Sông hòa hiệp, dõng mãnh, Luôn kiên trì tinh tấn, Con sẽ sống trong rừng. 354. Tùy niệm Phật, thiền định, Bậc Tối Thượng Điều Ngự, Ngày đêm không biếng nhác, Con sẽ sống trong rừng. Khi nói vậy? ngài phát triển thiền quán và ngay khi ấy chứng quả A-la-hán.

§206. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO VUITASENA (yịịitasenattheragãthẩ) (Thag. 39; ThagA. II. 150) Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ra trong một gia đình huấn luyện voi ở nước Kosala và được đặt tên là Vijitasena. Hai người cậu bên ngoại của ngài là Sena và upasena đã xuất gia và chứng quả A-la-hán. Sau khi đã thuân thục nghề của mình, có một lần, Vijitasena chứng kiến bậc Đạo sư thị hiện thần thông song hành nên khởi lòng tin và theo nhân duyên tự nhiên, xin xuất gia dưới sự hướng dẫn của hai người cậu. Nhờ sự hướng dẫn tôi luyện của hai người thầy, ngài thành tựu thiền quán, nhưng tâm trí vẫn còn thiên về lý luận, chạy theo những đối tượng bên ngoài, nên ngài đã nhắc nhở cho tâm trí của mình như sau: 355. Ta sẽ chế ngự ngươi, Như cửa khóa ngăn voi, Ta sẽ không thúc ngươi, Này tâm nghĩ điều ác, Ngươi chính là lưới dục, Ngươi do thân sanh ra.

356. Chê ngự ngươi không đi, Như voi, không cửa mở, Này tâm, kẻ phù thủy, Dầu ngươi cố gắng mãi, Ngươi không còn lang thang, Ưa thích làm điều ác. 357. Như người cầm câu móc, Ngăn mãi voi chưa thuân? Như người dùng sức mạnh, Cải hóa kẻ không muốn, Cũng vậy đối với ngươi, Ta sẽ cải hóa ngươi. 358. Như bánh xe tuyệt hảo, Khéo huân luyện ngựa hay, Cũng vậy ta điều ngươi, Dựa lên trên năm lực. 359. Ta sẽ cột chặt ngươi, Với chánh niệm vững chắc, Tự mình đã chế ngự, Ta sẽ chế ngự ngươi, Nhờ sức nặng tinh tân, Ngươi được ta áp lực, Do vậy hỡi này tâm! Ngươi sẽ không xa ta.

§207. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO YASADATTA (Yasadattatíheragãthẩ) (Thag. 40; ThagA. IL 153) Trong thời đức Phật hiện tại? ngài sanh trong dòng họ Vua Mallã, có tên là Yasadatta và được học ở Takkasilã. Sau khi đi du hành với du sĩ Sabhiya, cả hai đến Sãvatthi và tại đấy, Sabhiya đã hỏi đức Thế Tôn một số câu hỏi. Yasadatta ngồi nghe những câu trả lời, ý muốn ưa phản biện: "Ta sẽ nêu lên khuyết điểm trong những câu trả lời của Sa-môn Gotama." Đức Thế Tôn hiểu tâm tư của Yasadatta nên sau khi nói

Kỉnh Sabhỉya^ đã giáo huấn Yasadatta như sau: 360. Với tâm muôn chỉ trích, Kẻ ngu nghe lời dạy, Của bậc Đã Thắng Trận, Người ấy thái độ vậy, Rất xa vời Chánh pháp, Như đất xa bầu trời. 361. Với tâm muốn chỉ trích, Kẻ ngu nghe lời dạy, Của bậc Đã Chiến Thắng, Người ấy thái độ vậy, Tổn giảm, xa Chánh pháp, Như trăng nửa tháng đen. 362. Với tâm muốn chỉ trích, Kẻ ngu nghe lời dạy, Của bậc Đã Chiến Thắng, Người ấy thái độ vậy, Khô cạn trong Diệu pháp, Như cá mắc nước cạn. 363. Với tâm muốn chỉ trích, Kẻ ngu nghe lời dạy, Của bậc Đã Chiến Thắng, Người ấy thái độ vậy, Không lớn trong Diệu pháp, Như giông thôi trong ruộng. 364. Ai tâm tư thỏa mãn, Nghe bậc Thánh giảng dạy, Từ bỏ mọi lậu hoặc? Chứng ngộ không dao động, Đạt tịch tịnh tối thượng, Chứng Niết-bàn vô lậu.

9 Xem Sn. 91, Sabhiyasutta (Kỉnh Sabhiyă).

TRƯỞNG LÃO TĂNG KỆ 949

§208. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO SONAKUTIKANNA (Sonakutikannattheragatha) (Thag. 40; ThagA. IL 154) Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở xứ Avanti, trong một gia đình rất giàu có và được đặt tên là Sona. Vì đeo một bông tai đắt giá nên ngài còn được gọi là Koti hay Kutikanna (vị có lô tai đăt giá). Lớn lên, ngài trở thành một điên chủ9 và khi Trưởng lão Mahãkaccãna trú ở gân bên nhà, ngài cung câp các vật dụng nhu yếu, nghe Chánh pháp, cuối cùng cảm thấy dao động nên xin xuất gia với Trưởng lão Kaccãna. Rủ thêm mười người một cách khó khăn, ngài xin phép vị Trưởng lão đi đến Sãvatthi để yết kiến Thế Tôn. Được phép ngủ đêm trong chái phòng của đức Phật, và buổi sáng được mời tụng đọc, ngài được khen khi đọc mười sáu Atthakavagga. Khi đọc đến câu: "Thấy sự nguy hiểm của đời sống thế tục", ngài phát triển thiền quán và chứng quả A-la-hán. Khi được đức Bôn sư băng lòng vê ba vân đê mà vị Trưởng lão Mahãkaccãna giao cho ngài về hỏi, ngài trở về chỗ cũ và thưa lại với bậc Giáo thọ sư của mình. (Sự kiện này được ghi chép đầy đủ trong tập Kinh Phật tự thuyết (Udãnă) và Chú giải Kinh Tăng chỉ bộ (Anguttara Nikãya Atthakathã)), nhưng trong tập này lại nói ngài chứng quảA-la-hán khi còn tu tập với vị Giáo thọ sư của mình). Rồi trong khi sống thọ hưởng an lạc giải thoát, ngài quán chiếu sự thành tựu của mình, với tâm hoan hỷ ngài nói lên những bài kệ như sau: 365. Ta được thọ Đại giới, Ta giải thoát vô lậu, Thế Tôn, ta được thấy, Ta sông chung tinh xá. f

366. Thế Tôn trải nhiều ngày, Sông ngay ở ngoài trời, Đạo sư khéo an trú, Rồi mới vào tinh xá. 367. TrảiyTăng-già-lê, Gotama năm xuông, Như sư tử hang đá, Đoạn tận mọi sợ hãi. 368. Khéo lựa lời tốt lành, Đệ tử bậc Chánh Giác, Trước đức Phật tuyệt hảo, Sona thuyêt Diệu pháp. 369. Liễu tri năm thủ uẩn, Tu tập con đường Thánh, Đạt an tịnh tối thượng, Chứng Niết-bàn vô lậu.

§209. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO KOSIYA (Kosiyattheragăthẩ) (Thag. 41; ThagA. II. 157) Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình Bà-la-môn, ở Magadha và được đặt tên là Kosiya. Khi đến tuổi trưởng thành, ngài hay đến nghe Trưởng lão Sãriputta thuyêt pháp và tin tưởng nơi giáo pháp nên xuât gia, không bao lâu chứng quảA-la-hán. Rồi quán chiếu sự thành tựu của mình, ngài tán thán hạnh cung kính và

sức mạnh của quyết định tánh mang lợi ích cho bậc trí với những bài kệ sau đây:

950 KINH TIỂU Bộ

370. Ai hiêu ĩứiững lời dạy, Của các bậc Đạo su, Bậc trí sống an trú, Phát sanh lòng ái niệm, Bậc trí có lòng tin, Biết thù thắng trong pháp. 371. Vị khi nạn lớn khởi, Suỵ tư không tê liệt, Bậc trí có kiên trì, Biết thù thắng trong pháp. 372. Ai vững trú như biển, Không dục, trí tuệ sâu, Thấy rõ chân nghĩa lý, Tế nhị và vi diệu, Bậc trí trú bất động, Biết thù thắng trong pháp. 373. Bậc nghe nhiều, trì pháp, Hành pháp và tùy pháp, Bậc trí gọi như thị, Biêt thù thăng trong pháp. 374. Ai hiểu nghĩa lời nói, Biết nghĩa, hành như thật, Bậc trí gọi nội nghĩa, Biết thù thắng trong pháp.

CHƯƠNG VI SÁU KỆ (CHAKKANIPATA)

§210. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO URUVELA KASSAPA (UruveỊakassapattheragãthẩ) (Thag. 42; ThagA. II. 159) Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh làm anh cả trong ba anh em của một gia đình Bà-la-môn tên Kassapa và cả ba đều học tinh thông ba tập Vệ-đà. Ba anh em có đến năm trăm, ba trăm và hai trăm thanh niên đệ tử. Vì không tìm được chân lý trong kinh điển của hq, chỉ tìm thấy những vấn đề thế tục nên họ từ bỏ gia đình và trở thành những ẩn sĩ. Cả ba được đặt tên tùy theo chỗ ở của mỗi vị và ngài được gọi là UruveỊa Kassapa vì ngài ở Uruvelã. Một số sự kiện đã xảy ra, vị Bồ-tát xuất gia, chuyển pháp luân, năm vị Trưởng lão chứng quả A-la-hán, năm mươi bạn đứng đầu là Yasa được hóa độ, sự xuất phát của vị A-la-hán để thuyết pháp độ sanh, sự hóa độ ba mươi người bạn giàu có, bậc Đạo sư đi đến Uruvelã. Khi Thế Tôn hiện ra nhiều thần thông bắt đầu với sự nhiếp phục con rắn, Kassapa khởi lòng tin và xuất gia, hai người em cũng noi theo người anh cả. Thế Tôn giảng Kinh Lửa cháyỵ cho ba anh em Kassapa với một ngàn đệ tử và giáo hóa mọi người chứng quả A-la-hán. UruveỊa Kassapa quán chiếu lại thành quả của mình nói lên chánh trí với những bài kệ như sau: 375. Thấy được các thần thông, Gotama danh tiếng, Nhimg ta chưa thần phục, Bị ganh, mạn lừa dối. 376. Bậc Điều Ngự Loài Người, Biêt được tâm tư ta, Chất vấn, ta hốt hoảng, Kỳ diệu, lông dựng ngược. 377. Xưa ta thuộc bện tóc, Thần thông ta nhỏ mọn, Ta xem chúng vô dụng, Ta xuất gia đầu Phật. 378. Xưa bằng lòng tế tự, Xem dục giới hàng đầu, Sau ta nhô tận sạch, Cả tham, sân và si. 379. Ta biết các đời trước, Thiên nhãn ta trong sạch, Thần thông biết tâm người, Thiên nhĩ ta đạt được.

Xem s. IV. 168, �four;ditaparỉyãyasutta (Kinh Thuyết về lửa chảy).

952 KINH TIẾU Bộ

380. Do đích gì xuất gia, Bỏ nhà, sông không nhà, Đích ấy ta đạt được, Mọi kiết sử tận diệt.2

§211. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO TEKICCHAKÃRI (Tekicchakãrittheragãthẩ) (Thag. 42; ThagA. II. 163) Trong thời đức Phật hiện tại9 ngài sanh làm con của một Bà-la-môn tên Subuddha. Ngài được các bác sĩ cứu sống khi vừa mới sanh, vì vậy ngài được đặt tên là Tekicchakãri (người được các bác sĩ cứu sống). Ngài lớn lên học các nghệ thuật và học thuật của giai cấp mình. Lúc bấy giờ, phụ thân của ngài, bởi trí tuệ và chính

sách của ông đã làm phát sanh sự ganh ghét và nghi ngờ của Vua Candagutta xứ Ba-la-nại nên đã bị Vua tống vào tù. Tekicchakãri nghe vậy sợ hãi bỏ trốn, lánh mình tại tinh xá của một vị Trưởng lão và tường thuật cho vị ấy biết khó khăn của mình. Vị Trưởng lão cho ngài xuất gia, chọn cho một đề mục tu tập và rồi ngài trở thành một Tỷ-kheo sống ngoài trời không kể gì lạnh nóng, hoàn toàn chú tâm vào tu tập cho đạt thành quả. Ác ma sợ ngài thoát khỏi sự chi phối của mình nên muốn phá rối. Trong hình dáng của một mục đồng khi gặt hái đã xong, Ác ma đến gần ngài nói lời cám dỗ như sau: 381 Lúa đã gặt thâu xong, Gạo đã được đập, giã, Nhưng một miếng không có, Ta sẽ làm gì đây? Vị Trưởng lão nghĩ rằng: "Người này nói đến tình cảnh của nó. Nhưng ta cần phải giáo huân ta! Không phải phân việc đê ta thuyêt giang?5 Như vậy, vị Trưởng lão khuyên mình nên thiền quán trên ba quy y: 382. Hãy niệm Phật yô lượng! ' Tâm hân hoan thoải mái, Thân thấm nhuần hỷ thọ, Luôn luôn cảm phấn chấn. 383. Hãy niệm Pháp vô lượng! Tâm hân hoan thoải mái, Thân thấm nhuần hỷ thọ? Luôn luôn cảm phấn chấn. 384. Hãy niệm Tăng vô lượng! Tâm hân hoan thoải mái, Thân thấm nhuần hỷ thọ, Luôn luôn cảm phấn chấn. Rôi Ac ma muôn ngài không sông hạnhI viễn ly, làm như muốn lo cho ngài được hạnh phúc, nói rằng: 385. Ngài sống giữa ngoài trời, Những đêm này giá lạnh, Chớ để lạnh hại ngài! Hãy vào trong tinh xá, Có cửa đóng then cài. _ Vị Trưởng lão trả lời, nêu rõ răng ở trong nhà là một trói buộc và ở ngoài trời là giải thoát: 386. Ta sẽ cảm thọ được, Với bốn tâm vô lượng, Ta sẽ sống an lạc, Với những tâm tư ấy, Giá lạnh không hại ta, Ta sống không dao động.

2 Xem Thag. V. 136, 605, 657, 793, H95.

TRƯỞNG LÃO TÀNG KỆ 953

Nói như vậy xong, vị Trưởng lão phát triển thiền quán và chứng quảA-la-hán. Vì rằng vị Trưởng lão sống trong thời Vua Bindusãra,34các bài kệ này cần được hiểu là được tụng đọc vào kỳ kết tập lần thứ ba, thuộc Kinh tạng.

§212. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO MAHÃNẢGA (Mahãnãgattheragãthă) (Thag. 43; ThagA. II. 166) Trong thời đức Phật hiện tại, ngài được sanh tại Sãketa, con trai của Bà-la- môn Madhuvãsettha và được đặt tên là Mahãnãga. Ngài chứng kiến Trưởng lão Gavampati thị hiện thân thông khi Thê Tôn sông trong rừng Anjana nên khởi lòng tin, đi xuất gia dưới sự hướng dẫn của vị Trưởng lão và chứng quả A-la- hán nhờ vị thầy giáo huấn. Lúc bấy giờ, trong khi đang an trú lạc giải thoát, Trưởng lão Mahãnãga thấy sáu Tỷ-kheo thường không cung kính các vị đồng Phạm hạnh, ngài đã giáo huấn họ với những bài kệ như sau và những bài kệ này trở thành lời tuyên bố chánh trí của ngài: 387. Ai đối đồng Phạm hạnh, Không có sự cung kính, Chúng thối giảm Diệu pháp, Như cá mắc nước cạn. 388. Ai đối đồng Phạm hạnh, Không có sự cung kính, Không lớn trong Diệu pháp, Như giông thôi trong ruộng, 389. Ai đối đồng Phạm hạnh, Không có sự cung kính, Chúng xa rời Niết-bàn, Trong lời dạy Pháp Vương. 390. Ai đối đồng Phạm hạnh, Thật có sự cung kính, Không thối giảm Diệu pháp, Như cá được nước nhiều. 391. Ai đối đồng Phạm hạnh, Thật có sự cung kính, Lớn mạnh trong Diệu pháp, Như giống tốt trong ruộng. 392. Ai đối đồng Phạm hạnh, Thật có sự cung kính, Họ đến gần Niết-bàn, Trong lời dạy Pháp Vương.

§213. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO KULLA (Kullattheragãthẩý (Thag. 43; ThagA. II. 167) Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sãvatthi (Xá-vệ), trong gia đình một điền chủ và được đặt tên là Kulla. Ngài được cảm hóa với lòng tin và được bậc Đạo sư độ cho xuất gia, nhưng ngài thường bị tham dục chi phối. Bậc Đạo sư biết yếu điểm này nên cho ngài một đề mục quán bất tịnh và khuyên thiền quán trong nghĩa địa. Ngài tu tập vân chưa đạt kêt quả, bậc Đạo sư đi với ngài

3 Bindusãra, cha của Asoka, là con của vua soán nghịch Candagutta, vị này đã bỏ tù cha của vị Trưởng lão. 4 Xem A. I. 235, Dutiyasỉkkhattayasutta (Kinh thứ hai về ba học pháp).

và dạy cho cách theo dõi tiên trình thôi nát và tiêu diệt của vật bât tịnh. Khi Kulla đã được tự tại tìioát ly, đức Thế Tôn phóng hào quang khiến ngài nhớ lại bài học, chứng Sơ thiền và từ đấy phát triển thiền quán, chứng được quả A-la-hán. Quán chiêu lại trải nghiệm của mình, ngài nói lên những bài kệ sau đây, trước nói về ngài rồi nhắc lời dạy của bậc Đạo su, cuối cùng lại nói về ngài: 393. Kulla đến nghĩa địa, Thấy bỏ một đàn bà? Vất ném trong nghĩa địa, Làm mồi cho giòi ăn. 394. Kulla, hãy nhìn thân, Bệnh hoạn nhớp hôi thối, Nước ứ chảy, ri chảy, Được kẻ ngu thích thú. 395. Sau khi nắm gương pháp, Đạt được chánh tri kiến, Ta quán sát thân này, Trống rỗng cả trong ngoài. 396. Đây thế nào, kia vậy, Kia thê nào, đây vậy, Dưới thế nào, trên vậy, Trên thế nào, dưới vậy. 397. Ngày thế nào, đêm vậy, Đêm thế nào, ngày vậy, Trước thê nào, sau vậy, Sau thế nào, trước vậy. 398. Người vậy không ưa thích, Cả năm loại nhạc khí, Khi đã được nhất tâm, Chơn chánh thiền quán pháp.56 Những bài kệ này là lời tuyên bố chánh trí của ngài.

§214. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO MÃLUNKYAPUTTA (Mãlunkyaputtattheragãthăý (Thag. 44; ThagA. II. 170) Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sãvatthi, con của một vị chuyên môn đánh giá cho vua xứ Kosala. Mẹ là Mãluốkya nên ngài được gọi là Mãluồkyaputta (con bà Mãluồkya). Đến tuổi trưởng thành, tánh ưa thích đời sống xuất gia nên ngài trở thành một du sĩ ngoại đạo. Khi nghe Thế Tôn thuyết pháp, ngài xin xuất gia trong Pháp và Luật của Thê Tôn, sau một thời gian, ngài chứng được Sáu thắng trí. Vì lòng từ mẫn đối với bà con, ngài về thăm nhà? các bà con chào đón ngài rất niềm nở và muốn kéo ngài trở về với đời sống gia đình thế tục, nói rằng với tài sản này, ngài có thể lập gia đình và làm các thiện sự, nhimg ngài nói lên chí nguyện của mình như sau: 399. Cỏ người sống phóng dật, Ái lớn như cây leo, Sống trôi nổi luân chuyển, Đời này qua đời khác5 Như con khỉ trong rừng, Thèm muốn các trái cây.

5 Xem Thag. V. 1074. 6 Bản PTS, Tích Lan, Thái Lan, Campuchia và PTS viết Mãlunkyaputta. Bản CST yiết Mãlukyaputta. Thamchieu: Thag. V. 405; Dh. V. 334 335; Sn. 57; J. IV. 208; V. ^Phapcu kinh 4<Ái dục phẩm^ (7.04. 0210.32. 0570cl6);^a(J/£M^«A4Ái phẩm,5 (T.04. 0212.3. 0632b21); Pháp tập yếu tụng kinh “Tham phẩín” (r.04. 0213.30778 6).

400. Khát ái khốn nạn này, Thấm độc cả thế giới, Khi đã chinh phục ai, Khiên sâu muộn tăng trưởng, Chăng khác giông cỏ rừng, Lan tràn và lớn mạnh. 401. Ai nhiếp phục được ái, Khốn nạn, khó chinh phục, Sầu rơi khỏi vị ấy, Như giọt nước trên sen. 402. Các ông đã đến đây, Ta thuyết điều lành ấy, Hãy đào rễ khát ái, Như tìm rễ ngon ngọt, Loại cỏ usĩra? Chớ để ma dòng nước, Tàn phá ống cây lau, Liên tục vậy mãi mãi. 403. Hãy hành lơi Phật dạy9 Chớ để sát-na qua, Sát-na qua sâu khô5 Thọ quả trong địa ngục. 404. Phóng dật như bụi bặm, Bụi nhơ do phóng dật? Không phóng dật, minh trí, Nhổ mũi tên khỏi ta.

§215. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO SAPPADÃSA (Sappadãsattheragãthẩ)1 (Thag. 44; ThagA. II. 172) Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Kapilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ), con vị cố vấn tế lễ của Vua Suddhodana và được đặt tên là Sappadãsa. Khi đức Phật viếng thăm bà con, ngài khởi lòng tin và xuất gia. Bị chi phối bởi những thói quen tật xấu, ngài không sao đạt được thiền định và nhất tâm. Điều này khiến ngài quá sâu não đen nôi muôn tự tử, nhưng bong anh sang nội tâm chói sáng, lan rộng, hốt nhiên, ngài chứng quả A-la-hán. Ngài nói lên chánh trí của mình như sau: 405. Đã được hăm lăm năm, Từ khi ta xuất gia, Nhung đến một búng tay, Ta không đạt tâm tịnh. 406. Nhứt tâm không đạt được? Bị dục tham chi phối5 Khoa tay, ta than khóc, Bỏ tinh xá, ta đi. 407. Ta sẽ đem dao lại, Sự sống ta, nghĩa gì? Học tập bị tước b6, Như ta, chết tốt hơn. 408. Rồi ta cầm con dao, Ta vào chỗ giường nằm, Con dao được rút ra, Để cắt cổ cua ta. 409. Rồi ta tự tác ý, Như lý khởi tư duy, Các hiểm nguy hiển lộ, Nhàm chán, ta an trú. 410. Và tâm ta giải thoát, Thây phap Ĩ±ĩ la vậy, Ba minh chứng đạt được, Lời Phật dạy làm xong.8

7 Xem Thĩg. V. 67. 8 Kệ 409-10, xem Thag. V. 269-70, 273-74, 318-19, 464-65.

§216. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO KÃTIYÃNA (Kãtỉyãnattheragãthẩ) (Thag. 45; ThagA. II. 174) Trong thời đức Phật hiện tại, ngài được sanh ở Sãvatthi, con của một Bà- la-môn thuộc dòng họ Kosiya nhưng được gọi là Kãtiyãna theo dòng họ mẹ. Thấy bạn của mình là Sãmaônakãni trở thành một Trưởng lão, ngài cũng xuất gia. Khi học tập, ngài cương quyết đối trị nằm ngủ ban đêm. Trong khi đi qua lại trên con đường kinh hành, ngài quá buồn ngủ nên té xuống. Bậc Đạo sư thấy vậy, đi đến đứng trước ngài và gọi: "Này Ktiy^na!" Ngài liền đứng dậy, đảnh lễ và đứng một bên với trạng thái chấn động mạnh, rồi Thế Tôn thuyết pháp cho ngài như sau: 411. Này Kătiyâna, Hãy thức dậy? ngồi lên, Chớ có ngủ quá nhiêu, Hãy tự mình thức tính, Này bà con phóng dật9 Kẻ thụ động biêng nhác, Chớ để cho thần chết, Lường gạt, chiến thắng ông 412. Như sóng tràn biên lớn, Cũng vậy sanh và già, Tràn ngập chôn lấp ông, Hãy tự làm cho ông9 Một hòn đảo an toàn, Vì rằng không ai khác, Phục vụ giúp đỡ ông, Như là chỗ nương tựa. 413. Đạo sư lập con đường, Đường vượt qua trói buộc, Vượt qua sự sợ hãi, Của sanh và của già, Trước đêm và sau đêm, Hãy sống không phóng dật, Chú tâm cố kiên trì, Trong nỗ lực chuyên tâm. 414. Từ bỏ triền phược trước, Mặc ỵ Tăng-già-lê, Đầu cạo trọc trơn láng, Ăn đồ ăn khất thực, Chớ có ưa chơi giỡn, Chớ đam mê ngủ nghỉ, Hãy nỗ lực thiền định, Hỡi Kãtiyãna! 415. Hãy thiền tu, chiến thắng, Hỡi Kãtiyãna! Hãy thiện xảo con

đường, An ổn các khổ ách! Hãy đạt cho kỳ được, Sự thanh tịnh tối thượng! Ong sẽ chứng Niết-bàn, Như nước làm tắt lửa. 416. Ánh sáng được tạo ra, Hào quang còn yêu ớt, Chẳng khác như cây lau, Gió thổi nằm rạp xuống, Hỡi bà con Inda, Như vậy chớ chấp thủ, Hãy tân xuất Ac ma, Ly tham mọi cảm thọ? Chờ đợi thời của ông? Tại đây ông mát lạnh.

§217. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO MIGAJALA (Migajalattheragatha) (Thag. 45; ThagA. II. 177) Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sãvatthi, con của nữ cư sĩ nổi

tiêng Visãkhã và hay đi đên tinh xá đê nghe pháp. Cuôi cùng, ngài xuât gia và sau một thời gian chứng quả A-la-hán, khi nói lên chánh trí của mình, ngài nói: 417. Khéo giảng, bậc Có Mắt, Hào quang còn yếu ớt, Mọi kiết sử vượt qua, Mọi luân chuyển hoại diệt. 418. Pháp hướng dẫn, hướng thượng, Làm khô héo ác căn, Chặt đứt gốc nọc độc, Diệt ác, đạt tịch tịnh. 419. Phá vỡ gốc vô trí, Chấm dứt nghiệp sanh hữu, Trí kim cang đánh nát, Mọi chấp trì của thức. 420. Cảm thọ được phơi bày, Chấp thủ được giải thoát, Hữu như hố than hừng, Được tùy quán bởi trí. 421. Vị lớn khéo thâm sâu, Chặn đứng già và chết, Con đường Thánh tám ngành, Tịnh chỉ khổ, vận tốt. 422. Biết được nghiệp là nghiệp, Biết nghiệp quả là quả, . Như thực, soi quán chiêu, Các pháp do duyên sanh, Đưa đến đại an ổn, Tịch tịnh, cứu cánh thiện.

§218. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO JENTA, CON CỦA PUROHITA (Purohitaputtajentattheragatha) (Thag. 45; ThagA. II. 179) Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ra làm con của vị cố vấn tế tự cho vua xứ Kosala và được đặt tên là Jenta. Khi lớn lên, ngài trở thành kiêu mạn với những quyền lợi về sanh, tài sản, địa vị? khinh bỉ những gì đáng phải kính trọng và cứng cỏi trong kiêu hãnh. Một hôm? ngài đến gần bậc Đạo sư đang thuyết pháp cho một số đông, nghĩ rằng: “Nếu Sa-môn Gotama nói với ta trước, ta sẽ nói và ta không tự ý nói với Sa-môn Gotama." Thế Tôn không nói với Jenta và Jenta vì lòng kiêu mạn cũng không nói. Sau cùng ngài nêu rõ lý do vì sao ngài đến và Thế Tôn nói với ngài như sau: An trú triên kiêu mạn, Thật sự là không tốt, Hỡi này Bà-la-môn9 Nên an trú lợi ích. Điều thiện ông tầm cầu, Khi ông đến tại đây? Chỉ trên đấy mà thôi? Ông hãy nên an trú. Jenta nghĩ rằng: "Thế Tôn đã biết tư tưởng của ta", cảm thấy chấn động mạnh và đảnh lễ chân Thế Tôn. Rồi ngài thưa với bậc Đạo sư: Với ai, không nên kiêu? Với ai, cần cung kính? Với ai, phải tôn trọng? Cung kính ai là thiện? Thê Tôn trả lời: Với cha và với mẹ, Với anh cả với thầy, Với các Bà-la-môn, Với Sa-môn áo vàng, Với những vị như vậy? Nên cung kính tôn trọng,

Cung kính các vị ây, Là việc làm tôt lành, Với các bậc La-hán? Tịch tịnh và Hữu học, An tịnh, không cấu uế, Mọi kiêu mạn chấm dứt, Khi đạt đến mục tiêu, Hãy tôn trọng vị ấy. Với lời dạy này, Jenta chứng được quả Dự lưu, xuất gia và sau một thời gian, chứng quả A-la-hán. Nói lên sự thành công, ngài tuyên bô chánh trí của mình: 423. Ta say đắm tự kiêu, Với sanh chủng, tài sản, Kể cả với quyền lực, Địa vị và dung sắc, Ta sống kiêu mạn vậy, Tham đắm và mê say. 424. Ta quá sức kiêu hãnh, Xem không ai bằng ta, Si mê, quá

tự hào, Kiêu căng và công cao. 425. Mẹ cha và người khác, Được cung kính tôn trọng, Ta không lễ một ai, Kiêu hãnh, không lễ phép. 426. Thấy lãnh đạo đệ nhất, Tối ưu Điều Ngự Su, Như mặt trời sáng chói, Dần đầu chúng Tỷ-kheo. 427. Gạt bỏ mạn5 kiêu hãnh, Với tâm thật an lành, Vơi đầu ta đảnh lễ, Bậc Tối Thượng chúng sanh. 428. Quá mạn, ty liệt mạn, Từ bỏ, nhổ tận gốc5 Ngã mạn được chặt dứt, Mọi loại mạn tận diệt.

§219. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO SUMANA (Sumanattheragãthẩ) (Thag. 46; ThagA. II. 181) Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong gia đình một cư sĩ làm vị hộ trì cho Tôn giả Anuruddha. Từ trước, con cháu của người cư sĩ này bị chết trẻ nên khi sắp sanh đứa con, người cha nghĩ, nếu là con trai, sẽ cho xuất gia với vị Trưởng lão. Sau mười tháng sanh được đứa con trai; rồi năm đứa trẻ lên bảy tuổi, vị cư sĩ này cho đi xuất gia. Do căn tánh thuần thục, không bao lâu ngài chứng được Sáu thắng trí trong khi đang hầu hạ bậc Trưởng lão. cầm cái bình để xách nước, Sumana với thần thông đi đến hồ Anotatta, một con rắn độc chúa phùng mang ngóc đầu lên không cho ngài lấy nước. Rồi Sumana hóa thành con chim Garuda (Kim Sí điểu) nhiếp phục con rắn và mang nước bay về chỗ vị Trưởng lão. Bậc Đạo sư ngồi tại vườn Jetavana thấy ngài bay về liền gọi Sãriputta cùng xem và tán thán ngài với bốn bài kệ. Sumana đã nói lên chánh trí của mình, cộng thêm những bài kệ của mình như sau: 429. Khi người mới xuất gia, Từ sanh, mới bảy tuổi, Với thần thông ta điều, Con xà vương thần lực. 430. Từ hồ nước to lớn, Tên Anotatta, Ta đem nước hồ về, Cho bậc Giáo thọ sư. Thấy vậy, bậc Đạo su, Nói vê ta như sau:

TRƯỞNG LÃO TÀNG KỆ 959

431. "Này Sãriputta, Xem đứa trẻ này đên? Tự bưng cầm ghè nước, Nội tâm khéo định tĩnh, Với nhiệm vụ khả ái, Cử chỉ rất thuần thiện. 432. Người đệ tử Sa-di, Của Anuruddha, Có thần thông uy lực, Thuần thục và điêu luyện. 433. Thuần lương nhờ giáo dục, Do vị Đại thuần lương, Thiện hạnh nhờ giáo dục, Bởi bậc Khéo thiện hạnh. Nhờ Anuruddha, Khéo huấn luyện điều phục, Được học tập giảng dạy, Làm xong việc phải làm. 434. Đạt được tịnh tối thắng, Chứng đắc, không dao động. Sa-di Sumana, Muốn: 'Không ai biết ta."

§220. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO NHÃTAKAMUNI (Nhũtakamunittheragũthă) (Thag. 46; ThagA. II. 184) Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Rậjagaha (Vương Xá) trong gia tộc Bà-la-môn, được giáo dục trong truyền thống Vệ-đà5 ngài được biết là vị đã đậu cập bậc Nhãtaka (Tịnh hạnh). Trở thành một ân sĩ, ngài sông trong một khu rừng cách xa Vương Xá khoảng ba do-tuần, sống với lúa hoang và thờ lửa. Đức Thế Tôn thấy được điều kiện trở thành một vị A-la-hán chói sáng trong tâm ngài như ánh sáng trong một cái ghè. Thế Tôn đến am thất của ngài, ngài vui vẻ đón tiếp đức Phật, thỉnh đức Phật dùng cơm ngài nấu và như vậy ba ngày troi qua. Ngàỵ thứ tư, Thế Tôn nói: uÔng hết sức yếu ớt, làm sao ông sống với đồ ăn như thế này?" Rồi đức Phật giảng về hạnh biết đủ và thuyết pháp cho ngài, và từ quả Dự lưu, ngài chứng quảA-la-hán. Thế Tôn xác chứng quả vị của ngài và ra đi, ngài vẫn ở tại chỗ cũ nhimg rồi bị đau tê liệt. Bậc Đạo sư lại đến thăm và hỏi ngài vê sức khỏe: 435. Bị bệnh gió chi phối, Ông sống trong rừng sâu, Chỗ khất thực hạn chế, Thân gầy mòn ốm yếu. Tỷ-kheo sẽ làm gì, Với thân thể như

vậy? 436. Thân con được tràn ngập? Với hỷ lạc tỏa rộng, Dầu có bị gầy ốm, Con sẽ sống trong rừng. 437. Tu tập bảy giác chi, Năm căn và năm lực? Đầy đủ thiền tế nhị, Con sông không lậu hoặc. 438. Thoát khỏi các kiết sử, Tâm tịnh, không uế nhiễm, Thường hằng khéo quán sát, Con sống không lậu hoặc. 439. Mọi lậu hoặc nội, ngoại, Trước có mặt trong con, Tất cả bị chặt đứt, Không dư, không khởi nữa.9

9 Xem Thag. V. 337.

440. Năm uẩn được liễu tri, Chúng dứng, rễ chặt dứt, Khổ diệt đã đạt được, Nay không còn tái sanh.

§221. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO BRAHMADATTA (Brahmadattattheragãthă)xồ (Thag. 46; ThagA. II. 185) Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sãvatthi, con vua nước Kosala, tên là Brahmadatta. Ngài chứng kiến uy nghi của đức Phật nhân ngày lễ dâng cúng Jetavana, khởi lòng tin xuất gia và sau một thời gian chứng được Sáu thắng trí với lòng tin và hiêu biêt vê nghĩa, với lòng tin và hiêu biêt vê pháp. Một hôm, ngài đi khất thực, một Bà-la-môn nhiếc mắng ngài, ngài im lặng nghe và tiếp tục đi. Bà-la-môn ấy lại chửi mắng và dân chúng phê bình sự im lặng của ngài, ngài giảng dạy cho dân chúng như sau: 441. Từ đâu phẫn nộ khởi, Với người không phẫn nộ, Với người được nhiếp phục, Sống nếp sống thăng bằng, Với vị trí giải thoát, Phật an tịnh như vậy. 442. Với ai bị chửi mắng, Lên tiếng chửi mắng lại, Người ấy tệ ác hơn, Người đã chửi mắng trước. Với ai bị chửi mắng, Nhưng không chửi mắng lại5 Người ây được chiên thăng, Trên cả hai mặt trận. 443. Sở hành của người ấy, Vừa lợi mình, lợi người, Biết người khác phẫn nộ, Chánh niệm, tự lắng dịu. 444. Là thầy thuốc cả hai, Cho mình và cho người, Quần chúng nghĩ là ngu, Không khéo hiểu Chánh pháp. Bà-la-môn chửi mắng ấy nghe những lời này cảm thấy ưu não, rồi tự nguyện đến xin lỗi ngài. Rồi Bà-la-môn xin xuất gia với sự hướng dẫn của ngài và được dạy đề mục quán từ bi. Như vậy5 ngài dạy cho vị ấy phương pháp đoi trị phẫn nộ: 445. Nếu phẫn nộ nổi lên, Hãy nghĩ dụ cái cưa, Neu tham vị khởi lên, Hãy nghĩ dụ thịt con. 446. Nếu tâm ngươi chạy theo, Theo dục5 theo sanh hữu, , - Hãy gấp nắm với niệm, Như năm con vật ác, Đi vào trong ruộng lúa.

10 Tham chiếu: s. I. 347, 350,475,479; D/z. V. 96; Pháp .hán phẩm^, (04. 0210.15. 0564a28); Pháp CU “rhẫp ”(T.04. 0210.25. 0568a03); Pháp củ thí dụ WwVTAan pham,5 0.04. 0211.15. Ó588bỊ0); Xuất diệu ^tKhuể phẩm,,(r.04. 0212,21. 0713b06);0“•(04. 0212.32. 0758C12); Pháp tập yếu tụng kỉnh "Sân khue pham^ (ro4 0213.20. 0787a09); Pháp tạp yếu tụng kinh uHọtâm phẩm,9 (04. 0213.31. 0795b06).

§222. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO SIRIMANDA (Sirìmandattheragãthẩ Ýỵ (Thag. 47; ThagA, II. 188) Trong thời đức Phật hiện tại, nệài sanh ở Sumsumãragiri, trong một gia đình Bà-la-môn. Khi được nghe The Tôn thuyết pháp ở rừng Bhesakalã, ngài khởi lòng tin và xuất gia. Một hôm, nhân ngày lễ Trai giới, trong khi Giới bổn (Pãtimokkhă) đang được đọc đến phần cuối là phần giới nói về một lỗi sẽ được nhẹ đi nếu phát lộ sám hối,

ngài nghĩ đến lợi ích phát lộ sám hối các lỗi đã bị che giấu và do vậy ngài phấn khởi hoan hỷ nói lớn tiếng: "Oi, thật là hoàn toàn trong sạch, giới luật của bậc Đạo su!" Rồi phát triển thiền quán, ngài chứng quả A-la-hán. Quán chiếu con đường đã trải qua với tâm phấn khởi, ngài dạy các vị đồng Phạm hạnh: 447. Mưa rât là nặng hạt5 Trên tội được che giâu? Mưa không có nặng nề9 Trên tội được phát lộ? Đâu có phát lộ tội, Như vậy mưa không nặng. 448. Đời bị chết áp đảo, Và bị già bao vây, Bị mũi tên ái dâm, Thường bị dục huân tập. 449. Đời bị chết áp đảo? Và bị già bao vây, Thường bị hại5 không yên? Như cướp với gậy dao. 450. Chúng đến như đống lửa5 Cả ba chết-bệnh-già? Không sức nào địch nổi, Không nhanh nào chạy thoát. 451. Chớ để ngày trống rỗng, Hãy làm ít hoặc nhiều, r r Đêm càng bị bỏ phí, Mạng sông càng rút ngăn. 452. Vậy hoặc đi hay đứng, Hoặc ngôi hay năm xuông, Đêm cuối đi đến gần, Ngươi thời không phóng dật.

§223. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO SABBAKẢMI (Sabbakãmittheragãthẩ) (Thag. 47; ThagA. II. 191) Trong thời đức Phật hiện tại, sau khi đức Phật nhập diệt, ngài sanh ở Vesãli, thuộc gia đình quý tộc và được đặt tên là Sabbakãmi. Khi đến tuổi trưởng thành, thuận theo chí hướng xuất ly, ngài xuất gia dưới sự hướng dẫn của Tôn giả Ãnanda. Trong khi đi học pháp, ngài trở về Vèsãli với bậc Y chỉ sư của mình và về thăm gia đình. Vợ ngài lúc trước buồn khổ, gầy mòn, áo xiêm không sửa soạn, nước mắt chảy quanh, chào ngài và đứng một bên. Thấy vợ cũ như vậy, lòng thương hại khởi lên và quên mất chí hướng xuất trần, để cho dục vọng nổi lên. Như con ngựa khéo luyện tập bị roi đánh, ưu não khởi lên và ngài đi đến nghĩa địa để quán bất tịnh. Thiền định được chứng dạt, thiền quán được triển khai, ngài chứng quả A-la-hán. Rồi nhạc phụ của ngài dắt vợ cũ của

11 Tham chiếu: s. I. 89; Ud. 51; NettL 128; Pe. 23; Vìn. II. 236; V. 11; Xuất diệu kinh^Gx^ (04. 0212.7. 0654c 18); Phấp tập yểu tụng kinh ^Trì giơi phẩm"íệ (7.04. 0213.6. 0780ỒỒ16).

ngài, trang điêm thật đẹp măt cùng với đoàn tùy tùng đông đảo đi đên tinh xá đê gặp ngài và kéo ngài trở lại với đời sống gia đình; nhưng ngài tuyên bố với mọi người là ngài đã từ bỏ các dục vọng như vậy với những bài kệ như sau: 453. Con vật hai chân này, Bất tịnh và hôi thối, Đầy các loại tử thi, Từ đấy, nước rỉ chảy. 454. Nai trốn, dùng bẫy sập. Với cá, dùng câu móc, Với khỉ, dùng hầm hố? Phàm phu bị bắt vậy. 455. Sắc, tiếng, vj, hương, xúc, Khả ái và thích ý5 Năm dục trưởng dưỡng này, Được tiếng trong nữ sắc. 456. Phàm phu tâm say dắm, Chạy theo hưởng nữ sắc, Tăng nghĩa địa hãi hùng, Chất chứa sự tái sanh. 457. Ai tránh né nữ sắc, Như chân tránh đầu rắn, Chánh niệm, vượt qua được, Kẻ đầu độc thế giới. 458. Thây nguy hiêm trong dục, An ôn trong viên ly, Thoat khoi tất cả dục, Ta đạt lậu hoặc tận.

CHƯƠNG VII BẢYKỆ (SATTAKANIPATA)

§224. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO SUNDARA SAMUDDA (Sundarasamuddattheragãthă) (Thag. 49; ThagA. II. 194) Trong thời đức Phật hiện tại,

ngài được sanh trong một gia đình quý tộc ở Rặjagaha (Vương Xá) và được đặt tên là Samudda. Vì ngài rất đẹp trai nên còn được gọi là Sundara Samudda. Khi còn trẻ, ngài thấy được uy nghi của đức Phật trong dịp lễ đón rước đức Phật đến Rặịagaha, với lòng tin và thiên tánh tự nhiên, ngài xuất gia. Được giao cho một đề mục thiên quán, ngài đi từ Rajagaha đến Sãvatthi ở với một người bạn và tu tập thiền quán. Mẹ ngài ở Vương Xá, khi thây các người con của các đại thân ở thành phô khác cùng với những người vợ trang sức lộng lẫy vui chơi trong các ngày lễ, bà buồn nhớ con và khóc. Một kỹ nữ thấy vậy liền an ủi bà và tự nguyện đi đến Sãvatthi để đưa con bà về. Bà mẹ hứa rằng nếu con bà chịu cưới c6, bà sẽ cho cô làm chủ gia đình và tặng nhiều của cải quý báu. Với một số tùy tùng, cô đi đến Sãvatthi và dừng lại tại ngôi nhà ngài thường hay đến khất thực hằng ngày. Cô cúng dường chăm sóc cho ngài rất chu đáo và còn ăn mặc rực rỡ, mang dép bằng vàng. Một ngày, cô để đôi dép tại ngưỡng cửa, khi ngài đi ngang qua, cô chắp hai tay đảnh lễ thỉnh nhưng cử chỉ muốn cám dỗ. Một tư tưởng thế tục thoáng khởi lên trong tâm nhưng ngài cương quyết, nỗ lực, cuối cùng đứng tại đấy định tâm, thiền quán và chứng được Sáu thăng trí. Ngài diễn đạt quả chứng của mình như sau: 459. Trang sức, mặc áo đẹp, Đeo vòng hoa, trang điểm, Chân bôi sơn màu đỏ, Một kỹ nữ đi dép. 460. Chân rút ra khỏi dép9 Chăp tay hướng phía trước, Nàng với giọng nhẹ dịu, Mở đầu nói với ta: 461. "Chàng trẻ tuổi xuất gia, Hãy dừng lãnh vực em, Thọ hưởng năm dục vọng, Em cho chàng phương tiện, Em hứa chàng sự thật, Em đem chàng lửa thề. 462. Khi chàng em đều già, Cả hai đều chống gậy, Cả hai cùng xuất gia, Hai phần được vận may." 463. Thây người kỹ nữ ây, Chắp tay lời vân xin, Trang sức, mặc áo đẹp, Như thần chết gieo mồi.

964 KINH TIÊU Bộ

464. Rồi ta tự tác ý, Như lý khởi tư duy, .2 e 7 Các hiêm nguy hiên lộ, Nhàm chán, ta an trú. 465. Và tâm ta giải thoát, Thây pháp nhĩ là vậy, Ba minh chứng đạt được, Lời Phật dạy làm xong.1

§225. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO LAKUNTAKA BHADDIYA (LakunỊakabhaddiyattheragãthă)2 (Thag. 49; ThagA. II. 195) Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sãvatthi trong một gia đình giàu c6, được đặt tên là Bhaddiya; nhưng vì ngài rất thấp nên được biết với tên là Lakuntaka Bhaddhiya. Nghe bậc Đạo sư giảng, ngài xuất gia trở thành một nhà học giả biện tài; ngài dạy cho các người khác với một giọng nói rất dịu ngọt. Một hôm, nhân ngày lễ hội, một phụ nữ đi xe với một Bà-la-môn, trông thấy ngài và cười lên để lộ hàm răng của cô. Vị Trưởng lão lấy hàm răng ấy như một đề mục để thiền quán, đề khởi thiền định, rồi trên căn cứ ấy phát triển thiền quán và trở thành một vị Bất Lai. về sau, nhờ Tôn giả Sãriputta dạy tu thân hành niệm, ngài chứng quả A-la-hán và nói lên chánh trí của mình: 466. Ra ngoài các khu vườn, Tên Ambãtaka, Trong rừng với lùm cây, Ái5 ái căn từ bỏ? Bhaddiya ngồi thiền, Bậc may măn hạnh phúc. 467. Một số người ưa thích, Trống, sáo và trống nhỏ, Còn ta dưới gốc cây, Ta thích lời Phật dạy. 468. Nếu Phật ban ân huệ, Ta được ân huệ ấy, Ta trì thân hành niệm, Thường hằng ở mọi giới. 469. Cười chê ta vì than, Ai theo ta vì tiếng, Chúng không biết được ta, Vì dục tham chi phối. 470. Không biết được phần trong, Không thấy

được phía ngoài, Chặn bốn phía, người ngu, Bị tiếng nói lôi cuốn. 471. Không biết được phần trong, Quán thấy được phía ngoài, Chỉ thấy quả phía ngoài, Cũng bị tiếng lôi cuốn. 472. Quán tri được phần trong, Quán thấy được phía ngoài, Thấy không bị chướng ngại, Không bị tiếng lôi cuốn.

§226. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO BHADDA
(Bhảddattheragãthă) (Thag. 50; ThagA. II. 199)
Trong thời đức Phật hiện tại, ngài được sanh trong một gia đình quý tộc của1
2
1 Kệ 464-5, xem Thag. V. 269-70, 273-74, 318-19, 409-10. 2 Bản Tích Lan, PTS và Thái Lan viết Lakuntaka. Bản CST viết Lakundaka. Tham chiếu: A. II. 71, Rũpasutta (Kỉnh Hình thức bên ngoài); Xuất diệu 4'Vnj)hẩm"(T.04. 0212.23. 0720c06); Pháp tập yếu tụng kinh 4ỈĐa van phẩm" (7.04. 0213.22. 0788a04).

thành Sãvatthi. Cha mẹ ngài hiếm muộn con cái nên đã đi cầu khẩn thần linh khăp nơi. Họ đã đên bậc Đạo sư và thưa: "Nêu có được đứa con, chúng con sẽ dâng lên cho Ngài để làm thị gi!" Khi sinh được Bhadda, họ mặc áo đẹp nhất cho ngài, đưa ngài đến bậc Đạo sư và nói: "Bạch Thế Tôn, đây là đứa con được sanh ra sau khi yết kiến Thế Tôn, chúng con xin dâng hiến cho Thế T6n." Thế Tôn bảo Tôn giả Ãnanda cho Bhadda xuất gia và đưa về hương phòng. Tôn giả Ãnanda giảng dạy cho ngài và căn cơ của ngài quá thuần thục đến nỗi trong khi đang học, vừa lúc mặt trời mọc, ngài phát triên thiên quán và chứng được Sáu thắng trí. Thế Tôn biết được những gì xảy ra và gọi: uHãy đến, này Bhadda!^ Ngài đến, chắp tay đảnh lễ bậc Đạo sư. Đó là lễ xuất gia của ngài, đó là lễ xuất gia do đức Phật chủ trì. Và bậc Trưởng lão nói lên chánh trí của mình: 473. Ta là con độc nhât, Được cha thương, mẹ thương, Do nhiều hạnh giới cấm, Van vái mới được ta. 474. Vì lòng thương xót ta, Muốn ta được hạnh phúc, Cả cha và mẹ ta, Dần ta đến đức Phật: 475. uĐược đứa con trai này, Thật trải nhiều khó khăn, Nuôi dưỡng rất tế nhị, Được nuông chiều săn sóc, Chúng con kính dâng Ngài, Kính thưa bậc Cứu Độ, Đê làm người thị giả, Hầu hạ bậc Chiến Thắng?9 476. Bậc Đạo sư nhận ta? Nói A-nan như sau: uHãy cho nó xuất gia, Nó sẽ thành thuần hiơng." 477. Sau khi bậc Đạo su, Bảo xuất gia cho ta, Xong rồi bậc Chiến Thắng, Bước vào trong tinh xá, Khi mặt trời chưa mọc, Tâm ta được giải thoát. 478. Rồi bậc Đạo sư ta, Để chấm dứt công việc, Từ yên lặng thiền tịnh, Ngài đứng dậy gọi ta: "Này Bhadda, hãy den!" Ta thọ Đại giới vậy. 479. Từ sanh đến bảy năm, Ta được thọ Đại giới, Ba minh ta đạt được, Ôi9 pháp thiện, pháp tánh!

§227. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO SOPÃKA (Sopãkattheragãthổ) (Thag. 50; ThagA. II. 201) Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh từ vợ một người cùng đinh và do thọ sanh ngài được gọi là Sopãka (người cùng đinh). Có người nói ngài là con của một thương gia, sự kiện này không được tập Apadãna chấp nhận: Khi ta chứng được, Tái sanh cuối cùng, Ta vào bào thai, Của Sopãka.

Bốn tháng sau khi sanh, cha ngài mạng chung và được người cậu nuôi dưỡng. Người cậu do bị người con hay nóng giận của mình xúi giục, muốn giết ngài. Ong đem ngài đên bãi tha ma, trói hai tay ngài cột vào cô một thây ma, nghĩ rằng các con chó rừng sẽ ăn thịt ngài. Ông không thể giết ngài vì ngài tái sanh lần cuối cùng. Ban đêm các con chó rừng và các con thú khác đến, đứa con nít kêu khóc: Thế nào là định mệnh, Được để dành cho ta, Ai là người bà con, Của đứa trẻ mồ côi? Giữa nghĩa địa kinh hoàng, Ta bị cột, trói chat, Ta sẽ tìm được ai, Là người bạn của ta? Bậc Đạo sư trong lúc ây đang quán chiêu xem ai là người đáng cứu độ9 thây đứa trẻ và những nhân duyên chứng quả A-la-hán được chói sáng trong tâm của đứa trẻ, liền chiếu sáng hào quang và nói: Hãy đến, Sopãka! Người đừng có sợ hãi, Hãy nhìn đến Như Lai, Chính Ta sẽ cứu con, Như mặt trăng thoát khỏi, Hàm răng của Rãhu. Với sức mạnh của đức Phật, đứa trẻ bứt đứt dây trói và cuối bài kệ đứng dậy, trở thành một bậc Dự Liru và đứng trước hương phòng của đức Phật. Mẹ ngài tìm ngài, hỏi người cậu nhưng người cậu im lặng không nói gì. Mẹ ngài đi đến đức Phật, nghĩ rằng đức Phật biết tất cả quá khứ, hiện tại, vị lai. Bậc Đạo sư dùng thần thông giấu đứa con. Bà thưa với Thế Tôn: uBạch Thế Tôn, con không thể tìm thấy đứa con. Nhimg Thế Tôn biết được con tôi đang làm gi?" The Tôn trả lời: Các người con không phải, Là chỗ y, nương tựa, Cả cha cũng là vậy, Kể cả các bà con. Với kẻ bị mạng chung, Dầu bà con huyết thống, Cũng không thể nương tựa! Và như vậy, được Thế Tôn thuyết pháp cho, bà nghe xong chứng quả Dự liru và ngài chứng quả A-la-hán. Rồi Thế Tôn thu lại thần thông và bà mẹ sung sướng thấy được con trai. Biết được con mình đã chứng quả A-la-hán, bà bằng lòng để con xuất gia và ra về. Rồi ngài đến đảnh lễ bậc Đạo sư và đi theo sau khi bậc Đạo sư đi dưới bóng mát của hương phòng. Đức Thế Tôn muốn thế độ cho ngài liền hỏi ngài mười câu hỏi? bắt đầu bằng câu: "Thế nào là một ph?" Với trí sáng suốt của mình, ngài hiểu được ý Thế Tôn liền trả lời: "Các chúng sanh được nuôi dưỡng bằng thức ăn?\ Bậc Đạo sư hài lòng với những câu trả lời của đứa trẻ, truyền giới cho ngài. Do vậy, ngài có được tên là uĐứa trẻ với những câu h6i". Ngài nói lên chánh trí của minh, thuật lại những sự việc đã xảy ra với bài kệ như sau:

TRƯỞNG LÃO TĂNG KỆ 967

480. Thấy bậc Tối Thượng Nhân, Kinh hành dưới bóng lầu? Tại dấy, ta đi tới, Đảnh lễ bậc Tối Thượng. 481. Đắp y một bên vai, Chắp hai tay đưa lên, Đi theo bậc Vô cấu, Tối thượng trên mọi loài. 482. Ngài hỏi ta câu hỏi, Khéo biết đặt câu hỏi, Ta trả lời Đạo sư, Không run, không sợ hãi. 483. Đức Như Lai tùy hỷ, Câu trâ lời câu hỏi, Nhìn chúng Tỷ-kheo-tăng, Ngài nói ý nghĩa này: 484. “Lợi ích thay dân chung Anga, Magadha! Cúng dường cho vị ấy, Ỵ, thực, thuốc, sàng tọa? Biết cung kính đúng mực, Thật lợi ích cho chiing” Bậc Đạo sư nói răng: 485. "Bắt đầu từ hôm nay, Hỡi này Sopãka, Hãy đến yết kiến Ta! Như vậy Sopãka, Ông thành tựu Đại giới, Được an lành tốt đẹpy 486. Bảy năm từ khi sanh, Ta được thọ Đại giới, Ta mang thân cuối cùng? Ôi9 pháp thiện, pháp tánh!

§228. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO SARABHANGA (Sarabhangattheragatha) (Thag. 50; ThagA. II. 204) Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh tại Rậjagaha (Vương Xá), con của một Bà-la-môn. Ngài có thể được đặt tên riêng hay được gọi theo họ của dòng tộc,

nhimg ngài không có điểm gì nổi bật để đặt tên và rồi việc đặt tên cho ngài bị lãng quên. Khi đến tuổi trưởng thành, ngài trở thành một ẩn si, tự dựng một thảo am làm bằng cọng cây lau mà tự tay ngài bẻ gãy và từ đấy ngài được biết với tên là Sarabhanga (người bẻ gãy cọng cây lau). Đức Thế Tôn với Phật nhãn quán chiếu thế giới, thấy nơi ngài có những nhân duyên chứng quả A-la-hán nên đến thuyết pháp cho ngài. Ngài khởi lòng tin, trở thành một vị xuất gia, và khi đã chứng quả A-la-hán, ngài vẫn tiếp tục ở tại thảo am. Thảo am dần dần hư nát và sụp đổ xuống, dân chúng hỏi: "Sao ngài không dựng lại thảo am?9,Ngai trả lời: "Trư&c đây thảo am được dựng lên, tôi còn là ẩn sĩ. Nhung nay tôi không thể làm như vậy nữa." Rồi ngài nói lên toàn bộ vấn đề như sau: 487. Tay bẻ những cây lau, Ta làm am ta ở, Do vậy được tên tục: "Người bẻ gãy cây lau.” 488. Nay không còn thích hợp, Tự tay bẻ cây lau, Theo học giới giảng dạy, Gotama danh xưng. 489. Chính Sarabhaõga, Từ trước chưa từng thây, Thấy chứng bệnh toàn diện, Một cách thật đầy đủ, Bệnh ấy nay được thấy, Do lời bậc Siêu Thiên.

968 KINH TIỂU Bộ

490. Chính đường ây đã di, Vipassĩ, Sikhĩ,
Kể cả Vessabhũ, Với Kakusandha,
Konãgamana, Chính với con đường ấy,
Gotama đã đến.
491. Ly ái, không chấp thủ, Bảy Phật chứng Niết-bàn,
Pháp này được thuyết giảng, Bởi các vị chứng pháp.
r
492. Vì từ mẫn chúng sanh, Bôn sự thật được giảng,
Khô, khô tập, con đường, Diệt, chấm dứt khổ đau.
493. Trong đời sống liên tục, Khổ luân chuyển không dứt,
Khi thân này bị hoại, Khi mạng sống cáo chung,
Tái sanh khác không còn, Ta thật khéo giải thoát,
Giải thoát mọi sanh y.
CHƯƠNG VIII TÁM KỆ (ATTHAKANIPATA)

§229. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO MAHÃKACCÃYANA (Mahãkaccãyanaítheragũthă)1 (Thag. 52; ThagA. II. 206) Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh tại Ụjjenĩ? trong gia đình của vị cô vân nghi lê cho Vua Candappajjota. Lớn lên, ngài học thông suốt ba tập Vệ-đà và kế thừa chức vụ của phụ thân khi ông mất. Ngài được gọi tên theo họ là Kaccãyana. Lúc bấy giờ, nhà vua nghe tin đức Phật đã xuất hiện nên sai ngài đi thỉnh đức Phật về. Ngài đồng hành với bảy người nữa đến nơi của đức Phật và được nghe bậc Đạo sư thuyết giảng giáo pháp. Cuối thời pháp, ngài và cả bảy vị đều chứng quả A-la-hán với pháp tín thọ và nghĩa tín thọ. Rồi đức Thế Tôn bảo: "Hy đến, này các Tỷkheo!” Cả tám vị được cắt tóc, đầy đủ với bát và y. Khi ngài đã được giải thoát, ngài mời đức Phật đến ụjjenĩ để thuyết pháp cho vua. Đức Phật bảo Kaccãyana tự mình đi về thực hiện sứ mạng ấy. Kaccãyana theo lời khuyên đi với cả bảy vị, thuyết pháp cho vua, khiến vua khởi lòng tin rồi trở lại với bậc Đạo sư. Một hôm, nhiều Tỷ-kheo sau khi

bỏ một bên các bổn phận của mình, tìm thú vui trong các niềm vui thế tục và xã hội, đang sống một đời sống phóng dật. Trong hai bài kệ đầu [494-95] dưới đây, vị Trưởng lão khuyên răn các vị ấy và sáu bài kệ kế tiếp [496-501] giảng dạy cho vua: 494. Chớ làm quá nhiều việc, Tránh quân chúng đua tranh. Người siêng tham đắm vị, Bỏ đích đem an lạc. 495. Ta cảm là uđống bùn5\ Cung kính các gia đình, Là mũi tên nhỏ nhiệm, Thật khó được rút ra, Tôn trọng khó từ bỏ, Đối với kẻ không tốt.12

1 Tham chiếu: Thag. V. 123, 275, 1051; M. III. 152, Upakkịlesasụtta (Kinh Tùy phiền não), số 128; Dh. V. 6; J. III. 488; Vin. I. 337; Phấp củ kinh uSong yếu phanT (T.04. 0210.9. 0562all); Pháp tập yếu tụng kỉnh uOán gia phẩm,, (r.04. 0213.14. 0784al4). 2 Xem Thag. V. 124.

Lời cho vua: 496. Hành động của con người, Không phải là độc ác, Tùy thuộc vào người khác, Người khác nói hay làm, Tự mình chớ có làm, Vì người, bà con, nghiệp. 497. Không vì người khác nói, Con người thành ăn trộm, Không vì người khác nói? Con người thành bậc Thánh, Như mình tự biết mình, Chư thiên biết mình vậy. 498. Người khác không biết được, Đây ta sống một thời, Những ai biết được vậy, Bậc trí sống lắng dịu.34 499. Chỉ bậc trí sống mạnh, Dâu tài sản đoạn tận, Nếu không được trí tuệ, Có tiền như không sống. Với vua hỏi vê cơn mộng: 500. Với tai nghe tất cả, Với mắt thấy tất cả, Người trí bỏ tất cả, Như không thấy, không nghe. ĩ 501. Có măt như kẻ mù5 Có tai như kẻ điếc, Có trí như kẻ ngu, Có sức như kẻ yếu, Để việc lành khởi lên, Năm như kẻ chêt năm.

§230. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO SIRIMITTA (Sirỉmittattheragãthẩý (Thag. 52; ThagA. II. 211) Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Rặjagaha (Vương Xá), con của một điền chủ giàu có, được đặt tên là Sirimitta và mẹ ngài là chị của Sirigutta. Lúc bấy giờ, Sirimitta, cháu của Sirigutta khởi lòng tin đối với bậc Đạo sư khi Ngài nhiếp phục con voi Dhanapãla. Rồi ngài xuất gia và sau một thời gian chứng quả A-la-hán. Một hôm, từ chỗ ngồi đứng dậy để tụng học Giới bổn Pãtỉmokkha. ngài câm một cái quạt có sơn màu, rôi ngôi xuông ngài thuyêt pháp cho các Tỷ- kheo; và làm như vậy, ngài làm nổi bật những đức tánh khác như sau: 502 Không phẫn nộ, không hận, Không gian, không hai lưỡi, Vị Tỷ-kheo như vậy9 Đời sau không ưu sầu. 503. Không phẫn nộ, không hận, Không gian, không hai lưỡi, Tỷ-kheo thường hộ căn, Đời sau không ưu sầu. 504. Không phẫn nộ, không hận, Không gian, không hai lưỡi, Tỷ-kheo giữ thiện giới, Đời sau không iru sầu.

3 Xem Thag. V. 275; Dh. V. 6. 4 Xem s. I. 231, Daịiddasutta (Kinh Người nghèo); s. V. 380, Pathamaanathapindikasutta (Kinh thứ nhất về Anãthapindikà); A. II. 56, Dutiyapunnabhisandasutta (Kinh thứ hai về nguồn sanh phước); A, III. 53, Dhanasutta (Kinh Tài vật); A. IV. 4, Samkhittadhanasutta (Kinh Tóm tăt vê các tài sảrì)\ A. IV. 5, Vìtthatadhanasutta (Kinh Quảng thuyết về các tài sảrì); A. IV. 6, Uggasutta (Kinh Uggà).

505. Không phẫn nộ, không hận9 Không gian, không hai lưỡi, Tỷ-kheo thiện bằng hữu, Đời sau không ưu sầu. 506. Không phẫn nộ, không hận, Không gian, không hai lưỡi, Tỷ-kheo thiện trí tuệ, Đời sau không ưu sầu. Sau khi thuyết giảng vê phân nộ, hận... ngài nói đên con đường siêu thoát, diễn tả thái độ chơn chánh của từng cá nhân, như vậy chứng nhận chánh trí của mình: 507. Với ai tin Như Lai, Không dao động, thiện trú, Với ai nếp giới hạnh, Được thiện nhân tán thán, Được bậc Thánh tùy hỷ. 508. Với ai có tín thành, Đối với chúng Tng-già, Có tri kiến chánh trực, Họ nói vê người ây: ấy không nghèo đói, Đời sống không trống rỗng.^ 509. Vậy nên bậc Hiền trí, Hãy chú tâm tín, giới, Tịnh tín, thây đúng pháp, Vào cốt tủy lời Phật.

§231. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO MAHÃPANTHAKA (Mahãpanthakattheragãthă) (Thag. 53; ThagA. II. 213) Khi bậc Đạo sư đến Rậjagaha chuyển bánh xe pháp, Panthaka, con đầu lòng của cô gái con một gia đình quý tộc, và cũng là một trong những người hầu cận cha cô, thường đi theo ông của mình đến nghe đức Đạo sư thuyết pháp và khởi lòng tin với thiền quán. Sau khi xuất gia, ngài trở thành thiện xảo trong giáo pháp của bậc Đạo sư cũng như trong bốn thiền và không lâu sau chứng quả A-la-hán. An trú trong an lạc của thiền quán và quả chứng, ngài quán chiếu lại sự thành tựu của mình và hoan hỷ rống tiếng rống sư tử như sau: 510. Khi đầu tiên ta thấy, Bậc Đạo sư vô úy, Xúc động khởi nơi ta, Thấy được bậc Tối thượng. 511. Ai cả tay cả chân, Cầu khẩn thần may đến, Với cử chỉ như vậy, Khiến Đạo sư hoan hỷ, Vị ấy không thể đạt, Như sở nguyện của mình. 512. Còn ta đã từ b6, Vợ con, tiền, lúa, gạo, Sau khi cạo râu tóc, Ta xuất gia không nhà. 513. Học, sinh hoạt đầy đủ, Các căn khéo chế ngự, Đảnh lễ bậc Chánh Giác, Ta trú, không khuất phục. 514. Rồi ta khởi ước nguyện, Tam an trú tha thiết, Ta quyết không ngồi nữa, Dầu chỉ là một phút, Cho đến khi rút được, Rút mũi tên tham ác.

515. Ta an trú như vậy, Hãy xem nhờ nỗ lực, Ba minh ta đạt được, Lời Phật dạy làm xong. 516. Ta biết được đời trước, Thiên nhãn được thanh tịnh, Ta xứng được cúng dường, Giải thoát khỏi sanh y. 517. Như đêm trở thành sáng, Khi mặt trời mới mọc, Mọi khát ái khô kiệt, Ta vào ngồi kiết-già.

CHƯƠNG IX CHÍN KỆ (NAVĂKANIPĂTA)

§232. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO BHŨTA (Bhũtattheragãthẩ) (Thag. 54; ThagA. II. 217) Trong thời đức Phật hiện tại, ngài được sanh trong một gia đình quý tộc ngoại thành Sãketa. Ngài là con út và là người con độc nhất được sống sót, còn các người con khác đều bị một dạ-xoa thù nghịch ăn thịt. Ngài được canh giữ cẩn thận và cũng lúc ấy, dạ-xoa lên hầu Vessavana nên không về nữa. Đến tuôi đặt tên, ngài được đặt tên là Bhũta, vì do nguyện câu "mong răng các hàng phi nhân có lòng từ hộ trì cho đứa trẻ" mà sanh được ngài. Nhờ công đức của mình, ngài lớn lên không bị tai nạn gì và được nuôi dưỡng trong ba lâu đài như Yasa. Khi bậc Đạo sư đến Sãketa, ngài cùng với các cư sĩ khác đến tinh xá nghe thuyết pháp. Sau khi xuất gia, ngài sống trong một hang động trên bờ sông Ajakaram và tại đây chứng quả A-la-hán. Sau đó, vì lòng từ mân, ngài vê

thăm bà con và trú ở trong rừng Afijana. Khi bà con yêu cầu ngài ở lại vì lợi ích chung cho bà con và cho ngài, ngài đã nói rằng mình ưa thích đời sống xuất gia và nói lên những bài kệ như sau trước khi từ biệt bà con: 518. Khi bậc trí thấy được, Già chết là đau khổ, Tại đấy, kẻ phàm phu, Không thấy chấp thủ khổ. Sau khi liễu tri khổ, Chánh niệm, tu thiền định, Không tìm thấy lạc nào, Ưu việt hơn lạc này. 519. Khi đoạn tận được ái, Ái đem khổ, độc hại? 9 ỉ 9

Tạo hý luận trói buộc, Đây mạnh đên đau khô, Sau khi đoạn tận ái? Chánh niệm, tu thiền định? Không tìm thây lạc nào, Ưu việt hơn lạc này. 520. Khi với tuệ, thấy được, Con đường lành vô thượng, Gồm hai lần bốn phần, Tịnh trừ mọi phiền não, Sau khi thấy với tuệ, Chánh niệm? tu thiền định, Không tìm thấy lạc nào, Ưu việt hơn lạc này. 521. Khi tu tập con đường, Không sầu, không cấu uế, Vô vi, an tịnh dạo, Tịnh trừ mọi phiền não?

Chặt trói buộc kiết sử, Chánh niệm, tu thiền định, Không tìm thấy lạc nào, Ưu việt hơn lạc này. 522. Khi trên trời vang rền, Tiếng sấm, mây giông tố, Khắp con đường chim bay, Dòng mưa, dày đặc đô, Tỷ-kheo đi đến hang, Tu tập, ngồi thiền định, Không tìm thấy lạc nào, Ưu việt hơn lạc này. 523. Khi trên những bờ sông, Những vòng hoa rừng núi, Nở lên và chói sáng, Với nhiều màu nhiều sắc, Với tâm tư thoải mái, Ngồi thiền trên bờ sông, Không tìm thấy lạc nào, Ưu việt hơn lạc này. 524. Khi nửa đêm, rừng vắng, Trời đổ trận mưa rào, Loài có ngà, có nanh, Đang săn, đang gầm thét, Tỷ-kheo đến triền núi, Ngôi yên lặng tọa thiên, Không tìm thấy lạc nào, Ưu việt hơn lạc này. 525. Khi tầm tứ chế ngự, Giữa núi, trong hang động, Thoải mái tự ngôi thiên, Không sợ9 không chướng ngại, Không tìm thấy lạc nào, Ưu việt hơn lạc này. 526. Khi ngồi được hỷ lạc, Không uế chướng, không sầu, Không tù túng, thoát ái, Không bị mũi tên dâm, Mọi lậu hoặc châm dứt, Vị ấy ngồi tọa thiền, Không tìm thấy lạc nào, Ưu việt hơn lạc này.

CHƯƠNG X MƯỜI KỆ (DASAKANIPẴTA)

§233. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO KÃLUDÃYĨ (KãỊudãyittheragãthã)1 (Thag. 56; ThagA. II. 221) Ngài sanh cùng ngày với đức Phật, trong gia đình con vị đại thần cố vấn của vua ở Kapilavatthu. Bảy vị cùng sanh một lần trong ngày: Vị Bồ-tát, cây Bồ-đề, mẹ của Rãhula và bốn đối tượng đặc biệt là voi báu, con ngựa Kanthaka, Channa và KãỊudãyĩ. Khi đến ngày đặt tên, ngài được gọi là Ưdãyĩ và vì ngài da đen nên được gọi là KãỊudãyĩ. Ngài lớn lên làm bạn trẻ đồng chơi với vị Bồ- tát. Rồi Thế Tôn xuất gia, giác ngộ và ở tại Trúc Lâm (VeỊuvana) chuyển bánh xe Chánh pháp. Vua Suddhodana nghe vậy9 cử một vị đại thần với một ngàn người tùy tùng, bảo đem con của vua về. Vị đại thần cùng cả ngàn tùy tùng, nghe đức Phật giảng và chứng quả A-la-hán. Đức Phật đưa tay nói: uHãy đến, này các Tỷ-kheo!?5 và tất cả sống giữa các vị Hiền Thánh, không chuyển thông điệp của vua. Các vị sứ giả khác cũng lâm vào cảnh tương tự. Cuối cùng, vua sai KãỊudãyĩ với một ngàn người tùy tùng và KãỊudãyĩ hứa thế nào cũng đưa vị Bồ-tát về dầu có xuất gia. Ngài đi đến nghe pháp, trở thành vị A-la-hán; nhớ đên sứ mạng của mình, chờ cho mùa mưa xong, khi trên con đường vê hoa đã trổ bông? ngài

mới nói lên những bài kệ mời bậc Đạo sư về và tán thán vẻ đẹp cuộc hành trình: 527. Thê Tôn, nay là thời, Các cây nở hoa đỏ? Từ bỏ chòm lá cũ, Tìm đến thời sai quả. Chúng như ngọn lửa hừng, Chói sáng và rực sáng, Bạch đấng Đại Anh Hùng, Nay là thời hưởng vị. 528. Những cây nở hoa đẹp, Khắp phương tỏa hương thơm. Bỏ lá, vọng sanh quả, Nay là thời lên đường, Từ bỏ địa phương này, Kính thưa bậc Anh Hùng. 529. Không quá lạnh, quá nóng, Thế Tôn, thời tiết đẹp, Hãy để hai dân tộc, Thích-ca, Koliyã, Nhìn Ngài, mặt hướng Tây, Vượt sông Rohini.

I Xem s. I. 173, Udayasutta (Kỉnh Udaya).

r ,. 530. Trong hy vọng ruộng cày, Trong hy vọng giông gieo, Trong hy vọng thương gia, Vượt biển đem tiền về, Hy vọng, con kiên trì, Mong con hy vọng thành. 531. Người tiếp tục gieo giống, Trời lại tiếp tục mưa, Người nông tiếp tục cày, Thóc gạo tiêp tục đên9 Đến nhiều cho quốc gia. 532. An xin tiêp tục xin, Thí chủ tiếp tục cho, Thí chủ tiếp tục cho, Tiếp tục lên thiên giới. 533. Bậc Anh Hùng tiếp tục, Cho đến bảy thế hệ, Gia đình ấy được sanh, Bậc Trí Tuệ Rộng Lớn, Con nghĩ Ngài có thể? Là Thiên chủ chư thiên, Trong Ngài đã được sanh, Bậc Ẩn Sĩ Chân Danh. 534. Phụ vương Đại Ẩn Sĩ, Tên gọi Tịnh Phạn vương, Còn mẹ bậc Chánh Giác, Danh xưng là Mãyã, Bà mang thai Bồ-tát, Thân hoại hưởng thiên giới 535. Gotamĩ mạng chung, Từ đấy sau khi chết, Được hưởng thọ đây đủ, Các dục lạc cõi trời, Vui hưởng năm món dục? Được thiên nữ đoanh vây. Rồi Thế Tôn được thỉnh mời, thấy rằng mình đi sẽ cứu độ cho nhiều người nên đã ra đi với hai mươi ngàn vị A-la-hán, mỗi ngày đi bộ một do-tuần. Còn vị Trưởng lão dùng thần thông đi đến Kapilavatthu, đến trước mặt vua. Vua không biết ngài là ai nên ngài mới xưng ngài là con vị đại thần được vua sai đi đến Thế Ton va nói lên bài kệ: 536. Ta là con đức Phật, Ngài Thắng Bậc Bất Thắng, Bậc Aốgĩrasa,2 Bậc Không Ai Sánh Được, Vua dòng họ Thích-ca, Phụ thân của cha tôi, Vua dòng Gotama, Là bậc Tổ phụ tôi, Đúng pháp là như vậy.

§234. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO EKAVIHÃRIYA (Ekavihãriyattheragãthă) (Thag. 57; ThagA. II. 227) ỉ r Ngài sanh ra sau khi đức Phật đã nhập Niêt-bàn, là con trai nhỏ nhât của Vua Dhammãsoka. Vua Asoka, đến năm thứ 218, sau khi đức Phật nhập Niết- bàn, đã thống nhất toàn thể Ấn Độ thành một đế quốc. Vua phong em trai thứ của ngài là Tissa làm Phó vương và khuyên khích em ngài ủng hộ cho Giáo hội. Còn ngài trong khi đi săn thấy Trưởng lão Mahãdhammarakkhita ngồi dưới gốc cây? cảm thấy chấn động5 tự mình muốn sống trong rừng. Khi ngài chứng

2 Đây là một tên nữa dùng để gọi đức Phật như tên Siddhartha.

kiên Trưởng lão thị hiện thân thông, ngài trở vê lâu đài và nói với Vua Asoka rằng ngài muốn từ bỏ cuộc đời thế tục. Vua Asoka không thể làm thay đổi quyết định của ngài. Tha thiêt với đời sông của một ân sĩ, ngài nói lên những vân kệ như sau: 537. Khi trước mặt, sau lưng, Không có một người nào, Như vậy an lạc lớn, Sống một mình trong rừng. 538. Ta sẽ đi một mình, Đến khu rừng Phật khen, Hưởng an lạc đã được, Vị Tỷ-kheo thọ

hưởng, Nhờ sống đời tinh tấn, Sông riêng chỉ một mình. 539. Ta sẽ gấp vào rừng, Một mình, sống lý tưởng, Khu rừng được loài voi, Cuồng loạn sống tự do, Trú xứ đem hoan hỷ, Cho ẩn sĩ thiền định. 540. Trong khu rừng Sĩta, Với núi hang nước mát, Sau khi rửa tay chân, Ta kinh hành một mình. 541. Sống một, không sống hai, Trong rừng lớn đẹp đẽ, Ta sẽ sống tại đấy, Việc xong, không lậu hoặc. 542. Như vậy ta muốn làm, Mong ước nguyện thành tựu, Chỉ ta tự hoàn tất, Không ai làm thay được. 543. Ta cột áo giáp lại, Sẽ vào trong rừng sâu, Ta không ra khỏi rừng, Nếu chưa đạt lậu tận. 544. Trong khi gió nhẹ thổi, Mát lạnh, thơm mùi hương, Ta ngòi trên chỏm núi, Ta sẽ phá vô minh. 545. Trên tấm thảm hang động, Trải đầy những hoa rừng, Ta hưởng lạc giải thoát, Tại vòng đai núi rừng.3 546. Chí nguyện ta viên mãn, Giống như mặt trâng rằm? Mọi lậu hoặc tận trừ, Nay không còn tái sanh.

§235. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO MAHÃKAPPINA (Mahãkappỉnattheragãthẩý (Thag. 58; ThagA. II. 231) Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở biên địa, tại thành phô tên Kukkuta, trong hoàng gia và được đặt tên là Kappina. Khi phụ vương mất, ngài thừa tự

3 Giribbaja: Vòng đai núi bao bọc thành Vương Xá do Vua Bimbisãra kiến tạo nên.

4 Tham chiếu: Thag. V. 866; M. II. 97, Angulỉmãlasutta (Kinh Angulimãla), số 86; Dh. V. Ị72, 173; Phật thuyết Nguyệt dụ kinh (T.02. 0l2l. 0544b 12); Pháp củ 4tDuy niệm phâm,, (T.04. 0210.6. 056lal6); Pháp củÂz^Phóng dật phanf5 (r.04. 0210.10. 0562bl9); Pháp củ thỉ du kỉnh "Phqng dat phẩm^, (T.04. 0211.10. Ò584a05); Xuất diệu kịnh puy niệm phẩm,^ (7.04. 0212.16. Q69SỈỊỌỔ); Xuất diệu kinh ^ạpphầ^ (04 0212.17. 0702b08); Pháp tập yếu tụng“ức.pỊỂ (r.04. 0213.15. 0784bl4); Pháp tap yếu tụng kinh 4Thanh tịnh phẩm'(04. 02l3.l6.0785al5).

ngôi vua với tên là Mahãkappina. Để tăng trưởng sự hiểu biết, ngài sai sứ giả mỗi buổi sáng đi ra bốn cửa thành giữ lại các vị học giả và tin cho ngài biết. Thời ấy, bậc Đạo sư đã ra đời và đang ở Sãvatthi. Các thương gia của thành phố Sãvatthi đem đồ đến Kukkuta bán, đem quà dâng vua. Vua hỏi tình hình ở Sãvatthi và dân chúng theo tôn giáo nào. Các thương gia thưa không trả lời cho vua được vì chưa được súc miệng. Sau khi vua truyền đem nước trong chiếc bình vàng đến, súc miệng xong, các thương gia chắp tay thưa: "d đất nước chúng tôi, Phật báu đã ra Khi nghe nói đến danh hiệu Phật, vua cảm giác niềm hân hoan lan khắp toàn thân, bảo thương gia nói lại ba lần và thưởng cho họ một trăm ngàn đồng tiền vàng. Các thương gia cũng nói đến Pháp báu và Tăng báu và vua tặng thưởng gấp ba lần. Rồi vua từ bỏ thế tục, đi xuất gia, các vị đại thần cũng theo gương vua. Lúc bấy giờ, tất cả vua tôi cùng đi tìm đức Bôn sư và đi đên sông Hăng. Tại đây9 họ nói lên quyêt tâm với sức mạnh chân 1* "Nếu có một bậc Đạo sư, một vị Phật Tối thượng, xin đừng để những vó ngựa này thâm nu&c!" Rôi họ vượt qua con sông ây và cứ thê vượt qua một con sông khác nữa, đến con sông thứ ba, sông Candabhãgã. Hôm ây, bậc Đạo sư dậy sớm khi rạng đông, với lòng đại từ bi, Ngài dùng Phật nhãn quán chiếu thế giới và thấy Mahãkappina đã từ bỏ vương quốc, đang đi đến

với một số tùy tùng lớn để xuất gia. Việc trước tiên trong ngày, bậc Đạo sư đi vào Sãvatthi khât thực với các Tỷ-kheo, rôi Ngài bay ngang qua hư không đên bờ sông Candabhãgã, ngồi kiết-già đối diện với bến nước và phóng hào quang. Mahãkappina và các tùy tùng thấy được các hào quang liền đến đảnh lễ đức Phật. Ngài thuyêt pháp cho họ, tât cả đêu chứng quả A-la-hán và xin trở thành Sa-môn. Đức Phật nói: "Hãy đến, này các Tỷ"kheo!^ và như vậy là lễ thọ giới của họ. Rôi Thê Tôn đem tât cả họ vê Jetavana ngang qua hư không. Một hôm9 Thế Tôn hỏi: uMahãkappina có thuyết pháp cho đại chúng kh6ng?" và khi được trả lời: “Kh6ng”, Thế Tôn cho gọi Mahãkappina và khuyên Mahãkappina thuyết pháp cho đại chúng. Mahãkappina vâng lời dạy của Thế Tôn và trong buổi thuyết pháp đầu tiên độ cho hơn một ngàn vị Sa-môn chứng quả A-la-hán. Rồi đức Phật ấn chứng Mahãkappina là vị Thuyết pháp đệ nhất trong chúng Tăng. Một hôm5 ngài giảng cho các Tỷ-kheo-ni như sau: 547. Ai thấy sớm sự việc, Trước khi sự việc đến? Và biết được cả hai, Có lợi hay có hại, Thù hay bạn, người ấy, Không thấy được sơ hở9 Dầu quan sát kỹ càng. 548. Với r ai khéo tu tap, Niệm thở vào thở ra5 Tiêp tục hành viên mãn, Như lời Phật thuyết giảng, Sẽ chói sáng đời này, Như trăng thoát vùng mây.

TRƯỞNG LÃO TÀNG KỆ 979

549. Tâm ta thật trắng bạch, Vô lượng, khéo tu tập, Thấu triệt, chế ngự vững, Chói sáng khắp mọi phương. 550. Bậc có tuệ vẫn sống, Dầu tài sản kiệt tận, Không có được trí tuệ, Có tiền như không sống. 551. Tuệ phê phán điều nghe, Tuệ tăng trưởng danh xưng, Ở đời, người có tuệ, Được vui trong đau khổ. 552. Pháp này thuộc hiện tại, Không vi diệu hy hữu, Đâu có sanh thì chết, Đây không gì hy hữu. 553. Sanh đã khôngr gián đoạn, Sống có chết thường hằng, ỉ Sanh sanh, chêt tại đây, Pháp hữu tình là vậy. 554. Điêu lợi cho kẻ sông, Không lợi cho kẻ chết, Than khóc cho kẻ chết, Không danh, không thanh tịnh, Không được hàng Sa-môn9 Bà-la-môn tán thán. 555. Than khóc hại thân, mắt, Dung sắc, lực và trí, Neu tâm tư hoan hỷ, Các phương cũng hân hoan, Dầu hạnh phúc đi tìm, Không có gì an lạc. 556. Do vậy các cư si, Muốn nhận trong gia đình, Chỉ những người có trí, Và những người nghe nhiều, Với sức mạnh trí tuệ, Họ làm tròn nhiệm vụ, Như chiếc thuyền vượt qua, Con sông nước tràn đầy.

§236. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO CŨLAPANTHAKA (CữỊapanthakattheragãthấ) (Thag 59; ThagA. II. 236) Câu chuyện liên quan đến anh của ngài đã được kể trong chương VIII. Chuyện của Ngài được kể trong Chuyện Tiểu triệu phủ.5 Trong một trường hợp khác, ngài nói lên những bài kệ như sau: 557. Ta chậm chạp, tiến chậm? Trước ta bị khinh miệt, Anh ta đuổi ta đi: “Nay ngươi hãy về nhà.,, 558. Ta bị đuổi như vậy, Tại cửa chính Tăng xá, Sầu khổ, đứng tại đấy, Vọng luyến lời Phật dạy. 559. Tại dấy, Thế Tôn đến, Ngài rờ trên đầu ta, Với cánh tay, năm ta, Dắt ta vào Tăng xá. 560. Đạo sư thương xót ta, Cho ta khăn lau chân: C6Hãy an trú tâm tư, Vào vật thanh tịnh này." Và ngôi xuông một bên, Tâm tư khéo an trú.

5 Xem J. I. 122, Cullakasetthijataka (Chuyện tiểu triệu phủ), số §4.

980 KINH TIÊU Bộ

561 . Ta nghe lời Ngài dạy, Sống hân hoan Chánh pháp, Ta thực hành thiền định, Để đạt đích tối thượng. 562. Ta biết được đời trước, Thiên nhãn ta thanh tịnh, Ba minh đã đạt được, Lời Phật dạy làm xong. 563. Panthaka hóa hiện, Dưới hàng ngàn hình thức, Ngòi vườn xoài xinh đẹp, Chờ đợi thời phát hiện. 564. Rồi Đạo sư giữ ta, Một sứ giả báo thời, Đúng thời được báo hiệu, Ta đến ngang hư không. 565. Đảnh lễ chân Đạo su, Một bên ta ngồi xuống. Biết ta đã ngồi xuống, Bậc Đạo sư chấp nhận. 566. Bậc nhận đồ tế vật, Cả toàn thể thế giới, Là phước điền loài người, Ngài chập nhận cúng dường.

§237. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO KAPPA (Kappattheragãthã) (Thag. 59; ThagA. IL 242) Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong vương quốc Magadha, làm con của vị vua bản xứ, kế vị ngôi vua và rồi rơi vào đời sống hưởng thụ dục lạc. Khi bậc Đạo sư với lòng từ bi quán chiếu thế giới để xem ai đúng thời được cứu độ và thấy ngài, nghĩ rằng Kappa có thể tu tập quán bất tịnh, xuất gia và chứng quả A-la-hán. Thế Tôn đi trên hư không đến Kappa và nói với ngài những câu kệ như sau: 567. Đầy nhiều loại uế vật, Chỗ chưa còn phần uế, Như vũng nước đọng lâu, Ung nhọt vết thương lớn. 568. Đầy những máu và mủ, Chìm đắm trong hố phân, Thân ứ nước rỉ chảy? Luôn chảy nước bất tịnh. 569. Trói bởi sáu mươi gân, Trét dùng thịt làm hồ? Mặc áo giáp bằng da, Thân hôi thối vô dụng. 570. Các xương nối với nhau, Cột lại với dây gân, Do chúng nhiều hợp sức, Tác thành những uy nghi. 571 Thường tiến đến sự chết, Đến gần cảnh tử thần, Ở đấy bị quăng bỏ5 Con người đi theo dục. 572. Thân bị vô minh che, Trói bởi bốn trói buộc, Thân chìm trong bộc lưu, Mắc vào lưới tùy miên. 573. Hệ lụy năm triền cái, Ám ảnh bởi tâm tư, Đi theo gốc khát ái, Che trùm bởi màn si. 574. Thân này luân chuyển vậy, Dần đi bởi xe nghiệp, Khi thành công, khi bại, Chịu đựng nhiều ái sanh.

TRƯỞNG LÃO TÀNG KỆ 981

575. Ai nghĩ uthân của tôi9\ Là phàm phu ngu muội, Tăng mộ phần đáng sợ, Chấp chặt sự tái sanh. 576. Ai tránh né thân này, Như tránh rắn dính phân, Họ bỏ gôc sanh hữu, Chứng Niết-bàn vô lậu. Nghe bậc Đạo sư giảng vê bản chât và sự phức tạp, bât tịnh của thân dù dưới hình hài nào, Kappa sợ hãi, khiên ngài đau khô, nhàm chán thân mình và xin xuất gia. Bậc Đạo sư giao cho một Tỷ-kheo làm lễ xuất gia. Kappa nhận mười đề mục tu tập và chứng quả A-la-hán. Ngài đi đến bậc Đạo su, đảnh lễ, ngồi xuống một bên và nói lên chánh trí của mình vód những bài kệ trên. Do vậy, các bài kệ này trở thành bài kệ của ngài.

§238. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO UPASENA, CON CỦAVANGANTA (Vangantaputtaupasenattheragathaf (Thag. 60; ThagA. II. 246) Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở làng Nãlaka, làm con của nữ Bà- la-môn Rũpasãrĩ và được đặt tên là upasena (anh của Sãriputta). Khi đến tuổi trưởng thành, ngài học ba tập Vệ-đà, nhưng sau khi được nghe đức Phật thuyết pháp, ngài từ bỏ đời sống thế tục, đi xuất gia. Sau một năm thọ giới, ngài nghĩ muốn làm tăng trưởng hạt giống Thánh nên độ cho một Tỷ-kheo; và với Tỷ- kheo này, ngài đi đến bậc Đạo sư. Nghe được việc này, bậc Đạo sư quở trách việc làm hấp tấp của ngài. Rồi Ưpasena suy nghĩ: "Nếu nay vì có một đệ tử, ta bị bậc Đạo sư quở trách, vậy thì cũng nhân lý do này, ta sẽ được bậc Đạo sư tán thWn." Rồi tu tập thiền quán, ngài chứng được quả vị A-la-hán. Ngài hành trì hạnh Đầu-đà,

đồng thời khuyên các vị khác thực hành theo và lời khuyên của ngài rất có kết quả. Đức Thế Tôn đã ấn chứng cho ngài là vị đệ tử rất được nhiều người biết đến. Một Tỷ-kheo hỏi ngài cần phải làm gì khác khi các Tỷ-kheo ở Kosambĩ tranh cãi nhau và có nạn phá hòa hợp Tăng. Ưpasena dạy Tỷ-kheo ấy như sau: 577. Xứ viễn ly, không ồn? Chỗ thú rừng thường trú, Tỷ-kheo dọn sàng tọa? Tu học hạnh tịnh cư. 578. Từ những đống rác rưới, Từ mộ phần, xa lộ9 Làm y Tăng-già-lê, Mặc y cũ sờn mòn. 579. Với tâm tư hạ minh, Tiếp tục đi từng nhà, Tỷ-kheo sống khất thực, Hộ căn, khéo chế ngự. 580. Bằng lòng món ăn thô, Không tìm nhiêu vị khác, Nêu tham đăm các vị, Ý không vui tu thiền. 581. ít dục và biết dủ, Ẩn sĩ sống viễn ly, Không thân cận cả hai, Tại gia và xuất gia.

6 Xem Mỉỉn, 370, Kummangapanho (Câu hỏi về tỉnh chất của loài rùa).

582. Như kẻ ngu, người câm, Hãy tỏ mình như vậy, Bậc trí giữa chúng Tăng, Chớ có giảng quá dài. 583. Chơ có chỉ trích ai, Hãy tránh làm hại ai, Chế ngự trong Giới bổn, Tiết độ trong ăn uống. 584. Khéo nắm giữ các tướng, Thiện xảo tâm diễn khởi, Chú tâm vào tịnh chỉ, Đúng thời tu thiền quán. 585. Đủ tinh tấn nhẫn nại, Luôn chuyên chú bổn phận, 9

Chưa đạt được khô diệt, Bậc trí tin tưởng tiến. 586. Tỷ-kheo muốn thanh tịnh, Sống nếp sống như vậy, Mọi lậu hoặc đoạn tận? Chứng được tối tịch tịnh. Như vậy, vị Trưởng lão trong khi giảng dạy vị Tỷ-kheo, nêu rõ quả chứng của mình và nói lên chánh trí.

§239. KỆ NGÔN CỦA MỘT TRƯỞNG LÃO GOTAMA KHÁC (Aparagotamattheragãthă) (Thag. 61; ThagA. II. 251) Ngài sanh ở Săvatthi trước khi đức Phật ra đời, trong một gia đình Bà-la- môn từ Udicca. Ngài lớn lên, thông suốt các tập Vệ-đà và là một vị hùng biện vô địch. Rồi Thế Tôn ra đời, chuyển bánh xe pháp, sau khi hóa độ Yasa và các người bạn, đã đi đến Sãvatthi theo lời mời khẩn thiết của ông Anãthapindika (Cấp Cô Độc). Bà-la-môn Gotama diện kiến đức Thế Tôn, nghe pháp và xin xuất gia. Theo chỉ dạy của bậc Đạo su, ngài được một Tỷ-kheo độ cho xuất gia và được chứng quảA-la-hán trong khi đang cạo tóc. Sau khi sống một thời gian dài ở nước Kosala, ngài trở vê Sãvatthi. Nhiêu bà con của ngài, một sô Bà-la-môn nổi tiếng đến viếng thăm và hỏi ngài về những giáo lý căn bản nào mà ngài nghĩ là cần phải thực hành. Ngài nói với họ như sau: 587. Hãy biết hạnh phúc mình, Quán sát lời nghe giảng, Đây cái gì thích hợp, Sa-môn hạnh mình theo. 588. Bạn kẻ thiện trong đạo, Hành học pháp rộng lớn, Khéo nghe bậc Đạo su, Đây hợp Sa-môn hạnh. 589. Với tâm kính chư Phật, Trọng Chánh pháp như thật, Và mên quý chư Tăng, Đây hợp Sa-môn đạo. 590. Giữ uy nghi, đi lại, Mạng sống tịnh, không chê, Tư tưởng khéo ổn định, Đây hợp Sa-môn đạo. 591. Điều làm hay không làm, Uy nghi được ái kính, An trú tăng thượng tâm, Đây hợp Sa-môn đạo. 592. Sàng tọa tại rừng núi, Xa văng, ít ôn ào, Thân cận bậc Mâu-ni, Đây hợp Sa-môn đạo.

593. Giới hạnh và học nhiêu, Như thật nghiên cứu pháp,
Thiên quán những sự thật, Đây hợp Sa-môn đạo.

594. Tu quán trên vô thường, Tưởng vô ngã, bất tịnh,
Không ưa thích tục sự? Đây hợp Sa-môn đạo.

y

595. Tu tập các giác chi, Thân túc, căn và lực, Tu Thánh đạo tám ngành, Đây hợp Sa-môn đạo. 596. Mâu-ni bỏ khát ái, Đập tan gôc lậu hoặc, Hãy an trú giải thoát, Đây hợp Sa-môn đạo. Như vậy? ngài tán thán các hạnh thích hợp với đời sống một ẩn sĩ, đề cao khả năng của Tăng chúng và chỉ rõ sự bất lực của một ẩn sĩ không theo Chánh pháp. Rôi các Bà-la-môn ây hoàn toàn chấp nhận giới luật, được an trú trong Chánh pháp.

CHƯƠNG XI MƯỜI MỘT KỆ (EKÃDASANIPÃTA)

§240. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO SAMKICCA (Samkiccattheragãthã)1 (Thag. 62; ThagA. II. 254) Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình Bà-la-môn nổi tiếng. Mẹ ngài chết khi sanh ngài và ngài được cửu sống, chưa bị đốt cháy trên giàn hỏa, vì răng sự sông của một hữu tình trong đời sông cuôi cùng không thê chết được trước khi chứng quả A-la-hán, dầu cho có rơi từ núi Sineru (Tu-di). Khi lên bảy tuổi, được nghe mẹ ngài chết khi sanh ngài, ngài cảm thấy xúc động và phát nguyện xuất gia. Ngài được đưa tới gặp Tôn giả Sãriputta và ngài chứng được quả A-la-hán khi tóc ngài đang được cạo. Ngài dâng đời sống mình cho các tên cướp như thê nào đê cứu ba ngàn Tỷ-kheo được nói đên trong Chú giải của Ngài Dhammapãla. Rồi một cư sĩ muốn hầu hạ ngài, yêu cầu ngài sống gần chỗ vị ấy đang &, nói như sau: 597. Lợi ích ngài là gì, Ở rừng sâu, mùa mưa, Như Ụjjuhãna,12 Hỡi này ngài thân mến! Hang gió3 đẹp cho ngài, Sống một mình tu thiền. Rồi vị Trưởng lão, để nêu rõ vẻ đẹp của núi rừng và sự thật khác, trả lời như sau: 598. Như gió mùa thổi mây, Trong thời tiết mùa mưa, Tưởng ta bay tràn khăp, Tưởng dung hòa viễn ly. 599. Quạ đen từ trứng sinh, Lấy nghĩa địa làm nhà, Khiến ta khởi lên niệm, Viễn ly đối với thân. 600. Người kẻ khác không hộ, Người không hộ kẻ khác, Tỷ-kheo sống an lạc, Không kỳ vọng các dục.

1 Xem Thag. V. 195, 465; 981; J. I. 141; Mỉln. 45, Patỉsandahanapuggalavedỉyanapanha. 2 Ujjuhana có nhiều nghĩa, hoặc chỉ cho ngọn đồi với nhiều rừng cây rậm rạp và suối nước, cũng có thể chí cho loại chim sống trong rùng cây rậm rạp trong mùa mưa. 3 Verambã hay verambhã ỉà gió mùa hay hang động gần nhà người cư sĩ.

601. Tảng đá có nước trong, Chỗ hội họp quy tụ, Các loài vượn mặt đen, Các loài nai nhút nhát, Dưới màn hoa nước chảy, Tảng đá ấy ta thích.4 602. Ta sống trong rừng núi, Trong hang động, khe đá, . r Tại trú xứ xa văng, Chỗ thú rừng qua lại. 603. Hãy hại chúng, giết chúng! Hãy làm khổ hữu tình! Ta không biết niệm ấy, Phi Thánh, liên hệ sân. 604. Đạo su, ta hầu hạ, Lời Phật dạy làm xong, Gánh nặng đặt xuống thấp, Gốc sanh hữu nhổ sạch.5 605. Vì đích gì xuất gia, Bỏ nhà, sống không nhà? Mục đích ấy, ta dạt, Mọi kiết sử tận diệt.6 606. Ta không thích thú chết, Ta không thích thú sống, Ta chờ thời gian đến, Như thợ làm việc xong.78 607. Ta không thích thú chết, Ta không thích thú sống, Ta chờ thời gian đến? Tỉnh giác, giữ chánh niệm.

4 Xem Thag. V. 113, 1073.

5 Xem Thag. V. 656, 687, 792, 891, 918, 1015, 1053, 1091, 1194.

6 Xem Thag. V. 136, 380, 657, 793, 1195.

7 Xem Thag. V. 654, 685.

8 Xem Thag. V. 196, 655,686.

CHƯƠNG XII MƯỜI HAI KỆ (PVẴDASAKANIPÃTA)

§241. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO SĨLAVA (Sĩlavattheragãtha)1 (Thag 63; ThagA. II. 258) Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Rặjagaha (Vương Xá), con của Vua Bimbisãra (Tần-bà-sa-la) và được đặt tên là Sĩlava. Khi đến tuổi trưởng thành, anh ngài là Ajatasattu làm vua, muốn giết ngài nhưng không giết được vì ngài sống đời sống cuối cùng và chưa chứng quảA-la-hán. Rồi Thế Tôn biết sự việc đã xảy ra, bảo Mahãmoggallãna đi mời ngài đến. Hoàng tử Sĩlava xuống voi và vâng theo lời của Thế Tôn. Khi ấ* Thế Tôn thuyết giảng cho ngài giáo pháp phù hợp với căn tánh, ngài khởi niềm tin, xuất gia và sau một thời gian chứng quả A-la-hán. Rồi ngài ở Kosala và khi Ajatasattu sai người đến giết, ngài giảng dạy, hóa độ cho những người ấy và họ cũng xuất gia học đạo. Ngài giảng cho họ như sau: 608. Ở đây hãy học giới, Khéo học tập ở đời, Giới thành đạt toàn diện, Đưa đến mọi thành công. 609. Bậc trí hãy hộ giới, Nếu kỳ vọng ba lạc, 92 Được danh xưng, tài sản? Sau chêt hưởng thiên lạc. 610. Người trì giới tự chế, Được nhiều người bạn tốt, Kẻ ác giới hành ác, Mất mát các bạn bè. 611. Người ác giới chỉ được, Ác danh không tài sản, Bậc trì giới luôn được, Khen danh xưng tán thán. 612. Khởi đầu an trú giới, Giới là mẹ thiện pháp, Giới đứng đầu mọi pháp, Vậy hãy trong sạch giới. 613. Giới hạn chế, phòng ngự, Làm sáng chói tâm tư, Là đầu bến chư Phạt, Vậy hãy trong sạch giới. 614. Giới, sức mạnh vô song, Giới? binh khí tối thượng, . -£ Giới, trang sức đệ nhât, Giới, áo giáp hy hữu.

1 Xem It. 67, Sukhapatthanãsutta (Kỉnh Hy vọng được lạc).

615. Giới, đầu cầu cường đại, Giới, hương thơm vô thượng, Giới, hương thoa đệ nhất, Nhờ giới bay bốn phương. 616 Giới, tư lương cao nhất, Giới, hành trang tối thượng, Giới, vận tải đệ nhất, Nhờ giới đi bốn phương. 617. Đây kẻ xấu bị trách, Sau chết sanh đọa xứ, Kẻ ngu không định gi&i, Ưu tư khắp các chỗ. 618. Đây bậc tốt được khen, Sau chết sanh giải thoát, Bậc trí khéo định giới, Hân hoan khắp các chỗ. 619. Ở dây, giới tối cao, Nhưng trí tuệ tối thượng, Giữa loài người, loài trời, Bậc Giới Tuệ thắng lợi.

§242. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO SUNĨTA (Sunĩtattheragãthă)2 (Thag. 63; ThagA. II. 262) Trong thời đức Phật hiện tại, ngài được sanh ra trong một gia đình đổ rác hoa. Ngài sống bằng nghề quét đường, làm không đủ tiền để trang trải đời sống đói khổ. Trong canh một, Thế Tôn khởi lòng tư mẫn quán chiếu khắp thế giới và thấy trong tâm của Sunĩta có đủ điều kiện để chứng quả A-la-hán5 chói sáng như một ngọn đèn trong cái ghè. Khi trời vừa mới sáng, Thế Tôn đắp y, cầm y bát, cùng với một số Tỷ-kheo vào thành Vương Xá để khất thực và đi đến con đường Sunĩta đang quét dọn. Sunĩta đang quét rác gom lại thành từng đống, đổ vào thúng rồi gánh mang đi. Khi thấy bậc Đạo sư

và chư Tăng đi đến, ngài cảm giác hoan hỷ xúc động. Kh6ng tìm được chỗ để ẩn nấp nên ngài đứng sát như mắc dính vào vách tường và chap tay vái chào. Khi đến gần5 đức Phật với lời từ ái hỏi ngài: uNày Sunĩta, sao ông lại cam phận với đời sống khổ sở như vậy? Ông có muốn xuất gia kh6ng?“ Ngài hoan hỷ vô ngần, thưa: “Nếu ngay cả một người thấp kém như con cũng được đức Thế Tôn thu nhận, sao con lại không muốn được xuất gia?" Rồi đức Phật độ cho ngài xuất gia với câu: "Hãy đến, này Tỷ-kheo!,, Bậc Đạo sư đưa ngài về tinh xá, dạy cho ngài một phương pháp thiền quán. Ngài thành tựu được tám thiền chứng và năm thắng trí. Phát triển thiền quán, ngài chứng được thắng trí thứ sáu. Rồi Sakka và các Phạm thiên đến đảnh lễ ngài, như được ghi trong bài kệ như sau: Rồi bảy trăm chư thiên, Huy hoàng đi đến gần, Tùy tùng đấng Phạm thiên, Và Thiên chủ Đế-thích? Họ sung sướng đảnh lễ, Trưởng lão Sunĩta, Bậc Chiến thắng cao sang, Vượt qua già và chết. Thấy ngài được chư thiên đoanh vây, Thế Tôn mỉm cười? khen và thuyết giảng cho ngài với câu kệ: “Nh& khổ hạnh, Phạm hạnh..(kệ số 631). Lúc bấy

2 Xem Thag. V. 1146; M. II. 196, Vãseịịhasutta (Kinh VãseỊỊhă), số 98; Sn. 115, Vãsetthasutta.

giờ, nhiêu Tỷ-kheo muôn ngài rông tiêng rông sư tử, đã hỏi ngài: "Sanh ra từ gia đình nào? Vì sao xuất gia? Làm thế nào để chứng quả?" Ngài trả lời cho họ với những bài kệ như sau: 620. Ta sanh nhà hạ tiện, Nghèo khổ không đủ ăn, Nghề ta rất hèn hạ, Ta kẻ quét hoa rơi. 621. Ta bị người nhàm chán, Miệt thị và khinh bi, Hạ mình xuống thật thấp, Ta kính lễ quần chúng. 622. Rồi ta thấy đức Phật, Thượng thủ chúng Tỷ-kheo, Bậc Đại Hùng vào thành, Magadha tối thượng. 623. Ta quăng bỏ đòn gánh, Đến gần để đảnh lễ, Với lòng thương xót ta, Bậc Thượng Nhân đứng lại. 624. Lễ chân Đạo sư xong, Ta đứng liền một bên, Ta xin được xuất gia, Bậc Tối Thượng Mọi Loài. 625. Bậc Đạo sư từ bi, Từ mẫn khắp thế giới, Nói: "Hãy đến, Tỷ-kheo!" Đại giới, ta thọ vậy. 626. Rồi ta sống trong rừng, Một mình không biếng nhác, Ta theo lời Đạo su, Như bậc Chiến Thắng dạy. Trong đêm canh thứ nhất, Ta nhớ các đời trước. 627. Trong đêm canh chặng giữa, Thiên nhãn ta thanh tịnh, Trong đêm canh cuối cùng, Ta phá khối si ám. 628. Khi đêm vừa mở rộng? Rạng đông trời ló dạng, E)ế-thích, Phạm thiên đến, Chắp tay đảnh lễ ta: 629. "Đảnh lễ bậc Thượng sanh! Đảnh lễ bậc Thượng nhân! Ngài đoạn tận lậu hoặc, Ngài xứng đáng cúng duờng.” 630. Bậc Đạo sư thấy ta, Đứng đầu chúng chư thiên, Nở ra một nụ cười, Nói với ta nghĩa này: 631. "Nhờ khổ hạnh, Phạm hạnh, Nhờ tự chế, điều phục, Nhờ vậy là Phạm chí, Đây Phạm chí tối thượng.^,

CHƯƠNG XIII MƯỜI BAKE (TERASANIPATA)

§243. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO SONAKOLIVISA (SonakoỊivỉsattheragãthă)1 (Thag. 65; ThagA. II. 266) Trong thời đức Phật hiện tại, ngài được sanh trong một gia đình quý tộc ở Campã. Khi ngài sắp được sanh ra, tài sản lớn của phụ thân được tăng trưởng, và khi ngài ra đời, cả thành phô tô chức lê hội lớn. Vì bô thí cúng dường cho một vị Độc Giác Phật trong đời trước nên đời này ngài có một thân hình như vàng mịn, đặc biệt

mềm mại và ngài được gọi là Sona (vàng). Dưới chân và trên bàn tay của ngài có lông mịn màu vàng, ngài được nuôi dưỡng trong giàu sang, xa hoa, có đến ba tòa lâu đài thích hợp cho từng mùa. Khi bậc Đạo sư giác ngộ và chuyển bánh xe pháp ở Rajagaha (Vương Xá)5 Vua Bimbisãra cho mời Sona đến. Ngài đến với một số đông tùy tùng, nghe bậc Đạo sư thuyết pháp, khởi lòng tin và được phép cha mẹ cho xuất gia. Ngài nhận từ bậc Đạo sư một đề mục tu tập nhưng không thể định tâm vì còn liên hệ với nhiều người khi sống ở trong rừng. Ngài nghĩ: "Thân mình trước đây được cung dưỡng các điều kiện sung sướng, hạnh phúc quá mức, nay đời sống ẩn sĩ làm thân này mệt m6i." Ngài vượt lên trên những đau đớn trong khi chân bị sưng húp, hết sức cố gắng đi thiền hành lên xuống, nhưng vẫn không chiến thắng nổi. Ngài lại nghĩ: “Ta không thể thành đạt con đường và quả vị thì đời sống xuất gia để làm gì? Tốt hơn ta hoàn tục và làm các công dức.” Đức Thế Tôn biết được tâm tư nên dạy cho ngài bài học về cây đàn, cách tu tập tịnh chỉ để điều chỉnh năng lượng. Được chỉ dạy, ngài đi đến trú ở núi Linh Thứu tu tập và sau một thời gian chứng quả A-la-hán. Suy nghĩ về thành tựu của mình, ngài tuyên bố chánh trí như sau: 632. Người xưa cao trong nước, Phục vụ vua Anga,£ Nay lại cao trong pháp, Sona vượt đau khô.

1 Tham chiếu: Dh. V. 81, 82, 292; Phảp^ củ kỉnh :Ịlí^lphẩm” (r.04. 0210.14. 0563c24); PhảIỊ củ faw^ Quang diễn phẩm,, (Tog. 0210.29. 0569c 1 oy Xuất diệu kinh "Phong dạt pbẵm“ (704. 0212.5. 0641C17); Xuất điệu kinh 4tSong ýếụ (r.04. 0212.30?0747C06); Phập tập yểu tụng kỉnh t4Phóng dat pỊjẩ (r.04. 0213.4. 0779a01); Pháp tạp yếu tụng kỉnh 4Tương ưng pham,, 0213.29. 0792c29).

633. Năm được cắt,234năm bỏ/ Năm thượng pháp tu tập/ Tỷ-kheo vượt năm gút,5 Được gọi vượt bộc lưu. 634. Tỷ-kheo tánh kiêu ngoa, Phóng dật, ưa vị ngoài, Giới, thiền định, trí tuệ, Không đi đến viên mãn. 635. Việc phải làm, quăng bỏ9 Không phải việc5 lại làm, Kẻ kiêu ngoa phóng dật, Lậu hoặc được tăng trưởng. 636. Những ai khéo tinh cần, Thường tu tập niệm thân, Không phải việc, không làm? Kiên trì việc nên làm. Bậc chánh niệm tỉnh giác9 Lậu hoặc đi đến diệt. 637. Trên đường thẳng, được thuyết, Hãy bước, chớ quanh co, Hãy tự mình trách minh, Hãy đem Niết-bàn lại. 638. Khi tinh cần nỗ lực, Căng thẳng, vượt mức độ, Thế gian Vô Thượng Su, Dùng ví dụ chiếc đàn, Bậc Pháp Nhãn, Có Mắt, Ngài thuyết pháp cho ta. 639. Ta nghe lời Ngài giảng, Lạc trú lời giảng dạy, Bình tĩnh, ta thực hành, Để đạt đích tối thượng, Ba minh ta đạt được, Lời Phật dạy làm xong. 640. Ai chuyên nhất xuất ly, Tâm tư hướng viễn ly, Ai chuyên nhất vô sân, Diệt trừ các chấp thủ. 641. Ai chuyên nhất ái diệt, Tâm tư không si mê, Thấy sanh khởi các xứ, Tâm được khéo giải thoát. 642. Vị Tỷ-kheo tâm tịnh? Được giải thoát chơn chánh, Không chất chứa việc làm, Điều phải làm không có. 643. Như một hòn đá tảng, Không bị gió lay động, Cũng vậy toàn bộ phận, Sắc, vị, thanh, hương, xúc. 644. Pháp ái, bất khả ái? Không động, người như vậy, Tâm trú không hệ lụy, Tùy quán sự hoại diệt.

2 Năm hạ phần kiết sử: Thân kiến, giới cấm thủ, nghi, tham, sân. 3 Năm thượng phần kiết sử: sắc ái, vô sắc ái, mạn, trạo cử, vô minh.

4 Năm căn: Tín, tấn, niệm, định, tuệ. 5 Năm gút: Tham, sân, si, mạn, tà kiến.

CHƯƠNG XIV MƯỜI BÓN KỆ (cuddasakanipẮtã) §244. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO KHADIRAVANIYA REVATA (Khadiravaniyarevatattheragãthă)1 (Thag. 67; ThagA. IL 272) Các bài kệ của vị Trưởng lão này đã được đề cập trong nhóm Một kệ ở trước.2 Khi đến già, một hôm ngài đi đến yết kiến đức Phật và trú ở Sãvatthi, trong một khu rừng. Lính đến đuổi bắt kẻ trộm, kẻ trộm quăng đồ ăn trộm gần ngài rồi bỏ chạy; những người lính chạy đến thấy đồ ăn trộm, liền bắt ngài dẫn đến Vua Pasenadi. Vua truyền thả ngài và hỏi có phải ngài đã lấy trộm đồ. Ngài thuyết pháp nói lên sự kiện ngài không có thể làm một sự việc như vậy và nói những bài kệ như sau: 645. Từ khi ta xuất gia, Bỏ nhà, sống không nhà, Ta không biết tư duy, Phi Thánh, liên hệ sân. 646. Hay làm hại, sát hại, Hay làm khổ hữu tình, Ta không biết tư duy, Trong thời gian dài này. 647. Và ta biết lòng từ, Vô lượng khéo tu tap, Ta thứ lớp tích lũy, Như lời đức Phật dạy. 648. Là bạn thân tất cả, Từ mẫn mọi hữu tinh, Ta tu tập tâm từ, Luôn vui không sân hận. 649. Ta thích thú với tâm, Không động, không dao động, Ta tu tập Phạm trú, Được bậc thiện hành trì. 650. Ta đạt được Vô tầm,3 Đệ tử bậc Chánh Giác, Với im lặng bậc Thánh, Ta trực diện đạt được.

1 Tham chiếu: Thag. V. 195, 597, 981; s. I. 204, Gandhatthenasutta {Kinh Kẻ trộm hương)} Dh. V. 315; Ud. 27, Sãriputtasutta (Kinh Sãriputta); J. III. 308; Pháp cú kỉnh 4J)ịa ngục phâm,, (7.04. 0210.30. 0570a05); Xuất diệu kinh 4tNiệm phẩm,, (T.04* 0212.6. 0649a06) dỉệu kinh "Sa-monphẩm;,(r.04. 0212.33. 0764cl5);^a/diệụ kỉnh "Phạm chi phanf9 (r.04. 0212.34. 0768cl4); Pháp tập yếu tụng kỉnh tuÁi lạc phẩm,, (r.04. 0213.5. 0779c23). 2 Xem Thag. V. 42, Khadỉravanỉyattheragãthã (Kệ ngôn của Trưởng lão Khadỉravanỉyă).

3 Chỉ cho thiền thứ hai.

651. Như núi đá không động, Đứng vững khéo an trú, Cũng vậy là Tỷ-kheo? Đạt được si mê diệt, Vị ấy như ngọn núi, Không gì làm dao động. 652. Con người không uê nhiêm, Luôn tìm sự trong sạch, Tội nhẹ như đầu tóc, Xem nặng như mây khói. 653. Như thành trì biên địa, Phòng hộ cả trong ngoài, Hãy phòng hộ tự ngã, Sát-na không bỏ qua. 654. Ta không thích thú chết, Ta không thích thú sống, Ta chờ thời gian đến, Như thợ làm việc xong.45 655. Ta không thích thú chết, Ta không thích thú sống, Ta chờ thời gian dến, Tỉnh giác, giữ chánh niệm, 656. Đạo sư, ta hầu hạ? Lời Phật dạy làm xong, Gánh nặng đặt xuống thấp, Gốc sanh hữu nhổ sạch.6 657. Vì đích gì xuất gia, Bỏ nhà, sống không nhà, Mục đích ấy, ta đạt, Mọi kiết sử diệt tận.7 658. Nỗ lực? chớ phóng dật, Đấy lời ta giáo giới, Ta sể nhập Niet-ban, Ta thoát mọi sanh y.8

§245. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO GODATTA (Godattattheragãthấ) (Thag. 67; ThagA. II. 276) Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sãvatthi trong một gia đình lữ hành và được đặt tên là Godatta. Sau khi cha chết, ngài sắp đặt nhà cỉra, đem theo năm trăm cỗ

xe hàng hóa? đi chỗ này chỗ khác, sống bằng nghề buôn bán. Một hôm, một con bò ngã quỵ xuống đường trong khi kéo xe và các người làm công của ngài không thê đỡ con bò đứng dậy được, ngài tự đi đên đánh con bò rất nặng. Con bò tức giận vì sự tàn bạo của ngài, nó nói lên giọng người: "Này Godatta, đã lâu ta đem tất cả sức lực ta kéo gánh nặng cho ông9 nhưng nay ta không đủ sức kéo nên phải ngã quỵ xuống, ông đánh đập ta tàn nhẫn. Vậy chỗ nào ông tái sanh, ta cũng sẽ sanh làm kẻ thù của ông để làm hại 6ng!" Ngài nghe vậy, rất lấy làm xúc động, tự nghĩ: "Sao ta lại sống làm hại các loài hữu tình như v^y?" Rồi ngài từ bỏ tất cả tài sản, xin xuất gia với một vị Trưởng lão và sau một thời gian chứng quả A-la-hán. Một h6m, khi ngài đang hưởng thọ sự an lạc giải thoát, ngài thuyết pháp cho hội chúng xuất gia và tại gia về các pháp thế gian:

4 Xem Thag. V. 606, 685.

5 Xem Thag. V. 196, 607, 686.

6 Xem Thag, V. 604, 687, 792, 891,918, 1015, 1053, 1091, 1194.

7 Xem Thag. V. 136, 380, 605, 793, 1195.

8 Xem 7.V. 1016.

r r 659. Như con bò giống tốt, Được huân luyện tôt đẹp, Bị cột vào gánh nặng, Mang gánh nặng kéo di, Bị áp đè quá nặng, Không lật đổ gánh nặng. 660. Cũng vậy ai nhiều tuệ, Như nước ở trong biển, Không khinh miệt người khác, Thánh pháp là như vậy5 Đối với các hữu tình. 661. Sống trong vòng thời gian, Bị thời gian hàng phục, Hữu, phi hữu chi phối, Loài người chịu đau khổ, Con cháu họ sầu ưu, Chính ngay trong đời này. 662 Hân hoan khi được lạc, Gặp khổ lại chán chường, Kẻ ngu bị não hại, Chi phối cả hai đường, Không thấy được như thật. 663 Những ai giữa khổ lạc, Người dệt9 không chi phối, Đứng vững như cột cửa, Không hân hoan, chán chường. F ĩ

664. Đôi với được hay mât, Với danh, với không danh, Đối với chê hay khen, Với khổ hay với lạc. 665. Chúng tôi dính chỗ nào, Như giọt nước trên sen, Bậc Anh hùng mọi chỗ, Được lạc, không bị bại. 666 Người đúng pháp, không được, Người được, không đúng pháp, Đúng pháp nhimg không được, Hơn được không đúng pháp. 667. Người có danh, ít trí, Người có trí, không danh, Không danh nhxmg có trí, Hơn ít trí, có danh. 668. Được khen bởi kẻ ngu, Bị chê bởi người trí, Được người trí chê bai, Hơn được người ngu khen. 669. Có lạc do dục sanh, Có khổ do viễn ly5 Cho dù khổ viễn ly, vẫn hơn lạc do dục. 670. Được sống do phi pháp, Bị chết do đúng pháp, Cho dù đúng pháp chêt? vẫn hơn sống phi pháp. 671. Ai đoạn dục phẫn nộ, Tâm tịnh hữu, phi hữu, Sống ở đời không ái, Không thương yêu, ghét bỏ. 672. Sau khi tu giác chi, Các căn và các lực? Đạt tịch tịnh tối thắng, Chứng Niết-bàn vô lậu.

9 Đây chỉ cho "Ai".

CHƯƠNG XV MƯỜISÁUKỆ {SOLASAKANIPATA)

§246. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO ANNAKONDANNA (Annakondannattheragatha)1

(Thag. 69; ThagA, III. 1) Sanh trước Thê Tôn, tại làng Donavatthu không xa Kapilavatthu bao nhiêu, trong một gia đình Bà-la-môn rất giàu có, ngài được gọi với tên

gia tộc là Kondanna. Lớn lên, ngài tinh thông ba tập Vệ-đà và giỏi về đoán tướng. Khi bậc Bồ-tát mới sanh, ngài là một trong tám vị Bà-la-môn được mời đến đoán tướng. Dâu ngài mới học nghê, ngài thây các tướng của bậc Đại nhân trên đứa bé và nói vị này sau sẽ thành Phật. Rôi ngài sông, chờ đợi Bô-tát xuất gia. Khi Bồ-tát xuất gia lúc hai mươi chín tuổi, Kondanna nghe được tin, liên xuât gia với bôn vị Bà-la-môn đoán tướng khác như Vappa, v.v... và trong sáu năm sống ở Uruvelã gần Bồ-tát? khi Bồ-tát đang tu Idiổ hạnh. Lúc Bồ-tát không tu khổ hạnh nữa, các vị này chán chường bỏ đi đến Isipatana (chư tiên đọa xứ). Rôi đức Phật đên Isipatana, thuyêt Kinh Chuyên pháp luân cho họ và Kondafina cùng hàng vạn Phạm thiên chúng chứng được Sơ quả. Đen ngày thứ năm9 nhờ bài Kinh Vô ngã tướng. Kondanna chứng quả A-la-hán. Bậc Đạo sư, trong buổi họp Tăng chúng ở tinh xá Kỳ Viên, đã xác chứng ngài là bậc Đệ nhất trong các hàng Tăng chúng Tỷ-kheo.12 Và trong một trường hợp, khi Kondanna giảng về bốn sự thật, đề cập đến ba tướng: Vô thường, khổ, vô ngã với những phương pháp sai biệt dựa trên Niết-bàn và giảng với sự lưu loát như đức Phật. Bài giảng ảnh hưởng mạnh mẽ đến Sakka (Đấ-thích) khiến vị này thốt lên những bài kệ: 673. Ta bội phần hân hoan, Được nghe pháp vị lớn, Pháp được giảng ly tham, Hoàn toàn không chấp thủ. Trong một trường hợp khác, thấy tâm tư của một số người còn bị chi phối nặng nề bởi tà kiến, nên ngài nói lên bài kệ như sau:

1 Bản PTS, Tích Lan và Thái Lan viết Annakondanna. Bản CSTva Tich Lan viết Annasikondanna. Tham chiếu: Dh. V. 277 Phập củkinh uĐạo hảiih phẩm” (T.04. 0210.28. 0569al7); Xuật diệu kỉnh 4íĐạo phanf,(T.04. 0212.13. 0681b25); Pháp tập yếu tụng kinh uChánh đạo phẩm” (r.04.0213.12. 0783a08). " • 2 Xem A I. 26

674. Trên thế giới đất tròn, Nhiều màu sắc hình tướng, ĩ Làm say đăm tâm tư, Ta nghĩ là như vậy, Tướng tịnh rất hấp dẫn, Liên hệ đến tham dục. 675. Như gió thổi tung bụi, Được mây trân áp xuông, r Các tư duy lăng dịu, Khi thấy với trí tuệ. 676. Tất cả hành vô thường, Với tuệ quán thấy vậy, Đau khổ được nhàm chán, Chính con đường thanh tịnh. 677. Tất cả hành khổ đau, Với tuệ quán thấy vậy? Đau khổ được nhàm chán, Chính con đường thanh tịnh. 678. Tất cả pháp vô ngã, Với tuệ quán thấy vậy, Đau khổ được nhàm chán, Chính con đường thanh tịnh? Rồi ngài cho biết mình đã thành tựu thiền quán ấy và nói lên chánh trí rằng 679. Trưởng lão Kondanna, Giác ngộ bởi giác ngộ, Đã sắc bén thoát ly, Đoạn tận sanh và chết, Và đời sông Phạm hạnh, Được hoàn toàn viên mãn. 680. Hoặc bộc lira, bẫy mồi, Hoặc cột trụ vững chắc, Ngọn núi khó phá hoại, Sau khi chặt phá xong, Cột trụ và bẫy mồi, Chặt tảng đá khó phá, Hành thiền vượt bờ kia, Thoát khỏi ma trói buộc. 681. Tỷ-kheo hoảng hốt động, Đi đến các bạn ác, Chìm trong bộc lưu lớn, Bị sóng lớn ngập tràn. 682. Bậc trí không hoảng hốt, Không dao động, thận trọng. Các căn khéo chê ngự, Làm bạn với kẻ thiện, Bậc trí tuệ như vậy, Có thể đoạn đau khổ. 683. Một người đen gầy mòn, Yếu ốm đầy đường gân, Tiết độ trong ăn uống, Tâm tư không ưu não.3 4 684. Trong rừng núi rộng lớn, Bị muỗi ruồi đốt cắn, Như con voi lâm trận, Ta chánh niệm chịu đựng.5 685. Ta không thích thú chết, Ta không thích thú sống,

Ta chờ thời gian đến, Như thợ làm việc xong.6 686. Ta không thích thú chết, Ta không thích thú sống, Ta chờ thời gian đến, Tỉnh giác, giữ chánh niệm.7

3 Kệ 676-8, xem Dh. V. 277-79.

4 Xem Thag. V. 243.

5 Xem Thag. V. 31, 244.

6 Xem Thag. V. 606, 654.

7 Xem Thag. V. 196, 607, 655.

687. Đạo su, ta hầu hạ, Lời Phật dạy làm xong, Gánh nặng đặt xuống thấp, Gốc sanh hữu nhổ sạch.8 688. Vì mục đích xuất gia, Bỏ nhà, sống không nhà, Mục đích ấy ta dạt, Ta cần gì ở rừng.

§247. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO UDẢYĨ (Udâyittheragãthăỷ (Thag. 69; ThagA. III. 7) Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Kapilavatthu, trong một gia đình Bà-la-môn. Ngài thấy được uy lực của đức Phật khi đến thăm gia đình ngài. Ngài khởi lòng tin, xuất gia và sau một thời gian, trô thành bậc A-la-hán. Lúc bấy giờ, có đến ba vị Trưởng lão cùng tên Udãyĩ: Con của một đại thần tên là KãỊudãyĩ,10 vị Bà-la-môn này và Đại Udãyĩ. Kỉnh Vỉ dụ con voi được thuyết giảng trong nhân duyên này. Trong khi mọi người tán dương con voi Seta của Vua Pasenadi, ngài Udãyĩ lại cảm thấy rất hoan hỷ khi nghĩ tưởng đến đức Phật. Và rồi ngài nghĩ: "Những người này chỉ tán thán một con vật, còn ta sẽ tán thán các đức tánh tôt đẹp của một con voi tuyệt diệu, chính là đức Phật.^, Rồi Ngài nói lên những bài kệ như sau: 689. Đức Phật sanh làm người, Tự điều phục thiền định, Uy nghi Phạm thiên đạo, Hoan hỷ trong tâm tịnh. 690. Loài người đảnh lễ Ngài, Bậc Đạt Được Bờ Kia, Đối với hết thảy pháp, Chư thiên đảnh lễ Ngài, Như vậy ta được nghe, Ta là A-la-hán. 691. Vượt qua mọi kiêt sử, Từ rừng đến Niết-bàn, Vui thoát ly các dục, Như vàng thoát khoáng sản. 692. Vị ấy thật như voi, Tuyệt luân đẹp rực rỡ9 Đứng trên đỉnh núi cao, Dãy trường sơn Hy-mã, Trong mọi danh nãga5 Ngài chơn danh Vô Thượng. 693. Rồi ta sẽ tán thán, Nãga này cho người, Nãga không làm ác, Nên được gọi nãga, Từ tốn, không làm hại, Là hai chân nãga. 694. Chánh niệm và tỉnh giác, Hai chân khác nãga, ỉ

Vòi nãga là tín, Ngà màu trăng là xả. 695. Chánh niệm là cổ họng, Trí tuệ chỉ cho đầu, Suy tầm với cái vòi, Chỉ cho tư duy pháp, Hòa trú là bụng pháp, Viễn ly ví đuôi voi.

8 Xem Thag. V. 604, 656, 792, 891,918, 1015, 1053, 1091, 1194. 9 Tham chiếu: A. III. 344, Nãgasutta (Kinh Con voi); Long tượng kỉnh (T.o 1.0026.118.0608b02). 10 Xem Thag. V. 233, Kãludãyỉttheragãthã (Kệ ngôn của Trưởng lão KãỊudãyĩ).

696. Tu thiền thở vô lạc? Nội tâm khéo định tĩnh,
Nãga đi định tĩnh, Nãga đứng định tĩnh.
697. Nãga nằm định tinh) Nãga ngồi định tĩnh,
Trong tất cả tình huống, M ĩ Á

Nãga sông chê ngự,
Đây thành tích năga.
698. Ăn đồ ăn không tội, Đồ có tội không ăn,
Được đồ ăn, y phục, Từ bỏ? không tích trữ.
699. Kiết sử tế hay thô, Chặt đứt mọi trói buộc,
Chỗ nào vị ấy đi, Bước đi không kỳ vọng.
700. Như sen sanh trong nước, Lớn lên được tăng trưởng,
Không có dính nước ướt, Thơm ngát rất khả ái.
701. Cũng vậy bậc Chánh Giác, Sanh và trú ở đời,
Không có dính sự đời, Như sen không dính nước.
702. Như đống lửa cháy đỏ? Không củi tự tắt dần,
Trong than tro lắng dịu? Được gọi lửa diệt tận.
703. Ví dụ bậc Trí thuyết, Để nêu rõ ý nghĩa,
Đại nãga sẽ hiểu, Những gì về nãga,
Do nãga ây giảng.
704. Vô tham và vô sân, Vô si, không lậu hoặc,
Nãga từ bỏ thân, Sẽ diệt độ Niết-bàn,
Không còn có lậu hoặc.
CHƯƠNG XVI HAI MƯƠI KỆ ạãSATINIPẴTA)

§248. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO ADHIMUTTA (Adhimuttattheragãthẫ) (Thag. 71; ThagA. III. 12) Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh làm con của người chị Trưởng lão Saồkicca. Ngài xuất gia dưới sự hướng dẫn của người cậu, và khi còn là Sa-di đã chứng quả A-la-hán. sống hưởng an lạc giải thoát, ngài muốn thọ Đại giới và đi về nhà để xin phép người mẹ. Lúc bấy giờ, trên đường di, ngài bị các kẻ cướp bắt và muôn dâng ngài đê tê thân. Các tên cướp tân công ngài nhưng ngài đứng yên, không phản kháng. Tên tướng cướp lấy làm ngạc nhiên, tán thán ngài và nói: 705. Vì mục đích tê đàn, Hoặc vì đích tài sản, Những người chúng tôi giết, Từ trước cho đến nay, Không ai không sợ hãi, Họ run sợ, rên xiết. 706. Nhưng ngài không khiếp sợ, Dung sắc càng hòa duyệt, Vì sao ngài không than, Trong đại nạn như vậy? Adhimutta trả lời: 707. Chủ cướp! Tâm không khổ, Với người không kỳ vọng, Mọi sợ hãi vượt qua, Với người kiết sử đoạn. 708. Nhờ đoạn nhân sanh hữu, Pháp được thấy như thật, Đối chết không sợ hãi, Nhờ gánh nặng đặt xuống. 709. Phạm hạnh ta khéo hành, Con đường khéo tu tập, Ta không có sợ chết, Khi bệnh hoạn được diệt. 710. Phạm hạnh ta khéo hành, Con đường khéo tu tập, Hữu được thấy không ngọt, Như bỏ độc dược uống. 711. Bờ kia đến, không thủ, Việc làm xong, vô lậu, Bằng lòng, thọ mạng diệt, Như thoát lò sát sanh. 712. Pháp tánh đạt tối thượng, Ở đời, tuyệt sở hữu, Như thoát ngôi nhà cháy, Trong chết không sầu muộn. 713. Phàm có vật tụ họp? Được sanh hữu chỗ nào, Tuyệt đường mọi xuất ly, Đại Ẩn Sĩ nói vậy.

1002 KINH TIỂU Bộ

714. Ai hiểu rõ như vậy? Như đức Phật đã thuyết, Không còn nắm sanh hữu, Như hòn săt cháy đỏ. 715. Quá khứ ta không c6, Tương lai, hiện tại không, Các hành không thực hữu, Ở đây, than khóc gì! 716. Thanh tịnh pháp sanh khởi, Thanh tịnh hành tiếp tục, Bậc thấy được như thật, Không sợ hãi thưa ngài! 717. Với tuệ thấy thế giới, Giống như cỏ, thân cây, Không có tánh ngã sở, Không sầu muộn, không ngã. 718. Ta nhàm chán thân sắc, Không ham có sanh hữu, Khi thân này hoại diệt, Sẽ không có thân khác. 719. Với thân ta, ngươi làm, Hãy làm như ý muốn, Ta không vì duyên ấy, Sẽ khởi lên sân, ái. 720. Kẻ ấy nghe nói vậy, Hy hữu lông dựng ngược, Quăng bỏ cả đao kiếm, Thanh niên nói với ta: 721. "Tôn giả hành hạnh gì, Ai Đạo sư Tôn giả, Ngài theo lời ai dạy, Được tánh không sầu não?" Adhimutta: 722. Bậc Toàn Trí, Toàn Kiến, Thắng Giả, Giáo sư ta, Đại Từ Bi Đạo sư5 Y Vương toàn thế giới. 723. Pháp này vị ấy giảng, Đưa đến đạt vô thượng, Theo lời dạy vị ấy, Được tánh không sâu não. 724. Kẻ cướp nghe Đại sĩ? Khéo thuyết giảng như vậy? Chúng liên quăng vât bỏ, Đao gươm và vũ khí, Một số bỏ nghề chúng, Một số xin xuất gia. 725. Sau khi họ xuất gia, Trong giáo pháp Thiện Thệ, Họ tu tập giác chi, Năm Iịtc, thành bậc trí, Tâm hân hoan, ý mãn5 Các căn cảm xúc được, Niết-bàn, đạo vô vi.

§249. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO PÃRÃPARIYA (Pārāpariyattheragāthẩ) (Thag. 72; ThagA. III. 18) Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sãvatthi làm con của một Bà-la-môn nổi tiếng và khi lớn lên ngài được gọi theo tên gia tộc Pãrãpara là Pãrãpariya. Được khéo giáo dục vê văn hệ Bà-la-môn? một hôm, ngài đi đên tinh xá Jetavana trong khi Thê Tôn đang thuyêt pháp, và đên ngôi nghe gân phía bên ngoài hội chúng. Bậc Đạo sư quán sát tâm tánh ngài, dạy Kỉnh Căn tu tập) Nghe xong, ngài

M. III. 298, Indriyabhãvanãsutta (Kinh Căn tu tập), số 152.

khởi lòng tin và xin xuất gia. Sau khi học kinh này thuộc lòng, ngài suy tư trên ý nghĩa, nghĩ rằng: “Trong những bài kệ? ý nghĩa được xuất hiện như thế này, thế này.” Sau khi suy tư vê vân đê các căn cảm thọ, ngài phát triên thiên quán và sau một thời gian, ngài chứng quả A-la-hán. về sau, ngài nói lên thiền định của ngài với những bài kệ như sau: 726. Khi Tỷ-kheo tên là, Pãrãpariya, Ngồi độc cư một mình, Viễn ly, tu thiền định? Những tâm tư như sau, Được khởi lên nơi ngài: 727. "C6 gì là thứ lớp, Là giới cấm động tác? Con người làm phận mình, Không làm hại một ai. 728. Các căn của loài người, Làm lợi ích, làm hại, Không hộ trì, làm hại, Có hộ trì? làm lợi. 729. Người chế ngự các căn, Người phòng hộ các căn, Người làm bổn phận minh, Không làm hại một ai. 730. Con mắt đi đến sắc, Không chê ngự ngăn chặn, Không thây các nguy hiêm, Vị ấy không thoát khổ. 731. Lỗ tai đi đến tiếng, Không chế ngự ngăn chặn, r e 9

Không thây sự nguy hiêm, Vị ấy không thoát khổ. 732. Không thấy sự xuất ly, Thọ hưởng các mùi hương, Vị ấy không thoát khổ, Vì tham đắm các hương. 733. Nhớ chua ngọt tối thượng, Nhớ vị đắng tối thượng, Bị ái vị nô lệ, Tâm không thể giác tỉnh. 734. Tưởng nhớ các cảm xúc, Đẹp đẽ và khoái cảm5 Đam mê duyên tham ái, Gặp nhiều loại đau khổ. 735. Ý đối các pháp này, Tất cả là năm pháp,2 Không có thể phòng hộ? KJ1Ổ đi

theo vị ấy. 736. Phần lớn các thân xác, Đầy tràn mủ và máu, Do người thù thắng làm? Thành hộp đẹp tô màu. 737. Cay đăng như vị ngọt, Khổ do khả ái buộc, Như dao bén dính mật, Kẻ tham đâu có biết. 738. Ai tham đắm nữ sắc, Nữ vị, nữ xúc chạm, Ai mê say nữ hương, Gặp nhiều loại đau khổ. 739. Mọi dòng từ nữ nhân, Năm loại tràn năm xứ, Người có tinh tấn lực, Có thể ngăn chặn chúng. 740. Người có đích trú pháp, Người thiện xảo, sáng suốt, Hoan hỷ làm nghĩa vụ, Liên hệ đến pháp, nghĩa.

2 Chỉ cho unăm căn?,.

741. Chìm trong việc lợi tạm, Hãy bỏ việc không lợi, Nếu nó nghĩ việc ấy, Không phải việc nên làm, Vị ấy không phóng dật, Sáng suốt thấy rõ vậy. 742. Nếu là việc làm tốt, Hân hoan hành đúng pháp, Hãy nắm việc làm ngay, Đấy thật lạc tối thượng. 743. Với phương tiện cao thâp, Lừa dối các người khác, Đánh giết làm sầu khổ, Hung bạo áp đảo người. 744. Như người mạnh đẽo gỗ, Dùng nêm đánh bật nêm, Cũng vậy là kẻ thiện, Dùng căn đánh bật căn. 745. Tu tập tín, tấn, định, Huấn luyện niệm, trí tuệ, Dùng năm đánh đổ năm,3 Không tỳ vết bước tới. 746. Là vị Bà-la-môn? Người có đích trú pháp, Làm theo giáo huấn Phật, Làm toàn diện? toàn lực, Người ấy hưởng an lac.^

§250. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO TELAKÃNI (Telåkãnittheragãthấý (Thag. 73; ThagA. III. 26) Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trước đức Phật, ở Sãvatthi, trong một gia đình Bà-la-môn và được đặt tên là Telakãni. Trưởng thành theo đời sống của những vị đi trước, ngài chán nản đời sông dục lạc thê gian nên từ bỏ gia dinh, làm du sĩ. Tìm kiếm sự giải thoát tinh thần, ngài giao du nhiều chỗ và thường nghĩ: "Ai ở đời này đã đến được bờ bên kia?" Ngài hỏi rất nhiều Sa-môn và Bà-la-môn nhưng không được trả lời thỏa đáng. Lúc bấy giờ, Thế Tôn đã ra đời, đang chuyển pháp luân, đem lại hạnh phúc cho chúng sanh. Một hôm, Telakãni nghe đức Phật thuyết ph,khởi lòng tin, xin được xuất gia và không bao lâu chứng quả A-la-hán. Một lần, ngồi với các Tỷ-kheo? nhớ đến sự khó nhọc tìm đạo và chứng đạo của mình, ngài tuyên bố với chúng Tỷ-kheo như sau: 747. Lâu ngày đầy nhiệt tình, Ta suy tư Chánh pháp, Hỏi Sa-môn? Phạm chí, Nhưng tâm không an tịnh. r 748. Ở đời ai đã đến, Đên được bờ bên kia, Ai đã chứng đạt được, Lặn sâu vào bất tử, Pháp ai ta chấp nhận, Pháp thông đệ nhất nghĩa.

3 Nghĩa là "dùng 5 lực đánh đổ 5 dqc". 4 Tham chiếu: Dh. V. 339, 340; Pháp củ kinh :Ai IC pm” (T04. 0210.32. 0570c 16); Phập củ thỉdụ kinh “Ai dục phẩm4 (T.04. 0211.32. 0600c22); Xuatdieu kinh t4Ai phẩín”(T.04. 0212.3. 0632b2iy9Xuat diệu ._ýpm”(T04 0212.32. 0758C12); Pháp tập yếu fg "a(T.04. 02133. 0778bl6); Pháp tập yếu tụng kỉnh Í4Họ tam phamJ,(T.04. 0213.31. 0795b06).

749. Mắc lưỡi câu bên trong, Như cá ăn mồi tục, Ta bị bắt, bị trói, Chẳng khác a-tu-la? Tên Vepacitti, Bị lưới Đế-thích trói. 750. Ta kéo lê xiềng xích, Không sao thoát sâu bi, Ai cởi trói cho ta, Giúp ta chứng Chánh giác. 751. Sa-môn, Phạm chí nào? Nói cách hủy hoại chúng, Pháp ai ta chấp nhận, Giúp từ bỏ già chết. 752. Bị nghi hoặc trói buộc, Bị

hăng say chi phối, Khiến tánh tình phẫn nộ, Khiến tâm tư cứng rắn, Bị xâu xé cắt đứt, Bởi lòng tham mạnh mẽ. 753. Bị cung ái bắn trúng, Ba mươi kiến trói buộc, Xem sức mạnh ngực ta, Bị áp đè vẫn vững. 754. Các tùy kiến không đoạn, Các tư niệm dao động, Bị chúng đâm ta run, Như lá bị gió thổi. 755. Khởi lên từ nội tâm, Đốt cháy nhanh ngã sở, Thân với sáu xúc xứ5 Ngã hữu từ đấy sanh. 756. Ta không thấy lương y, Rút mũi tên cho ta, Dùng cách khác dò tìm, Không dùng dao thăm dò. 757. Có vị lương y nào? Không dao, không vết thương, Không hại đến tay chân, Rút mũi tên cho ta, Mũi tên đã đâm vào, Trong nội tâm của ta. 758. Bậc Pháp Chủ Tối Tôn? Loại trừ thuốc độc hại, Khi ta rơi vực sâu, Đưa tay giúp đỡ ta, Tới đất liền an toàn. 759. Ta lặn sâu trong hồ, Đầy bụi bùn không thoát, Đầy man trá, tật đố5 Căng thẳng và hôn ám. 760. Sấm trạo cử nổ vang, Mây kiết sử bao phủ, Thác nước tà tư duy, Liên hệ đến tham dục, Chúng lôi cuốn trôi ta, Vào đại dương tà kiến. 761 . Khắp nơi dòng suối chảy, Cây leo đứng đâm chồi, Ai chặn đứng dòng ấy? Ai chặt đứt cây leo? 762. Tôn giả hãy làm đê, Ngăn chặn những dòng suôi, Chớ có để dòng nước, Do ý sanh cuốn ngài, Như dòng nước cuốn gấp, Trôi cây chảy theo dòng. 763. Cũng vậy ta sợ hãi? Bờ này tìm bờ kia, Khi ấy bậc Đạo sư, Có Thánh chúng hầu hạ, Với binh khí trí tuệ, Chờ y chỉ cho người.

1006 KINH TIỂU Bộ

764. Đưa ta đang chìm đắm, Chiêc câu thang khéo làm? Phật thanh tịnh vững chắc, Làm bằng lõi Chánh pháp, Rồi Ngài nói với ta: uChớ có sợ hãi gi!” 765. Leo lên lầu niệm xứ, Từ đấy ta quán sát, Loài người ưa thân kiến, Trước đây ta tự hào. 766. Khi ta thấy con đường, Con thuyền cần leo lên? Ta không trú tự ng Vì thấy bến tối thượng. 767. Mũi tên khởi tự ngã, Sanh do nhân sanh hữu, Ngài dạy đường tôi thượng, Chấm dứt các pháp ấy. 768. Cột gút đã lâu ngày, Ẩn nằm trú trong da, Đức Phật cởi quăng đi, Loại bỏ mọi độc hại.

§251. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO RATTHAPALA (Ratthapãlattheragãthẩý (Thag. 75; ThagA. IIL 33) Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ra ở xứ Kuru trong thành phố Thullakotthita, con của một gia đình quý tộc tên Ratthapãla và được gọi theo tên gia tộc. Ngài được sống trong nhung lụa? lớn lên được cưới vợ và sống như một thiên thần. Khi đức Phật đến thuyết pháp ở Thullakotthita, Ratthapãla đến nghe giảng, khởi lòng tin, xin cha mẹ được xuất gia rât khó khăn. Đi đên bậc Đạo su, ngài được thọ giới với một Tỷ-kheo theo lời giới thiệu của đức Phật, tu học rất tinh tấn, phát triển thiền quán và chứng quả A-la-hán. Rồi ngài được phép về thăm cha mẹ, đi đến Thullakotthita và đi khất thực từng nhà. Đến nhà cha mẹ, ngài nhận được cơm chua đã lâu ngày nhưng ngài vẫn ăn như là đồ ăn bất tử. Ngày sau, theo lời mời của người cha, ngài đến thăm nhà và các người vợ trước của ngài, họ ăn mặc rất đẹp đẽ, hỏi ngài vì những thiên nữ nào mà ngài đã xuất gia. Ngài thuyết pháp cho họ về vô thường... từ khước những hành vi cám dỗ của họ: 769. Hãy xem bóng trang sức, Nhóm vết thương tích tụ, Bệnh hoạn nhiều tham tưởng, Nhưng không gì trường cửu. 770. Hãy nhìn sắc trang sức, Với châu báu, vòng tai, Bộ xương da bao phủ, Sáng chói nhờ y phục. 771. Chân sơn với son, sáp? Mặt thoa với phấn bột, Chỉ mê hoặc kẻ ngu, Không mê bậc cầu giác. 772. Tóc được uôn tám vòng, Mắt xoa với thuốc son, Chỉ mê hoặc kẻ ngu, Không mê bậc cầu giác.

5 Tham chiếu: Thag. V. 1146; M. II. 54, Ratiḥapãlasutta (Kỉnh Ratthapặlăy, số 82; Dh. V. 147; Sn. 6; J. IV. 172; V. 165; Netti. 33, 128; Pháp cụ kinh 4Lao mao phận^ (T.04. 0210.19. 0565b25); Pháp củ thỉ dụ :nụo phẩm,, (r.oi 021L19. Ò592bl5); Xuất diệu kinh ”(T.04. 0212.28. 0736b06); Phap tập yếu tụng kỉnh 4tQuan sát phẩm,^ (T.04. 0213.27. 0791ỒO3).

TRƯỞNG LÃO TĂNG KỆ 1007

773. Như hộp thuốc mới sơn, uế thân được trang điểm, Chỉ mê hoặc kẻ ngu, Không mê bậc cầu giác. 774. Thợ săn bày lưới sập, Nai khôn không chạm lưới, Ăn mồi xong, ta đi, Mặc kẻ bắt nai khóc. 775. Bầy thợ săn bị cắt, Nai khôn không chạm lưới, Àn mồi xong, ta đi, Mặc kẻ săn nai sầu.6 Rồi Ratthapãla đi ngang qua hư không đến vườn nai của Vua Koravya và ngồi trên một phiến đá. Người cha của ngài cho đóng chốt then cài cả bảy cái cửa và cắt đặt người giữ ngài không cho đi, rồi lại lấy chiếc y vàng của ngài và choàng vào ngài y trắng của người cư sĩ; do vậy, ngài phải đi ngang qua hư không. Rồi Vua Koravya nghe ngài đã đến vườn nai, liền chào ngài và hỏi: “Thua Tôn giả, ở đời người ta xuất gia vì một vài tai họa như bệnh hoạn, tai họa từ nhà vua, về tài sản, về gia đình. Ngài không có một tai họa gì, sao ngài lại xuất gia?" Vị Trưởng lão trả lời: "Thế giới là vô thường không có gì trường cửu. Thế giới không có nơi nương tựa, thiếu thốn, không có thỏa mãn, làm nô lệ cho khát ấiy Rồi ngài nói lên những bài kệ như sau: 776. Ta thấy người đời giàu, Được tiền, si không cho, Vì tham, cất chứa tiền, Chạy theo dục càng nhiều. 777. Vua dùng lực chiếm đất, Chiếm ở đến bờ biên, Biên bên này chưa thỏa, Còn muốn biên bờ kia. 778. Vua và rất nhiều người, Ai chưa chết đã chết, Tái sanh bị thiếu thốn5 Chúng từ bỏ thân này, Nhưng ở đời lòng dục, Không bao giờ thỏa mãn. 779. Bà con than khóc nó, Tóc xõa rối tơ vò, Chúng nói: uÔi chúng ta, Không có được bất tử!" Thân trùm vải chúng mang, Dựng giàn hỏa chúng thiêu. 780. Bị cây đâm, cây thọc, Nó bị thiêu, bị cháy, Chỉ với một tấm vải5 Từ bỏ mọi tài sản, Kẻ chết không nương tựa, Bà con, bạn láng giềng. 781. Kẻ thừa tự mang di, Tài sản gia nghiệp nó, Riêng con người phải di, Theo chỗ nghiệp nó tạo, Tài sản không có đi, Đi theo người đã chết, Không con trai, không vợ, Không tài sản, quốc độ. 782. Tài sản không làm sao, Mua được tuổi trường thọ. Phú quý nào có thể, Tránh khỏi được già suy. Bậc Có Trí nói rằng: Mạng sống này ít ỏi, Thật sự là vô thường, Luôn luôn bị biến hoại.

6 Kệ 769-75, xem Thag. V. 1019-25, 1160-66.

1008 KINH TIỀƯ Bộ

783. Giàu, nghèo đêu cảm xúc, Ngu, trí đồng cảm thọ, Kẻ ngu bị ngu đánh, Ngã quỵ năm dài xuông. Còn bậc trí không sợ? Đối với mọi cảm xúc. 784. Do vậy tuệ thắng tài, Nhờ tuệ đạt viên mãn. Chưa đạt được cứu cánh, Đối với hữu, phi hữu, Kẻ ngu làm các nghiệp, Ác độc và bất thiện. 785. Nhập thai sanh đời khác, Luân hồi tiếp tục sanh, Kẻ trí tin tưởng, Nhập thai sanh đời khác. 786. Như kẻ trộm bị bắt Quả tang khi ăn trộm, Do nghiệp tự chính nó, Bị hại theo ác tội, Cũng vậy sau khi chêt, Quần chúng trong đời sau, Do nghiệp tự chính nó? Bị hại theo ác tội. 787. Các dục thật đẹp đẽ? Vị ngọt và khả ái, Chúng làm tâm đắm say, Với sắc và phi sắc. Do thấy sự nguy hiểm, Trong các dục

công dức, Do vậy ta xuất gia, Như vậy thưa Đại vương. 788. Như trái cây rụng xu6ng, Cũng vậy tuổi thanh niên, Lớn lên và già yêu, Rồi thân hoại mạng chung, Thấy vậy ta xuất gia, Như vậy thưa Đại vương, Đời sống Sa-môn hạnh, Chơn thật tốt đẹp hơn. 789. Tín tâm, ta xuất gia, Vào Giáo hội bậc Thánh, Ta xuất gia không tội, Không nợ ta thọ thực. 790. Thấy dục như lửa hừng, Thấy vàng như dao đâm, Xem nhập thai là khổ, Họa lớn trong địa ngục. 791. Thấy nguy hiểm như vậy, Ta cảm thấy hoảng sợ, Khi bị đâm, bị thương, Ta đạt được tịch tịnh? Và ta tận diệt được, Cả ba loại lậu hoặc. 792. Đạo sư, ta hầu hạ, Lời Phật dạy làm xong, Gánh nặng đặt xuống thấp, Gốc sanh hữu nhổ sạch.7 793. Vì đích gì xuất gia, Bỏ nhà, sống không nhà, Mục đích ấy ta đạt, Mọi kiết sử tận diệt.8

7 Xem Thag. V. 604, 656, 687, 891, 918, 1015,1053, 1091, 1194. 8 Xem Thag. V. 136, 380, 605, 657, 1195.

§252. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO MÃLUNKYAPUTTA (Mãlunkyaputtattheragãthăỷ (Thag. 78; ThagA. III. 42) Đời sống của ngài được ghi trong kệ ngôn ở trên910 khi bậc Trưởng lão đã chứng quả A-la-hán, nói lên bài kệ để dạy cho các bà con về con đường. Nhxmg trong những bài kệ này, bậc Trưởng lão chưa chứng quả A-la-hán, hỏi Thế Tôn về giáo lý vắn tắt và được Thế Tôn trả lời: Này Mãluốkyãputta, ông nghĩ thế nào về những pháp mà ông chưa bao giờ thấy, nghe, ngửi, nếm, cảm xúc và nhận thức; hiện tại ông không có lãnh thọ đối với chúng, ông cũng không muốn có cảm thọ và suy tưởng; vậy ông có ước muốn tha thiết được chúng hay không? - Thưa không, bạch Thế Tôn. Ở đây, này Mãluỏkyãputta, khi ông không có cảm thọ, cảm tưởng chúng, ông chỉ có thọ và tưởng thuần túy; nếu là như vậy, thời ông không có tham, sân, si. Do vậy, ở đây hay tại chỗ nào hay đời sau, chính như vậy, như vậy là sự chấm dứt đau khổ. Rồi Mãluủkyãputta cho biết ngài đã hiểu rõ tường tận giáo pháp và diễn đạt trong những bài kệ như sau: 794. Thấy sắc niệm say mê, Nếu tác ý ái tưởng, Tâm tham đắm cảm thọ, Tâm nhập và an trú. 795. Thọ người ấy tăng trưởng, Nhiều loại do sắc sanh, Tham hại tâm lớn mạnh, Chúng gia hại tâm nó, Khổ chất chứa như vậy, Rất xa vời Niết-bàn. . .
r 796. Nghe tiêng niệm say mê? Nêu tác ý ái tưởng, Tâm tham đắm cảm thọ, Xâm nhập và an trú. 797. Thọ người ấy tăng trưởng, Nhiều loại do tiếng sanh, Tham hại tâm lớn mạnh, Chúng gia hại tâm nó, Khổ chất chứa như vậy, Rất xa vời Niết-bàn. 798. Ngửi hương niệm say mê, Nấu tác ý ái tưởng, Tâm tham đăm cảm thọ, Xâm nhập và an trú. 799. Thọ người ấy tăng trưởng, Nhiều loại do hương sanh, Tham hại tâm lớn mạnh, Chúng gia hại tâm nó, Khổ chất chứa như vậy, Rất xa vời Niết-bàn. ỉ 800. Nếm vị niệm say mê5 Nêu tác ý ái tưởng, Tâm tham đắm cảm thọ, Xâm nhập và an trú.

9 Bản PTS, Tích Lan, Thái Lan, Campuchia và PTS viết Mãlunkyaputta. Bản CST viết Mãlukyaputta. Xem s. IV. 72, Mãlunkyaputtasutta (Kinh Mãlunkyaputta). 10 Xem Thag. V. 214, Mãỉunkyaputtattheragãthã (Kệ ngôn của Trưởng lão Mãlunkyaputtă).

801. Thọ người ấy tăng trưởng, Nhiều loại do vị sanh, Tham hại tâm lớn mạnh, Chúng gia hại tâm nó, Khổ chất chứa như vậy, Rất xa vời Niết-bàn. 802. Cảm xúc niệm say mê, Nếu tác ý ái tưởng, Tâm tham đắm cảm thọ, Xâm nhập và an trú. 803. Thọ người ấy tăng trưởng, Nhiều loại do xúc sanh, Tham hại tâm lớn mạnh, Chúng gia hại tâm n6, Khổ chất chứa như vậy, Rất xa vời Niết-bàn. 804. Biết pháp niệm say mê? Nếu tác ý ái tưởng, __ ỉ Tâm tham đăm cảm thọ, Xâm nhập và an trú. 805. Thọ người ấy tăng trưởng, Nhiều loại do ý sanh, Tham hại tâm lớn mạnh, Chúng gia hại tâm nó, Khổ chất chứa như vậy, Rất xa vời Niết-bàn. 806. Không tham nhiễm các sắc, Thấy sắc giữ chánh niệm? Tâm không tham cảm thọ, Không xâm nhập, an trú. 807. Thấy sắc như thế nào, Như vậy có cảm thọ, Từ bỏ? không tích lũy, Chánh niệm hành trì vậy? Như vậy không chứa khổ, Được gọi ugần Niet-ban9\ 808. Không tham nhiễm các tiếng, Nghe tiếng giữ chánh niệm5 Tâm không tham cảm thọ, Không xâm nhập, an trú. 809. Nghe tiếng như thế nào, Như vậy có cảm thọ, Từ bỏ không tích lũy5 Chánh niệm hành trì vậy, Như vậy không chứa khổ, Được gọi "gần Niếtbàn.” 810. Không tham nhiễm các hương, Ngửi hương giữ chánh niệm, Tâm không tham cảm thọ? Không xâm nhập, an trú. 811. Ngửi hương như thế nào, Như vậy có cảm thọ5 Từ bỏ? không tích lũy, Chánh niệm hành trì vậy, Như vậy không chứa khổ, Được gọi "gần Niếtbàn.” 812. Không tham nhiễm các vị, Nếm vị giữ chánh niệm, Tâm không tham cảm thọ, Không xâm nhập, an trú. 813. Nếm vị như thế nào, Như vậy có cảm thọ, Từ bỏ, không tích lũy, Chánh niệm hành trì vậy5 Như vậy không chứa khổ, Được gọi 6ígần Niết-bàn." 814. Không tham nhiễm các xiic, Cảm xúc giữ chánh niệm, Tâm không tham cảm thọ, Không xâm nhập, an trú. 815. Cảm xúc như thế nào, Như vậy có cảm thọ, Từ bỏ, không tích lũy, Chánh niệm hành trì vậy, Như vậy không chứa khổ, Được gọi "gần Niết-bàn."

TRƯỞNG LÃO TĂNG KỆ 1011

816 Không tham nhiễm các pháp, Biết pháp giữ chánh niệm, Tâm không tham cảm thọ, Không xâm nhập, an trú. 817. Cảm xúc như thế nào, Như vậy có cảm tho, Từ bỏ? không tích lũy, Chánh niệm hành trì vậy, Như vậy không chứa khổ, Được gọi “gần Niết-bàn?5 Rồi vị Trưởng lão đứng dậy, đảnh lễ bậc Đạo sư rồi ra đi; không bao lâu sau, phát triển thiền quán, ngài chứng quả A-la-hán.

§253. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO SELA (Selattheragãthẩ)11 (Thag. 78; ThagA. III. 46) Được sanh trong thời đức Phật hiện tại, ở Aốguttarãpa, trong một gia đình Bà-la-môn, tại một làng Bà-la-môn ở Ãpana, ngài được đặt tên là Sela. Khi đến tuổi trưởng thành, ngài vẫn sống ở dấy, rất giỏi về ba tập Vệ-đà, các nghệ thuật Bà-la-môn và còn dạy Mantra (thần chú) cho ba trăm thanh niên Bà-la-môn. Lúc bấy giờ, Thế Tôn rời Sãvatthi, đang du hành ở Aồguttarãpa với một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỷ-kheo. Biết được tám tánh thuân thục của Sela và các đệ tử, đức Phật dừng lại tại một khu rừng. Rôi ân sĩ Keniya, sau khi mời bậc r - •ĩ Đạo sư và chúng Tỷ-kheo dùng cơm vào ngày hôm sau, đang sửa soạn rât nhiêu món đồ ăn. Khi ấy, Sela với ba trâm đệ tử đến thăm am thất và hỏi: "Phải chăng Keniya đang sửa soạn đê đón mừng vị đại thân của vua?" Keniya trả lời: “Ngày mai, tôi thỉnh đức Phật, đấng Thế Tôn dến." Sela cảm thấy hết sức xúc cảm với chữ "dức Phậf\ đã cùng Phật với các thanh niên đệ tử của mình đi

đến gặp ngay đức Phật. Sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm lễ phép, ngồi xuống một bên, ngài chiêm ngưỡng các tướng tốt của đức Phật và nghĩ rằng: "Một vị có những tướng tôt như vậy, một là sẽ thành vị Chuyên Luân Thánh Vương, hai là sẽ thành Phật. Ta cũng nghe rằng một vị Phật khi nghe tán thán về mình sẽ lộ rõ chân tướng Phật của mình. Còn nếu chưa thành Phật, khi nghe tán thán về đức Phật sẽ cảm thấy khó chịu và bất mãn?9 Rồi ngài quyết định nói lên lời tán thán đức Phật như sau: 818. Thân trọn đủ, chói sáng, Khéo sanh và đẹp dẽ, Thế Tôn sắc vàng chói, Răng trơn láng, tinh cần. 819. Đối với người khéo sanh, Những tướng tốt trang trọng. Đều có trên thân Ngài, Tất cả Đại nhân tướng. 820. Mắt sáng? mặt tràn đầy, Cân đối, thẳng, hoàn mỹ, Giữa Sa-môn9 Tăng chúng, Ngài chói như mặt ười. 821. Vị Tỷ-kheo tướng dẹp, Da sáng như vàng chói, Với hạnh Sa-môn Ngài, Cần gì sắc tối thượng.

11 Xem M. II. 146, Selasutta (Kinh Seỉa), số 92; Sn. 102, Selasutta,

822. Ngài xứng bậc Đại Vương, Chuyên luân xa, luân chủ, Chiến thắng khắp bốn phương, Bậc Chúa Tể Diêm-phù. 823. Vương tộc, hào phú vương, Là chư hầu của Ngài, Là vua giữa các vua, Là Giáo chủ loài người, Hãy trị vì quốc độ, Tôn giả Gotama! Thế Tôn hoàn thành ước nguyện của Sela, trả lời: 824. SelaTalàVua! Bậc Pháp Vương Vô Thượng, Ta chuyển bánh xe pháp, Bánh xe chưa từng chuyên. Phạm chí Sela nói: 825. Ngài tự nhận Giác Ngộ, Bậc Pháp Vương Vô Thượng, Ta chuyển bánh xe pháp, Gotama nói vậy. 826 Ai sẽ là tướng quân? Là đệ tử Tôn giả? Ai theo giữ truyên thông, Xứng đáng bậc Đạo sư? Sau Ngài ai sẽ chuyên, Pháp luân Ngài đã chuyển? Tôn giả Sãriputta đang ngồi bên phải Thế Tôn, hào quang ánh vàng rực rỡ. Thế Tôn chỉ Sãriputta và nói: 827. [Thế Tôn:] "Này Sela, Ta chuyển bánh xe pháp, Bánh xe pháp vô thượng, Chính Sãriputta, Chuyển bánh xe Chánh pháp, Thừa tự Như Lai vị. 828. Cần biết, Ta đã biết, Cần tu, Ta đã tu, Cần đoạn5 Ta đã đoạn, Do vậy Ta là Phật, Hỡi này Bà-la-môn. 829. Còn gì nghi ở Ta, Hãy gác bỏ một bên, Hãy giải thoát khỏi chúng, Hỡi này Bà-la-môn. 830. Thấy được bậc Chánh Giác, Thật thiên nan, vạn nan, Bậc Chánh Giác ra đời, Thật thiên nan, vạn nan, Ta là bậc Chánh Giác, Bậc Y Vương Vô Thượng, Hỡi này Bà-la-môn. 831. Là Phạm thiên khó sánh, Nhiếp phục các ma quân, Hàng phục mọi đối nghịch, Ta hân hoan không sợr." Bà-la-môn Sela hoàn toàn tin tưởng vào Thế Tôn, muốn ôn xuất gia và thưa răng: 832. Chư Tôn giả hãy nghe, Như bậc Có Mắt giảng, Bậc Y Vương Đại Hùng, Sư tử rông trong rừng! JF

833. Thấy Phạm thiên vô tỷ, Nhiêp phục các ma quân,
Ai lại không tín thành, Cho đến kẻ hạ tiện.
834. Ai muốn, hãy theo ta5 Không muôn, hãy đi ra, r_ •
Y T
L
rr^ A rm A • rfTl
Ở đây ta xuất gia, Với bậc Tuệ Tôi Thượng.
TRƯỞNG LÃO TĂNG KỆ 1013

Các thanh niên Bà-la-môn5 vì đã đạt được những điều kiện cần thiết, trả lời: 835. Nếu Tôn giả tín thành, Giáo pháp bậc Chánh Giác, Chúng con cũng xuất gia, Với bậc Tuệ Tối Thắng! Sela hoan hỷ thấy các thanh niên Bà-la-môn có cùng chí nguyện với mình, đã đưa họ đến trước Thế Tôn và xin được xuất gia: 836. Ba trăm Phạm chí ấy, Chắp tay xin được phép, Chúng con sống Phạm hạnh, Do Thế Tôn lãnh đạo. Rồi Thế Tôn quán chiếu biết rõ Sela trong các đời trước cũng là thầy của ba trăm đệ tử này, đã trồng các hạt giống phước lành và nay trong đời sống cuối cùng, thành tựu tuệ quán cho chính mình và cho các đệ tử, các nhân duyên xuất gia của họ đã thuần thục, Ngài nói: 837. Thế Tôn đáp: 4ẾSela, Phạm hạnh được khéo giảng, Thiết thực ngay hiện tại, Vượt khỏi thời gian tính, Ở đây sự xuất gia, Không uổng công, hoang phí, Với ai không phóng dật, Tinh tấn chuyên tu học?5 Thế Tôn nói: uHãy đến, này các Tỷ-kheo!^, Với thần lực của đức Bổn sư, tất cả đều có đầy đủ y và bình bát. Họ đảnh lễ đức Phật5 bắt đầu học thiền quán và chứng quả A-la-hán vào ngày thứ bảy. Rồi các vị ấy đến đức Phật, nói lên chánh trí của mình và Sela thưa: 838. Kính bạch bậc Pháp Nhãn! Cách đây trước tám ngày, Chúng con đã đến Ngài, Xin phát nguyện quy y, Thế Ton trong bảy đêm, Đã nhiếp phục chúng con, Đã chế ngự chúng con, Trong giáo lý của Ngài. 839. Ngài là bạc GiácGiả, Ngài là bậc Đạo sư, Ngài là bậc Mâu-ni, Đã chiến thắng quân ma? Sau khi đã đoạn trừ, Vượt qua biển sanh tử, Ngài giúp quần sanh này, Cùng vượt qua bể khổ. 840. Sanh y, Ngài vượt qua, Lậu hoặc, Ngài nghiền nát, Ngài là Sư tử chúa, Không chấp, không sợ hãi. 841. Ba trăm Tỷ-kheo này, Đông chăp tay đứng thăng, Oi, Arứi Hùng Chiến Thắng! Hãy duỗi chân bước tới5 Hãy để các Đại nhân, Đảnh lễ bậc Đạo sư!

§254. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO BHADDIYA KÃLIGODHÃPUTTA (KãỊigodhãputtabhaddiyatíheragãthã)n (Thag. 80; ThagA. III. 52) Ngài được sanh ra trong thời đức Phật hiện tại, ở Kapilavatthu, thuộc dòng họ Sakya và được đặt tên là Bhaddiya. Khi trưởng thành, ngài từ bỏ gia đình

12 Xem Thag.v. 97; J.VI. 35.

cùng với Anuruddha và bôn vị hoàng tộc khác xuất gia. Lúc bây giờ, bậc Đạo sư đang ở trong vườn xoài tại Anupiya. Khi vào trong Tăng đoàn tu tập? ngài chứng được quả A-la-hán và được đức Phật xác chứng là vị Tỷ-kheo đệ nhất trong những vị hoàng tộc. Mỗi khi ngài hưởng lạc giải thoát, lạc Niết-bàn, có lúc ở trong rừng, dưới cội cây, hoặc ở nơi văng vẻ tịch tịnh, ngài thường thốt ra lời: uÔi? hạnh phúc làm sao! Ôi, hạnh phúc làm sao!" Được đức Phật hỏi vì sao ngài nói ra lời ấy, ngài thưa: "Bạch Thế Tôn, khi còn trị vì quốc độ, dầu được bảo vệ chặt chẽ, con vẫn cảm thấy sợ hãi, hoảng hốt. Nhưng nay từ bỏ tất cả, con không còn trạng thái sợ hãi nữa.55 Rồi trước Thế Tôn, ngài rống lên tiếng rống sư tử: 842. Khi ta ngôi cô voi, Mang đồ mặc tế nhị, Ăn gạo thật ngon thơm, Với món thịt khéo nấu. 843. Nay hiền thiện, kiên trì, Vui đồ ăn đặt bát, Thiền tư, không chấp trước, Là con của Godhă. 844. Áo lượm rác, kiên tri, Vui đồ ăn đặt bát, Thiền tư, không chấp trước, Là con của Godhã. 845. Thường khất thực, kiên trì, Vui đồ ăn đặt bát, Thiền tư5 không chấp trước, Là con của Godhã. 846. Mặc ba y, kiên trì, Vui đồ ăn đặt bát, Thiền tư, không chấp trước, Là con của Godhã. 847. Đi từng nhà, kiên trì,

Vui đồ ăn đặt bát, Thiền tư, không chấp trước, Là con của Godhã. 848. Ăn một bữa, kiên trì, Vui đồ ăn đặt bát, Thiền tư, không chấp trước, Là con của Godhã. 849. Ăn trong bát, kiên trì, Vui đồ ăn đặt bát, Thiền tư, không chấp trước, Là con của Godhã. 850. Không ăn thêm, kiên trì, Vui đồ ăn đặt bát, Thiền tư, không chấp trước, Là con của Godhã. 851. Sông trong rừng, kiên trì, Vui đồ ăn đặt bát, Thiền tư, không chấp trước, Là con của Godhã. 852. Ngồi gốc cây, kiên trì, Vui đồ ăn đặt bát, Thiền tư, không chấp trước, Là con của Godhã. 853. Sống ngoài trời, kiên trì, Vui đồ ăn đặt bát, Thiền tư, không chấp trước, Là con của Godhâ. 854. Trú nghĩa địa, kiên trì, Vui đồ ăn đặt bát, Thiền tư, không chấp trước, Là con của Godhã. 855. Tùy xứ trú, kiên trì, Vui đồ ăn đặt bát5 Thiền tư, không chấp trước, Là con của Godhã.

856. Sông thường ngôi, kiên trì, Vui đồ ăn đặt bát, Thiền tư, không chấp trước, Là con của Godhã. 857. Ham muôn ít, kiên trì, Vui đồ ăn đặt bát, Thiền tư, không chấp trước, Là con của Godhã. 858. Sống biết đủ, kiên trì, Vui đồ ăn đặt bát, Thiền tư, không chấp trước, Là con của Godhã. 859. Hạnh viễn ly, kiên trì, Vui đồ ăn đặt bát, Thiền tư, không chấp trước, Là con của Godhã. 860. Không giao du, kiên trì, Vui đồ ăn đặt bát, Thiền tư, không chấp trước, Là con của Godhã. 861. Sống tinh cần, kiên trì, Vui đồ ăn đặt bát, Thiền tư, không chấp trước, Là con của Godhã. 862. Từ bỏ bát quý giá? Băng vàng, chạm trăm hình, Ta lấy bát bằng đất, Đây quán đảnh thứ hai.1314 863. Vòng thành cao bảo vệ, Vọng lâu cửa kiên cố, Với lính tay câm gươm, Ta đã sống sợ hãi. 864. Nay hiền thiện, không sợ, Bỏ run sợ, kinh hãi, A Thiên tư, vào rừng sâu, Là con của Godhã. 865. An trú trên giới uân, Chánh .• niệm tu tuệ quán, Thứ lớp ta đạt được, Mọi kiêt sử đoạn diệt.

§255. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO ANGULIMÃLA (Angulimãlattheragãthầ̉ậ (Thag. 80; ThagA. III. 55) Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh làm con của một Bà-la-môn tên Bhaggava, giữ chức cố vấn tế tự cho vua nước Kosala. Trong đêm ngài ra đời, các binh khí trong thành phố rực sáng, các binh giáp của vua cũng rực sáng, làm cho vua đang năm trên giường thây như vậy không thê ngủ được, thao thức và sợ hãi. Vị cô vân tê tự tìm hiêu các vì sao và kêt luận con mình đã sanh

13 Xem Thag. V. 97. 14 Tham chiếu: Thag. V. 19, 203, 547; M. II. 97, Angulimãlasutta (Kinh Angulimãỉa), số 86;, s. I. 25, Saddhãsutta (Kỉnh Lòng tirì); Dh. V. 26, 27, 80, 145, 172, 173, 382; Vìn. II. 180; Phật thuyêt Nguyệt dụ kinh (7L02. 0121. 0544bl2); Pháp cw ^4Ph0ng dật phẩm,, (T.04. 0210.10. 0562bl9); Phapcukinh uMinh trietphần” (T.04. 0210.14. 0563c24); Pháp củ kỉnh uSa-mon phẩní^ (7.04. 0210.34. 0571c29); Pháp củ thỉ dụ kinhyhong dạt pịi(T.04. 0211.10. 0584a05); Pháp củ thỉ dụ kỉnh "Minhtriet p' (r.04?0211.14. 0587a21); Xuất dịệụ kinh phóng dật phẩm,, (T.04. 0212.4. 0636c29); ^4z ảịệu kinh "Tạp phẩm,, •(r.oí 0212.17. 0702b08); Xuatdieu kinh ^huypham^ • (7.04. 0212.18. 0706c07);/Wp tập yếu tụng kinh "Phóng dật phẩm^a® (T.04. 0213.4. 0779a01); Phập tập yếu tụng kinh uThanh tịnh phaii àB (T.04?0213.16. 0785al5); Pháp tạp yếu tụng kỉnh 4tThủy dụ phẩm,, (4. 0213.17. 0785C02).

trúng chòm sao ăn trộm. Sáng sớm, ông đến chầu vua và hỏi vua ngủ có an giấc không? Vua trả lời răng vua ngủ không an giâc, vì cả đêm thây áo giáp chói sáng và hỏi điềm ấy là điềm gì? Vị cố vấn trả lời là do mình sanh đứa con mà áo giáp cả thành phô đêu chói sáng và khi được biêt đứa con sau này có thê trở thành tên tướng cướp độc thân nhưng có thể chế ngự được, nên vua tha cho khỏi bị giết. Vì ngài ra đời làm tâm vua phiền muộn nên được gọi là Hirpsaka nhưng về sau không thấy làm hại ai nên được gọi là Ahimsaka. Do nghiệp đời trước, ngài có sức mạnh của bảy con voi. Khi học với vị giáo sư đầu tiên ở Takkasilã, ngài hầu hạ rất thành kính vị giáo sư và bà vợ? nên thường thấy ngài bên cạnh vị giáo sư và bà vợ trong những bữa ăn. Điêu này khiên các thanh niên Bà-la-môn khác ganh ghét và xúi giục vị giáo sư chống lại Ahimsaka. Vì học trò mình có sức mạnh phi thường, vị giáo sư tìm một kế để ám hại bằng cách bảo Ahimsaka trả tiền học phí cho mình bằng một ngàn ngón tay phải. Ông biết rõ rằng nếu Ahimsaka đem lại chỉ một ngón tay thời cũng đủ làm hại đệ tử mình rồi. Lòng hung ác chồng chất trong Ahimsaka trỗi dậy, ngài mặc áo giáp đi vào rừng Jãlinĩ ở Kosala, nâp trên một đôi núi, theo dõi người đi đường và khi nào thây người đi qua, liên chạy xuông chặt ngón tay họ, treo lên cây cho đên khi các loài diều hâu rỉa ăn hết thịt, rồi lấy các ngón tay làm thành một vòng hoa, đeo nơi cổ nên từ đó, ngài được gọi là Angulimãla (kẻ đeo vòng hoa bằng ngón tay). Vì hành động ấy, đường sá trở nên vắng tanh; ngài đi vào trong làng thì làng trở thành trống không. Vua bèn sai một lực lượng quân đội đi bắt Angulimãla. Mẹ của Angulimãla khuyên chồng nên đi tìm Aốgulimãla để bảo chấm dứt hành động như vậy, nhưng người chông từ chôi, vì không muôn liên hệ với một người con như vậy nên để mặc nhà vua làm gì tùy ý. Bà mẹ vì thương con, khi thấy chồng từ chối liền soạn đồ, lương thực và đi tìm Aốgulimãla để ngăn chặn không cho làm điều ác. LÚC bây giờ, đức Thê Tôn suy nghĩ: "Nêu Aồgulimãla gặp mẹ, sẽ giêt mẹ cho đủ một ngàn ngón tay. Đây là đời sông cuôi cùng của Angulimãla, nêu Ta không can thiệp thời sẽ có thiệt hại lớn. Ta sẽ đi nói với người ấy." Sau bữa ăn, đức Phật đi trên con đường dân đên rừng Jãlinĩ dâu có nhiêu người ngăn cản. Khi ây, Aồgulimãla thây mẹ9 ngài tính lây ngón tay của mẹ cho đủ sô một ngàn, thời đức Phật đến, đi giữa Angulimãla và người mẹ? Aồgulimãla liền bỏ ý định giết mẹ và quyết định giết vị Sa-môn cho đủ túc số ngón tay. Aồgulimãla liền rút gươm đuổi theo đức Phật, nhưng dầu ngài cố gắng thế nào cũng không sao đuổi kịp, đức Phật vẫn đi khoan thai, nhẹ nhàng. Angulimãla yêu cầu đức Phật đứng lại, đức Phật trả lời Ngài đã đứng rồi? chính Aồgulimãla cần phải đứng lại. Câu trả lời làm Angulimãla khó hiểu, ngài tin rằng các Sa-môn bao giờ cũng nói thật nên hỏi đức Phật:

TRƯỞNG LÃO TÀNG KỆ 1017

866 Này Sa-môn9 Ngài đi, Lại nói: "Ta đứng r8i." Ta đứng, Ngài lại nói: "Sao nhà ngươi chưa dứng?" Sa-môn, ta hỏi Ngài, về ý nghĩa việc này5 Sao Ngài đã đứng lại, Còn ta lại còn đi. The Ton tra lời: 867. Aồgulimãla, Ta luôn luôn đã đứng, Với tât cả chúng sanh, Ta từ bỏ gậy trượng, Còn ông đối hữu tình, Chưa có tự chế ngu, Do vậy Ta đã đứng, Còn ông thời chưa đứng. Trong khi đức Phật đứng như vậy, chói sáng đức hạnh của mình,

Aõgulimãla nhớ lại những gì mình được nghe về đức Phật, tuệ quán đạt đến mức thuần thục, hoan hỷ thấm nhuần toàn thân như một làn nước dâng trào toàn thế giới. Tự nói với mình: "Thật lớn thay, tiếng rống sư tử này. Chắc đây là Sa-môn Gotama đã đến đây để cứu độ ta.” Ngài nói: 868. Đã lâu con tôn kính, Bậc Vĩ Đại Tiên Nhân, Nay bậc Sa-môn này, Đã bước vào Đại Lâm, Con nay sẽ sẵn sàng, Từ bỏ ngàn điều ác9 Sau khi nghe kệ Ngài, Liên hệ đến Chánh pháp. 869. Nói xong tên tướng cướp, Liền quăng bỏ cây kiếm, Quăng bỏ cả khí giới, Xuống vực núi thâm sâu. Tên tướng cướp đảrứi lễ, Dưới chân bậc Thiện The, Chính ngay tại chỗ ấy, Xin đức Phật xuất gia. 870. Đức Phật đại từ bi, Là bậc Đại Tiên Nhân, Đạo sư cả nhân giới, Cùng với cả thiên giới, Nói lên những lời này: "Hãy đến, thiện Theo!” Như vậy đôi vị ây, Thành tựu Tỷ-kheo tánh. Aốgulimãla sau khi xuất gia tu hành, chứng quả và nói lên quả chứng của mình: 871. Ai trước sống phóng dật, Sau sống không phóng dật, Chói sáng thế giới này, Như trăng thoát mây che. 872. Ai trước làm nghiệp ác, Nay lấy thiện chặn lại, Chói sáng thế giới này, Như trăng thoát mây che. 873. Ai Tỷ-kheo còn trẻ, Chuyên tâm hành Phật dạy, Chói sáng thế giới này, Như trăng thoát mây che. Như vậy, sống trong lạc giải thoát, ngài đi vào thành khất thực. Có người ném đá vào ngài, có người lây gậy đánh vào đâu và ngài vê tinh xá với bình bát bị bể. Đức Phật khuyên ngài nên nhẫn nại chịu khổ, vì nghiệp quả của ngài đáng phải thiêu sống ở địa ngục, nhưng nay chỉ chịu khổ như vậy thôi. Rồi ngài phát tâm từ bi đối với tất cả chúng sanh:

874. Mong rang kẻ thù ta, Được nghe lời Chánh pháp, A

Mong răng kẻ thù ta, Chuyên tâm lời Phật dạy, Mong rằng kẻ thù ta, Thân cận với những người, Đã đạt được an tịnh, Sống thọ trì Chánh pháp. 875. Mong rằng kẻ thù ta, Thời thời được nghe pháp, Thuyết giảng về nhẫn nhục, Tán thán về nhu hòa, Và sở hành của họ, Phù hợp với Chánh pháp. 876. Vì chúng sanh như vậy, Không có ám hại ta, Hay cũng không ám hại, Một người khác nào hết, Người ấy sẽ đạt được, Sự an tịnh tối thượng, Sẽ bảo vệ hộ tri, Người mạnh và kẻ yêu. 877. Người trị thủy dẫn nước, Kẻ ìàm tên nắn tên, Người thợ mộc uôn gô, Bậc trí nhiếp tự thân.15 878. Có kẻ được điều phục, Bởi gậy, móc và roi, Vị ây điêu phục ta, Không dùng gậy, dùng kiếm. 879. Ta được tên Vô Hại, Trước có tên Làm Hại, Nay ta tên Chơn Thật, Ta không hại một ai. 880. Trước ta là tên cướp, Lừng danh ẾtVòng ngón tay", Chìm đắm dòng nước lớn, Cho đến khi quy Phạt. 881. Trước tay ta lấm máu, Lừng danh "Vòng ngón tay", Hãy xem, ta quy y, Nhổ lên gốc tái sanh. 882. Làm xong nhiều nghiệp vậy? Dần đến sanh ác thú, Cảm thọ nghiệp dị thục? Thoát nợ, ta thọ thực. 883. Những kẻ ngu vô trí, Đam mê sống phóng dật? Người trí không phóng dật, Như bảo vệ vật báu. 884. Chớ đam mê phóng dật, Chớ say đắm dục lạc, Không phóng dật, thiền tư, Đạt được lạc tối thượng. 885. Đến ta điều tốt đẹp, Không tốt đẹp không dến, Lời khuyên bảo cho ta, Không có gì không tốt, Trong các pháp phân biệt, Có mặt ở trên đời, Pháp gì tối thượng nhất, Ta chọn, ta chứng đạt. 886. Đến ta điều tốt đẹp, Không tốt đẹp không đến, Lời khuyên bảo cho ta, Không có gì không tốt, Ba minh ta đạt được, Lời Phật dạy làm xong. 887. Trong rừng, dưới gôc cây, Hay trên núi? trong hang, Tại chỗ ấy ta trú, Tâm tư thật hứng khởi.

15 Xem Thag. V. 19; Dh. V. 80.

888. Thật an lạc, ta Hẳm, Thật an lạc, ta dậy, Tâm tư thuân an lạc, Là nêp sông của ta5 Thoát khỏi cạm bẫy ma, Ôi, Đạo sư từ mẫn! 889. Trước ta sanh Phạm chí, Hai hệ, dòng họ cao, Nay ta con Thiện Thệ, Đạo sư, bậc Pháp Vương. 890. Ái ly không chấp thủ, Căn hộ trì, chế ngu, Đoạn bỏ gôc tà ác, Ta đạt lậu hoặc diệt. 891. Ta hầu hạ Đạo sư, Lời Phật dạy làm xong, • r r 9

Gánh nặng đã đặt xuông, Gôc sanh hữu nhô sạch.

§256. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO ANURUDDHA (Anuruddhattheragãthẩ)16 (Thag. 83; ThagA. III. 64) Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Kapilavatthu, trong hoàng tộc Sakya Amitodana và được đặt tên là Anuruddha. Anh của ngài là Sakya Mahãnãma, con người cậu của đức Phật. Ngài được nuôi dưỡng một cách tinh tế và sang trọng nhất, mỗi mùa ở mỗi lầu các khác nhau, có các vũ nữ, vũ sư đoanh vây? thọ hưởng sự giàu sang thần tiên. Khi được gọi làm người bảo vệ cho bậc Đạo sư, ngài đi đên đức Phật trong rừng xoài ở Anupiya, xuất gia, thọ giới và trong khi an cư mùa mưa, ngài chứng được Thiên nhãn. Nhận được đề mục thiền quán từ Trưởng lão Sãriputta, ngài đi đến Rừng Trúc phía Đông, thực hành thiền quán và chứng được bảy tư duy của một vị Đại nhân, nhưng chưa chứng được tư duy thứ tám.17 Bậc Đạo sư quán chiếu liền dạy cho ngài quá trình tu chứng của bậc Thánh.18 Ghi nhớ lời dạy này, Anuruddha phát triển thiền quán và chứng quả A-la-hán cùng với thắng trí và vô ngại giải thù thắng. Ngài được Thế Tôn ấn chứng là bậc Thiên nhãn đệ nhất. Ngài sống trong an lạc giải thoát, một hôm, quán chiếu quá trình tu chứng của mình, ngài hoan hỷ nói len bài kẹ sau đây: 892. Bỏ cha mẹ, bà con, Bỏ anh em, chị em, Bỏ năm dục trưởng dưỡng, A-na-luật tu thiền. 893. Sống hệ lụy múa ca, Thức dậy, tiếng xập xõa, Sống vậy không đạt được, Cảnh giới đạo thanh tịnh, Vì rằng ta ưa thích, Trong giới vức của ma. 894. Và ta vượt tất cả, Vui thích lời Phật dạy, Vượt mọi loại bộc lưu, A-na-luật tu thiền.

16 Xem 2). II 72, Mahãparỉnỉbbãnasutta (Kỉnh Đại Bát-niết-bàrì), số 16; D. II. 200, Janavasabhasutta (Kinh Xà-ni-sà), số 21; 5.1. ,Parinibbãnasutta(KỉnhBắt-niết-bàn)\A.V>Ị.22^,Anuruddhamahãvitakkasutta (Kinh Đại tư niệm của Tôn giả Anuruddhà). 17 Tám tư duy của bậc đại nhân (Â. IV 228) là Chánh pháp dành cho những ai: ít dục, biết đủ, sống nhàn tịnh, tinh tấn, nội tâm chánh niệm, thiền định, có trí tuệ, thích thú giải thoát khỏi các hý luận. 18 A. II. 26 viết là biết đủ với ba vật dụng cần thiết của Tỷ-kheo (y, đồ ăn khất thực, sàng tọa) với tu tập và đoạn trừ.

895. Sắc, thanh, vị? hương, xúc, Hấp dẫn, rất thích ý, Vượt qua tất cả chúng, A-na-luật tu thiền. 896. Đi khất thực trở về5 Đơn độc, vị ẩn sĩ, Tìm vải từ đống rác, A-na-luật đạt được, Không còn các lậu hoặc. 897. Ẩn sĩ thâu lượm lấy, Giặt, nhuộm và đắp mặc, Các vải từ đống rác, Sáng suốt A-na-luật, Không còn các lậu hoặc. 898. Nhiều dục, không biết đủ, Ưa giao du, tháo động519 Những pháp này có mặt, Thuộc tà ác, uế nhiễm. 899. Chánh niệm và ít dục, Biêt đủ không não loạn, Thích viễn ly, hân hoan, Thường tinh

cần tinh tấn. 900. Những pháp này có mặt, Thuần thiện Bồ-đề phần, Vị ấy không lậu hoặc, Bậc Đại Tiên nói vậy. 901. Biết tâm tư ta vậy, Thế gian Vô Thượng Sư, Với thân do ý tạo, Thần thông đến với ta. 902. Tùy theo ta nghĩ gì, Ngài thuyết rõ tất cả? Phật không ưa hý luận, Ngài thuyết không hý luận. 903. Ngộ pháp ta hoan hỷ9 Trú trong giáo pháp Ngài, Ba minh chứng đạt được, Lời Phật dạy làm xong. 904. Suốt năm mươi lăm năm, Ta không bao giờ nằm, Trong hai mươi lăm năm, Đoạn dứt được ngủ nghỉ. 905. Không thở vô thở ra, Bậc như vậy trú tâm, Không tham dục, tịch tịnh, Bạc Có MắtNiết-bàn. 906. Với tâm không dao rđộng, Sống cảm thọ cuối cùng, Như ngọn lửa diệt tăt? Tâm Ngài được giải thoát. 907. Nay chính những pháp này, Là những pháp cuối cùng, Những cảm xúc thứ năm, Của bậc Đại Mâu-ni, Sẽ không còn pháp khác, Bậc Chánh Giác Niết-bàn. Rồi một thiên nhân, trước kia là người hầu cận ngài, thấy ngài già và ốm, vì lòng thương, thỉnh cầu ngài tái sanh ở cõi chư thiên. Ngài trả lời như sau: 908. Nay không còn tái sanh, Trong thế giới chư thiên, Này kẻ gieo cạm bẫy, Dòng sanh tử đoạn tận? Nay không còn tái sanh.

19 Thiếu thăng bằng và tự cao tự đại.

TRƯỞNG LÃO TĂNG KỆ 1021

CÓ vị Tỷ-kheo khác không thấy vị thiên nhân, không hiểu bậc Trưởng lão nói với ai. Để nói lên thần thông của mình, ngài nói câu kệ: 909. Ai trong thời gian ngắn, Biết thế giới ngàn cõi, Vị ấy thật xứng đáng, Được sống giới Phạm thiên. Nhưng nay Tỷ-kheo ấy, Đầy đủ thần thông lực, Thấy được thời gian nào, Chư thiên chết và sanh. Rồi ngài nói lên nghiệp trước của mình: 910. Đời trước ta đã sống, Tên Annabhãra, Bần cùng phải làm lụng, Lo nuôi sống tự thân, Rồi ta đến cúng dường, Bậc Sa-môn danh tiếng, Sa-môn với ximg danh, Ngài uparittha. 911. Rồi ta được sanh trưởng, Trong dòng họ Thích-ca, Ta được biết với tên, Là Anuruddha, Sống hệ lụy múa ca, Thức dậy, tiếng xập xõa. 912. Ta thấy bậc Chánh Giác, Bậc Đạo sư vô úy, Tín tâm khởi nơi Ngài, Ta xuất gia, không nhà. 913. Ta biết các đời trước, Trước ta sống chỗ nào, Giữa cõi Ba Mươi Ba, Ta sanh làm Đế-thích. 914. Bảy lần làm Nhân chủ,2021 22 Ta trị vì quốc độ, Ta chinh phục bốn phương, Làm chúa châu Diêm-phù, Không dùng gậy, dùng gươm, Trị vì với Chánh pháp. 915. Từ đay hai lần bảy? Mười bốn lần luân hồi, Ta biết được đời sống, Khi ta trú thiên giới. 916. Trong thiền định năm chi,21 Tâm an tịnh nhất tâm, Tâm ta được khinh an, Thiên nhãn ta thanh tịnh. 917. Ta biết sanh và chết, Chỗ đến đi hữu tình, Đời này và đời khác, Ta trú thiền năm chi. 918. Ta hầu hạ Đạo sư, Lời Phật dạy làm xong, Gánh nặng đã đặt xuông, Gốc sanh hữu nhổ sạch.22 919. Tại làng VeḶuva, Giữa dân tộc Vajjĩ? Ta đi đến đoạn diệt, Chấm dứt dòng sanh tử, Dưới bóng của khóm trúc, Ta sẽ nhập Niết-bàn, Không còn có lậu hoặc.

20 Bảy lần giữa chư thiên, 7 lần giữa loài người. 21 Theo Chủ giải, đây không phải chỉ cho 5 thiền (với sơ thiền chia thành 2) mà chỉ cho một phần loại khác, chia thanh: Hy, lạc, tam, ánh sáng và tướng. 22 Xem Thag. V. 604, 656, 687, 792, 891, 1015, 1053, 1091, 1194.

1022 KINH TIỂU Bộ

§257. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO PẢRÃPARIYA (Pãrãpariyattheragãthă) (Thag. 84; ThagA. IIL 73) Đời sống của ngài đã được nói đến ở trên.23 Các kệ trước được nói lên khi đức Bổn sư còn hiện tiền, khi ngài chưa chứng quả A-la-hán, về vấn đề sáu lực (năm căn và ý). Những bài kệ sau đây được nói lên khi đức Bổn sư đã viên tịch và khi ngài sắp sửa mạng chung. Trong những bài kệ này? ngài nói lên tương lai của các Tỷ-kheo khi họ theo tà pháp. [Câu kệ đầu do các vị kết tập thêm vào:] 920. Đây là những tư tưởng, Của một vị Sa-môn9 Tại rừng gọi Đại Lâm, Khi rừng đang trổ hoa, Ngài ngôi chỉ một mình, Viễn ly, tâm thiền định. 921. Khác thay những uy nghi, Của những vị Tỷ-kheo? Khi bậc Tối Thượng Nhân, Bậc The Ton con song, Còn nay điêu được thây, Thật sai khác đi nhiều. 922. Y để ngăn gió lạnh, Để che điều xấu hổ, Họ thọ dụng tiết độ? Biết đủ từ đâu đến. 923. Vị ngon hay vị dở? Được ít hay được nhiều, Họ thọ dụng món ăn, Chỉ cần nuôi mạng sống, Tâm không có tham lam, Cũng không có say đăm. 924. Các đồ vật để sống, Hay các loại dược phâm, Họ không quá tha thiết, Như đối lậu hoặc diệt. 925. Dưới gôc cây trong rừng, Hay trong hang, trong động, Chuyên tâm tu viễn ly, Sông lây vậy cứu cánh. 926. Sống khiêm tốn, giản dị, Nhu hòa, ý kham nhậm, Với cử chỉ tao nhã, Không nói năng quàng xiên, Tâm tư hướng lợi ích, Cho mình và cho người. 927. Do vậy sở hành họ? Thật dễ thương, tốt lành, Khi họ đi, họ ăn, Khi họ thọ dụng gi, Cử chỉ uy nghi họ, Như dòng dầu trơn mướt. 928. Mọi lậu hoặc đoạn tận, Đại thiền, đại thiện lợi, Nay những Trưởng lão ấy, Đã hoàn toàn Niết-bàn, Ngày nay thật ít vị, Giông như các vị ây. 929. Do thiện pháp, trí tuệ, Bị hao mòn tiêu diệt, Lời dạy bậc Chiến Thắng, Tông hợp mọi tôi thượng, về dự án hình thức, Bị sụp đổ hao mòn.

23 Xem Thag. V. 249, Pãrãparỉyattheragãthã (Kệ ngôn của Trưởng lão Pãrãpariyà).

930. Các pháp thuộc tà ác, Thời đại bị uê nhiêm, Đối với họ những vị, An trú trong viễn ly, Hy vọng được chứng ngộ, Các Diệu pháp còn lại. 931. uế nhiễm họ tăng trưởng, Ảnh hưởng xấu nhiều người, Họ hình như chơi giỡn, Với những kẻ ngu si, Như bọn quỷ la-sát, Đùa giỡn với kẻ điên. 932. Bị uế nhiễm chinh phục, Chạy theo nhiễm này nọ? Đối với vật uế nhiễm, Họ như người la to, Những đồ vật lấy được. 933. Từ bỏ Chơn diệu pháp, Họ cãi lộn với nhau, Họ chạy theo tà kiên, Họ nghĩ: "Đây tốt hơn.” 934. Từ bỏ5 xoay limg lại, Tài sản? con và vợ, Do nhân muông đô xin, Họ làm việc không xứng. 935. Họ ăn đến đầy bụng, Họ năm phơi ra ngủ, Sau khi thức, họ nói, Điều bậc Đạo sư trách. 936. Mọi mỹ nghệ thủ công, Họ tôn trọng học tập, Nội tâm không an tịnh, Bỏ mặc hạnh Sa-môn. 937. Đất, dầu, các loại bột, Nước, chỗ ngồi, cơm ăn? Họ tặng cho cư sĩ5 Hy vọng được nhiều hơn. 938. Cây tăm để xỉa răng, Loại trái kapittha, Lá hoa để nhai ăn, Đồ khất thực đầy đủ? Cùng các loại trái xoài, Và trái ãmalaka. 939. Với các loại dược phẩm, Họ giống như thầy thuốc, Họ làm các công việc, Chẳng khác người thế tục, Họ trang sức y phục, Giống như các kỹ nữ, Họ tự tỏ quyên uy, Chẳng khác người hoàng tộc. 940. Giả dối và lừa đảo, Ngụy chứng và man trá, Với rất nhiều thủ đoạn, Để thọ hưởng tài vật. 941. Sử dụng cách lường gạt, Chạy theo những mưu chước. Dùng phương tiện sinh sống, Kéo về nhiều tài sản. 942. Họ quy tụ hội chúng, Vì nghề không vì pháp, Họ thuyêt pháp quân chúng, Vì lợi không vì nghĩa. 943. Những người ngoài Tăng doàn, Lại tranh

luận, cãi nhau, về quyền lợi Tăng đoàn, Không tàm quý, liêm sỉ, Họ tự mình nuôi sông, Với quyền lợi kẻ khác. 944. Một số thiếu tín thành, Dầu đầu trọc đắp y, Mong muốn được kính frọng? Ham quyền lợi danh vọng.

1024 KINH TIỂU Bộ

945. Như vậy như hiện nay, Nhiêu việc đã đọa lạc, Thật không còn dễ dàng, Như thời lúc trước nữa, Hoặc cảm xúc chứng đắc, Điều chưa được xúc chứng, Hoặc gìn giữ duy trì, Điêu đã được xúc chứng. 946. Như người không mang giày, Đi trên chỗ có gai, Luôn luôn giữ chánh niệm, Cũng vậy vị ẩn sĩ, Khi đi vào trong làng, Cần gìn giữ chánh niệm. 947. Nhớ vị tu đời trước, Nhớ nếp sống của họ5 Dầu nay thời hậu lai, vẫn có thể xúc chứng, Con đường đạo bất tử. 948. Như vậy vị Sa-môn, Trong rừng cây sãla, Các căn có tu tập, Nói lên lời như vậy, Phạm chí nhập Niết-bàn, Ẩn sĩ đoạn tái sanh.

CHƯƠNG XVII BAMƯƠIKỆ (TIMSANIPATA)

§258. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO PHUSSA (Phussattheragãthă)1 (Thag. 87; ThagA. III. 81) Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh làm con của một vị vua trị vì một tiêu qu6c, được đặt tên là Phussa và được giáo dục mọi tài năng của một thanh niên hoàng tộc. Nhưng ngài có tâm hướng khác thường, không thiên về thế tục, nên khi nghe một vị Trưởng lão thuyết pháp, ngài khởi lòng tin và xuất gia. Tu tập thiền định, ngài phát triển thiền quán và sau một thời gian, chứng được Sáu thắng trí. Một hôm, một ẩn sĩ tên Pandarassagotta nghe ngài thuyết pháp, thấy xung quanh có một số Tỷ-kheo giới đức nghiêm minh, tu tập chế ngự thân và tâm, vị ẩn sĩ suy nghĩ: "Pháp hành này thật là tốt đẹp, mong cho pháp hành này được tôn tại lâu dài trong d&i!" Rôi vị ây hỏi ngài vê tương lai sự tiên bộ của các Tỷ- kheo như thế nào. Ngài trả lời với những bài kệ như sau, riêng bài kệ 949 do các vị kết tập đặt thêm vào: 949. Ẩn sĩ Pandara, Thấy nhiều vị thành tín, Tự ngã có tu tập, Khéo hộ trì chế ngự, Ngài mới đặt câu hỏi, Với vị tên Phussa: 950. “Trong thời gian tương lai, Sẽ có ước muốn gì? Sẽ có chí nguyện gì? Sẽ có cử chỉ gì? Mong ngài hãy trả lời, Câu hỏi của chúng t6i." 951. Ẩn sĩ Pandara, Hãy nghe lời ta nói, Hãy thọ trì cẩn thận, Ta sẽ nói tương lai. 952. Phẫn nộ và hiềm hận, Che đậy và cứng đầu, Nhiều lừa đảo ganh tị? Tương lai nhiều loại vậy. 953. Họ tự cho có trí, Pháp sâu chỉ đến bờ, Họ khinh nhờn Chánh pháp, Họ không kính trọng nhau.

I Tham chiếu: Dh. V. 9, IO; J II. 198; V. 40; Pháp cw ^4Song yếu phẩm,, (04. 0210.9. 0562all); Xuất dịeu kinh 4tSong yeu pham,?(T.04. 0212.30. 0747c06); Pháp tập yếu tụng kỉnh tTương ưng pham,9 (.0213.29. 0792c29).

1026 KINH TIỂU Bộ

954. Nhiêu nguy hiêm ở đời, Sẽ xảy ra tương lai9 Pháp được khéo giảng này5 Kẻ ngu làm uế nhiễm. 955. Trong Tăng chúng những vị? Có đức hạnh hạ liệt, Họ thường hay tuyên bố, Có tự tín, không sợ5 Kẻ không học, lắm lời, Sẽ đứng vào thế mạnh. 956. Trong Tăng chúng những vị, Có giới hạnh tốt đẹp? Khi họ có tuyên bố, Tuyên bố đúng sự thật, Họ thường ở thế yếu5 Hổ thẹn, thiếu nhiệt thành. 957. Bạc, vàng và đồng ruộng, Đất đai, dê và cừu, Nô tỳ nữ và nam, Kẻ ngu si vô trí, Sẽ thâu nhận tất cả, Trong tương lai là vậy. 958. Kẻ ngu dễ nóng giận, Không định tĩnh trong giới, Kiêu ngạo, đi đó đây5 Như

thú ưa đánh nhau. 959. Họ trở thành tháo động? Thường đắp y màu xanh, Lừa đảo và ngoan cố, Lăm môm, ăn nói giả? Họ bắt chước, giả bộ, Như bậc Thánh thời xưa. 960. Với tóc bôi dầu láng, Dao động, mắt vẽ xanh, Đắp y màu trắng ngà, Họ qua lại trên đường. 961. Y vàng được khéo nhuộm, Lá cờ bậc La-hán, Được các bậc Giải thoát, Đắp mang không nhàm chán, Còn họ chán y vàng, Ái luyến đắp màu trắng. 962. Họ trở thành tham lợi, Biêng nhác, ít tinh cần, Khó sống rừng hoang vu, Thích sông gần xóm làng. 963. Những ai sợ được lợi, Luôn luôn ưa tà mạng, Họ học đòi người ấy, Thân cận, không tự chế. 964. Những ai không được lợi9 Họ không trọng, không kính, Bậc khả kính hiền trí, Họ không có thân cận. 965. Khinh cờ hiệu của mình, Ưa thích màu ngoại sắc, Có kẻ mang y trăng, Là cờ hiệu ngoại đạo. 966. Không kính y màu vàng, Thời ấy họ là vậy5 Chờ đợi y màu vàng, Không phải của Tỷ-kheo. 967. Bị đau khổ chinh phục, Bị quặn đau tên dâm, Chờ đợi đại khủng bố. Vòi ta không nghĩ nghi. 968. Khi bậc Sáu Ngà thấy, Cờ La-hán khéo nhuộm, Vòi nói lên những kệ, Liên hệ đến mục đích: 969. "Ai mặc áo cà-sa? Tâm chưa rời uế trược, Không tự chế, không thật, Không xứng áo cà-sa.

970. Ai rời bỏ uê trược, Giới luật khéo nghiêm trì, Tự chế, sống chơn thật, Thật xứng áo cà-sa."2 971. Phá giới, tríhạ liệt, Không tự chế tham dục, Tâm loạn thiếu phấn chấn, Không xứng áo cà-sa. 972. Ai đày đủ giới hạnh, Ly tham, có định tĩnh, Tâm tư thật trinh bạch, Vị xứng áo cà-sa. 973. Ai kiêu ngạo, phóng đãng, Ngu si, không giới hạnh, Xứng đáng mặc áo trắng, Làm gì có cà-sa! 974. Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni, Tâm uế, không tin kính, Tương lai sẽ ức hiếp, Với vị có tâm từ. 975. Kẻ ngu mang y áo, Dâu được Trưởng lão dạy, Liệt trí sẽ không nghe, Không tự chế tham dục. 976. Kẻ ngu dầu dạy vậy? Không có kính trọng nhau, Sẽ không có vâng lời, Lời dạy Giáo thọ sư, Giống như ngựa bất kham, Đối với người đánh xe. 977. Như vậy thời tương lai, Hành tung sẽ là vậy, Tỷ-kheo9 Tỷ-kheo-ni? Khi thời tối hậu đến523 Hãy ôn hòa thân ái, Hãy cung kính lẫn nhau! 978. Đại nạn ấy chưa đến, Trước khi đại nạn đến, Hãy ôn hòa thân ái? Hãy cung kính lẫn nhau! 979. Hãy có tâm từ bi, Khéo chế ngự trong giới, Chuyên tinh tấn nỗ lực, Thường kiên trì phấn chấn. 980. Thấy nguy hiểm phóng dật, Không phóng dật an ổn9 Hãy tu tám Thánh đạo, Giác chứng đạo bất tử. Như vậy, vị Trưởng lão nói với Tăng chúng của mình. Các bài kệ này là lời nói chánh trí của ngài.

§259. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO SÃRIPUTTA (Sãrỉputtattheragãthẩ) (Thag. 89; ThagA. III. 91) Cuộc đời của ngài và cuộc đời của Moggallãna gắn liền với nhau. Trong thời đức Phật hiện tại, Sãriputta sanh tại thành Ưpatissa, không xa Vương Xá (Rậjagaha) bao nhiêu, mẹ là Rũpasãrĩ; còn Moggallãna sanh ở thành Kolita, không xa thành Vương Xá (Rậjagaha) bao nhiêu, mẹ là Moggalĩ. Vì cả hai là con của các vị gia trưởng nên được đặt tên là upatissa và Kolita. Cả hai đứa

2 Kệ 969-70, xem Dh. V. 9-10. 3 Thời tối hậu chia làm 5 thời kỳ trong đời sống của Chánh pháp: Giải thoát, định, giới, đa văn, bố thí. Chúng theo thứ tự này cho đến khi chi còn hình thức bên ngoài.

trẻ được nuôi dư&ng trong giàu sang và thiện xảo mọi khả năng. Trong một hội chợ lớn ở Vương Xá (Rặjagaha), vì tâm tư thuần thục, cả hai đều thấy tất cả quần chúng một trăm năm sau sẽ bị thần chết mang đi nên cả hai lo âu đi tìm con đường giải thoát. Cả hai xuất gia dưới sự dân đạo của Sanjaya, hẹn nhau ai chứng quả bất tử trước sẽ nói cho người kia biết. Dưới sự dẫn đạo của Sanjaya, cả hai không tìm được đạo giải thoát; và sau khi tìm hỏi các Sa-môn, Bà-la-môn gặp được Assaji; và nhờ Assạji? gặp được Thế Tôn, cả hai đều xin xuất gia và được đức Phật độ cho làm Tỷ-kheo với câu: "Thiện lai, Ty-kheo/9 Moggallãna chứng được quả Dự lưu nhờ nghe Assaj i tóm tăttinh yêu của giáo pháp bằng một bài kệ. Bảy ngày sau khi xuất gia, tại làng Kallavãla ở Magadha, sau khi nhiếp phục được hôn trầm thụy miên, và nhờ Thế Tôn khích lệ, dạy về tu các giới, Moggallãna chứng được quả A-la-hán. Còn Sãriputta, nửa tháng sau khi xuất gia, khi ở cùng đức Bổn sư tại hang Sũkarakhata ở Vương Xá (Rậjagaha) cũng được chứng quả A-la-hán. về sau tại Jetavana, Thế Tôn xác chứng Sãriputta là đệ tử Đệ nhất về trí tuệ và thiền quán; và Sãriputta sau khi được tôn làm Tướng quân Chánh pháp, một hôm nói lên chánh trí của mình trước các đệ tử: 981. Ai tùy theo năng lực5 Có giới, tịnh, chánh niệm, Không phóng dật, hành trì, Sở hành đúng tư duy, Thích hướng nội, khéo định, Đơn độc, biết tri túc, Với sở hành như vậy, Vị ấy gọi Tỷ-kheo. 982. Ăn đồ ướt hay kho, Không ăn quá thỏa mãn, Bụng trống, ăn tiết độ, Tỷ-kheo trú chánh niệm.4 983. Ăn bốn, năm miếng xong, Rôi hãy uông nước uông, Thật đủ trú thoải mái, Với Tỷ-kheo tinh cần. 984. Nhận lấy đồ hợp pháp, Y áo đáp nhu cầu, Thật đủ trú thoải mái, Với Tỷ-kheo tinh cần. 985. Khi ngồi thế kiết-già, Đầu gối khỏi mưa ướt,5 Thật đủ trú thoải mái, Với Tỷ-kheo tinh cần.6 986. Ai xem lạc là khổ, Ai xem khổ như tên, Đứng chặng giữa cả hai, Do đâu đời nắm được?7

4 Kệ 982-83, xem Miln. 406, Ajagarangapanho {Câu hỏi về tỉnh chất của loài trăn). 5 Chủ giải giải thích, ai ngồi kiết-già thời mưa không ướt chân. 6 Xem Mỉln. 366, Gadrabhangapanho (Câu hỏi về tỉnh chất của loài lừa).

7 Xem s. IV. 207, Datthabbasutta (Kinh cần phải quản kỉếrí)\ It. 47, Dutỉyavedanãsutta (Kỉnh thứ hai về các thọ).

TRƯỞNG LÃO TĂNG KỆ 1029

987. Không r cho ta ác dục, J Biêng nhác, tinh cân kém, It nghe, không tín kính, Do đâu đời nắm được?8 988. Nghe nhiều, có hiền trí, Khéo định tĩnh trong giới, Chuyên chú, an chỉ tâm, Hãy đứng lên trên đầu. 989. Ai chuyên tâm hý luận, Như thú ưa hý luận, Rơi khỏi, trật Niết-bàn, Vô thượng, thoát khổ ách. 990. Ai từ bỏ hý luận, Thích đạo phi hý luận, Đi đến được Niết-bàn, Vô thượng, thoát khổ ách. Rồi vị Trưởng lão, một hôm thấy được chỗ ở của người em Revata9 đang ở, một khu rừng không nước đầy gai góc, ngài tán thán người em và nói: 991. Tại làng hay trong rừng, Thung lũng hay đồi cao, Chỗ nào La-hán trú, Đất ấy thật khả ái.1011 992. Khả ái thay núi rừng! Chỗ người phàm không ưa, Vị ly tham sẽ thích, Vì không tìm dục lạc.11 Rồi vị Trưởng lão với lòng từ mẫn đối với Rãdha, một Bà-la-môn bất hạnh, giúp ông xuất gia tu hành, về sau, khi đang du hành, hài lòng với cử chỉ khiêm tốn của Rãdha, ngài khích lệ: 993. Như người chỉ của chôn, Cũng vậy người thây lôi, Nói điêu người trí trách, Hãy gân người trí vậy.

Thân cận người như vậy, Chỉ tốt hơn không xấu.12 Một hôm, bậc Đạo sư không đi đên đê giải tán nhóm Tăng chúng củaAssạịi Punabbasu được tô chức ở đôi Kitã, Sãriputta được cử đi cùng với Moggallãna và các đệ tử của mình. Khi lời khuyên của Sãriputta không được nghe theo, ngài nói như sau: 994. Cần phải khuyên, phải dạy, Phải ngăn chặn bất thiện, Làm vậy người thiện thương, Người bất thiện không ưa.13

8 Xem Miln. 396, Migangapanho (Câu hỏi về tỉnh chất của loài naỉ). 9 Xem Thag. V. 42, Khadỉravaniyattheragãthã (Kệ ngôn của Trưởng lão Khadỉravaniyà); Thag. V. 244, Khadiravaniyarevatattheragãthã (Kệ ngôn của Trưởng lão Khadiravaniya Revatà). 10 Tham chiếu: s. I. 499, Rarnarieyyakasutta (Kinh Khả ải, khả ịạc)\ Dh. V. 98; J. III. 169; Pháp củ kỉnh m"(7.04. 0210.15. 0564a28); Pháp củ thỉ dụ kỉnh (T.04. 0211.15. 0588bl0); Xuất diệu kinh ;;Song yếu phẩm,, (T.04. 0212.30. 0747CƠ6). 11 Tham chiếu: Dh.n. 98; Pháp củ m” (r.04. 0210.15. 0564a28); Pháp củ thỉ dụ kinh phẩm^ (04. 0211.15. ossèbìoỵ Xuất diệu kinh uSongyeu phẩm,í íịi(r.04. 0212.30. 0747c06); Pháp tập yếu tụng kinh “Tương ưng phẩm,, JÉrS (fỏ4. 0213.29. 0792C29). 12 Tham chiếu: Dh. V. 76; Pháp củ kinh^Mirih triết phẩm^, (T.04. 0210.14. 0563c24); Xuất diệu kinh hj)"(r.04. 0212.29. 0741b24); Pháp tập yếu tụng kinh “T chướng phẩm,, (7^04. 0213.28. 0792al7). “ 13Tham chiếu: ph. V. 77; qmph^m” (04. 0212.6. 0649a06); Pháp tập yếu tụng kỉnh “Ai lạc phẩm,, (rO4. 0213.5? 0779c23).

1030 KINH TIÊU Bộ

Khi các Tỷ-kheo nói răng chính du sĩ Dĩghanakha, được Thê Tôn giảng dạy, được sửa soạn bởi hành động quá khứ, có thể làm nhiệm vụ ấy, Sãriputta can thiệp nói rằng không phải: __ r 995. Thế Tôn, bậc Có Mắt, Thuyêt pháp cho người khác, Khi pháp được thuyết giảng, Ta lắng tai nhiệt tình. 996. Ta nghe không uổng phí, Giải thoát không lậu hoặc, Không cần biết đời trước, Không cần được thiên nhãn.1415 997. Ta không có phát nguyện, Chứng được Tha tâm thông, Biêt chúng sanh sông chêt, Hay nhĩ giới thanh tịnh. Ba câu kệ tiếp được nói lên về ngài, khi Sãriputta trú ở tinh xá Hang Bồ Câu, không có bị thương khi bị quỷ dạ-xoa đánh: 5 ĩ

998. Ngồi dưới một gốc cây, Đâu trọc, đăp đại y, Trưởng lão Tuệ đệ nhất, upatissa tu thiền. 999. Đầy đủ thiền Vô tầm,15 Đệ tử bậc Chánh Giác, Với im lặng bậc Thánh, Ngay lúc ấy đạt được.16 1000. Giống như ngọn núi đá, Không động, khéo vững trú, Cũng vậy vị Tỷ-kheo, Đã đoạn diệt si ám? Vị ấy như ngọn núi, Không có bị dao động.17 Một hôm, bậc Trưởng lão không chú tâm, để tấm y rơi xuống. Một Sa-di nói: "Thua Tôn giả, y cần phải đắp xung quanh thân minh." Tôn giả tán thán lời nói của người Sa-di và đắp lại tấm y trên thân. Và nói lên điều lỗi của mình, ngài nói bài kệ: 1001. Người không có uê nhiêm, Luôn tâm câu thanh tịnh, Ác nhẹ như đầu lông, Xem nặng như mây trời. Rồi ngài nêu rõ sự xả ly của ngài đối với vấn đề sống chết: 1002. Ta không hoan hỷ chết, Ta không hoan hỷ sống, Ta sẽ bỏ thân này, Tỉnh giác và chánh niệm.18 1003. Ta không hoan hỷ chết, Ta không hoan hỷ sống, Ta sẽ bỏ thân này, Như thợ làm việc xong. Rồi khi thuyết pháp5 ngài nói lên những bài kệ:

14 Xem Kv. 256, Yathãkammũpagatanãnakathã (Vấn đề Thiên nhãn minh và hạnh nghiệp chủng sanh). 15 Chỉ cho Thiền thứ tư. 16 Tham chiếu: Thag. V. 650; Ud. 27, Sãrỉputtasutta (Kinh Sãriputta); Xuất diệu kỉnh uSa-mon phẩnf, (T.04. 0212.33. 0764c 15); Pháp tập yếu tụng kỉnh uBật-sô phẩm,, iế (r04. 0213.32. 0796bl6). 17 Xem Thag. V. 651; J. III. 308; s. I. 440, Gandhatthenasutta (Kinh Kẻ trộm hương). 18 Xem 7%.V. 196 606, 655.

1004. Cả hai, chết không chết, Sau đời hay trước đời,19 Hãy dấn thân tiến bước, Chớ để hư uổng phí, Dâu một khăc sát-na, Chớ để uổng phí qua.2021 1005. Như ngôi thành biên địa, Được bảo vệ trong ngoài, Như vậy hộ tự ngã, Chớ để phí sát-na, Sát-na qua sâu muộn, Chịu khổ trong địa ngục. Rồi một hôm, thấy Tôn giả Mahãkotthita, ngài nói lên ba câu kệ tán thán khả năng tốt đẹp của Mahãkotthita: 1006. Đạt tịch tịnh, chỉ tức, Đọc chú, không công cao, Quét sạch các ác pháp, Như gió quét lá cây. 1007. Đạt tịch tịnh, chỉ tức, Đọc chú, không công cao, Gạt ngoài các ác pháp, Như gió quét lá cây. Đạt tịch tịnh an lặng, Ý trong sáng không nhiễm, Bậc trì giới trọn lành, Có thể dứt đau khổ. Câu kệ tiếp nói về các Tỷ-kheo xứ Vạjjĩ tin tưởng ở Devadatta và chấp nhận giáo lý của Devadatta: 1008. Có người không ai tin, Tại gia hay xuất gia, Những ai trước là tốt, về sau trở thành xấu, Hoặc trước là người xâu, Sau trở thành người tốt. 1009. Hạng Tỷ-kheo tham dục, Sống hôn trầm thụy miên, Trạo cử và nghi ngờ, Tam đu năm phiên não/1 1010. Với ai, đối cả hai, Được trọng, không được trọng, Thiền định không dao động, An trú không phóng dật. 1011. Thiền tư luôn kiên trì, Tuệ quán kiến tế nhị, Ưa thích chấp thủ diệt, Vị ấy gọi chân nhân.22 Để phân biệt sự sai khác, lấy Bổn sư và mình làm thí dụ9 ngài nói lên những bài kệ như sau: 1012. Biển lớn và đất lớn, Núi và các phương trời, Không ví dụ sánh được, Phật, giải thoát thù thắng. 1013. Trưởng lão chuyển pháp luân, Bậc Đại trí thiền định, Như đất, nước và lửa, Không tham, không ghét bỏ.

19 Đứng giữa đời sống, nhìn về phía trước khi còn trẻ, nhìn về phía sau khi sẽ già. 20 Tham chiếu: Thag. V. 645; Thĩg. V. 5; A. IV. 225, Akkhanasutta (Kinh Không phải thời); Dh. V. 315; Sn. 57, Utthanasutta (Kỉnh Đứng d);Pháp củ kỉnh t4Địa ngục phẩm,, (T.04. 0210.30. 0570^5); Xuất diệu kinh^^ịệrn (T.04. 0212.6. 0649a06); Pháp tập yếu tụng kinh 4tÁi lạc 6n” (T.04. 021*5. 0779c23). 21 Xem Thag. V. 74; A. V. 16, Pancangasutta (Kinh Năm chỉ phần). 22 Xem s. II. 231, Sagãthakasutta (Kỉnh Có kệ); It. 73, Sakkãrasutta (Kỉnh Cung kỉnh).

1014. Đạt được tuệ tối thắng, Đại giác, đại Mâu-ni, Không chậm, tỏ chậm chạp,23 Thường sống thật thanh lương. Để nêu rõ bổn phận của mình đã làm xong, ngài nói: 1015. Ta hầu hạ Bổn su, Lời Phật dạy làm xong, Gánh nặng đã đặt xuống, Gốc sanh hữu nhổ sạch.24 Và khi sắp nhập Niết-bàn, ngài giảng dạy các Tỷ-kheo đang tụ họp xung quanh như sau: 1016. Tinh cần, chớ phóng dật? Đây lời giáo huấn Ta! Ta sẽ nhập Niết-bàn, Ta thoát mọi sanh y.25

§260.KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO ÃNANDA (Ẫnandattheragãthẩ) (Thag. 91; ThagA. III. 109) Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong gia đình Thích-ca Amitedana. Vì các bà con nói ngài sanh ra đem đến sự hoan hỷ cho gia đình nên được đặt tên là Ãnanda (Khánh Hỷ). Khi lớn lên, các sự kiện xuất gia, giác ngộ, chuyển pháp luân được diễn ra; và sau khi Thế Tôn viếng thăm Kapilavatthu, ngài xuất gia với Bhaddiya cùng các người khác và được Thế Tôn tế độ cho. Sau khi nghe bài thuyết pháp của Punna Mantãniputta, ngài chứng được Sơ quả. Trong hai mươi năm đâu, Thê Tôn không có thị giả riêng, khi thì Nãgasamãla, Nãgita, Upavãna, Sunakkhatta, khi thì Sa-di Cunda, Sãgata, Meghiya. Thế Tôn không có lựa chọn ai làm thị giả đặc biệt. Sau khi Thế Tôn đã năm mươi sáu tu6i, gợi ý muôn có một thị giả thường trực, có Tỷ-kheo đê nghị Ananda; và Ãnanda chỉ nhận lời nếu Thế Tôn chịu từ chối bốn việc và chấp nhận bốn việc. Từ chối không cho Ãnanda: Y, đồ ăn, một phòng riêng và mời ăn; vì nếu không từ chối thời Ãnanda bị hiểu lầm là hầu hạ Thế Tôn để được y, đồ ăn khất thực, phòng xá và mời ăn. Chấp nhận cho Ãnanda bốn việc: Nếu Ãnanda được mời ăn? Thế Tôn bằng lòng đi dự; Thế Tôn bằng lòng gặp những người từ xa đi đến và do Ãnanda giới thiệu; Thế Tôn chấp nhận cho Ảnanda yết kiến nếu Ãnanda gặp phân vân khó xử; Thế Tôn sẽ giảng lại những giáo lý Ngài dạy khi Ãnanda vắng mặt. Nếu Thế Tôn không chấp nhận bốn điều này, thời sự hầu hạ của Ãnanda không đem lại thiện quả gì. Thế Tôn chấp nhận điều Ãnanda yêu cầu. Từ hôm ấy, Ãnanda hầu hạ Thế Tôn, đem nước, đem tăm xỉa răng, rửa chân, đi theo Thế Tôn, quét phòng cho Thế Tôn. Ban ngày, Ãnanda ở một bên đức Phật, nhăc nhở những điêu cân làm; ban đêm câm đèn và gậy đi xung quanh phòng đức Phật, sẵn sàng đáp ứng nếu Thế Tôn có gọi. Thế Tôn ở tại Jetavana, xác chứng Ãnanda là vị Tỷ-kheo đệ nhất về năm phương diện: Đa văn, tâm tư

23 Vì Ngài sống giản dị nên có vẻ chậm chạp. 24 Xem Thag. V.604, 656, 687, 792, 891, 918, 1053, 1091, 1194. 25 Xem Thag. V. 658.

cảnh giác, sức mạnh đi bộ, lòng kiên trì và sự hầu hạ chu đáo. Như vậy, Ãnanda, sau khi Thế Tôn nhập diệt vẫn chưa chứng quả A-la-hán; và đêm trước khi kỳ kết tập thứ nhất được tổ chức, ngài phát tâm tinh cần, tinh tấn thiền quán suốt đêm trong mái hiên, nhimg vân chưa có hiệu quả. Rôi ngài vào phòng ngôi trên giường, muôn năm xuông và khi đâu chưa đụng chiêc gôi? chân chưa rời khỏi đât, trong khoảng thời gian ây, ngài chứng được quả A-la-hán. Rôi ngài bước vào phòng kêt tập. Các câu kệ của ngài được góp thâu lại và để vào trong tập Trưởng lão Tăng kệ. khi Khuddaka Nikãya (Kinh Tiểu bộ) được tụng đọc. Những bài kệ đầu được nói lên, khi ngài khuyên các Tỷ-kheo thường thân cận với kẻ theo Devadatta: 1017. Hai lưỡi và phẫn nộ5 Xan tham, thích phá hoại, Bậc trí không giao du, Kẻ ác, bạn kẻ xấu.26 1018. Với bậc tín dễ thương, Với bậc trí nghe nhiều, Bậc hiền trí giao du, Kẻ thiện, bạn chân nhân.27 Các bài kệ sau được nói lên cho nữ cư sĩ Uttarã, vì cô đẹp nên thiên về dục vọng và được nói lên để cô thấy sự mỏng manh của thân cô. Có người nói các bài kệ này nói lên cho những ai đắm say Ambapãlĩ: 1019. Hãy xem bóng trang sức, Nhóm vết thương tích tụ, Bệnh hoạn nhiều tham tưởng, Nhưng không gì trường cửu. 1020. Hãy nhìn sắc trang sức, Với châu

báu vòng tai, Bộ xương, da bao phủ, Sáng chói nhờ y phục. 102m28 Chân sơn với son, sáp, Mặt thoa với phấn bột, Chỉ mê hoặc kẻ ngu, Không mê bậc cầu giác... Hai câu kệ tiếp được vị Trưởng lão nói lên khi chứng quả A-la-hán đêm ấy trên giường của mình: 1024. Nghe nhiều, diễn thuyết giỏi, Thị giả bậc Giác Giả, Gánh nặng đã đặt xuông, Ràng buộc được thoát ly, Bậc họ Gotama, Đặt lưng nằm xuống nghỉ. 1025. Các lậu hoặc đoạn tận, Ràng buộc được thoát ly, Mọi chấp trước vượt qua, Khéo đạt được thanh lương, Gánh vác thân cuối cùng, Đến bờ kia sanh tử.29 1026. Pháp an trú trong ấy, Phật, Bà Con Mặt Trời, Trên đường đến Niết-bàn, Gotama an trú.

26 Tham chiếu: Xuấtdiệu h^^Thânphẩm"(7.04. 0212.26. 0727b09); Pháp tập yếu tụng kinh t4Thiện hữu phẩm'(T.04. 0213.25. 0789c25). 27 Như trên. 28 Ba vần kệ này đã được đề cập phía trên (771-73) và phía dưới (1162-64). 29 Kệ 1019-25, xem Thag. V. 769-75, 1160-66.

1034 KINH TIỀU Bộ

Một hôm, Moggallãna người chăn bò, hỏi ngài lời dạy của đức Phật là gi, có bao nhiêu giáo lý tất cả. Vị Trưởng lão trả lời: 1027. Ta nhận từ đức Phật, Tám mươi hai ngàn pháp, Còn nhận từ Tỷ-kheo? Thêm hai ngàn pháp nữa, Là pháp ta chuyển vận. Một hôm, vị Trưởng lão nói cho một người sông bê tha phóng đãng vê sự nguy hiểm của một đời sống không có văn hóa, giáo dục: 1028. Người ít nghe, ít học, Lớn già như con bò, Những thịt nó lớn lên9 Trí tuệ nó không lớn.30 Những bài kệ tiếp nói cho vị Tỷ-kheo khinh khi những người ít học, thua mình: 1029. Người học nhiều khinh miệt, Kẻ học ít về học, Như người mù mang đèn, Ta co ý là vậy. 1030. Hãy kính người nghe nhiêu, Chớ hại điều sở học, Đấy cội gốc Phạm hạnh, Do vậy hãy trì pháp. 1031. Biêt câu trước câu sau, Biết nghĩa, giỏi từ C1Ì, Nắm giữ điều khéo nắm, Suy tìm trên nghĩa lý. 1032. Chính nhờ đức kham nhẫn, Sở nguyện được tác thành, Sau khi đã tinh tấn, Vị ấy lại cân nhắc, Đúng thời ra nỗ lực, Nội tâm khéo định tĩnh. 1033. Nghe nhiều, thọ trì pháp, Có tuệ, đệ tử Phật, Chờ đợi thức tri pháp, Nên thân cận vị ấy. 1034. Nghe nhiều, thọ trì pháp, Hộ tạng Đại Ẩn Si, Cặp mắt toàn thế giới, Hãy lễ vị nghe nhiều. 1035. Ưa pháp, vui thích pháp, Luôn suy tư Chánh pháp, Tỷ-kheo nhớ niệm pháp, Diệu pháp không tổn giảm.31 Một hôm, ngài đôc thúc vị Tỷ-kheo dao động, biêng nhác như sau: 1036. Thân ích kỷ nặng chăng, Không có ưa hoạt động, Thời gian mòn mỏi qua, Không thể đứng dậy sao? Tham đắm theo thân lạc, Từ đâu Sa-môn lạc? Những câu kệ sau, Trưởng lão Ãnanda đọc lên khi nghe tin Sãriputta mạng chung:

30 Tham chiếu: Dh. V. 152, 364; It, 81, Dhammanudhammapatipannasutta (Kinh Tuần tự hành trì giảo pháp); Pháp củ kinh uLão mạo phanf9 (7.04. 0210.19. 0565Ồ25); Pháp củ thỉ dụ kinh VtQuang diãi phẩm,, rã (7L04. 0211.29. 0598a24). 31 Tham chiếu: Dh. V. 364; It. 81; .3n phAm” (r04. 0210.34. 0571c29); Xuất diệu kỉnh "Sa^ỊpÔỊiphẩọi"(T.04. 0212.33. 0764c 15); Pháp tập yếu tụng kinh “Bat.s6 ph”(r.04. 0213.32. 0796b 16).

TRƯỞNG LÃO TĂNG KỆ 1035

1037. Mọi phương đều mờ mịt, Pháp không khởi nơi ta, Người bạn tốt đã đi, Tối tăm dường lan khắp. 1038. Người bạn đã đi qua, Đạo sư đã đi qua, Bạn như vậy không còn, Như quán thân hành niệm 1039. Các vị xưa đã qua, Vị mới, ta không hạp, Nay một mình ta thiền, Như chim khi mưa đến. Câu kệ tiếp là của bậc Đạo sư. Câu tiếp là của Ãnanda hoan hỷ làm theo lời vị Đạo sư: 1040. Từ các địa phương khác, Nhiều người yết kiến Ta, Chớ ngăn họ nghe pháp, Nay thời họ gặp Ta. 1041. Từ các địa phương khác, Bổn sư cho họ dịp, Để được yết kiến Ngài, Bậc Có Mắt không c6, Từ chối ngăn chặn ai. Năm câu kệ tiếp nêu rõ ngài là bậc Thị giả đệ nhất: 1042. Trải hai mươi lăm năm5 Ta chỉ là Hữu học, Dục tưởng không khởi lên, Hây xem pháp, pháp tánh. 1043. Trải hai mươi lăm năm, Ta chỉ là Hữu học, Sân tưởng không khởi lên, Hãy xem pháp, pháp tánh. FTp _ 1 Ạ 1 _ rfll Ạ FT-1 A _ 1044. Trải hai mươi lăm năm, Ta hâu ha The Ton, Với thân nghiệp từ hòa, Như bóng không rời hình. 1045. Trải hai mươi lăm năm5 Ta hâu hạ The Tôn, Với khẩu nghiệp từ hòa, Như bóng không rời hình. 1046. Trải hai mươi lăm năm, Ta hâu hạ The Tôn, Với ý nghiệp từ hòa, Như bóng không rời hình. 1047. Khi đức Phật kinh hành, Ta đi theo sau lưng, Khi pháp được thuyết giảng, Trí khởi lên nơi ta. 1048. Ta vẫn còn là người, Có việc cần phải làm, Ta chỉ là Hữu học, Tâm ý chưa chứng đạt, Đạo sư nhập Niết-bàn, Ai sẽ từ mẫn ta! 1049. Như vậy thật khủng khiếp, Như vậy thật kinh hoàng, Khi bậc Toàn Tuyệt Hảo, Đại Giác nhập Niết-bàn!32 Ba câu kệ tiếp, do các vị dự kỳ kết tập thêm vào để tán thán Trưởng lão Ãnanda: 1050. Nghe nhiều, thọ trì pháp, Hộ tạng Đại Ẩn Sĩ, Cặp mắt toàn thế giới, Ãnanda nhập Niết-bàn.

32 Xem D. II.,72, Mahãparỉnỉbbãnasutta (Kỉnh Đại Bát-niết-bàrì), số 16; s. I. 157, Parinỉbbãnasutta (Kinh Bắt-nỉết-bàn)', J. VI. 481, Vessantarcỳãtaka (Chuyện Đại vương Vessantarà), sô §547.

1051. Nghe nhiều, thọ trì pháp, Hộ tạng Đại Ẩn Si, Cặp mắt toàn thế giới? Đoạn ám chỗ tối tăm. 1052. Ngài là bậc Ẩn sĩ, Với hành vi tuyệt hảo, Với chánh niệm tuyệt hảo, Với kiên trì tuyệt hảo, Thọ trì Chơn diệu pháp, Là Trưởng lão Ãnanda, Là kho tàng sống động, Đây châu báu ngọc ngà. Câu kệ này được Ãnanda nói lên [nằm trên giường trong giờ phút cuối cùng: 1053. Ta hầu hạ Bổn su, Lời Phật dạy làm •>xong, r Gánh nặng đã đặt xuông, Gôc sanh hữu nhô sạch.

CHƯƠNG XVIII BỐN MƯƠI KỆ (cattàlĩsanipẢta) §261. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO MAHÃKASSAPA (Mahãkassapattheragãthấ) (Thag. 94; ThagA. III. 121) Bậc Đạo sư đã ra đời? đang chuyên pháp luân và ở tại Rậịagaha (Vương Xá); khi ấy, tại làng Bà-la-môn Mahãtittha ở Rajagaha, ngài ra đời tên là Pippalimãnava, con bà vợ chính của Bà-la-môn Kapila. Pippalimănava không chịu lập gia đình, xin ở nhà để hầu hạ cha mẹ, sau khi cha mẹ chết sẽ xuất gia. Đê làm cho bà mẹ băng lòng, ngài cho làm tượng một thiêu nữ trẻ đẹp mặc áo đỏ và đeo đô trang sức và nói với bà mẹ răng nêu bà tìm cho được một thiêu nữ như vậy, ngài sẽ chịu lập gia đình. Bà mẹ sai các người Bà-la-môn đem theo tượng ây và tìm cho được một thiêu nữ giông như vậy. Họ đên Sãgala, đặt tượng trên bờ sông và ngồi xuống xa bức tượng. Người vú của Bhaddã, sau khi tắm cho

Bhaddã lại xuống sông tắm cho mình, thấy bức tượng tưởng là Bhaddã và nói Bhaddã sao lại thiếu giáo dục như vậy, đánh cô nơi má và biết được đó không phải là Bhaddã mà chỉ là một bức tượng bằng vàng. Các Bà-la-môn được đưa về nhà, được thấy Bhaddã, nhận ra Bhaddã giống như bức tượng và đưa tin về nhà Kapila. Nhưng cả hai Pippalimãnava và Bhaddã đều không muốn lập gia đình, nên cả hai viết thư cho nhau nói rõ quyết định của mình. Hai người đưa thư gặp nhau giữa đường, đưa thư cho nhau coi, đánh tráo hai bức thư khác, và do vậy đám cưới được cử hành. Nhimg đêm tân hôn, hai người nằm cách nhau với một giấy hoa. Khi cha mẹ mạng chung, cả hai quyết định cùng nhau xuất gia. Hai người cùng mặc y vàng, cắt tóc, mang bình bát, trước cùng đi với nhau, sau thấy bất tiện nên từ giã nhau, Pippalimãnava đi phía mặt, Bhaddã đi phía đường bên phía trái. Trước giới đức như vậy, quả đất rung động và Thế Tôn biết được nguyên nhân nên ra ngồi giữa đường từ NãỊandã đến Rajagaha. Gặp Thế Tôn, Mahãkassapa đảnh lễ Thế Tôn, tôn Thế Tôn là bậc Thầy, tự nhận mình làm đệ tử. Cả hai về lại Magadha và Mahãkassapa tu tập mười ba hạnh Đầu-đà. Đến ngày thứ tám, ngài chứng quả A-la-hán. Bậc Đạo sư tuyên dương ngài là Đầu- đà đệ nhất. Và ngài nói lên kinh nghiệm của mình để giáo huấn các vị Tỷ-kheo.

1038 KINH TIỀƯ Bộ

Thấy các Tỷ-kheo ưa sống với quần chúng và hay đến các nhà cư s[ngài nói: 1054. Chớ du hành di dầu, Do quân chúng tôn xưng, Tâm ý bị loạn động, Thiền định khó tu chứng, Quần chùng tụ lằ khổ, Thây vậy, tránh quân chúng. 1055. Bậc Ẩn sĩ không di, Đi đến các gia đình, Tâm ý bị loạn động, Thiền định khó tu chứng, Ai hăng say tham vị, Bỏ đích đem an lạc. 1056. Đảnh lễ cúng dường này, Xuất phát từ gia đình, Nên biết họ thực sự, Như vũng bùn, sa lây. Như mũi ten tể nhị? Rất khó rút ra khỏi, Kẻ xấu rất khó lòng, Từ bỏ sự cung kính.1

Một lời khuyên các Tỷ-kheo hãy biêt đủ với bôn vật dụng cân thiêt: 1057. Từ trú xứ bước xuống, Ta vào thành khất thực, Ta cẩn thận đến gần5 Một người cùi đang ăn.12 1058. Với bàn tay lở loét, Nó bỏ vào một muỗng, Khi bỏ vào muỗng ấy, Ngón tay rời rơi vào. 1059. Dựa vào một chân tường, Ta ăn miếng ăn ấy, Đang ăn và ăn xong, Ta không cảm ghê tởm. 1060. Miếng ăn đứng nhận được, Xem như thuốc tiêu hôi, Chỗ nằm dưới gốc cây, Vày từ đống rác, Ai thọ dụng chúng được, Được gọi người bốn phương.

III về sau, khi được hỏi tại sao ngài già như vậy lại có thể hằng ngày leo lên đồi núi, ngài trả lời: 1061. Khi họ leo núi đá, Một số bị mạng chung, Thừa tự bậc Giác Ngộ, Tỉnh giác và chánh niệm, Dựa trên sức thần lực, Kassapa leo núi. 1062. Đi khất thực trở về, Ca-diếp leo tảng đá? Ngồi thiền, không chấp thủ, Đoạn sợ hãi, kinh hoàng. 1063. Đi khất thực trở về, Ca-diêp leo tảng đá, Ngồi thiền, không chấp thỈL, Đã đốt cháy, thanh lương. 1064. Đi khất thực trở về, Ca-diếp leo tảng đá, Ngồi thiền, không chấp thủ, Xong việc, không lậu hoặc.

1 Xem Thag. V. 126, 495. 2 Kệ 157-59, xem Mỉỉn. 395, Jarasigalangapanho (Câu hỏi về tỉnh chất của loài chó rừng già).

TRƯỞNG LÃO TÀNG KỆ 1039

IV Sau khi được hỏi thêm, vì sao khi lớn tuổi ngài vẫn ở trên núi rừng, Trúc Lâm hay các tinh xá không làm cho ngài thích ý chăng? Ngài trả lời: 1065. Khu đất thật khả ái, Với những vòng tràng hoa, Hoa tên Kareri,3 Trải rộng ra cùng khắp, Với voi rú khả ý? Đồi núi ấy ta thích. 1066. Những hồ nước trong mát5 Tuyệt đẹp màu mây xanh, Che kín bởi loài bọ, Tên "kẻ chăn Inda",4 Những ngọn núi đá ây, Làm tâm ta thích thú. 1067. Giống đồi mây xanh biếc, Ví tháp đẹp? lâu đài, Với vượn hú khả ý, Đồi núi ấy ta thích. 1068. Đất bằng thật khả ái, Được mưa ướt thấm nhuần, Đôi núi được ân si, Làm thành nơi trú xứ, Vang lên tiếng chim công, Đồi núi ấy ta thích. 1069. Vừa đủ? ta chánh niệm, Hăng hái muôn tu thiên, Vừa đủ, ta Tỷ-kheo? Hăng hái muốn phước lợi. 1070. Vừa đủ, ta Ty-kheo, Hăng hái muốn an lạc, Vừa đủ, ta Tỷ-kheo5 Hăng hái tu Du-già. 1071. Tràn đầy hoa cây gai, Như trời phủ làn mây, Đầy mọi loài chim chóc, Đồi núi ấy ta thích. 1072. Không đông chúng gia chủ, Chỗ trú xứ đoàn thú, Đầy mọi loài chim chóc, Đồi núi ấy ta thích. 1073. Dưới vách đá, tảng đá, Có nước suối trong chảy, Có khỉ và có nai, Lai vãng sông gân bên, Cỏ cây bao trùm nước, Đồi núi ấy ta thích.3 456 1074. Người vậy không ưa thích, Cả năm loại nhạc khí, Khi đã được nhất tâm, Chơn chánh thiền quán pháp. V Khi khuyên bảo các Tỷ-kheo thích thú các tục sự và tham các vật cúng dường cần thiết cho sự sống, ngài nói: 1075. Chớ làm quá nhiều việc5 Tránh quần chúng đua tranh, Người siêng tham đắm vị, Bỏ đích đem an lạc.7

3 Một loại hoa hay một loại cây leo, leo lên các ngọn cây cao rồi thòng xuống với nhiều chùm hoa.

4 Một loại bọ rầy có tên là "người chăn Inda."

5 Xem TTzag'v. 113,601.

6 Xem Thag. V. 398.

7 Xem Thag. V. 494.

1076. Chớ làm nhiều công việc, Tránh việc không lợi này, Thân cực nhọc mệt mỏi, Người khổ? không an chỉ. vr Các câu kệ sau được nói lên để khuyên bảo trong một vài trường hợp r 1077. Chỉ lắp bắp cái môi, Không thây được tự ngã, Cổ cứng đờ, nó đi, Nó nghĩ: "Ta tốt hơn." 1078. Không hơn nghĩ tốt hơn, Kẻ ngu nghĩ tự ngã, Bậc trí không tán thán, Người có trí cứng đờ. 1079. Ta tốt hơn hay là, Ta không được tốt hơn, Hay là ta dở hơn, Ta cũng tốt như vậy? Ai không có dao động, Trong các loại mạn này. 1080. Có tuệ nói như thật, Khéo định tĩnh trong giới, Đạt được tâm an chỉ, Người ấy, bậc trí khen. 1081. Ai giữa đồng Phạm hạnh, Không có được kính trọng, Vị ấy xa Diệu pháp, Như đất xa bầu trời.8 1082. Những ai có tàm quý, Thường chơn chánh an trú, Phạm hạnh được tăng trưởng, Họ đoạn được tái sanh.9 1083. Tỷ-kheo cống cao, động, Dâu đăp y đông rác9 Như con khỉ đội lốt, Với da con sư tử, Người vậy không có thê, Chói sáng nhờ y ấy. 1084. Không cống cao, không động, Thận trọng, căn chế ngự? Chói sáng với tâm y, Được lượm từ đống rác, Chẳng khác con sư tử, Trong hang động núi rừng. VII Khi thây chư Phạm thiên đảnh lê ngài Sãriputta và thây Trưởng lão Kappina mỉm cười, ngài nói: 1085. Rất nhiều chư thiên này, Có thần thông, lừng danh, Cả mười ngàn chư thiên, Tất cả Phạm chúng thiên. 1086. Đứng đảnh lễ, chắp tay, Đối ngài Xá-lợi-phất? Vị Tướng

quân Chánh pháp, Sáng suốt đại thiền định: 1087. "Đảnh lễ bậc Thượng sanh, Đảnh lễ bậc Tối thượng. Dựa vào gì thiền tu, Chúng tôi không thắng trí.10

8 Xem Thag. V. 278. 9 Xem It. 36, Sukkadhammasutta (Kỉnh Pháp trắng). 10 Xem s. III. 86, Khajjaniyasutta (Kỉnh Đảng được ăn); A. V. 322, Saddhasutta (Kỉnh Saddhă).

TRƯỞNG LÃO TÀNG KỆ 1041

1088. Kỳ diệu thay chư Phật! Hành xứ Ngài thâm sâu, Chúng con không nghĩ được, Dầu chúng con hội đủ, Tài nghệ người bắn cung, Có thể chẻ sợi t6c." 1089. Khi thấy Xá-lợi-phất? Xứng đáng được đảnh lễ, Được Phạm thiên chúng ây, Đảnh lễ, kính như vậy, Tôn giả Kappina, Liền mỉm cười vui vẻ. VIII Trưởng lão Kassapa rông lên tiêng rông sư tử của mình: 1090. Trong đám ruộng đệ tử, Những vị theo đức Phật? Ngoại trừ bậc Tối Tôn, Đại Ẩn Sĩ Mâu-ni, Ta ưu việt Đầu-đà? Không ai bằng ta được. 1091. Ta hầu hạ Bổn su, Lời Phật dạy làm xong, Gánh nặng đã đặt xuống, Gốc sanh hữu nhổ sạch.11 1092. Không nhiễm dính y phục, Chỗ nằm và đồ ăn? Không thể trắc lường được, Là con bậc Gotama! Như hoa sen trong sạch, Không thê dính nước vào, Ý thiên về xuất ly, Thoát ly cả ba giới. 1093. Với bậc Đại Ân sĩ9 Cổ dựng trên niệm xứ, Tay dựa trên đức tin, Với đầu là trí tuệ, Bậc Đại trí luôn luôn? Hành trì thật thanh lương.

11 Xem Thag. V. 604, 656, 687, 792, 891, 918, 1015, 1053, 1194.

CHƯƠNG XIX NĂM MƯƠI KỆ (^NẴSANIPẴTA)

§262. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO TÃLAPUTA (Tãlapuịattheragãthẩý (Thag. 97; ThagA. III. 144) Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình kịch sĩ, trở thành thiện xảo trong nghề diễn kịch, thích hợp với người trong gia tộc và trở thành lừng danh khắp Ấn Độ, là nhà lãnh đạo một ban hát với năm trăm nữ nhân. Với sự huy hoàng của nghề kịch, ngài dự các lễ ở làng, ở thị trấn, ở cung điện vua, rất được sủng ái và danh tiếng. Khi ngài trình diễn ở Rậịagaha với nhiều thành công, ngài đến yết kiến đức Phật và hỏi có phải một kịch sĩ khi trên sân khấu giả danh sự thật, làm cho khán giả ưa thích, vui cười, người ây sau khi chêt được sanh vào chư thiên hay cười. Đức Phật ban đầu không trả lời. Đến khi hỏi lần thứ tư, đức Phật trả lời những ai khiến cho con người thiên về tình dục, tiêu cực tâm tư, hoang mang, khiên người ta mât nhiệt tình, người như vậy sau khi chêt sẽ sanh vào địa ngục. Nhxmg nếu có tà kiến thời bị sanh vào địa ngục và súc sanh. Tãlaputa khóc không phải vì đức Phật nói chỗ tái sanh, chỉ vì bị các kịch sĩ xưa lừa dối nói rằng kịch sĩ sẽ được sanh trong một đời sống hạnh phúc. Rồi Tãlaputa nghe lời đức Phật thuyết pháp, khởi lòng tin, xuất gia và sau một thời gian tu tập, chứng quả A-la-hán. Rồi nêu rõ với nhiều chi tiết, như thế nào ngài chế ngự và làm cho trong sạch tâm tư đi đến chỗ giác ngộ thâm sâu, ngài nói lên những câu kệ như sau: 1094. Ipii nào ta sẽ đến, Một mình không có hai, Ở trong những hang động, Của các loại núi rừng, Ta quán mọi sanh hữu, Tất cả là vô thường, Nay ta là như vậy, Khi nào ta sẽ vậy? 1095. Khi nào ta sẽ là, Ẩn sĩ mang y vá, Mang y vải màu vàng, Không của ta, không ái,

1 Tham chiếu: Thag. V. 77; Dh. V. 326; Pháp cú kinh "Tượng dụyhm" (7.04. 0210.31. 0570b 10); Phảp9 CU thỉ dụ kỉnh pham,, (7.04. 0211.31. Ờ599cồ2); Xuấi

diệu kinh âmy pN (T.04. 0212.32. 0758cl2); Phap tập yếu tụng kỉnh “H&tâm phẩm,, (rO4. 0213.31. 0795b06).

1044 KINH TIÈU Bộ

Đoạn trừ, diệt tham tâm5 Đoạn luôn cả sân, si, Ta đi đến khu rừng, Sẽ trú trong an lạc. 1096. Khi nào ta thấy được, Thân này là vô thường, Bị chết già áp bức, Ổ giết chóc, bệnh tật, Ta sẽ trú trong rùmg, Một mình quán vô úy, Khi nào sẽ là vậy? 1097. Khi nào ta sẽ lấy, Gươm sắc bén trí tuệ, Chặt dây leo khát ái, Với nhiều dây chằng chịt, Sanh khởi lên sợ hãi, Mang đến sự khổ đau, Khi nào sẽ là vậy? 1098. Khi nào ta sẽ là, Có sức mạnh rút gươm? Gươm do tuệ tạo thành, Là lửa sáng ẩn si, Với sức mạnh đập tan, Ác ma với ma quân, Trên chỗ ngồi sư tử, Khi nào sẽ là vậy? 1099. Khi nào ta sẽ được, Hội tụ với bậc thiện, Được thấy giữa các vị, Đảm nhận các trọng pháp, Tinh cần với các vị, Thấy sự vật như thật, Chiến thắng được các căn, Khi nào sẽ là vậy? 1100. Khi nào nhác, đói khát, Gió, nóng, trùng, bò sát, Sẽ không não hại ta, Ở Giribbaja, Đang lo đến tự ngã, Khi nào sẽ là vậy? 1101. Khi nào ta có thể, Chánh niệm, ngã định tĩnh, Hiểu được với trí tuệ, Bôn sự thật khéo giảng, Bởi bậc Đại Ẩn Sĩ, Khi nào sẽ là vậy? 1102. Khi nào ta sẽ chuyên, Chú tâm vào an chỉ, Thấy được với trí tuệ5 Sắc, thanh, hương, vị, xúc, Các pháp vô thường này, Như lửa cháy hừng đỏ, Khi nào ta sẽ vậy? 1103. Khi nào ta bị nói, Với lời nói thô ác, Không vì lý do ấy, Tâm trí bị thất vọng. Khi được lời tán thán, Không vì lý do ấy, Tâm tư được thỏa mãn, Khi nào ta sẽ vậy? 1104. Khi nào nhiều như củi, Cỏ, cây leo, thân cây, Ta cân nhắc bình đẳng, Những pháp vô lượng này, Nội pháp và ngoại pháp, Khi nào ta sẽ vậy? 1105. Khi nào mây đem mưa, Với nước mới trong rừng, Làm ướt y áo ta, Ta đi trên đường ướt, Con đường ẩn sĩ đi, Khi nào sẽ là vậy?

TRƯỞNG LÃO TĂNG KỆ 1045

1106. Khi nào nghe trong rừng, Tiêng kêu của loài chim, Chim công có mào dầu, Trong hang động núi rừng, Ta an trú suy tư, Để đạt quả bất tử, Khi nào ta sẽ vậy? 1107. Khi nào với thần thông, Ta có thể vượt qua, y

Không chìm, không sợ hãi, Sông Hăng, Yamunã, Sông Sarassatĩ, Với cửa sông hãi hùng, Với nước xoáy, vực sâu, Khi nào sẽ là vậy? 1108. Khi nào như con voi, Trên chiến trường tấn công, Ta sẽ phá tan tành, Lòng dục đối dục cảnh, Chuyên chú trong thiền định, Từ bỏ mọi tịnh tướng, Khi nào sẽ là vậy? 1109. Khi nào như người nghèo, Mắc nợ chưa trả được, Bị kẻ giàu thúc bách, Tìm ra được của chôn, Ta sẽ được thoải mái, Học được lời giảng dạy, Của vị Đại Ẩn Sĩ? Khi nào sẽ được vậy? 1110. Nhiều năm ta được ngươi, Yêu cầu làm như sau: “Nhu vậy là vừa rồi, Ngươi sống đời gia dinh", Nay ta đã xuất gia, Do vậy hỡi này tâm, Do vì lý do gì, Ngươi không có chuyên tâm? 1111. Này tâm, phải chăng ngươi, Yêu cầu ta như sau: "Tại Giribbaja, Loài chim có lông sáng, Đón chào với tiêng kêu, Sâm của Đại Indra, Hãy làm vị ấy vui, Đang tu thiền trong rừng.,, 1112. Trong gia đình, bạn bè, Người yêu và bà con, Các du hý ở đời, Các đối tượng của dục, Tất cả đều từ bỏ5 Ta chấp nhận thế này. Hỡi này tâm, ngươi không, Bằng lòng với ta chăng? 1113. Việc này chỉ vì ta, Đây không vì người khác, Khi đến thời vũ trang, Sao lại còn than khóc? Thế giới này toàn động, Chờ đợi là như vậy, Nên ta đã ra đi, Tìm cầu

đạo bất tử. 1114. Vị nói điều khó nói, Tối thượng loài hai chân, Bậc Y Vương vĩ đại, Đánh xe Điều ngự người, Với tâm không tham dục, Ngài khéo chế ngự được? Người khó lòng chế ngự, Chế ngự được tâm người, Vọng động như con vượn. 1115. Các dục có nhiều vẻ, Dịu ngọt rất khả ý? Ở đây, hàng phàm phu, Vô trí, bị trói buộc,

Họ muôn chịu đau khô, Khi họ tìm tái sanh, Dắt dẫn bởi tâm họ, Họ chết trong địa ngục. 1116. Trong khu rừng vang lên, Tiếng chim công, chim cò, Chỗ trú xứ ưu tiên, Của loài beo, loài cọp, Ngươi sống tại chỗ ấy, Chớ chờ đợi về thân, Chớ có quá đam mê. Này tâm, hãy khích lệ? Hãy khuyên ta như trước. 1117. Hãy tu thiền, căn5 lực, Hãy tu định giác chi, Hãy giác chứng Ba minh, Trong lời dạy đức Phật. Này tâm, hãy khích lệ, Hãy khuyên ta như trước. 1118. Hãy tu tập con đường, Để đạt được bất tử, Đường đưa đến thể nhập, Chỗ đoạn diệt mọi khổ? Con đường có tám ngành, Rửa sạch mọi uế nhiễm. Này tâm, hãy khích lệ, Hãy khuyên ta như trước. 1119. Hãy như lý quán sát, Các uẩn là đau khổ, Hãy từ bỏ xa ngươi, Những nguyên nhân đau khô, Ngay trong thời hiện tại, Hãy chấm dứt đau khổ. Này tâm, hãy khích lệ, Hãy khuyên ta như trước. 1120. Hãy như lý tuệ quán, Là vô thường, là khổ, Là không, là vô ngã, Là tà ác, sát hại, Hãy chế ngự tâm ngươi, Chớ để nó chạy loạn. Này tâm, hãy khích lệ, Hãy khuyên ta như trước. 1121. Trọc đầu và xấu sắc, Đi đến bị nguyền rủa, Khi khất thực gia đình, Tay cầm hình đầu lâu, Nay ngươi có chú tâm, Vào lời dạy Bổn sư, Vào lời Đại Ẩn sĩ, Này tâm, hãy khích lệ, Hãy khuyên ta như trước. , 1122. Hãy đi trên con đường, Tự ngã khéo chê ngự, Giữa các nhà, tâm ý, Không ái luyến các dục? Như trăng vào tháng tròn, Không có bợn mây mù? Này tâm, hãy khích lệ, Hãy khuyên ta như trước. 1123. Hãy sống trong rừng núi, Ản đồ ăn khất thực, Sống tại chỗ nghĩa địa, Mặc y lượm đống rác, Chỉ có ngồi không nằm, Luôn vui hạnh Đầu-đà. Này tâm, hãy khích lệ, Hãy khuyên ta như trước. 1124. Như người đã trồng cây, Liên tìm cho được trái, Nay ngươi ước muốn trái, Há chặt rễ cây sao? Này tâm, thật giống nhu, Ví dụ ngươi đã làm, Khi ngươi khích lệ ta, Trong vô thường dao động.

1125. Ngươi vô sắc, cô độc, Kẻ lữ hành từ xa, Nay ta sẽ không làm, Theo lời nói của ngươi. Các dục là khổ đau, Cay đắng, sợ hãi lớn, Tâm hướng vọng Niêt-bàn, Ta sẽ bước đi tới. 1126. Ta đi tới xuất gia, Không phải vì bất hạnh, Không đùa vô liêm sỉ, Không vì duyên tâm hứng, Không bị đày đi xa, Không vì nhân mạng sống, Khi ta đã bằng lòng, Này tâm đối với ngươi. 1127. ít dục được tán dương, Bởi những bậc chân nhân, Kể cả đoạn giả dối, Và an tịnh đau khổ. Như vậy hỡi này tâm, Khi ngươi khích lệ ta, Còn nay ngươi đi ngược, Điều ngươi trước quen làm. 1128. Khát ái và vô minh, Đáng thương và đáng ghét, Sắc đẹp và lạc thọ5 Dục trưởng dưỡng hấp dẫn, Tất cả đã quăng bỏ, Ta không có cố gắng, Đi đến một lần nữa, Những đồ đã quăng bỏ. 1129. Này tâm, khắp mọi nơi, Ta làm theo lời ngươi, Trải qua nhiêu đời sông, Ngươi không tức giận ta, Và thân nội sanh này, Là lòng ngươi biết ơn, Trên đường luân hồi dài, Khổ do chính ngươi tạo. 1130. Này tâm, chính ngươi làm, Tác thành con người ta, Chính ngươi làm ta thành, Thành một Bà-la-môn, Thành vua chúa hoàng tộc, Một ngày là người buôn, Ngày kia

thành nô tỳ, Hoặc thành loại chư thiên. Tất cả đều do ngươi, Chính do ngươi tác thành. 1131. Chính do nhân nhà ngươi, Chúng ta thành tu-la, Chính do ngươi tác thành, Ta rơi đáy địa ngục? Một thời thành súc sanh, Một thời thành ngạ quỷ. Tất cả đều do ngươi, Chính do ngươi tác thành. 1132. Ngươi sẽ không lừa ta, Nhiều lần, nhiều thời nữa, Như những người phù thủy, Bày các trò ảo thuật, Ngươi chơi lừa phỉnh ta, Như chơi với người điên. Này tâm, hãy nói ta, Chỗ nào ta lỗi lầm. 1133. Trước tâm này lang thang, Chạy chỗ này chỗ khác, Chạy chỗ nó ưa thích, Chạy chỗ nó vui sướng, r Nay ta chê ngự tâm, Với như lý tư duy, Như câu móc chê ngự, Nhiếp phục con voi rừng.2

2 Xem Thag. V. 77.

1134. Với ta? bậc Đạo su, Xác định đời vô thường, Đời không có trường cửu, Đời không có kiên thực. Này tâm, hãy đẩy ta, Nhảy vào lời Phật dạy, Khiến ta vượt bộc lưu, Rất khó được vượt qua. 1135. Điều này đối với tâm, Không như trước đây nữa, Ta không thể trở lại, Để bị người khống chế. Ta nay đã xuất gia, Trong pháp Đại An Si, Những người giống như ta, Không chấp nhận tổn thất. 1136. Rừng, biển, sông, đất liền, Bốn phương, phụ trên dưới, Tất cả là vô thường, Ba hữu là hoạn nạn. Này tâm, hãy đi đâu, Ngươi sẽ hưởng an lạc? 1137. Kìa, kìa, hỡi này tâm, Đích ta thật vững chắc, Ngươi sẽ làm được gì5 Khiến ta phải quay lại. Này tâm, ta đâu còn, Tùy thuộc thế lực ngươi, Không ai chịu xúc chạm, Cai bị có hai miệng, Gớm ghiếc thay cái vật, Đầy chín dòng chảy nước. 1138. Ôi, ngươi sẽ ưa sống, Trên đỉnh sườn núi cao, Chỗ ở đàn heo, nai, Hayr cảnh đẹp thiên nhiên, Hay trong núi rừng sâu, Thâm mát mưa nước mới, Tại đấy ngươi sẽ thích, Ngươi lấy hang làm nhà. 1139. Loài chim lông cô đẹp, Với mào đẹp, cánh đẹp, Với lông nhiêu màu săc? Đón chào tiêng sâm vang, Với tiếng kêu dịu ngọt, Chúng sẽ làm ngươi thích, Ngươi tu tập thiên định, Trong núi rùmg thâm sâu. 1140. Khi trời đổ mưa xuống, Trên đám cỏ bón phân, Và trong rừng nở hoa, Với đầu hoa như mây, Giữa rừng ta sẽ năm, Chăng khác gì khúc cây, Đối ta rất mềm dịu, Thật giông như giường bông. 1141. Như vậy ta sẽ làm, Giống như người chủ nhà, Những gì ta nhận được? Ta xem là vừa đủ, Như thợ da không nhác, Khéo làm cho nhuần nhuyễn, Cái bị bằng da mèo. 1142. Như vậy ta sẽ làm, Giống như người chủ nhà, Những gì ta nhận được, Ta xem là vừa đủ, Tinh tấn ta dẫn ngươi, Rơi vào thế lực ta, Như voi say bị nài, Khéo dùng móc chế ngự. 1143. Với ngươi khéo nhiếp phục, Khéo an trú vững vàng, Như người huấn luyện ngựa, Với con ngựa thuân thục,

Ta có thể dấn bước, Trên con đường an lành, Con đường được những vị, Hộ trì tâm thường dùng. 1144. Ta sẽ trói chặt ngươi, Vào đối tượng cần thiết, Như con voi bị dây, Trói chặt vào cây cột. Ta khéo hộ trì ngươi, Khéo luyện với chánh niệm, Nhờ vậy ngươi sẽ thành, Không dựa mọi sanh hữu. 1145. Với tuệ chặt tà đạo, Với lực chặn hướng chánh, Thấy tập khởi, diệt, sanh, Ngươi sẽ là thừa tự, Bậc thuyết pháp tối thượng. 1146. Này tâm, ngươi dẫn ta, Đến ngôi làng thô 16, Khiến trú vào thế lực? Của bốn tưởng điên đảo. Hãy đến, theo vị ấy, Vị chặt đứt kiết sử, Bậc có tâm đại bi, Bậc Mâu-ni vĩ đại. 1147.

Như loài thú tự do, Trong khu rừng đẹp đẽ, Ngươi vào núi xinh đẹp, Có mây làm vòng hoa, Tại đấy không có người, Trong rùmg ngươi sẽ thích. ĩ Này tâm, chăc chăn vậy, Ngươi sẽ đến bờ kia. 1148. Những ai còn rơi vào, Thế lực ý muốn ngươi, Nam nhân và nữ nhân, Hưởng an lạc ngươi cho, Không trí bị rơi vào, Trong thê lực Ac ma, Ai ưa thích sanh hữu, Sẽ là thuộc hạ ngươi, Hỡi này tâm của ta.

CHƯƠNG XX SÁUMƯƠIKỆ (SATTHINIPATA)

§263. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO MAHÃMOGGALLÃNA (Mahãmoggaỉỉãnattheragãthă) (Thag. 103; ThagA. III. 162) Cuộc đời của ngài được kể với cuộc đời của ngài Sãriputta.1 Sau khi xuất gia một tuân, ở gân làng Kallavãla tại Magadha, trong khi du hành ngài bị hôn trầm thụy miên và được Thế Tôn dạy: "Này Moggallãna, biếng nhác không giống với im lặng của bậc Thánh?9 Ngài liền tinh tấn chế ngự sự yếu đuối của mình. Khi chỉ nghe đề tài về các giới do đức Phật giảng dạy, ngài chứng được quả A-la-hán. Một thời, Thế Tôn ở tại Jetavana đã xác chứng ngài là bậc Thần thông đệ nhât. Các bài kệ của ngài được kêt tập như dưới đây:

Khích lệ các Tỷ-kheo: 1149. Chúng ta người ở rừng, Sống đồ ăn khất thực, Băng lòng với miêng ăn, Được bỏ rơi trong bát, Phá nát ma, ma quân, Nếu nội tâm khéo định. 1150. Chúng ta người ở rừng, Sống đồ ăn khất thực, Bằng lòng với miếng ăn, Được bỏ rơi trong bát, Dẹp sạch ma, ma quân, Như voi phá nhà lau. 1151. Chúng ta ở gốc cây, Nhẫn nại, tâm kiên trì, Băng lòng với miêng ăn? Được bỏ rơi trong bát, Phá nát ma, ma quân, Nếu nội tâm khéo định. 1152. Chúng ta ở gốc cây, Nhẫn nại, tâm kiên trì, Bằng lòng với miếng ăn? Được bỏ rơi trong bát, Dẹp sạch ma, ma quân, Như voi phá nhà lau. II Với một kỹ nữ muốn cám dỗ ngài:

1 Xem Thag. 89; ThagA. III. 91, Sãrỉputtattheragãthã (Kệ ngôn của Trưởng lão Sãriputtà), số §259.

1153. Với thân sườn băng xương, May dính với gân thịt, Gớm thay đầy hôi thối! Mang tay chân người khác, Làm thân thể của mình! 1154. Cái bị đựng đầy phân, Được da bao bọc lại, Ôi, con quỷ cái kia! Với vú bị ung nhọt, Thân ngươi chín dòng nước, Luôn luôn được tuôn chảy. 1155. Thân ngươi chín dòng nước, Hôi thối tạo trói buộc, Tỷ-kheo tránh thân ấy, Như kẻ sạch tránh phân. 1156. Nếu người khác biết ngươi, Như ta biết được ngươi, Người ấy tránh xa ngươi, Như khi mưa tránh phân. Người đàn bà ây cảm thấy hổ thẹn, đảnh lễ vị Trưởng lão rồi thưa: 1157. Thật là vậy, Đại hùng, Như Sa-môn, ngài nói: "d đây, co kẻ đắm, Như bò già trong bùn." Bậc Trưởng lão: 1158. Ai nghĩ có thể nhuộm, Bầu trời với màu nghệ, Hoặc với màu sắc khác, Kẻ ấy chỉ thất bại. 1159. Tâm ta giống trời ấy, Nội tâm khéo định tĩnh, Chớ đem ác tâm đến, Như chim rơi đống lửa. 1160. Hãy xem bóng trang sức, Nhóm vết thương tích tụ, Bệnh hoạn nhiêu tham tưởng, Nhimg không gì trường cửu. 1161. Hãy nhìn sắc trang sức, Với châu báu, vòng tai, Bộ xương, da bao phủ, Sáng chói nhờ y phục. 1162. Chân sơn với son, sáp, Mặt thoa với phấn bột, Chỉ mê hoặc kẻ ngu, Không mê bậc cầu giác. 1163. Tóc được uôn tám vòng, Măt xoa với thuôc son, Chỉ mê hoặc kẻ ngu, Không mê bậc cầu giác, 1164. Như hộp

thuốc mới sơn, uế thân được trang diểm, Chỉ mê hoặc kẻ ngu? Không mê bậc cầu giác. 1165. Thợ săn bày lưới sập, Nai khôn không chạm lưới, An môi xong, ta đi, Mặc kẻ săn nai khóc. 1166. Bay thợ săn bị cắt, Nai khôn không chạm lưới, Ăn mồi xong, ta đi, Mặc kẻ săn nai sầu.

2 Tham chiếu: Thag. V. 769-75, 1019-25; II. 54, RaỊthapãỉasutta (Kỉnh Ratthapãỉà), số 82; Dh. V. 147; Pháp củ kinh mạophẩĩĩf,(r.04. 0210.19. 0565Ồ25); Pháp củthỉ dụ kinh 4*Lao mạo phẩm,,(T.04. 0211.19. 05921>15);41121" (T.04. 0212.28. 0736006); Pháp tập yếu tụng kỉnh “Quá sát phẩm” (T.oi 0213.27. 0791b03).

TRƯỞNG LÃO TÀNG KỆ < 1053

III Khi được tin Trưởng lão Sãriputta viên tịch: 1167. Ôi, thật hãi hùng thay! Ôi, lông tóc dựng ngược! Bậc đủ nhiều đức tánh, Xá-lợi-phất nhập diệt. 1168. Các hành là vô thường, Có sanh phải có diệt, Sau khi sanh, chúng diệt, Nhiếp chúng là an lạc.3 IV Khi được tin Trưởng lão Sãriputta viên tịch: 1169. Những ai thấy năm uẩn, Là khác, không phải ngã, Họ quán thấu tinh tường, Như tên đâm ngọn tóc. 1170. Những ai thấy các hành, Là khác, không phải ngã, Họ quán thấu thuần thục, Như tên đâm ngọn tóc.

Nói về Trưởng lão Vaddhamana: 1171. Như bị kiêm chém xuông, Như bị lửa cháy đầu, Vị Tỷ-kheo xuất gia, Chánh niệm đoạn tham dục.45 1172. Như bị kiếm chém xuống, Như bị lửa cháy đầu, Vị Tỷ-kheo xuất gia, Chánh niệm đoạn tham hữu. VI Tuyên bố liên hệ đến Kỉnh Pãsãdakampana^ 1173. Được khuyên bảo bởi vị, Đã tu tập tự ngã, Mang thân này tối hậu, Với ngón chân ta làm, Rung chuyển cả lâu dài, Migãramãtu.6 VII Nói liên hệ với một Tỷ-kheo: 1174. Không với nhu nhược này, Không với ít lực này, Có thể chứng Niết-bàn, Giải thoát mọi buộc ràng.7 1175. Vị Tỷ-kheo trê này, Con người tối thượng này, Chiến thắng ma, ma quân, Mang thân này tối hậu.

3 Xem D. II. 72, Mahãparinibbãnasựtta (Kỉnh Đại Bắt-niết-bàn), số 16; D. II. 169, Níahãsudassanasutta (Kinh Đại Thiện Kiến vương), số 17; s. I. 5, Nandanasutta (Kinh Vườn Hoan rHỹ)\ s. II. 190, Vepullapabbatasutta (Kinh Nủi Vepullă)} s. I. 157, Parỉnibbãnasutta (Kỉnh Bắt-ỉỉiêt-bàny, J. I. 392, Mahăsudassancỳãtaka (Chuyện Vua Đại Thiện Kiến), số §95. 4 Xem Thag. V. 39, 40; s. I. 27, Sakalikasutta (Kỉnh Miếng đả vụn); s. I. 53, Vãsudattasutta (Kinh Vãsudattă). 5 Xem s. °. 269.

6XemS. V.269. 7 Kệ 1174-75 xem s. II. 277, Navasutta (Kinh Tân Tỷ-kheo).

1054 KINH TIỂU Bộ

VIII Vê đời sông viên ly của mình: 1176. Giữa đồi Vebhãra, Giữa đồi Pandava, Sét đánh vào hang động, Con bậc Vô Tỷ ấy, Đã đi vào hang núi, Đang ngôi nhập thiên định. IX Đi vào Rặjagaha (Vương Xá) để khất thực, ngài khuyến giáo người cháu của Sãriputta, một Bà-la-môn có tà kiến, người này thấy Ngài Đại Ca-diếp, cảm thấy ghê tởm như thấy một nữ thần bất hạnh: 1177. An tịnh và thoải mái, Ẩn sĩ trú vùng xa, Thừa tự Phật tối thắng, Được Phạm thiên tán thán. 1178. Hỡi này Bà-la-môn, Hãy đảnh lễ Ca-diếp, Ngài là con thừa tự, Bậc Giác Ngộ Tôi Thăng, Ẩn sĩ trú vùng xa, An tịnh và thoải mái. 1179. Vị trải

trăm đời sống, Đều thuộc dòng Phạm chí, Học giả giỏi Vệ-đà, Sanh tiếp tục làm người. 1180. Dầu là bậc Giáo sư, Thấu triệt ba Vệ-đà, Đảnh lễ vị như vậy, Chỉ giá một mười sáu. 1181. Vị ây trước bữa ăn, Thây được tám giải thoát. Thuận hướng và nghịch hướng, Rồi mới đi khất thực. 1182. Chớ có đến tấn công, Một Tỷ-kheo như vậy, Hỡi này Bà-la-môn? Chớ có đào tự ngã, Hãy khởi ý tín nhiệm, Vị La-han như vậy, Chắp tay đảnh lễ gấp, Chớ để đầu ông hỏng.

Khi khuyên giáo một Tỷ-kheo tên Potthila: 1183. Người không thấy Diệu pháp, Dan đâu ve luân hoi, Chạy theo hướng tà đạo? Đường cong không nên đi. 1184. Như con sâu dính phân, Say mê theo các hành, Đắm sâu vào lợi danh, Trống rỗng, hỡi Potthi. XI Tán thán Tôn giả Sãriputta: 1185. Hãy xem Tôn giả nay, Xá-lợi-phất đẹp sắc, Giải thoát cả hai phần, Nội tâm khéo định tĩnh. 1186. Không bị tên khát ái, Các kiết sử đoạn tậĩi? Ba minh đã đạt được, Sát hại xong thần chết, Đáng được người cúng dường, Là ruộng phước vô thượng.

TRƯỞNG LÃO TĂNG KỆ 1055

XII Do ngài Sãriputta nói lời tán thán Moggallãna: 1187. Có nhiều chư thiên này, Có thần lực danh xưng, Đến mười ngàn chư thiên, Tất cả Phạm Phụ thiên. Họ đứng chăp hai tay, Đảnh lễ Mục-kiền-liên: 1188. uĐảnh lễ Thượng sanh nhân! Đảnh lễ Vô thượng nhân! Lậu hoặc Ngài đã đoạn? Ngài xứng được cúng duờng."8 1189. Được trời, người đảnh lễ, Đã sanh, bậc thắng chết, Như sen không dính nước, Ngài không dính các hành. 1190. Vị trong một sát-na, Biết đời dưới ngàn cách, Chẳng khác Đại Phạm thiên, Tỷ-kheo ấy thiên tử, Đầy đủ thần thông lực, Thấy được những thời cơ, Chết sống của mọi loài.89 XIII Mahãmoggallãna nói lên, xác nhận khả năng của mình: 1191. Xá-lợi-phất với tuệ, Giới hạnh, an tịnh tâm, Tỷ-kheo đến bờ kia, Vị ấy thật tối thượng. 1192. Nhưng ta ngay giây phút, Đến trăm ngàn triệu lần, Biến hóa tự thân được, Ta thiện xảo biến hóa, Thuần thục với thần thông. 1193. Dòng họ Moggallãna, Sống thiền định, trí tuệ, Đi đến bờ bên kia, Không ái? giáo pháp đạt. Hiền trí, các căn tịnh, Chặt đứt các trói buộc, Như voi bựt đứt ngang, Dây leo đã mục nát. 1194. Ta hầu hạ Bổn su, Lời Phật dạy làm xong, Gánh nặng đã đặt xuống, Gốc sanh hữu nhổ sạch.1011 r 1195. Sanh của ta đã tận, Chiên Thăng dạy làm xong, Lưới danh được đoạn diệt, Gốc sanh hữu nhổ îên, Mục đích hạnh xuất gia, Bỏ nhà, sông không nhà, Đích ấy đã đạt được, Mọi kiết sử diệt xong.11 XIV La mắng Mãra đã vào và ra khỏi bụng ngài:

8 Xem Thag. V. 620, Suriĩtattheragãthã (Kệ ngồn của Trưởng lão Suriĩtà). 9 Xem Thag. V. 909. 10 Xem Thag. V. 604, 656, 687, 792, 891, 918, 1015, 1053, 1091. 11 Xem Thag. V. 135-36, 380, 605, 657, 793.

1056 KINH TIỂU Bộ

1196. Địa ngục ấy thế nào, Dũsi bị nấu sôi, Vì đánh Vidhura, Đệ tử Kakusandha.12 1197. Có trăm loại cọc sắt, Tự cảm thọ riêng biệt, Địa ngục là như vậy, Dũsi bị nấu sôi, Vì đánh Vidhura, Đệ tử Kakusandha. 1198. Tỷ-kheo đệ tử Phật, Hiểu biết rõ như vậy, Vì người đánh Tỷ-kheo, Kanha chịu khổ thọ. 1199. Dựng lên giữa biển cả, Cung điện trải nhiều kiếp, Bằng ngọc chói lưu ly, Huy hoàng cùng chiếu diệu, Tiên nữ múa tại đây,

Trang sức màu dị biệt. 1200. Tỷ-kheo đệ tử Phật, Hiểu biết rõ như vậy, Vì ngươi đánh Tỷ-kheo, Kanha chịu khổ thọ. 1201. Ai Thế Tôn khuyến khích, Chúng Tỷ-kheo chứng kiến, Với ngón chân rung chuyên, Lầu mẹ Migãra. 1202. Tỷ-kheo đệ tử Phật, Hiểu biết rõ như vậy, Vì ngươi đánh Tỷ-kheo? Kanha chịu khổ thọ. . 1203. Với ngón chân rung chuyên, Lầu Vejayanta, Đầy đủ thần thông lực, Chư thiên cũng hoảng sợ. 1204. Tỷ-kheo đệ tử Phật, Hiểu biết rõ như vậy, Vì ngươi đánh Tỷ-kheo? Kanha chịu khổ thọ. 1205. Ai hỏi vị Sakka, Tại lầu Vejayan(ta): “Hiền giả, ngươi có biết, Ái tận, được giải thoát?,, Sakka đã chân thành, Trả lời câu được hỏi. 1206. Tỷ-kheo đệ tử Phật, Hiểu biết rõ như vậy, Vì ngươi đánh Tỷ-kheo9 Kanha chịu khổ thọ. 1207. Ai từng hỏi Phạm thiên, Tại hội chúng Thiện Pháp: "Hiền giả nay vẫn chấp, Các tà kiến thuở xưa, Có thấy cảnh huy hoàng, Phạm thiên, cảnh thiên gi&i?" 1208. Brahmã đã chân thành, Tiếp tục đáp câu hỏi: "Tôn giả tôi không chấp, Các tà kiến thuở xưa. 1209. Tôi thấy sự huy hoàng, Phạm thiên, cảnh thiên giới, Sao nay tôi nói được, Tôi thường hằng, thường t,i?" 1210. Tỷ-kheo đệ tử Phật, Hiểu biết rõ như vậy, Vì ngươi đánh Tỷ-kheo, Kanha chịu khổ thọ.

12 Xem M. I. 332, Mãratajjanĩyasutta (Kỉnh Hàng mà), số 50.

TRƯỞNG LÃO TĂNG KỆ 1057

1211. Ai với sự giải thoát, Cảm xúc Cao sơn đảnh, Rừng Đông Videha, Và người nằm trên đất. 1212. Tỷ-kheo đẹ tử Phật, Hiểu biết rõ như vậy, Vì ngươi đánh Tỷ-kheo, Kanha chịu khổ thọ. 1213. Thật sự lửa không nghĩ: “Ta đốt cháy kẻ ngu", Kẻ ngu đột kích lửa, Tự mình bị thiêu cháy. r 1214. Cũng vậy này Ac ma, Ngươi đột kích Như Lai, Tự đốt mình, cháy mình, Như kẻ ngu chạm lửa. 1215. Ác ma tạo ác nghiệp, Do nhiễu hại Như Lai, Ngươi nghĩ chăng Ác ma, Ác quả không đến ta? 1216. Điều ác, Ác ma làm, Chất chứa đã lâu rồi, Ác ma hãy tránh Phật, Chớ vọng tưởng Tỷ-kheo 1217. Tỷ-kheo chống Ác ma, Tại rừng BhesakaIã, Vị dạ-xoa thất vọng, Biến mất tại chỗ ấy. Như vậy, Tôn giả Mahãmoggallãna nói lên những bài kệ.

CHƯƠNG XXI ĐẠI TẬP-BẢYMƯƠI MỐT KỆ (MAHẴNIPÃTA)

§264. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO VANGÍSA (yangĩsattheragãthã) (Thag. 109; ThagA. III. 180) Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sãvatthi trong một gia đình Bà-la-môn, được đặt tên là Vàồgĩsa và được dạy ba tập Vệ-đà. Ngài được trọng vọng cúng dường nhờ vào việc ngài gõ trên sọ người và biết được nơi tái sanh của người ấy. Các Bà-la-môn thấy Vàồgĩsa là một nguồn lợi dưỡng nên đem ngài đi chỗ này chỗ khác. Trong ba năm, Vàồgĩsa đoán nơi tái sanh của người đã mất trên các sọ người được mang đến và lấy tiền khoảng một trăm, một ngàn kahãpana (đồng tiền vàng) mỗi đầu người. Ngài nghe danh tiếng của Thế Tôn, muốn đến yết kiến Thế Tôn nhimg các Bà-la-môn ngăn lại. Vàốgĩsa không nghe, vẫn đi yết kiến đức Phật. Khi đức Phật hỏi Vaồgĩsa biết được nghề gì, ngài trả lời có thể đoán được sọ người bằng cách lấy móng tay gõ trên sọ và đoán được số mệnh người ấy trong ba năm. Thế Tôn bảo Vangĩsa đoán sọ người sanh vào địa n^ục, vào loài người, hàng chư thiên và một vị giải thoát. Vàỏgĩsa có thể đoán sô mạng ba hạng người kia nhưng đối với vị đã giải thoát thời không thể nói được gì. Cuối cùng, ngài yêu cầu Thế Tôn và được trả lời như sau: Ai biết

thật hoàn toàn, Sự sanh diệt chúng sanh, Không tham trước, Thiện Thệ, Giác ngộ đạt Chánh giác, Vị ấy Ta mới gọi, Chánh danh Bà-la-môn. Thiên, nhân, càn-thát-bà? Không biết chỗ sở thú, Lậu hoặc được đoạn trừ, Bậc ứng Cúng, La-hán, Vị ấy Ta mới gọi, Chánh danh Bà-la-môn.1 Sau khi nghe xong, Vàõgĩsa yêu cầu đức Phật dạy cho con đường đạt đến đích ấy, xin xuất gia và đức Phật bảo Trưởng lão Nigrodha Kappa độ cho xuất gia, rồi dạy cho pháp quán ba mươi hai bộ phận của thân và tuệ quán. Cuối cùng, ngài chứng quảA-la-hán, từ bỏ các Bà-la-môn cũ, dùng nhiều lời tán thán Thế Tôn2 và đức Phật xác chứng ngài là vị Tỷ-kheo Đệ nhất về thuyết pháp.1 2

1 Xem M. IL 196, Vãsetthasutta (Kinh Vãseṭịhă), số 98; Sn. V. 643-44. 2 Xem s. I. 185, Nikkhantasutta (Kinh Xuất ỉy).

Những điều ngài nói lên trước và sau khi chứng quả A-la-hán được kết tập bởi ngài Ãnanda và các vị khác trong kỳ kết tập thứ nhất như sau:

Khi còn là Sadi, sau khi bị ảnh hưởng vì thấy nhiều thiếu nữ mặc áo đẹp ngài nói lên những cảm thọ được nhiếp phục của ngài: 1218. Với ta đã xuất gia, Bỏ nhà, sống không nhà, Tư tưởng này chạy loạn, Khởi lên từ hắc ám. 1219. Nhà bắn cung thiện xảo? Thượng sanh giỏi cung pháp, Ngàn người băn khăp phía, Không nao núng chút nào. 1220. Nếu phụ nữ có đến, Dầu nhiều hay đông hơn, Sẽ không dao động ta, Vì ta trú Chánh pháp. 1221. Chính ta từng được nghe, Phật, Dòng Họ Mặt Trời, Giảng đạo hướng Niết-bàn, Ở đây ý ta thích. 1222. Như vậy ta an trú, Ác ma, ngươi có đến, Ta sẽ làm như vậy, Ngươi không thấy đường ta.

Được nói khi nhiêp phục các cảm thọ của mình như sân hận, v.v... 1223. Ta bỏ lạc? bất lạc, Mọi tâm tư gia sự, Không tạo một chỗ nào, Thành cơ sở tham dục, Ai thoát rừng ly tham, Mới xứng danh Tỷ-kheo. 1224. Phàm địa giới, không giới, Cả sắc giới trong đời, Đeu biến hoại vô thường, Hiểu vậy, sống liễu tri. 1225. Chúng sanh thường chấp trước, Đối với các sanh y, Đối vật họ thấy nghe, Họ xúc chạm suy tư. Ở đây, ai đoạn dục, Tâm tư không nhiễm 6, Không mắc dính chỗ này, Vị ấy danh Mâu-ni. 1226. Đối sáu mươi hai kiến, Thuộc phàm phu phi pháp, Không học phái tà chập, Vị ấy chơn Tỷ-kheo. 1227. Vẹn toàn tâm thường định, Không dối trá thận trọng, Ly ái9 vị Mâu-ni, Chứng đạt đường an tịnh, Tùy duyên nhập Niết-bàn, Vị ấy chờ thời đến.3 III Được nói lên khi ngài nhiếp phục hành vi của mình có liên quan đến lời nói: 1228. Đệ tử Gotama, Hãy từ bỏ kiêu mạn, Trên con đường kiêu mạn, Hãy tránh né hoàn toàn, Ham mê đường kiêu mạn, Sẽ hối trách dài dài.

3 Xem s. I. 186, Aratisutta (Kỉnh Bất lạc).

1229. Bị lừa bởi lừa dối, Bị hại bởi kiêu mạn, Loài người rơi địa ngục, Chúng sầu khổ lâu dài, Bị hại về kiêu mạn, Họ phải sanh địa ngục. 1230. Không bao giờ sâu muộn, Tỷ-kheo chiến thắng dạo, Chơn chánh dấn thân bước, Hưởng danh dự an lạc, Như thật được tên gọi, Là uBậc đã thấy pháp.59 1231. Do vậy ở đời này, Không thô lậu, không

kiêu, Đoạn triền cái thanh tịnh, Đoạn kiêu mạn không dư, Với minh tâm an tịnh, Bậc đoạn tận khổ đau. IV Khi còn là Sadi, ngài hầu Tôn giả Ãnanda, khi Tôn giả được một vị đại thần của vua mời đến thăm, Tôn giả và ngài được vây quanh với những nữ nhân trang sức đẹp đẽ, những người này kính lễ Tôn giả, hỏi thăm và nghe Tôn giả thuyết pháp. Nhimg Vaồgĩsa lại bị kích thích và tham dục khởi lên. Ngài nghĩ như vậy là không tốt cho hiện tại và tương lai của ngài. Ngài nói lên tâm trạng của mình cho Tôn giả Ananda: 1232. Dục ái đốt cháy tôi? Tâm tôi bị thiêu cháy. Lành thay Gotama, Vì lòng từ nói lên, Pháp tiêu diệt lửa hừng. 1233. Chính vì điên đảo tưởng, Tâm ông bị thiêu đốt, Hãy từ bỏ tịnh tướng, Hệ lụy đến tham dục. 1234. Nhìn các hành vô thường, Khổ đau không phải ngã, Dập tắt đại tham dục5 Chớ để bị cháy dài, Hãy tu tâm bất tịnh, Nhứt tâm khéo định tĩnh, Tu tập thân hành niệm, Hành hạnh nhiều yếm ly.4 1235. Hãy tập hạnh vô tướng, Đoạn diệt mạn, tùy miên, Nhờ quán sân, kiêu mạn, Hạnh ông sẽ an tịnh. V Được nói lên sau khi Thế Tôn dạy Kỉnh Sự vật được khéo nói, tán thán nni A FTP ___ The Ton: 1236. Ai nói lên lời gì, Lời ấy không khổ mình, Lời không làm hại người, Lời ấy là thiện thuyết.5 1237. Ai nói lời ái ngữ, Lời nói khiến hoan hỷ, Lời nói không ác độc, Lời nói là ái ngữ.

4 Xem Ap. II. 608, Abhỉrũpanandãtherĩapadãna (Ký sự về Trưởng lão Ni Abhirũpanandẩ). 5 Kệ 1236-37, tham,chiếu: s. L 1 S8,Subhasitasutta (Kinh Khéo nói);Sn. 78, Subhãsitasutta} Pháp củ ngũrphm” (T.04. 0210.8. 0561 cl5); Xuất diệu kịnh^yẠ b^ig phanf (T.04. 0212.9. 0663C18); Pháp tập yếu tụng kinh uNgữ ngôn phẩm,, (T.04. 0213.8. 0781b03).

1238. Lời chơn, lời bât tử, Thường pháp xưa là vậy, Thiện nhân trú trên chơn, Trên nghĩa và trên pháp.67 1239. Lời đức Phật nói lên, Đạt an ổn Niết-bàn, A 2

Châm dứt mọi khô đau, Thật nói lời tối thượng. VI Nói lên để tán thán Tôn giả Sãriputta: 1240. Trí tuệ thâm, trí giả, Thiện xảo đạo, phi đạo, Xá-lợi-phất Đại trí, Thuyết pháp chúng Tỷ-kheo. 1241. Ngài giảng cách tóm tắt, Ngài cũng thuyêt rộng rãi, Như tiếng chim Sãlikã, Tiếng ngài được nói lên. 1242. Lời ngài giảng tuôn trào, Tiếng ngài nghe ngọt lịm, Với giọng điệu ái luyến, Êm tai và mỹ diệu, Họ lắng tai nghe pháp, Tâm phấn khởi, hoan hỷ. VII Nói lên sau khi Thế Tôn thuyết trong Kinh Pavãranã (Tự tứ): 1243. Nay ngày rằm thanh tịnh, Năm trăm Tỷ-kheo họp9 Bậc Thánh đoạn kiết phược, Vô phiền dứt tái sanh. 1244. Như vua Chuyển Luân Vương, Đại thần hầu xung quanh, Du hành khắp bốn phương, Đất này đến hải biên. 1245. Như vậy các đệ tử9 Đã chứng được Ba minh, Sát hại được tử thần, Những vị này hầu hạ, Bậc Thắng Trận Chiến Trường, Vô Thượng Lữ Hành Chủ. 1246. Tất cả con Thế Tôn, Không ai là vô dụng? Xin chí thành đảnh lễ, Bậc Nhổ Tên KhắtAi, Xin tâm thành cung kính, Bậc Dòng Họ Mặt Trời. 1247. Hơn một ngàn Tỷ-kheo, Hầu hạ bậc Thiện Thệ, Ngài thuyêt vô câu pháp, Niết-bằn, vô bố úy. 1248. Họ nghe pháp rộng lớn, Bậc Chánh Giác thuyết giảng, Bậc Chánh Giác chói sáng, Chúng Tỷ-kheo vây quanh. 1249. BạchThế Tôn, Thiện Thệ, Ngài thật bậc Long Tượng, Bạc Ẩn Sĩ Thứ Bảy, Trong các vị Ấn Sĩ, Ngài trở thành mây lớn, Mưa móc ban đệ tử. 1250. Con từ nghỉ trưa đến, Muôn yêt kiên Đạo sư, Ôi, bậc Đại Anh

Hùng! Con là đệ tử Ngài, Con tên Vàốgĩsa, Đảnh lễ dưới chân Ngài.

6 Kệ 1238-39, xem s. I. 188, Subhãsitasutta (Kinh Khéo nói); Sn. 78, Subhãsitasutta. 7 Kệ 1240-42, xem s. 1.189, Sãrỉputtasutta (Kỉnh Sãriputta)', Miln. 3, Bãhirakathã (Phần ngoại thuyếỉ).

TRƯỞNG LÃO TÀNG KỆ 1063

Rồi Thế Tôn hỏi: Này Vàốgĩsa, những bài kệ này của ông, có phải ông suy nghĩ từ trước hay được khởi lên tại chỗ? -Bạch Thế Tôn? những bài kệ này của con, không phải suy nghĩ từ trước, chính được khởi lên tại chỗ. -Vậy này Vangĩsa, hãy cho nhiêu bài kệ nữa, không suy nghĩ từ trước, được khởi lên tại chỗ! - Thưa vâng, bạch Thế Tôn. , __ _ Tôn giả Vàồgĩsa vâng dap The Ton, nói lên những bài kệ tán than Thê Tôn, những bài kệ không suy nghĩ từ trước: 1251. Thắng Ác ma, tà đạo? Ngài sống chướng ngại đoạn, Hãy thấy bậc Giải Thoát, Thoát ly mọi hệ phược, Không y trước phân tích, Thành từng phần rõ ràng. 1252. Ngài nói lên con đường, Nhiều pháp môn khác biệt, Giúp mọi người vượt qua, Dòng bộc lưu nguy hiểm, Chính trên pháp bất tử, Được Ngài thường tuyên thuyết, Chúng con, bậc Pháp kiến, Vững trú, không thối chuyển. 1253. Bậc Tạo Dựng Quanh Mình Ngài thâm nhập các pháp, Thây được chô vượt qua, Tất cả mọi kiến xứ, Sau khi biết và chứng, Ngài thuyết tối thượng xứ. 1254. Pháp như vậy khéo giảng, Ai có thể phóng dật, Khi được biết pháp ấy, Pháp khéo giảng như vậy. Do vậy trong giáo pháp, Đức Thế Ton, Thiện Thi Luôn luôn không phóng dật, Hãy đảnh lễ, tu học. IX Nói lên để tán thán Tôn giả Anna Kondanna (A-nhã Kiều-trần-như): 1255. Sau đức Phật hiện tại, Trưởng lão được Chánh giác, Chính là Kondafma, Nhiệt tâm và tinh cần, Chứng được an lạc trú, Sông viên ly liên tục. 1256. Thực hành lời Sư dạy, Đệ tử chứng được gi, Tất cả ngài chứng được, Nhờ tu học tinh tấn. 1257. Đại uy lực Ba minh, Thiện xảo tâm tư người, Phật tử Kondanna, Đảnh lễ chân Đạo sư. X Nói lên để tán thán Tôn giả Moggallãna trước mặt Thế Tôn9 khi Tôn giả Moggallãna nhận thấy tâm của năm trăm vị La-hán hội họp tại Hắc sơn, trên sườn núi Isigili, Rặjagaha? đều giải thoát khỏi tái sanh:

1064 KINH TIỀU Bộ

1258. Cao trên sườn đồi núi, Những vị chứng Ba minh, Những vị đoạn tử thần, Các đệ tử hầu hạ, Bậc Thánh Giả Mâu-ni, Đã vượt qua đau khổ.8 1259. Đại thần lực Mục-liên, Quán tâm các vị ấy, Biết họ được giải thoát, Không còn có sanh y. 1260. Như vậy họ hầu hạ, Gotama Mâu-ni, Ngài vượt qua đau khổ, Mọi sở hành đầy đủ, Mọi đức tánh vẹn toàn. XI Nói lên để tán thán Thế Tôn chói sáng với dung sắc huy hoàng của mình, khi Thế Tôn được chúng Tăng và cư sĩ bao vây xung quanh tại hồ sen Gaggarã ở Campã: 1261. Như mặt trăng giữa trời, Mây mù được quét sạch, Chỏi sáng như mặt trời, Thanh tịnh không cấu uế. Cũng vậy Ngài thật là, Đại Mâu-ni Hiền Thánh, Danh xưng Ngài sáng chói5 Vượt qua mọi thế giới. XII Nói lên khi ngài mới chứng quả A-la-hán, suy tư trên kinh nghiệm của mình và về Bổn sư: 1262. Thuở trước ta mê thơ, Bộ hành khắp mọi nơi, Từ làng này, thành này, Qua làng khác, thành khác, Ta thấy bậc Chánh Giác, Đạt bờ kia mọi pháp. 1263. Bậc Mâu-ni thoát khổ? Đã thuyết pháp cho ta Nghe pháp ta

tín thành, Tín khởi lên nơi ta. 1264. Ta nghe lời Ngài dạy, về uẩn, xứ và giới, Sau khi biết, xuất gia, Bỏ nhà, sống không nhà. 1265. Vì hạnh phúc số đông, Như Lai sanh ở đời, Ngài tạo ra giải pháp, Cho nữ nhân, nam nhân. 1266. Vì hạnh phúc của họ9 Mâu-ni chứng Bồ-đề, Ngài thấy luật chi phối, Tỷ-kheo9 Tỷ-kheo-ni. 1267. Vì lòng thương chúng sanh, Bốn sự thật khéo thuyết, Bởi vị Có Con Mắt, Phật, Bà Con Mặt Trời.

8 Xem s. I. 194, Moggaỉlãnasutta (Kinh Moggallãnà).

1268. Ngài thuyết khổ, khổ tập, Sự vượt qua đau khổ, Con đường đạo tám ngành, Đưa đến íchổ an chỉ.9 1269. Như vậy là những điều, Được nói lên như thật, Và ta được thấy họ, Đúng như thật là vậy, Ta đạt được mục đích, Lời Phật dạy làm xong. 1270. Thật tốt thay cho ta! Được sống gần đức Phật, Trong các pháp phân tích, Pháp tối thượng ta đến. 1271. Đại thắng trí tuyệt dích, Thế giới được thanh tịnh, Đạt Ba minh thần lực, Thiện xảo biết tâm người. XIII Hỏi Giáo thọ sư của mình là Nigrodha Kappa có nhập Niêt-bàn khi mạng chung: 1272. Con hỏi bậc Đạo sư, Bậc Tn Tuệ Tôi Thăng, Tại AggãỊava, Tỷ-kheo đã mạng chung, Có danh vọng danh xưng, Nhập Niết-bàn tịch tịnh.910 1273. Nigrodha Kappa, Chính là tên vị ấy, Chính Thế Tôn đặt tên, Cho vị Phạm chí ấy. Vị ấy đảnh lễ Ngài, Sống tầm cầu giải thoát, Tinh cần và tinh tấn, Kiên cố thấy Chánh pháp. 1274. Bạch Thích-ca, chúng con, Đệ tử Ngài tất cả, Chúng con đêu muôn biêt, Thưa bậc Nhãn Biến Tri! An trú tai chúng con, sẵn sàng để được nghe, Ngài Đạo sư chúng con, Ngài là bậc Vô thượng. 1275. Hãy đoạn nghi chúng con, Hãy nói con, vị ấy, Đã được tịch tịnh chưa? Bậc Trí tuệ rộng lớn! Hãy nói giữa chúng con, Bậc Có Mắt cùng khắp, Như Thiên chủ Đế-thích, Lãnh đạo ngàn chư thiên. 1276. Phàm những cột gút gi, Ở dây, đường si ám, Dự phần với vô trí, Trú xứ cho nghi hoặc, Gặp được đức Như Lai, Họ đều không còn nữa, Mắt này mắt tối thắng, Giữa cặp măt loài người. 1277. Nếu không có người nào, Đoạn trừ các phiền não, Như gió thổi tiêu tan, Các tầng mây dưới thấp,

9 Tham chiếu: Thĩg. V. 182, 291, 312; s, II. 185, Puggalasutta \Kinh Người); ph. V. 191; It. 17, Atthipunjasutta (Kmh Đổngxương); Pháp cú kinh aThuất (04. 0210.22. 056^01); Pháp củ thỉ phẩm,, •(r.04. 02Ĩ1.32. 0600c22); Xuất diệu kinh “Qịịn"(7.04. 0212.28. 0736b06); Pháp tập yếu tụng kỉnh 4<Quán sát pham,;¥(r.0470213?27. 0791Ồ03). 10 Kệ 1272-87, tham chiếu: Sn. 59, Vangĩsasutta (Kinh Vângĩsa).

Màn đêm tức bao trùm, Tất cả toàn thế giới, Những bậc Có hào quang, Không có thể chói sáng. 1278. Bậc trí là những vị, Tạo ra những ánh sáng, Con xem Ngài như vậy, Oi, bậc trí sáng suốt! Chúng con đêu cùng đên, Bậc tu hành thiên quán, Giữa hội chúng chúng con, Hãy nói về Kappa! 1279. Hãy gấp phát tiếng lên, Tiếng âm thanh vi diệu, Như con chim thiên nga, Giương cổ lên để hát5 Phát âm từng tiếng một, Với giọng khéo ngân nga, Tất cả bọn chúng con, Trực tâm nghe lời Ngài. 1280. Vị đoạn tận sanh tử, Không còn chút dư tàn, Vị tây sạch phiên não, Con cầu Ngài thuyết pháp, 9

Kẻ phàm phu không thê, Làm theo điêu nó muôn,

Bậc Như Lai làm được, Điều được ước định làm.
1281. Câu trả lời của Ngài, Thật đầy đủ trọn vẹn,
Được chơn chánh nắm giữ, Bậc Chánh trực trí tuệ,
Hãy chăp tay cuôi cùng, Con khéo vái chào Ngài,
Chớ làm con si ám, Bậc Trí tuệ tối cao!
1282. Sau khi đã được biết, Thánh pháp thượng và hạ,
Chớ làm con si ám, Bậc Tinh tấn tối cao,
Như vào giữa mùa hè, Nóng bức khát khao nước,
Chúng con ngóng trông lời, Hãy mưu sự hiểu biết!
1283. Kappa sống Phạm hạnh, Nấp sống có mục đích,
Phải chăng sống như vậy? Là sống không uổng phí!
Vị ấy chứng tịch tịnh, Hay còn dư tàn lại,
Được giải thoát thế nào, Hãy nói chúng con nghe?
[Thế Tôn:]
1284. Vị ấy trên danh sắc, Đã đoạn tận tham ái,
Thê Tôn ở nơi đây, Đã trả lời như vậy,
Vượt qua được già chêt, Không còn có dư tàn,
Thê Tôn nói như vậy5 Bậc Tối Thắng Năm Pháp.
[Vaồgĩsa:]
1285. Nghe vậy, con tịnh tín, Với lời nói của Ngài,
Bậc Ẩn Sĩ thứ bảy, Và lời hỏi của con,
Không phải là VO ích, Và vị Bà-la-môn?
Không có lừa dối con.
1286. Nói gì thời làm vậy, Thật xứng đệ tử Phật,
Chặt đứt lưới rộng chắc, Của thần chết xảo quyệt.
TRƯỞNG LÃO TĂNG KỆ 1067

1287. Ôi5 Thế Tôn, Kappa! Thấy căn nguyên chấp thủ, r
Thật sự đã vượt qua, Thê lực của Ma vương,
Thế lực thật khó vượt.
1288. Ngài lớn hơn chư thiên, Con đảnh lễ kính Ngài!
Con đảnh lễ con Ngài! Bậc Tối Thượng Hai Chân,
Bậc hậu duệ Đại Hùng, Bậc Long Tượng đích tôn!

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.